

O XƯA

N H ã C A



O Xưa

nhà ca

O Xưa nhã ca

bìa: *NXB Hải Ngoại*
trình bày: *Anywhere*
nguồn: *internet*

O Xưa

tập truyện

NHÃ CÀ

MỤC LỤC

1. Thuận An năm Ất Dậu	9
2. Qua một kiếp khác	37
3. Con Bần	73
4. Nụ Hồng	121
5. Liêu trai Huế	151
6. Thương chùm hoa khế	191
7. Con ngựa Thượng Tứ	225
8. Chiều Bolsa cuối năm	267
9. Chàng Mùi	299
10. Rắn hồng	327
11. Cửa nợ	371
12. Bà Bắc vào Nam kiếm chồng	417
13. O Xưa	477

THUẬN AN NĂM ẤT DẬU

Năm Ất Dậu 1945 tôi chỉ mới bảy tuổi. Lúc đó, ba tôi làm việc trong ngành Công Chánh tại Thuận An. Ông là trắc địa viên, vẽ, đo đạc đường sá. Lúc về sở công chánh Thuận An, ông có thêm việc đo mực nước biển hay các đập xây bằng đá để điều chỉnh nguồn nước cho cả hai làng Thái Dương Thượng và Thái Dương Hạ.

Công việc ba tôi ra sao không rõ, chỉ biết gia đình tôi được cấp cho một ngôi nhà riêng trong khu vực Trấn Hải Đài. Đây là một khu thành lũy trên đồi cao, trước mặt là phá Tam Giang, sau lưng là nơi tận cùng của giòng sông tràn ra thành cái vịnh lớn có hình dạng như tên gọi là vịnh Khoanh Tay. Qua khúc sông cụt này là bãi cát, rừng dương, con đê và biển.

10 | Nhã Ca

Ngày xưa Trấn Hải Đài là nơi quân triều đình trấn thủ cửa biển. Đây cũng là nơi sử sách có ghi vào năm Quý Mùi, 1883, tướng Pháp Courbet và toàn quyền Harman đưa tàu chiến đánh vào Thuận An. Trấn Hải Đài thất thủ, quan trấn thành Lê Sỹ tử trận, đưa tới việc cả nước Việt Nam phải chịu sự bảo hộ của Pháp.

Đời sống ở làng Thái Dương Hạ thời trước yên ổn, bình lặng thế nào tôi hoàn toàn không nhớ. Chỉ mơ mơ hồ hồ trong ký ức một con bé gầy gò ốm yếu, cả ngày tha thẩn trong khu đồi rộng, dám leo lên cửa thành, chui ra khỏi hai cánh cổng sắt lớn, buộc lỏng lẻo một sợi dây xích to tướng. Hôm nào sợi dây xích nói không đủ để chui, con bé đi lối sau đồi, khom người bò qua một lỗ hổng nhỏ, đeo những sợi dây của cây thuồng luồng mọc từ đầu tường thành, thả xuống tận dưới đáy lũy sâu, rồi lại leo lên ở đầu tường bên kia, ra ngoài được. Đôi chân nhỏ xíu của con bé phải chạy thật nhanh, đạp trên những đám cỏ khô cho đỡ rết chân, vì cát ban ngày bị mặt trời hun nóng như lửa.

Qua bãi cát, rồi qua rừng dương, qua hồ cá mặt trắng. Gọi là hồ cá mặt trắng vì những cái hồ nhỏ nằm khuất giữa rừng dương, mặt nước dày đặc lá dương liễu khô rụng xuống che mát cho đàn cá mặt trắng. Cá nhỏ li ti, màu trắng trong trong, hai mắt như hai điểm tằm đen. Gọi là cá mặt trắng, vì ban đêm, lúc có ánh trăng chan hòa trên cành lá liễu thì đàn cá ngoi lên mặt nước đớp trăng. Qua rừng dương, qua con đập bằng đá xây cao ngăn nước chạy dài không biết tới đâu, lại phải nhảy nhót đặt cho đúng chân lên những mảng cỏ hay lá khô tránh cát nóng, trước khi sung sướng dẫm hai bàn chân xuống nước biển.

Nhưng bổng thú vui duy nhứt của con bé bị cấm.

Quân lính Nhật chẳng biết từ đâu tràn vào Thuận An, đóng quân ngay trong Trấn Hải Đài. Những cái lỗ đá vỡ ở cửa thành sau bị bít lại và sợi dây xích phía trước buộc khít khao hơn.

Ba tôi vẫn tiếp tục công việc cũ của Sở Công Chánh, lúc đó do người Nhật nắm giữ. Gia đình

12 | Nhã Ca

tôi vẫn tiếp tục ở trong đài (“đài” là tiếng tắt dân làng gọi Trấn Hải Đài) bên cạnh một binh đội Nhật. Lúc đầu, cứ chiều chiều là má đưa tôi ra ngoài nhà cậu mợ để ngủ, sáng hôm sau lại trở vào. Về sau, khi Ba tôi đã học nói được ít tiếng Nhật, rồi giúp thêm việc thông dịch giữa người Nhật với dân làng, má tôi mới bớt sợ, chiều chiều khỏi phải đi lánh thân nữa.

Từ đó, con bé đêm đêm thường nghe thấy ba má thì thầm...Chuyện ở đâu đó, trên cái đầu của nước Việt Nam, nạn đói đang xảy ra, nhiều người chết vì không cơm ăn. Hết thời quan Tây rồi. Quân Nhật đã nắm mọi quyền hành. Ngay tại Thuận An, thuyền bè bị trưng dụng, trai làng Thượng làng Hạ bị quân Nhật lừa đi lao dịch. Đã có nhiều vụ bắt bớ, nhiều người bị bắn chết.

Một đêm, con bé bỗng nghe má hỏi ba:

- Trong cái hầm dê đó đang giam mấy người?
- Sáu bảy người gì đó.
- Có đàn bà không?

– Không. Người đàn bà...

Má tôi hỏi dồn:

– Nhất ở đâu? Há, ông nói đi.

– Thôi, bà biết làm gì cho mệt. Chuyện đó không phải chuyện của mình, bà đừng xía vô mà mang họa...

Ba tôi dặn thêm:

– Bà đừng tưởng thấy tui nó tử tế mà mắc mưu. Tại tui làm thông ngôn cho nó nên nó nể... Nể chứ không phải là tin... Tui cực chẳng đã mà làm thôi, có vậy mới mong cứu được vài người vô tội... Còn bà, tui can bà rồi đó nghe...

Má tôi không nói gì nữa. Nhưng ngày hôm sau, chờ lúc không có ai, gọi tôi.

– Mi Ki, con đi chơi với mấy “tụi lùn” nhớ để ý coi giúp má, có nơi nào nhốt một người đàn bà... một chị thôi. Con còn con nít, không ai để ý...

Con bé ngớ ngẩn:

14 | Nhã Ca

– Kiếm làm chi, má. Ba nói kệ người ta. Con sợ mấy – chú lùn – không thương con, đánh con như đánh mấy người trong hầm dê. Mà sao kêu mấy chú là tụi lùn má. Mấy chú cao... cao... này này...

Má tôi cười:

– Thì người ta kêu sao mình kêu vậy. Má hỏi lại nè. Có giúp má không?

Con bé sợ ba nhưng cũng phải giúp má. Ba với má mà. Con bé miễn cưỡng gật đầu. Khó quá, xung quanh căn nhà lớn, hai tầng là đất rộng bao quanh. Hồi còn thông thả đi lại, con bé đã thấy không biết bao nhiêu căn hầm đào sâu dưới đất, miệng hầm là những tảng đá lớn hoặc những cây gỗ ghép lại để che chắn, làm sao biết được – chị đó – ở hầm nào mà kiếm.

Có len lén đi rình, đi kiếm. Nhưng gần một tháng, con bé không tìm được gì cả. Vì hễ đi tới những khu cấm là thấy một người lính Nhật có súng đứng canh, đưa tay xua xua đuổi con bé đi... chỗ khác chơi!

Anh lính Nhật có cái tên dài lắm, con bé không thể nào nhớ nổi. Nghe đọc đã theo không kịp rồi. Cái gì mà như tô xô ba cô ba nô bà già gì đó, ba cũng bắt đọc đi đọc lại mấy lần, chịu thôi. Kệ, cứ gọi anh lính đó là Tô-Cô, chữ tô dễ nhớ vì nhà cậu có con chó tên Tô, chữ cô cũng dễ nhớ luôn, đi đâu má cũng bắt vòng tay: Thừa cô đi con.

Anh Tô-Cô trẻ hơn ba nhiều, cũng không thấy lùn như bị gọi vì đứng với mấy người trong làng bị bắt vô đồn để ba làm thông ngôn thấy anh Tô-Cô cao hơn.

Bữa đó, có tới bốn người bị bắt vô đồn chẳng biết vì tội gì. Tất cả đứng trong sân sắp hàng, lính Nhật đưa súng lên nhắm như khi họ nhắm để bắn mấy con chim. Ba làm thông dịch, có anh Tô-Cô đứng bên. Ông Cử Sùng mặt mày đỏ tía:

– Thầy thông dịch cho nó nghe. Tui chửi nó đó. Đồ quý la sát, đồ chó đẻ. Suốt ngày đi chọc ghẹo con gái trong làng, còn bắt bớ, giam cầm người ta. Giải thì bắn đi. Bắn chết thằng già này đi.

16 | Nhã Ca

Ông Cử Sừng vạch áo ra lòi bộ ngực xương xẩu. Ông này dữ quá, dám thách thức đám lính Nhật có súng. Lỡ nó bắn thì sao? Con bé thấy tim đập thình thịch. Ba cười cười, nói một tràng tiếng Nhật. Kỳ chưa, mấy khẩu súng hạ xuống, ba kéo ông Cử Sừng ra ngoài, thấy ba mạnh tay quá. Tối hôm đó, ba lại kể với má.

– Ông Cử dữ dần, thách thức chửi chúng nó làm gì. Tụi nó có quyền, có súng, sợ gì ai mà không bắn.

– Tui đứng trong nhìn ra sợ muốn đứng tim. Ông nói gì mà hay quá vậy?

– Không nghe nói gì sao biết là hay. Bà thiệt ba phải. Ủ, tui thấy ông Cử vạch ngực ra, tui phải dịch là dân làng rất quý người Nhật, người Nhật tốt, nhưng chỉ buồn là có người Nhật không tuân kỷ luật đã vạch áo chị Muông ra để nhìn ngực... Họ muốn trình bày sự phẫn uất của họ và xin xét xử cho chị Muông thôi. Họ nói người Nhật tốt nên họ mới liều chết tới để xin...

– Bộ ông thấy tụi chó đó không đáng chửi sao mà nói trọt đi...

– Chớ dịch đúng cho nó bắn cái đùng, bốn mạng chết ngay đơ thì lợi gì. Đàn bà thiệt ngu.

– Ông nói tui ngu...

– Chứ phải khen bà khôn sao. Đàn bà nhẹ dạ, hay tin người nên chuyện gì có đàn bà nhúng vô là hỏng bét.

Má làm thỉnh không cãi nữa. Bốn người đã bình yên ra về rồi, nhưng câu chuyện hôm đó cứ khuấy động tấm lòng non nớt của con bé. Con bé hứa với má sẽ tìm cho ra chỗ giam chị Muông. Nhưng hễ cứ quành ra phía sau là chân con bé chùn lại. Nó sợ cây súng của người lính Nhật lúc nào cũng đứng ở đó như hai chân đã chôn dưới đất và cái mặt như đúc bằng sáp đèn cầy.

Một lần khác, lính Nhật giải vào đồn một bà già. Bà bị trói gô trong sân, trước cột cờ. Bà già chửi luôn cả ba:

– Thầy Thông ơi là thầy Thông. Thầy làm thông ngôn làm chi cho xấu mặt dân làng. Thầy theo tụi Nhật lùn áp bức người ta, bắt bớ người

18 | Nhã Ca

ta... Tui thể, hể thấy thằng Nhật lùn nào là tui chửi tui đào, tui bới ba đời mười kiếp cả nhà nó...Thầy nói nó giết tui đi, tui thà chết chứ không chịu nhục. Thả con tui ra, trời ơi là trời...

Anh lính Tô-Cô nhìn ba tôi, chờ Ba tôi lại nói một tràng tiếng Nhật. Ba tôi mới học thôi mà, nên có chữ ông phải làm dấu. Anh lính Tô-Cô gật gật, bỏ đi. Ba tôi tự tay cởi trói cho bà già, nói:

– Bác chửi cũng phải. Tui không giận bác đâu. Nhưng tui làm gì thì tui biết, sau này mấy bác biết...

Bà già:

– Bữa nay tui cố tình cho nó bắt vô để gặp cái thằng Nhật lùn khốn nạn, nhưng không thấy nó. Nó chọc con Muông, con Muông cự lại, nó bắt nó nhốt. Thiệt tức, mình cả làng, cả hai làng Thái Dương Thượng, Thái Dương Hạ, lâu nay vua biết mặt chúa biết tên, mà để cho mấy “thằng lùn” nó làm nhục...

– Lần sau bác đừng đứng trước đồn mà chửi, lỡ có thằng nó không biết, bắn ẩu bắn tả thiệt mạng mình...

– Nhưng tức quá thì làm sao...Đi biển có cá ngon thì phải nạp cho nó... Cái đồ ăn sống ăn sít... Còn bắt bớ giam cầm... Ác chi mà ác dữ... thầy Thông còn bình...

Người ta chửi ba mà ba vẫn lặng thinh như khi ba nói má ngu má cũng lặng thinh.

Tối đó, con bé thấy ba má thì thầm nói chuyện nữa. Ba khoanh tay trên ngực, nhìn lên trần nhà. Má khóc. Con bé nằm ở cái giường nhỏ, bỏ đi sang nằm với người anh.

– Anh, anh... má khóc.

Người anh đã ngủ say, không biết gì hết.

Một buổi chiều anh lính Nhật Tô-Cô tìm má đưa một gói cá. Anh làm dấu nhờ má kho mặn rồi bỏ vào một cái hũ đất nhỏ. Mấy người lính Nhật ở trong đồn rất cẩn thận việc ăn uống, không được phép ăn đồ ăn ngoài đầu bếp người Nhật

20 | Nhã Ca

nấu, không được ra ngoài la cà hàng quán uống rượu ăn hàng. Ba nói họ rất sợ bị thuốc chết như trong làng thường thuốc cho chuột chết. Vậy mà anh lính Tô-Cô này dám đưa đồ ăn cho má nấu.

Con bé tò mò hỏi:

– Má nấu cá cho cái anh Tô-Cô phải không?

Má quắc mắt:

– Người ta nhờ. Này, người Nhật họ dữ lắm đó, biết anh Tô-Cô nhờ má kho cá, họ sẽ phạt anh đó.

– Thích ăn mà cũng bị phạt hả má? Sao con thích ăn gì thì má nấu cho con ăn?

– Vì mình khác, người Nhật khác.

Má giải thích. Người mình, người Nhật, chẳng hiểu gì cả. Nhưng nhớ. Má dặn không được nói cho ai biết thì không nói. Biết anh lính Tô-Cô thích ăn cá kho, vì cứ nhờ má nấu hoài mà cứ tưởng con bé không biết.

Rồi một thời gian sau, không thấy má nhắc tới việc nhờ con bé kiểm cái hầm nào giam chị Muông nữa. Chắc má đã quên. Con bé thấy vậy cũng mừng vì hễ thấy cây súng chĩa tới trước mặt là con bé sợ muốn té. Mấy cái hầm đó, hồi chưa giam người, con bé cũng không muốn chui vô trong chơi rồi, vì trong đồn có nhiều rắn, chui vô mà thấy có một con rắn ở trong thì có mà nằm dài ra đó chết luôn, chớ đừng nói chuyện chui ra được.

Đã quen với mấy chú Nhật lùn, nhưng con bé vẫn muốn có một lúc nào đó, không có mấy chú, cái lỗ nhỏ phía sau thành bị phá ra. Con bé nhớ chết được lúc đánh đu theo sợi dây cây thường luồng để xuống đáy hào, rồi đu lên sợi dây cây khác để được ra ngoài, thấy biển.

Ở dưới đáy hào còn có nhiều thứ cây có trái ăn rất ngon, trái sim tím, trái chuối chuối thơm giòn, nhỏ bằng cái gai nhưng ăn còn ngon hơn trái dừa chuối má thường dọn ăn với cơm. Còn trái muông muông, chờ cho gần khô, tách ra lấy hạt, rang lên ăn hay nấu nước uống, người làng

22 | Nhã Ca

nói uống nước này sáng mắt lắm. Còn nữa, trái bát bát chín đỏ đeo lưng lủng lẳng theo dây leo, ăn ngọt như đường phèn. Con bé chỉ chưa một cây tên là Mạt Sát, có trái to, dày như trái quả bông, người làng nói đập ra lấy cái tim, nuốt cái tim vô khỏi họng là chết liền, ai dám. Nhưng ở dưới đáy hào, ba đã cho người chặt đi tuyệt giống, không thấy nữa.

Lâu, con bé cũng chưa thấy ai bị lính Nhật bắt vô đồn. Ba vẫn làm – thầy Thông – nhưng đi ra đường không ai chửi nữa, mà còn có người chào hỏi. Con bé hơi khó chịu vì thấy anh lính Nhật Tô-Cô thân với má quá. Con bé còn thấy má với anh Tô-Cô đứng ở một chỗ rất khuất nói gì nhiều lắm. Không biết có nên nói cho ba biết không? Con bé đi chợ với má, nghe người lớn nói, lính Nhật hay ve đàn bà con gái. Con bé không thích má chơi thân với anh lính Tô-Cô.

Con bé cũng không thích anh lính Tô-Cô, không thích cả đám lính Nhật đóng trong đồn. Nó tha thân chơi một mình dù biết chơi một mình buồn lắm. Nhớ cây muồng muồng, trái sim,

trái chuột chuột, cũng không thể ra ngoài. Có ra ngoài thì phải đi với ba, với má. Con bé nhớ tới cái cây nằm ở góc tít xa, trái giống trái sung mà nhỏ bằng móng tay, ăn có mùi vị chát. Lâu quá, quên luôn rồi, bữa nay nhớ, không thể không tới thăm. Nhưng tới đó, lại phải đi qua một trạm lính Nhật gác. Con bé nghĩ cách, đi vòng theo bờ thành, chui qua các bụi cây rậm.

Con bé thoát được cặp mắt vẽ trên cái mặt sấp búng của anh lính.

Đang mùa, trên cành, dưới lớp lá, chỉ chít trái. Thoắt cái, con bé đã lên tuốt trên một nhánh ba, có rất nhiều cành nhỏ, xúm xít lá che khuất luôn con bé.

Có vậy mà lâu nay bỏ quên nó. Leo lên, trốn trong tùm lá, yên ổn biết bao. Có thể tha hồ hái ăn những trái đang mùa, còn đang xanh, căng tròn. Con bé biết, loại trái này chín thì chỉ vút đi. Bên trong trái chín muối, lúc nhúc những con bọ chui vào trong đó. Con bé lay cành, một con chim vội vã bay đi, đậu tuốt trên cây bạc hà cao vút.

Thình lình, con bé nhìn thấy một bóng người đi tới. Đang buổi trưa. Lính Nhật buổi trưa thường được nghỉ tới khoảng hai giờ mới dậy làm việc. Nếu người lính Nhật canh gác nghỉ ngơi, đi tìm thì con bé có trốn kỹ tới đâu cũng bị bắt. Con bé giữ chặt tay đeo cùm cảnh sợ rớt xuống. Thấy rồi, không phải người lính gác mà anh lính tên Tô-Cô.

Anh lính Tô-Cô cứ nhìn quanh quất, mắt lăm lăm lét lét. Đã là lính Nhật rồi mà còn sợ ai nữa chớ. Con bé tò mò dõi mắt theo.

Cách chỗ cây con bé đang trốn trong tùm lá không xa có một cái hầm. Anh lính Tô-Cô tới đó. Lúc anh quỳ trước miệng hầm, con bé thấy anh lính lấy ra một vật gì giấu trong áo như cái hũ. Nhớ ra rồi, đúng là cái hũ đất anh lính thường nhờ má kho cá bỏ vô đó. Cái hũ đất biến mất trên tay anh. Rồi một bàn tay thò ra. Hai bàn tay nắm lấy nhau. Một lúc, hai bàn tay thả ra, anh lính Tô-Cô đứng dậy bỏ đi.

Chờ một lát, con bé tò mò tới bên miệng hầm. Quanh miếng lưới sắt chặn cửa hầm, nhờ ánh

nắng ban trưa, con bé nhìn thấy một người đang ngồi bó gối ở bên trong. Nhìn kỹ, con bé nhận ra là một người đàn bà. Chị lết ra sát miệng hầm. Con bé lùi lại.

– Đừng sợ, em... em đừng sợ. Chị bị tui Nhật bắt giam ở đây.

– Chị là... Có phải chị là... Con bé nhớ lại...

– Chị Muông. Chị bị bắt mấy tháng nay rồi. Khổ lắm.

Thì ra chị Muông đây. Con bé cắn môi. Má đã từng bảo con bé đi tìm cho ra chỗ chị Muông. Còn bây giờ má thân với anh lính Tô-Cô rồi, má không muốn giúp chị Muông này nữa. Con bé thầm trách má ác.

– Cái anh Tô-Cô đó tới làm gì? Anh ta xấu lắm.

– Không phải đâu em. Anh ta giúp chị. Cho chị ăn.

Chắc phải nói với má chuyện này. Ngoài chợ

26 | Nhã Ca

người ta nói lính Nhật rất xấu, hay mê đàn bà, con gái. Anh lính Tô-Cô này đã làm thân với má, còn bắt má kho cá để lấy lòng chị Muông. Anh đó xấu quá, đâu có nên chơi. Con bé lắc đầu:

– Nhật lùn xấu lắm. Em ghét Nhật lùn.

Chị Muông nói gì thì nói, con bé vẫn lắc đầu, vẫn bĩu môi nói xấu là xấu. Chị Muông hối hả bảo con bé nên đi đi, bị lính gác phát hiện sẽ ăn đòn. Con bé bỏ đi.

Có nên nói cho má biết không? Khi con bé biết chỗ chị Muông thì má đâu có nhờ nữa. Con bé im luôn.

Một buổi tối, ba má nói chuyện thì thầm, giọng má:

– Ngày mai con Muông được tha rồi...

– Biết.

– Thằng Tô-Cô...

– Biết.

Thấy không, con bé không nói nhưng chuyện gì ba cũng biết. Giọng má nhỏ quá, con bé nghe không kịp.

– Tôi biết bà...biết rồi, bà thiệt...

Chỉ có vậy thôi? Sao không nghe ba la má gì nữa.

Hôm sau con bé chờ coi. Đúng là chị Muông được thả. Chịôm bọc quần áo đi ra. Bà già bữa hôm chửi bị bắt với mấy người nữa đứng đón bên ngoài cánh cửa sắt. Chị Muông đi ra mà cứ quay lại nhìn lui hoài. Đâu có người ngu nhớ cái nơi giam giữ mình khổ sở mà ngoái đầu lại chứ!

Từ bữa đó con bé cố tìm cách để coi có còn bắt gặp cảnh anh lính Tô-Cô với má thì thầm ở một góc kín nào nữa không. Con bé định bụng, bắt được một lần nữa thì phải méc với ba. Nhưng con bé mất công. Má nhiều lần chạm mặt với anh lính Tô-Cô, hai người chào nhau như má vẫn chào những người khác. Anh lính Tô-Cô làm như bận việc lắm, ít thấy mặt trong đồn, nhất là ngoài giờ làm việc là anh biệt tăm biệt tích.

Cũng có một vài lần theo mẹ ra chợ, gặp chị Muông. Sao lúc nào chị Muông với má cũng thân thiết, cũng to to nhỏ nhỏ, cười cười nói nói. Chị Muông còn tặng má quà, có bữa nấu xôi, có bữa mua bánh trái bắt má và con bé phải nhận. Con bé vẫn không quên nhắc chừng chị Muông.

– Chị ơi, từ nay thấy thằng Nhật lùn Tô-Cô, chị đừng tới gần nữa nghe. Nó xấu ghê lắm.

– Chị nhớ. Chị nhớ.

Chị Muông vừa nói vừa cười. Má cũng cười theo nữa. Chuyện tới vậy mà không ai chịu tin. Vậy mà cứ nói người lớn khôn hơn con nít.

Đêm ngủ, ba lại có tin tức mới cho má nghe. Nhiều tin lắm, con bé không nhớ gì ngoài câu:

– Chắc tụi nó thua tới nơi... Chỉ nghe vậy là mừng...

Mừng chớ sao không mừng. Tụi nó thua bỏ đi hết thì đâu có ai cản con bé đi học, ra ngoài làng chơi hay trốn ra biển tắm. Hôm sau con bé nhìn thấy anh lính Tô-Cô thì vác cái mặt lên, không

thèm nhìn. Anh lính đầu biết, còn cho con bé bánh. Bánh thì phải lấy.

– Đúng rồi em. Tụi nó sắp rút đi thật...

Lại tin tức mới nữa. Giọng má như tắc nghẹn:

– Nhưng con Muông. Nó phải làm sao đây. Ngày mai làng họp về chuyện nó.

Giọng má nhỏ đi nhiều lắm:

– Thì phải, nó có bụng rồi. Ba tháng... Thì tụi nó thương nhau thiệt... Chắc chắn mà, với thằng Tô-Cô...

Con bé biết chữ có bụng là có một em bé. Em bé sẽ được đêra. Chị Muông đang có một em bé do tên Nhật lùn gửi trong bụng chị. Sao chị lại đại dột cho một thằng Nhật lùn gửi em bé trong bụng chứ. Con bé thở dài y hệt một người lớn.

– Đừng cho mấy đứa con nó biết. Má nói.

Ba:

30 | Nhã Ca

– Mai cả hai vợ chồng mình phải ra ngoài làng. Tui cũng phải làm thông ngôn cho Tô-Cô.

– Ngủ đi. Đừng nói lớn mà con nó nghe.

Con bé đã nghe. Ngay sau khi ba má vừa ra khỏi đài là con bé lén theo. Không biết bằng cách nào, con bé đã lọt qua cái cổng sắt, ra tới được đình làng.

Cả làng đang họp. Ông Cử Sùng ngồi trên ghế cao bắc trước một dãy ghế gồm nhiều người lớn trong làng ngồi trên thềm đình. Phía bên trái, một dãy ghế người Nhật ngồi. Ba đứng bên anh lính Tô-Cô và chị Muông bị trói ở một cây cọc cắm giữa sân đình. Con bé đã nhanh nhẩu núp phía trong đình, dưới một chiếc bàn có trải khăn dài phủ tới đất.

Chị Muông như một người nào khác, không giống chị Muông con bé thường gặp. Mặt mũi chị bị trát bùn. Đầu tóc không chải, rối bời, chị mặc một bộ quần áo cũ rách và người chị bị quần dây thùng chặt cứng như khúc giò. Mắt chị sưng húp mở không ra, con bé chưa khi nào thấy một cô gái xấu xí tới phát sợ như vậy.

Ông Cử Sừng là người lên tiếng trước tiên. Ông kể toàn là tội của chị Muông. Tội thứ nhứt, thứ nhì cho tới mười hai tội mà tội nào cũng kèm theo câu đánh chết, thả bè trôi sông. Con bé nhớ lại, nó đã gặp ông đứng trước sân đồn, la lối, mắng chửi, không màng đến cái chết để bênh vực chị Muông và ba đã thông dịch khác đi để lính Nhật không bắn ông. Rồi bà già, má của chị Muông cũng đứng lên cho làng hỏi và bà cũng khóc lóc, chửi rửa con gái đã làm xấu nhục bà. Con bé càng ngày càng không hiểu, cho tới lúc ba dịch lại lời của anh lính Tô-Cô.

– Tui thương cô Muông. Tui muốn cưới cô Muông làm vợ thiệt lòng.

Giọng ông Cử Sừng:

– Thầy Thông, thầy phải thông ngôn cho đúng đắn, đừng thông ngôn sai giúp cho giặc. Thầy Thông phải thể trước tổ đình...

Ba đưa tay thề. Một người Nhật ngồi trên ghế đứng dậy đưa tay phản đối, bập bẹ nói tiếng Việt:

– Khôn nấy được... Khôn cười được... Người Nhật... người Nhật...

Ông nói một tràng tiếng Nhật và ba thông ngôn:

– Ông sĩ quan này nói con gái Việt Nam đồ cho lính Nhật, con gái Việt Nam không tốt. Người Nhật không chịu trách nhiệm...

Chị Muông khóc rầm rức, mệt lả như muốn ngất đi. Nghe nói mấy ngày trước chị Muông đã bị đánh đập và bỏ đói. Anh lính Tô-Cô muốn tới bên chị thì bị mấy người đàn ông trẻ giữ chặt lại. Đoàn lính Nhật ngồi yên không nói một tiếng nào. Mấy cây súng của họ đâu? Họ trở nên hiền lành từ khi nào vậy!

– Con kia. Nghe làng hỏi.

Một mục đàn bà mập mạp hùng hổ đi ra sân, cầm đầu tóc giựt ngược để cái mặt chị Muông phải ngẩng lên.

– Nghe hỏi đây. Mày có chữa với thằng nào?

Chị Muông đưa khuôn mặt gần như nát bét trét bùn đất về phía anh lính Tô-Cô.

– Có phải người này không?

Cái đầu chị Muông gật nhẹ. Anh lính Tô-Cô lại nhào ra, anh bị giữ riết lại. Một người Nhật đứng bật dậy hô khẩu lệnh. Cả đoàn đứng lên rầm rập, sắp hàng, bước ra. Anh lính Tô-Cô cũng vào hàng đi, không dám ngoái lại.

– Đánh chết con chữa hoang.

Một mụ đàn bà la lên. Con bé nhìn ra, hoa cả mắt. Đàn bà nhảy cẫng. Con nít reo hò. Đá, gạch, rác rưởi từ bốn phía đang ném về phía chị Muông. Bà già, mẹ đẻ của chị, mới lên án chị đó, đã nhảy ra, khóc la, lấy thân che cho chị. Con bé cũng la lên. La thật lớn.

Hai bàn chân con bé bị nắm lại, kéo ra khỏi găm bàn. Má. Má kéo con bé, đẩy ra phía ngõ sau.

– Đi về nhà. Đi.

Chưa bao giờ con bé thấy má giận dữ vậy. Má bóp tay con bé chặt quá. Con bé đau chảy nước mắt nước mũi, nhưng không dám khóc thành tiếng.

Tối hôm đó trăng sáng lắm.

Trước nhà con bé ở có hai cây sầu đông rất lớn nhưng cái sân còn lớn hơn, nên ánh trăng vờn trên cành lá, tràn xuống, lênh láng cả sân. Hình ảnh chị Muông ở đình làng làm con bé không thể ngủ được. Đứng ở cửa sổ, qua chấn song sắt, con bé thấy anh Tô-Cô đi tới. Đến khoảng giữa sân, bỗng thấy anh khụy xuống, mặt ngược lên trời. Lát sau, thấy anh lặn lộn dữ dội trên mặt sân, rồi anh la lên một tràng tiếng Nhật. Cho tới khi Tô-Cô rời khỏi cái sân, con bé còn nghe thấy tiếng la của anh lung bùng trong tai nhưng nó không thể hiểu và cũng không thể nhớ. Phải chi con bé có thể nhờ ba làm thông ngôn, coi anh ta la lối gì đêm đó.

Ngày hôm sau, Tô-Cô lên đường về nước. Anh không từ giã ai, cả ba, cả má, cả con bé. Ba nói quân đội Nhật đã thất trận.

Còn chị Muông thì sao? Ba im. Má im. Con bé không biết thêm gì nữa.

Nhiều năm về sau, khi đã thành người lớn, con bé có lần nghe má kể. Cả làng ghép chị Muông vào tội chữa hoang. Chị Muông bị đuổi ra khỏi làng, sống trong một cái chòi nhỏ ở ngoài đụn cát với bà mẹ già. Má có tìm cách ra thăm. Lần nào chị cũng khóc rồi nói chỉ có chết, mẹ con em muốn sang tới Nhật ở bên anh Tô-Cô. Anh Tô-Cô thương em thật mà. Tụi em thương nhau... Má cũng nói ngay từ lúc chị Muông bị nhốt ở cái hầm phía sau, Tô-Cô đã lên giúp đỡ chị rồi họ thương nhau thật.

– Tội nghiệp. Cái bầu của nó ngày một lớn. Ba má vẫn để dành chút gạo chút muối giúp nó. Ai dè, một buổi trưa, người ta tìm thấy nó chết ngoài đụn cát, bên bụi cây mạt sát. Nó ăn tim trái mạt sát để chết với đứa con trong bụng. Má tôi nói.

36 | Nhã Ca

Thêm một năm Ất Dậu. Mới đó mà đã sáu mươi năm. Ba má tôi đã mất từ lâu. Làng Thuận An xưa chẳng biết ra sao. Xưa lắm thì có vụ Tây đánh, vào một năm Mùi. Sau đó có người Nhật và anh lính Tô-Cô tội nghiệp. Thuận An cũng từng thấy lính Mỹ và cảnh bề dâu Cộng hòa rồi Cộng sản.

Còn Thuận An ngày nay?

Nghe đâu cả con dê, rừng dương, hồ cá mặt trắng, cả cái vịnh Khoanh Tay phía sau Trấn Hải Đài nữa, đều đã bị biển lấn vào xóa hết dấu vết.

QUA MỘT KIẾP KHÁC

Thuận đi học tập cải tạo, được tha về, nhưng giấy gửi ở phường quản lý. Có nghĩa là chỉ hộ khẩu tạm, và mỗi một tháng đã có ghi sổ lịch, ra công an phường trình diện.

Về nhà, con thì còn nhưng vợ mất. Cái giường của anh đã có một thằng cha khác nằm chung với vợ anh. Giang sơn của anh là cái ghế bố, mỗi tối đem ra kê ở phòng ngoài, sáng phải dậy sớm, xếp ghế bố lại để trả chỗ. Quần áo thì đâu có nhiều, vốn vẹn chỉ có hai bộ mang từ trong tù về, với vài thứ linh kinh, lưỡi dao lam để cạo râu, cái bàn chải đánh răng. Chắc vợ anh tưởng anh sẽ không bao giờ về, sẽ chết rục trong tù. Chị nghĩ vậy cũng không phải là quá đáng gì. Bạn anh, nhiều người đâu có về mà nằm sắp mả ngoài bìa đồi, có người không ai khắc cho cái tên nên vợ con có được lệnh đi thăm cũng khó khăn lắm mới tìm

38 | Nhã Ca

ra. Vợ anh, cũng tưởng có ngày phải đi ra bìa đồi, để tìm kiếm một miếng đất u lên như vậy, với lại bà cũng quá khổ, quá cô đơn, nên phải chấp nối với một người đàn ông. Hấn đã lớn tuổi, lại có chỗ dựa lưng, còn cho chị tiền để chi nên chị đỡ phải bị phiền lụy nhiều vì có chồng đi học tập.

Quên sao được bữa mới được tha về. Anh bước vào sân, hồi hộp gõ cửa. Lâu rồi, xấp nhỏ đi theo một bà cũng thăm chồng, ở chung xóm, nói là má bị gãy chũn, không đi lại được.

Vợ anh gãy chũn ra sao? Anh bước vô nhà tới nơi rồi này. Anh sẽ ôm cái chũn gãy của chị, vuốt ve nhẹ nhàng, có thể sẽ khóc nữa. Vì chắc chắn chị cũng khóc, nước mắt mừng tủi thâm tình nghĩa chồng vợ sẽ hòa với nhau, rơi trên đốt xương chân bị thương của chị.

– Ba. Ba... A Ba...

Hai đứa con trai mở cửa reo lên. Bất ngờ quá mà. Anh ôm chầm cả hai đứa bằng hai cánh tay gầy guộc.

– A, ba về, ba về...

Ôm nữa. Hai đứa làm như anh bằng giấy, bằng bột, sẽ tan biến mất. Thằng lớn dụi mắt, tưởng bị hoa:

– Ba thiệt hôn? Sao ba về mà không báo trước...

Thuận vội vã:

– Má con đâu? Há, bà đâu?

Anh chờ để nghe giọng nói của con:

– Má ở trông, ba. Ba vô đi...

Và chúng sẽ kéo anh tuần tuột, anh bước theo không kịp chúng, và anh thấy chị đang ngóc cái đầu ra, ngong ngóng chờ đợi anh. Rồi anh...

– Má... Ờ, má chưa về, ba.

Thằng nhỏ:

– Má đi công chuyện, ba.

– Má bây đi được? Bà đi lại được...

Không thấy đứa nào trả lời. Hai đứa ngó nhau. Chuyện gì đây? Anh ôm cái bọc quần áo đi vào trong. Anh còn nhớ nhủn, chỗ nào kê cái giường ngủ, cả tấm màn vải hoa che kín phía ngoài. Cái màn vải do chính tay chị tự may bằng tay và cả anh cả chị rất hài lòng khi chọn lựa. Tất cả còn y nguyên, chỉ có cái màn vải hoa cũ đi nhiều quá, bị ố, bẩn và có nơi sờn mục. Anh vén tấm màn qua một bên. Đặt lưng nằm xuống đó, ôi hạnh phúc xiết bao. Cái giường, cái chỗ gối đầu, căn nhà, vợ anh, con anh... Anh còn nhớ, lúc đó chiều mới xuống, còn sáng lắm. Chiếc chiếu hoa ngày xưa đã thay vào một tấm nệm dày, có khăn trải giường hoàng. Và anh đứng chết sững, trên giường có một cái quần đùi đàn ông đang để cầu thả. Và nữa kia, nơi cây đinh đóng trên tường phía cuối giường treo một cái áo sơ mi đàn ông. Anh đã hiểu. Cái đầu choáng lên một cái, rồi ruột anh quặn đau, bao nhiêu năm tù đầy, anh đã tập được một điều là bất cứ chuyện gì, giận dữ, bi thảm, đều phải nuốt xuống, nuốt xuống... Anh đã phải nuốt xuống quá nhiều, lần này thì nó cứ mắc ở cổ họng.

– Ba. Ba.

Anh có nhìn thấy hai đứa con mặt mũi xanh lè xanh lét, đứanhỏ còn như muốn run. Anh vạy vò mé tấm màn trong tay. Cũ quá rồi, nó sút chỉ ra và sồn rách, có ít chút bụi mùn trong lòng tay anh vẫn còn nắm chặt. Anh phải thả nó ra. Thả ra. Và anh buông ra được. Thả ra rồi, anh hụt hẫng, không thấy hai bàn tay đâu nữa. Nhưng anh biết còn hai cái chân, hai cái chân muốn bước.

– Ba. Ba. Ba ơi!

Anh cầm đầu bước đi, bỏ mặc tiếng gọi thảm thiết của hai đứa con đằng sau lưng. Kêu không được, chúng chạy theo:

– Ba ơi, đừng đi. Đừng đi ba...

Anh vẫn đi. Hai đứa nhỏ òa khóc. Rồi cứ vừa khóc vừa bước lẻo đẻo sau lưng anh. Làm như anh là chiếc quan tài, còn hai đứa nhỏ đang khóc lóc đằng sau đưa đám ma anh. Thì dù chưa nằm trong quan tài, anh khác gì một xác chết. Hai chân cứ bước, còn đi tới đâu, sẽ làm gì, anh hoàn toàn không biết!

Nhưng rồi anh phải biết. Tờ giấy lệnh tha của anh còn nằm trong cái bọc anh đang ôm trong tay. Tờ giấy ghi một địa chỉ. Trừ phi anh can đảm chết đi thì không còn gì để nói. Nhưng rõ ràng anh không có can đảm đó. Tiếng khóc của hai đứa nhỏ sau lưng anh như dao cắt nát từng khúc ruột. Anh hiểu là anh cứ phải sống, và nếu còn muốn sống, không cách gì không về cái địa chỉ đã ghi trong tờ giấy lệnh tha.

Hai đứa con thu xếp để anh gặp vợ. Cũng ngay tối hôm đó thôi. Người đàn ông đưa chị về rồi bỏ đi. Đến chết anh cũng không quên được vẻ mặt thất thần, sượng sùng, khổ đau của chị. Chị sụp xuống dưới chân anh:

– Anh Thuận. Anh đừng nhìn em vậy. Anh giết chết em đi.

Mắt anh nhìn chị làm sao? Hung dữ? Hằn học? Thù hận? Dịu dàng? Hình như quá dịu dàng. Làm sao không thể chia sẻ với người vợ ánh mắt triu mến nhớ nhung của bao năm trời xa cách. Anh còn muốn ôm chầm lấy chị, muốn khóc. Cả

hai cùng khóc cho trôi bót những tủi hờn, nhục nhã. Nhưng hai bàn tay của anh không còn tuân theo cái đầu của anh, nó như đã rời khỏi thân thể anh rồi!

– Ôi!

Anh chỉ kêu lên được tiếng đó. Rồi thôi. Anh ngồi như pho tượng đá, nghe chị kể lể, khóc lóc. Có lúc anh nghe rất rõ, có lúc tai anh lùng bùng, trí anh đi đâu, và có lúc anh giật mình như hụt chân, sắp rơi vào vực thẳm. Có lúc anh bật cười khan, có lúc mắt anh rướm rướm lệ, rồi mặt anh hóa đá.

Hai đứa con đã vút ra ngoài biển đông, phó mặc cho dòng tở và sự sống chết. Không được sống cũng không được chết, chúng vào tù. Một thân một mình, chị cầu cạnh khắp mọi nơi để con được thả ra. Nghe lời hứa hẹn, vay mượn tiền bạc để chạy vạy. Không xong, còn bị cán bộ lợi dụng làm nhục. Sau đó, hắn, người đàn ông đã nằm trên cái giường của anh ra tay nghĩa hiệp, cứu vớt người phụ nữ bơ vơ. Bỏ tiền chuộc hai đứa

nhỏ, và bao bọc luôn người mẹ. Chị vẫn lo thăm nuôi anh đều đều, do đứa con lớn mang lên trại tù.

Anh còn nói gì được nữa. Hẳn cũng đã góp vào những món ăn thăm nuôi mà anh đã nhận, đã ăn. Bữa cơm cho con anh ăn bao nhiêu năm nay, hẳn cũng có phần. Anh nhìn chị, thấy chị ốm đi nhiều, mặt mày xanh xao, đôi má ngày xưa múm mím nay đã hóp vào. Chị không cười, nhưng anh cũng biết là chị đã mất mấy cái răng. Chị đã hết thời xuân sắc quá sớm.

Nhà dài kiểu hộp, chia được ba phòng và bếp. Chị đã cho một cặp vợ chồng già, con cái đi vượt biên hết trốn thuê một phòng. Họ được sử dụng bếp chung và đi bằng lối cửa bên hông. Căn phòng này nối với bếp, có một phần lộ thiên sáng sủa. Phòng giữa là phòng của anh chị hồi đó. Còn bây giờ, hai đứa nhỏ ở phòng ngoài cùng. Có hai bàn học ọp ẹp, và buổi tối, sau khi mọi người đã đi ngủ, hai đứa mới bày hai cái ghế bố ra để nằm. Bàn thờ tổ tiên cũng biến đi đâu mất, anh còn nhớ trên bàn thờ có bộ lư hương, chân đèn bằng

đồng từ đời ông cố ông sơ, đến đời anh. Bức ảnh ông sơ ngồi như quan đại thần, được lồng trong tấm khung bằng gỗ mun chạm trổ mà cha anh rất quý, cũng biến.

– Bán hết rồi ba, hồi trước ba mới đi tù, ở nhà chẳng có gì ăn hết trơn...

Anh còn biết đi đâu trong những ngày đầu tiên. Thằng cha cũng ý tứ, mấy ngày không về nhà ngủ. Chị thì đi suốt ngày, làm như cố tránh mặt anh. Chị có đi gặp “hắn” không? Gặp ở đâu? Nhiều khi trong đầu anh dấy lên sự thắc mắc.

Ban đêm, khi hai cái ghế bố ngã xuống, hai đứa con ép nhau nằm một ghế, trở đầu trở đuôi, anh nằm một ghế. Căn phòng vuông vức, có một cái bàn dùng tiếp khách và làm bàn ăn luôn, hai cái bàn học, và hai cái ghế bố khi bày ra, do sự trăn trở của người nằm, chúng cũng bọc bọc hích nhau hà rầm. Còn chị, lúc này thì một mình, nằm ở phòng trong. Anh biết, nhiều đêm chị đã khóc suốt vì sáng ra, hai quầng mắt chị sưng vù, bầm tím.

46 | Nhã Ca

Qua chừng một tuần, anh dịu lại. Anh gọi chị, nói nhẹ nhàng, nhưng muốn kêu tiếng em cũng không thể nào thoát cái tiếng đó ra được ngoài cổ họng:

– Bà đừng vì tui mà phiền hà cho bà quá. Bà cứ nói với... người ta về nhà mà ngủ. Đừng để tui thành một cục nợ cho hai người.

Thằng Út, có vẻ khá nhiều tình cảm với hấn, nói vội:

– Phải đó má, chú Tâm không về con cũng nhớ. Ba, Ba, chú Tâm rất thương con, mua quần áo, giày dép sách vở cho con. Chú Tâm còn đưa con vô sở thú coi khỉ nữa.

Anh cay đắng. Còn vô sở thú coi gì nữa, trong nhà có hai con khỉ già coi chưa đủ sao. Nhưng nghĩ điều ác trong bụng mà không nói ra lời. Anh cũng cảm thấy vướng víu. Hình như về một mặt nào đó, anh còn phải cảm ơn hấn.

– Đừng ngó tui vậy. Tui nói thiệt với... bà đó. Bà biểu người ta về đi. Còn không tui dọn ra riêng...

....Nói vậy nhưng anh biết điều đó không làm được. Còn cái hộ khẩu. Đã đi trình diện phường, công an phường dặn kỹ, mỗi tháng tới trình diện một lần. Không được đi ra khỏi ngoại ô qua đêm. Nếu sai trái thì cắt luôn tạm trú.

– Hay em... hay tui lấy lại cái phòng sau để anh ở tạm. Khi hết hạn quản chế rồi thì... tính.

Anh cười chua chát:

– Ở đằng sau hay đằng trước cũng trong nhà này. Căn nhà này là...

Anh muốn nói căn nhà này là anh mua trước kia. Nhưng anh ngăn lại kịp. Nói như vậy thật không đàn ông chút nào.

Anh bị tù đầy, chị thân cô thế cố, đáng lẽ đã phải bán căn nhà này lâu lắm rồi, nếu không nhờ hần... Hồi còn ở trong tù, một bạn tù biết tin vợ ở nhà đã lấy chồng, anh bạn tuyệt vọng muốn chết. Anh khuyên:

– Mình phải hiểu cảnh các bà ở ngoài. Mình ở tù là yên phận tù rồi, còn các bà phải đối mặt với

bao nhiêu điều, mà một mình yếu đuối, đôi khi không chống chọi nổi...

Hoàn cảnh người ta thì anh cảm thông. Còn hoàn cảnh vợ mình? Anh đã nghĩ bao đêm nát óc rồi mà. Nhưng chị nhất định không là không. Anh biết là trong lòng chị vẫn còn thương anh. Nhưng anh không thể ở không trong nhà, không làm gì hết. Mấy ngày anh ăn cầm hơi, nghĩa là không ăn cơm trong nhà. Thằng con đầu tuy chưa tới tuổi trưởng thành, nhưng thương cha, tự ý đi mua bánh mì, xôi, bánh giò:

– Tiền riêng của con, con mua cho ba ăn đó.

Anh ôm con. Chính anh mới là người bất lực, không bảo vệ được vợ con. Anh mới là người có lỗi. Để chuộc lại, anh làm gì cho chúng đây? Phải đem chúng đi khỏi nơi này, đi thật xa, cho các con làm lại một đời khác, sống một kiếp khác.

Sau cùng anh gặp một người bạn cũ. Anh đi tìm một người bạn cũ khác, nhưng không gặp. Lúc ra hẻm thì thấy một người đàn ông gánh hai cái thùng đầy những thứ linh kỉnh, giấy báo, chai

lọ, bao ni lông, cả mấy cái thau nhôm cũ... Theo anh là một người đàn bà, vừa đi vừa rao:

– Ai có bao ni lông, đồ nhôm, giấy báo, quần áo cũ bán... khô...ông?

– Bà con cô bác ai có giấy báo, bao ni lông...

Anh không nhận ra người đàn ông mà nhận ra người đàn bà. Trước đây là vợ một người bạn cũ khá thân. Anh ta cũng đi học tập. Còn bây giờ, chị đang ra sao đây?

– Chị Hồng? Phải chị Hồng không?

Người đàn bà chậm bước, có vẻ hơi khựng:

– Tui... phải rồi. Sao ông biết tên tui.

– Chị Hồng ơi! Thuận đây. Thuận “rần rì” đây.

– Ui cha, mèn ơi! Anh Thuận. Làm sao nhìn ra anh. Người đàn ông vội đặt hai cái thúng xuống, mặt vui mừng nhưng có vẻ trầm tĩnh:

– Thì vậy. Còn tui, ông cũng nhìn không ra mà.

– Thọ. Phải Thọ không?

– Thì Thọ, chồng tui. Ông tưởng tui đã bỏ ông Thọ lấy người khác chứ gì. Trời đất, có bỏ chồng thì cũng lấy một thằng cha ngon lành, chứ anh Thuận coi, thằng cha đi học tập về thân tàn ma dại như vậy đó. Chỉ có tui hồng chê ông thôi.

Tim anh thót lại. Hai anh chị đi buôn bán ve chai, chồng gánh vợ rao, coi có cực khổ mà cũng hạnh phúc quá. Còn mình? Anh cố gắng nuốt tiếng thở ra.

– Mèn ơi. Đâu có ngờ gặp nhau chứ. Mấy ông đi học tập nhiều ông không về. Vậy đâu phải mình tui hên có lại ông Thọ, mà nhiều bà cũng hên nữa... Ha, từ ngày mấy ông vô, mỗi nhà tan nát mỗi kiểu, tui chưa hề gặp chị Thuận đó nha... Bả khỏe hôn?

Anh lừng khừng:

– Ờ... thì cũng... cũng khỏe.

– Khỏe là được rồi. Chỉ cần khỏe là hai cái chun chạy được ra đường kiếm cơm kiếm củi...

Xời ơi, mình đáng gì, mấy bà tướng bà tá cũng đứng chợ trời, thiếu giống gì!

Thuận nhớ ngày xưa, Thọ nói nhiều, hay đùa, nói chuyện tếu, còn Hồng thì lúc nào cũng nghiêm nghị, ít lời, bây giờ đổi ngược lại hết.

Lát sau cả ba ngồi một quán cóc uống cà phê. Thấy quán vắng, Thọ thì trầm tâm sự:

– Tụi này lo gom đủ tiền cũng tính...

Thuận gật đầu. Nói chừng đó đã đủ hiểu hết từ trong tim gan phèo phổi của bạn. Thuận cũng kể hoàn cảnh của mình cho bạn nghe. Thân nhau từ ngày còn nhỏ. Lúc Thọ lấy vợ, Thuận cũng hết lòng lo đám cưới cho bạn. Thọ lắc đầu, còn Hồng thì nước mắt rơm rớm:

– Mèn ơi! Vậy thì khổ quá, chịu gì nổi. Nếu là tui...

Thọ nhăn mặt:

– Mỗi người một hoàn cảnh, em đừng có... nhiều chiện. Bây giờ phải nghĩ cho anh Thuận một cách gì để kiếm tiền...

– Rồi. Tui nghĩ ra. Đã nói chiện gì ông cũng chậm hơn tui mà, nhất là từ ngày đi cải tạo về, cứ làm như tiên ông bị lạc xuống núi đó anh Thuận. Tui nghĩ vậy nè, ở nhà tui còn dư cái cân cũ, tui cho anh. Sau đó, sắm gánh giống, anh cũng làm nghề ve chai. Ý cha, lóng này người ta mua đồ sắt đồ đồng nhiều lắm nha, mảnh vụn, ve chai đang trúng mồi.

Không đợi cho Thuận suy nghĩ mông lung, Hồng quyết định:

– Vậy đi. Trưa mai, tui mình cũng hẹn nhau tại đây. Được rồi, tui mua luôn cho anh giống thúng, đòn gánh, đưa anh cái cân luôn... Anh định nói gì? Hồng được. Mình giúp nhau, có qua có lại mà, hồi... anh cũng giúp anh Thọ nhiều rồi, nghe anh kể...

– Hồi trước khác, bây giờ khác...

– Khác là khác với ai kìa, chứ người mình thương nhau hổng hết. Anh Thuận à, khi nào ngặt quá anh cứ tới nhà tui này...

Chị lại ngừng. Thời buổi này ai dám chứa ai. Nửa đêm, gần sáng, ban trưa, giữa chiều, đập cửa âm ỉ: Kiểm tra hộ khẩu. Chứa chấp người không có tên trong hộ khẩu, người đó khổ đã đành, mà mình cũng “hậu khổ” luôn. Chị Hồng nói trở đi:

– ... Tới tụi này... ăn cơm.

Thấy Thuận có vẻ ngượng nghịu, khó xử. Thọ nói:

– Bà nói ít chút được hôn? Anh Thuận, tụi này có chút dư, ra vốn cho anh mượn rồi sau này anh trả lại, mất mát đi đâu mà lo.

Thuận cắn môi:

– Vậy cũng được.

Anh cũng đã thấy có một con đường mới, dù con đường nhỏ xíu, đầy đá, lồi lõm, hố sâu, tối om om. Nhưng còn có một con đường, chứ như bây giờ, anh hoàn toàn rơi hút trong vực thẳm.

Trưa hôm sau, Thuận có quang có gánh và bắt đầu hành nghề. Thọ đưa cho Thuận một số vốn nhỏ để mua hàng. Chiều tối Thuận ghé nhà Thọ đổ hàng, rồi vợ Thọ sẽ gom chung lại với hàng đã mua đem tới vừa bán lấy tiền. Mấy ngày đầu đi rục cả chân mà Thuận không mua được bao nhiêu vì anh không biết rao, cất tiếng lên thì ngượng ngịu. Nhiều lúc buổi trưa, ba người cũng gặp nhau nghỉ chân ở quán cóc, nghe anh kể về sự vụng về của mình, chị Hồng cười:

– Bị anh hiền quá mà. Cứ bị mấy con mẹ ve chai giựt mỗi chớ gì. Gặp tui là “xui tận mạng” đó nha.

Thọ cười mỉm, lắc đầu:

– Lóng này bả chửi hay lắm đó.

Thuận thấy thương chị Hồng quá. Mới đây là một người đàn bà đảm thắm, không biết một tiếng nói giỡn, nói đùa, con nhà nề nếp, vậy mà trong cuộc đời đã biến chị thành một con người khác hẳn.

Một thời gian Thuận quen dần, bạo dạn hơn. Anh đã thay đổi lối rao mua hàng. Anh thường đi vô sâu trong các hẻm, ngõ ngách và khi nhớ tới bộ lư hương, chân đèn nhà anh cũng gửi vô đám ve chai, anh cay đắng rao:

– Ai có lư hương, nhang đèn, bàn thờ ông bà ông vải... bán hôn?

Mới nghe thì hỗn. Nhưng thấm lắm. Dân nghèo trong hẻm nhìn anh cười thiện cảm. Mấy ông già đi ngang vỗ vai anh, kéo anh vào nhà mời uống nước. Uống nước xong thì lục lợi giấy báo, bao ni lông, còn nói:

– Chỉ còn chừng đó thôi. Bàn thờ ông bà ông vải bán lâu rồi!

Một hôm anh đang rao:

– Bà con cô bác ơi! Ai có lư hương, nhang đèn, bàn thờ ông bà ông vải... bán...

Thì một bàn tay đập vào vai anh. Anh quay lại đụng ngay bộ quần áo vàng của công an. Hắn đang cưỡi xe đạp và làm như rà rà theo anh lâu

rồi. Anh dừng lại, xe đạp cũng dừng, nhưng hấn ngồi trên xe đạp.

– Giấy tờ?

Mặt gườm gườm như sắp giết người, giọng dấm dẳng, khó nghe. Hấn cầm tờ lệnh tha, lật ngược lật xuôi coi một hồi làm như sợ giấy giả.

– Còn quản chế sao “nại” dám bán buôn? Tội đáng đi tù cải tạo “nại”.

Thọ và Hồng đã chỉ cách cho anh. Mời điều thuốc, dấm dúi ít tiền. Tên công an trả tờ lệnh tha. Không nói là anh trái luật gì cả, vì nếu không có bọn buôn bán ve chai, làm trái luật thì chúng tiền đâu mà vợ vét!

– Thôi đi đi.

Chờ hấn đi khuất, anh lại cất tiếng rao lạnh lạnh:

– Ai có bàn thờ, khung ảnh ông bà ông vải bán không... ?

Rồi anh bật cười khan, hơi hạ giọng nhỏ xuống một chút:

– Ông bà ông vải bán không?

Một ông cụ già, giữa trưa mà bắt cái ghế ngồi phơi nắng trước nhà, ở trần, chỉ có cái quần đùi vải thâm, nghe anh rao thì gọi:

– Có, còn cái bát nhang mua không?

Anh gạt đầu. Ông lão mang cái bát nhang bằng đồng ra. Anh giật mình, sao giống cái bát nhang của cha anh để lên bàn thờ trước đây y chang vậy!

– Bao nhiêu, cụ?

– Chẳng biết tính giá bao nhiêu nữa. Hồi thằng con tui đi cải tạo về, bệnh chết. Rồi...

– Rồi sao, cụ?

– Thì chết ngắt. Thiệt là sắp ngửa, hổng có tiền mua áo quan, bó chiếu đem thiêu. Lấy chút tro bụi bỏ vô cái hũ kia kia...

Thuận nhìn lên cái bàn ghép bằng bốn cái chún gỗ và một miếng ván, ọp ẹp, chắc có cả ngàn con mối đục ở bên trong. Hủ gì đâu? Là một cái lon guy gô cũ mềm. Một cái đĩa nhựa để ba thì mười họa có một trái quả gì đó.

– Bữa đám ma hàng xóm tới coi... hổng phải coi đám rình rang có thằng thối kèn tí toe mấy bài giựt xương sống đâu nghen. Mà coi cái... nghèo, cái thảm, cái đói. Rồi con mụ làm nghề ve chai trong xóm đem cho cái bát nhang này, nói là đồ xưa. Đồ xưa sao đem cho. Chớ hôn, tui cũng cân kí lô bán với đồng vụn, sắt vụn, thời buổi này, có cục vàng đổi lon gạo cũng không có, bo bo hôn à, bấu gì. Tiên sư nhà...tui!

Thì chửi vậy. Chớ tiên sư nhà nó là có một thằng lòì mặt ra, hăm dọa thừa phường xóm cũng khổ hết biết. Là thành nguy, phản động liền.

Ông cụp với tay đóng cửa lại, cho ăn chắc. Nhưng ăn chắc gì chớ. Bụi tre có lỗ tai nghe. Thằng hàng xóm để lỗ tai trong vách tường báo cáo lấy điểm. Thuận lớn giọng:

– Cự bán nhiều, tui mua.

Một giá rẻ mạt. Lúc đầu mới nghe, Thuận mừng thấp thỏm, nhưng chỉ vài giây sau, thấy trong lòng có chút ân hận, mình đã mừng vì mua giá rẻ đối với một người nghèo khổ, tuy không ép, nhưng thấy không ổn tí nào.

– Tui bán đi để lâu lâu mua cái quả, miếng xôi cúng nó. Chớ đã không mua được nhang thấp thì để cái lư hương làm gì cho chật chỗ.

Ông cụ nói lạ kỳ không. Bàn thờ rỗng hoách. Quên chưa nói tới cái khung ảnh nhỏ xiu, trong lồng hình một cậu bé chừng mười ba tuổi. Thuận hỏi:

– Sao cậu ấy nhỏ con quá vậy? Có phải cậu ấy không?

– Là nó. Đâu có cái hình nào lúc nó lớn lên đâu. Từ lúc bả chết, tui cho hai vợ chồng đưa cháu về ở chung, chúng nó cũng nghèo mạt rệp. Thấy miếng giấy vụn nào là vợ vết đem bán, riết trong nhà còn tờ giấy gì đâu. Những tấm ảnh chúng nó lồng vào giữa giấy báo để cân cho thêm

kí lô. Tìm lòi con mắt, được có tấm đó... Chiện là vậy.

Thuận trả tiền, còn boia cho ông cụ chút đỉnh. Ông cụ trợn mắt, làm như Thuận là người ở trên trời hay dưới âm phủ lên, còn lũ nghèo đói nhân gian đâu có ai xài sang vậy.

Để gói cẩn thận cái lư hương anh phải hy sinh một tờ giấy báo. Lúc về tới nhà, anh lại cẩn thận kiểm mớ giẻ rách quần quanh, rồi bọc báo quần lại. May mà cái lư hương hơn cỡ cái chén ăn cơm, anh còn có thể giữ được.

Đêm, nằm ngủ trên ghế bố, để cái lư hương gói kín phía một bên đầu, anh cảm thấy như còn chút gần gũi với tổ tiên, ông bà cha mẹ đã qua đời.

Ai ngờ, vì cứ đi rao mua “đồ đồng, lư hương, khung ảnh, bàn thờ ông bà ông vải” , mà anh kiếm gập được vật kỷ niệm thờ cúng của gia đình từ thời ông cố ông sơ.

Không biết có phải các cụ cảm kích, thương

tình không, mà từ ngày đó anh ăn nên làm ra. Rồi một hôm, hai vợ chồng Thọ rủ anh đóng “cây” đi vượt biên. Số tiền dành dụm chỉ vừa đủ cho một chỗ. Anh rút áo ra đi, để hai đứa con lại.

o O o

Tổ tiên phù hộ. Anh tới nơi an toàn. Được vào Mỹ. Anh ôn lại Anh ngữ mấy tháng rồi xin việc làm. Bất kể việc gì anh cũng làm, hai job, ba job, lãnh việc về nhà làm thêm ban đêm. Các con của anh ở Việt Nam đã có thùng quà. Anh thi quốc tịch và bảo lãnh cho hai đứa con sang ở với anh.

Thọ và Hồng cũng đã có một cửa hàng. Họ vẫn thăm gặp nhau. Lúc Thuận mua được căn nhà ở khu Garden Grove, mời Thọ Hồng tới ăn cơm. Hồng thấy cái căn đi buôn mua ve chai của chị cho Thuận bày trang trọng trong tủ kính. Bên trên tủ kính là bàn thờ, tất cả đều chưng bày những đồ đẹp, từ bộ lư hương, chân đèn bằng bạc, tới đèn hoa sen bằng điện chiếu đủ màu, có

62 | Nhã Ca

một cái bát nhang bằng đồng cũ mềm. Bát nhang đầy cứng chun hương. Hồng hỏi:

– Tất cả đồ đẹp, mới, sao anh không thay cái lư hương cũ đó đi. Nó nằm ở giữa những thứ đó trông không hợp.

Thuận cười:

– Nhưng nó hợp với tôi. Cám ơn anh chị đã truyền nghề ve chai cho tôi. Nhờ đó mà tôi tìm được một vật của tổ tiên tôi đã thất lạc.

Đứa con nói theo:

– Cô Hồng à. Có bữa, ba còn thắp nhang lạy lạy cái đó nữa kìa. Nó thấy ghê...

– Cái gì?

– Thì nó. Nó ở trong tủ.

Nó là cái cân. Thằng bé chưa khi nào thấy hoặc nghe ba nó rao hàng đi mua đồ cúng bái, kể cả bàn thờ ông bà ông vải.

Vậy mà Thuận đã ở Mỹ được mười lăm năm. Như đã đi qua một kiếp người khác. Hai đứa con, bây giờ là tên Mỹ, Kevin và John. Hồi trước, anh thường gọi hai thằng là cu Anh và cu Em. Lúc đầu chị nghe thấy chướng tai, ngứa ngáy lắm, nhưng riết rồi hai vợ chồng thấy hai cái tên dễ thương, đậm đà như tình yêu của anh chị.

Thời gian này, Thọ và Hồng tới thăm hai đứa nhỏ đều đặn lắm. Anh cảm kích hai vợ chồng bạn rất nhiều. Hai đứa con thiếu tình mẫu tử đã dựa vào cô Hồng. Thì gà trống nuôi con mà! Anh lại vụng về, còn nghiêm khắc. Hai đứa nhỏ chưa bao giờ dám làm phật lòng anh.

Thời gian gần Tết, Thọ tới chở Thuận ra quán cà phê. Lâu lâu Thuận và Thọ đều thích vậy, ngồi nhâm nhi cà phê, ăn bánh ngọt, có thì giờ để nhắc lại không biết bao nhiêu chuyện đời trước ở Việt Nam. Hôm nay, hình như Thọ có điều gì muốn nói, nên khi Thuận nói phải về thì Thọ giữ lại. Thuận ngạc nhiên:

64 | Nhã Ca

– Giờ này ông chưa về đón mấy đứa nhỏ?

– Bả lo rồi. Bữa nay tôi có chút chuyện nói với anh...

– Chuyện gì? Sao bí mật quá vậy?

Thọ cười, đưa cho Thuận thêm điều thuốc:

– Hỏi thiệt nghe, có khi nào cậu còn nhớ tới người vợ ở bên kia không?

– Có? Không? Nhiều phần là có. Nhưng chuyện đời trước, kiếp trước qua rồi. Không muốn nhớ, không muốn nhắc.

– Chị ấy rất tội.

– Thì tôi có oán trách gì đâu! Nghĩ cho cùng thì mỗi người có một số mạng... Bà ấy... đã nói thôi không nhắc là không nhắc.

– Trước đây vợ chồng tôi cũng đồng ý là không nhắc lại với anh, nhưng bây giờ đến lúc phải nhắc.

Thuận ngạc nhiên:

– Tại làm sao?

Thọ kể, vợ anh đã vượt biên, đến đảo. thằng Kevin được tin, sợ anh không dám nói nhưng có cầu cứu vợ chồng tôi. Tôi có chỉ vẽ cho nó gửi thư qua đảo, làm giấy bảo lãnh và hiện nay.

Thọ nhìn Thuận như dò phản ứng, rồi nói nhanh:

– Bả đang ở Mỹ.

Thuận thấy chơi vơi. Cái đầu như ngắt đi một giây rồi tỉnh lại, yếu đuối, bàng hoàng. Thọ tiếp:

– Anh đừng xúc động. Vợ chồng tôi có lỗi là đã giúp các cháu mà giấu anh. Nhưng anh hãy nghe tôi giải thích.

Thọ nói. Người chồng sau của vợ anh đã chết sau một thời gian ngắn khi hai đứa con anh qua Mỹ. Cái chết có nhiều khả nghi, người thì nói tự tử, người thì nói bị ám sát. Ông ta có làm ăn, móc ngoặc, có ân oán giang hồ, và cái chết của ông là rớt từ trên lầu cao xuống. Vợ anh đi vượt biên, đến đảo, liên lạc với thằng con lớn, và với sự giúp

đỡ của vợ chồng Thọ, đất tới Mỹ từ ba tháng nay. Tôi có nói với chị là liên lạc với anh, nhưng chị nói thôi, thôi. Chúng tôi đã hết rồi. Lỗi về phần tôi. Chị ấy bây giờ sống tội lắm, không đi đâu, không giao thiệp với ai. Chị chỉ đi chùa, chùa nào cũng đi... Gần năm mấy nay rồi!

Lòng anh có mềm đi. Hèn chi hai thằng con, mùa lễ Giáng Sinh vừa qua, nhất định xin đi Florida ăn lễ do gia đình người bạn mời. Chúng nó đã đi gặp mẹ mà giấu anh.

– Tội con đi chơi trước để Tết ở nhà với ba.

Ha, thì ra anh là một thằng khờ, hết vợ gạt, con gạt rồi bạn gạt. Nhưng anh cũng không có lý do gì để trách Thọ.

Anh trở về nhà. Lúc lái xe qua phố, anh thấy đã có một vài chỗ bày bán hoa. Tết cứ từ từ mà tới, anh không biết vì lòng anh đã không có Tết từ lâu rồi. Nhưng hôm nay sao trong lòng anh là lạ, như có cái gì mới mẻ len lén nhen nhúm trong anh. Anh bước vào nhà, hai đứa con trai, đã tự lo xong bữa ăn chiều. Ba cha con ngồi ăn cơm. Kevin nói:

– Ba à. Con muốn sơn lại nhà cửa.

Anh cao hứng:

– Rồi mua cây cảnh trong nhà, mua hoa trồng trước sân. Ủ, mình phải sửa sang nhà cho đẹp.

Hai đứa con ngó nhau như thăm hỏi chuyện gì đây?

– Và ba có chuyện nói với con.

– Ba, ba nói đi.

– Ba báo cho con một tin vui. Ba sẽ đem về cho con một bà mẹ... mới toanh.

Hai đứa lại ngó nhau. Kevin hăm hăm:

– Không được đâu ba.

Thằng em:

– Lấy vợ thì ba dọn đi nhà khác. Chúng con không ở với ba.

Tự nhiên anh vọt miệng:

68 | Nhã Ca

– Sao hồi đó má bây lấy người khác, tụi bây không bỏ đi ở chỗ khác?

Kevin đã lớn rồi, đủ lý lẽ để bào chữa cho mẹ:

– Ba à, hồi đó khác. Hồi đó, má con vì hai đứa con. Má con có thể chết, có thể cắt thịt cho con ăn, nhằm nhò gì chuyện có một người đàn ông để giữ ba mạng người.

Ôi thằng con. Nó đã lớn. Lớn hơn cả anh nữa. Kevin tiếp:

– Tụi con thán phục ba vì cách ba cư xử tốt đẹp với má, chứ không...

– Chớ không thì sao?

– Tụi con ở lại cùng chịu khổ với má.

Anh đặt bát cơm đang cầm trên tay xuống bàn, nghiêm trang nói:

– Hai con nghe đây. Ba đã nhất quyết rồi. Ba không thể ở một mình mãi, ba già rồi...

– Già rồi mà còn ham lấy vợ. Sao không cưới vợ cho con đi.

– Con cũng phải cưới vợ. Nhưng ba muốn con có một người mẹ...

– Con không muốn một người mẹ nào khác ngoài má con. Anh cười, nhìn con âu yếm:

– Thì bởi vậy nên ba sẽ đón... đón ai tụi con biết không?

Hai cái mặt lại ngơ ngác, anh nói mau:

– Đón má con. Má ruột của tụi con.

Mặt hai đứa tái ngắt. Đứa này nhìn đứa kia, há hốc miệng.

– Ba biết hết rồi, sao tụi con giấu ba?

– Con... con...

Thằng lớn nghẹn lời. Anh nhìn hai đứa con bằng con mắt dịu dàng, thương yêu, giống cái nhìn lần đầu tiên với chị, trong ngày cưới.

– Ba mới biết đây. Các con hư lắm. Má con sang đã gần năm mà vẫn giấu ba...

– Ba, ba, tha lỗi cho chúng con.

– Chúng con không có lỗi. Chỉ có lỗi giấu ba thôi.

– Ông ấy đã chết. Má con ở một mình.

– Ba biết. Đưa cho ba số điện thoại. Tối nay ba gọi má con. Ngày mai mình sửa nhà, trồng cây, ăn Tết lớn.

– Ô Ba. Thiệt há Ba. Thiệt hôn Ba?

Hai đứa con bỏ ghế đứng dậy ào qua phía anh, ôm chặt lấy anh. Hai đứa con bật khóc. Anh cũng khóc. Ba cha con ôm nhau khóc vui. Bao nhiêu năm trái tim anh ngủ miết, bây giờ mới hồi sinh thức dậy...

Trước khi gọi điện thoại cho chị, anh chải đầu, soi gương. Anh mở cửa sổ, thấy như có chút gió xuân lùa trên mớ tóc bạc của anh. Anh cầm điện thoại lên.

Bên kia đầu giây chuông reo, có người nhắc máy.

– Alo. Alo, anh đây. Anh đây.

Thuận chẳng nghe gì ngoài tiếng khóc.

CON BẦN

Trời mùa đông ở Huế, lạnh cắt da thịt mà con Mận phải dậy từ ba giờ sáng. Bà chủ là cái đồng hồ tốt nhất. Nếu có bữa nào Mận ngủ quên thì cứ đúng giờ bà chủ tỉnh dậy, gọi:

– Con Bần dậy chưa, dậy xắt chuối cho heo ăn.

Bần là tên cúng cơm của cha mẹ đặt cho. Nhưng Mận không hề biết cha mẹ mình là ai. Ông chủ nghe cái tên Bần, ky, sợ có cái nghèo trong nhà, nên mới sửa lại tên Mận. Bà chủ quen miệng, cứ gọi là con Bần. Tên Mận ngọt ngào thanh lịch đâu có hợp cho một con ở đợ.

Đâu chỉ có xắt chuối không thôi. Nấu cơm bằng củ ứt, thổi, khói xông hai con mắt đỏ lòm,

sưng húp, nước mắt chảy ràn rụa. Hồi còn nhỏ, hai con mắt Mận luôn luôn có hai cục ghèn. Cậu chủ sợ lắm, hễ con Bần bụng cơm vô phòng học cho cậu là cậu gớm, không chịu ăn. Bà chủ lại chửi:

– Con quỷ, mi bụng cơm vô cho cậu chủ thì phải rửa tay, rửa mặt sạch sẽ, nghe chưa. Xòe bàn tay coi.

Con Bần xòe tay, lúc nào cũng bị gõ mấy cây thước đau điếng.

– Đồ nhóp nhúa.

Nấu cơm hay cháo bữa sáng, xong rồi, tay nách một cái thau, đầu dội một cái thau nữa đựng quần áo dơ đi xuống sông giặt. Mùa đông khổ hết biết, nước lạnh băng, xà phòng không có, giặt bằng trái mù u. Xát bọt mù u với cục đá lên quần áo, chà mòn nhám cả tay. Chưa kể mỗi ngày phải cầm cái búa bửa củi, rồi chẻ củi thành từng thanh nhỏ. Và để tiết kiệm, con Bần còn phải cầm cái cào đi cào lá khô đem về nấu nướng, bởi vậy, hai bàn tay của con Bần sần sùi, lúc nào cũng có vết

đút, trầy trụa, có khi mừng mủ, cả đêm đau nhức không ngủ được. Hai con mắt nó gần như bị bết nhèm, vì thổi ống khói cho củi cháy lên, nhất là mùa đông, lá cây, củi mục gì cũng ẩm ướt, hai con mắt nó bị um khói chín nhừ.

Mặt con bé buồn lắm, duy nhứt có đôi mắt tròn xoe, đen nhánh và cái mũi cao, kín đáo. Có lần, một ông thầy tướng tới coi cho cậu chủ, con Bần pha nước hầu, ông thầy ngó nó:

– Con ni thiếu niên tân khổ nhưng qua tuổi ba mươi, nó đổi vận hạn, giàu có lắm chớ không phải chơi mô.

Bà chủ cười nhạt, không tin. Cái thứ dân bần tiện này, nếu bà không nuôi, có đi ăn mày, ăn cắp mà sống, đôi khi cũng chết tấp trong bờ bụi, ruồi kiến bu rối.

Con Bần thuộc lòng câu nói của ông thầy tướng để an ủi mỗi khi làm lụng cực quá hay bị mắng chửi, ăn đòn. Từ nhỏ tới lớn, con bé ăn đòn đếm không hết số. Và mỗi lần bà chủ giận là người mẹ của Bần bị đem ra biêu riếu. Theo lời

76 | Nhã Ca

bà chủ thì Bần là con hoang, mẹ gánh nước thuê, không biết nhẹ dạ với ai mà có mang. Để con ra nhưng nuôi không nổi, gặp năm đói đã bỏ con nhỏ đầu làng, trốn đi. Con nhỏ bị kiến bu, người tím bầm. Ông chủ thương tình đem về nuôi, và bà chủ huấn luyện thành con ở.

– Cái thứ đó rồi cũng y như con mạ nó, đoán hậu rứa thế!

Ăn toàn canh thừa cá cặn, lại ăn không đủ, mặc không ấm, năm mười sáu tuổi con Bần cũng lớn lên được, nhưng gầy nhom, nhìn thấy cả bộ xương. Có điều, không biết ai gây giống mà con Bần có cặp mắt đẹp quá, đen láy, hể giương mắt nhìn ai là người đó không thể ngoảnh mặt làm ngo, trừ bà chủ lòng dạ sắt đá. Bạn bè của cậu chủ tới chơi, thấy con Bần ngộ quá, cũng tấm tắc:

– Coi con ở nhà mi ưa mắt lắm nghe. Con mắt nó đẹp quá.

Cậu chủ làm nghiêm:

– Nó là con ở, tui bây đừng bắt thang cho nó leo.

– Làm ra vẻ ông cụ há. Thôi mi ời, đã nói trong nhà gì đẹp bằng sen...

Con Bần ra đằng sau nhà, có cái lu nước mưa, cúi xuống soi mặt. Trong lu nước, cặp mắt nó nhìn lại nó và nó cười. Có cả áng mây từ trên trời in trong đáy lu nước nữa. Nó đưa tay vọc, mắt nó tan, mây tan. Nó đứng sững, muốn soi mặt mình lại lần nữa cũng không được. Nó thương đôi mắt nó lắm, ai đã cho nó hai con mắt đó vậy?

Nghe nói lúc xưa, Bần có người mạ, bỏ con mà đi. Bần đã một lần trốn nhà, muốn tìm mạ. Đi suốt mấy ngày qua làng bên, đói quá phải bò về, để lãnh đòn thí chết. Sau lần đó, gia đình chủ dọn lên thành phố, vì cậu chủ phải ăn học. Bần không còn hy vọng tìm ra mạ mình nữa.

Gia đình chủ chỉ có một cậu con trai. Năm đó cậu thi đỗ tú tài, nhà rấp rem muốn cưới vợ cho cậu. Ông bà chủ có một người bạn quen biết đầu hồi mới lên thành phố làm ăn mua bán, thường tới lui thăm viếng, coi bộ hạp ý hạp tình lắm. Nhà này có tới bốn chị em gái, nghe nói cô nào cũng giỏi giang. Vậy là hai nhà đi lại, sắp làm thông

gia với nhau. Con Bần nghe chuyện, tò mò lắm, muốn biết mặt đứa con gái may mắn đó là ai. Khi gặp, nó thất vọng, vì cô gái đó không nhan sắc mặn mà, chỉ vì con nhà giàu có.

Lên thành phố ở, ông chủ bà chủ mãi mê chuyện làm ăn. Họ có một cửa hàng ở trên phố mà nhà thì ở Vỹ Dạ. Cậu chủ đi học bằng xe đạp, và mỗi lần trời mưa, dẫn xe về, cậu chủ đều bảo con Bần:

– Bần, xe tao nhớt quá, mày rửa sạch cho tao.

Con Bần chùi rửa chiếc xe láng bóng. Cậu chủ thích lắm, tập cho con Bần biết đi xe đạp. Đạp chiếc xe đạp con Bần sướng rơn, coi sang trọng quá, đâu phải giống như con ở nữa. Nhưng biết đi xe đạp rồi, cậu Thanh sai suốt ngày, đi mua thuốc lá, đi bỏ thư, đi trả sách nhà bạn cậu. Lúc này nhà vắng người, cậu chủ muốn nói chuyện cũng chỉ nói chuyện với con Bần. Riết, có chuyện gì khẩn cấp cậu cũng nhờ Bần. Bữa nọ, cậu Thanh biểu:

– Bần, mi đưa cái thư tới nhà cô Trâm giùm tao chút được không?

Con Bần được ra khỏi nhà là mừng rồi. Nó hăng hái:

– Dạ được, cậu.

– Mi đừng vô nhà, nhà đó có chó dữ lắm. Mi đứng đầu đường, chờ lúc cô nó đi học, mi đưa thư là được.

– Tui nói mần răng.

– Nói của cậu Thanh là không có chuyện chi hết.

Vậy ra, cậu Thanh vợ đã đi hỏi mà còn trai gái. Mấy lần như vậy rồi, họ hẹn hò gặp nhau. Con Bần cũng lấy làm vui vì chúng kiến hai người, người nào cũng đẹp, xứng đôi vừa lứa lắm. Cậu chủ, bớt coi rẻ rúng con ở, vì lúc này, Bần cũng trở mã, đẹp ra, mặc dù thân hình gầy nhom, nhưng cặp mắt đẹp lạ lùng. Cô Trâm còn phải khen.

– Con ở nhà anh có cặp mắt đẹp quá. Coi chừng anh...

Cô cười rúc rích. Thanh nghiêm mặt:

– Đẹp cũng là con ở. Em nói chi lạ rứa!

Lại “trong nhà gì đẹp bằng sen”, cô Trâm nhắc và cười khúc khích.

Bữa đó con Bần tủi thân lắm. Nó khóc một đêm sưng cả mắt. Sáng ra, cậu chủ nhăn mặt:

– Coi tề. Mi cứ ở nhóp nhúa, coi, hai cục ghèn dính nơi mắt tề...

Con Bần đưa vạt áo lau. Nước mắt nó lại muốn trào ra. Nó buồn cả tháng không hết.

Chuyện của cậu chủ, dù kín đáo đến mấy cũng có lúc hở ra. Ba má cô Trâm tới tận nhà nói chuyện với ông bà chủ. Vậy là cậu chủ thất tình, những lúc không có ai, cậu chủ say mèm. Con Bần thương cậu chủ quá mà không biết làm sao cho cậu chủ bớt buồn. Nhiều bữa, thấy cậu ngồi trong phòng, nó gõ cửa. Cậu không mở mà còn đuổi đi. Cho tới chỉ còn một tháng nữa là đám cưới, cậu nhờ con Bần đi đưa thư nhưng con Bần không gặp được cô Trâm. Bữa đó, cậu uống rượu say mèm người. Nhà lại vắng, con Bần phải pha nước chanh đem vô cho cậu chủ.

– Cậu uống nước chanh cho già rượu.

– Tao không muốn già rượu chi hết. Mi đi kiếm cô Trâm về cho tau.

Cậu chủ lè nhè. Con Bần trố mắt nhìn. Cậu chủ cũng nhìn lại nó, rồi nó thấy mặt cậu chủ đỏ như trái lựu chín. Cậu vậy:

– Bần, mi lại đây tao biểu.

Nửa muốn bỏ chạy, nửa lại muốn bước tới. Con Bần không biết trong bụng nó nghĩ ra làm sao nữa.

– Mắt mi đẹp rứa thê, Bần.

Cậu chủ ôm con Bần trong tay:

– Đúng. Nói đúng, mắt mi đẹp chi lạ.

Cậu cúi hôn thật nhẹ vào đôi mắt con Bần. Lần đầu tiên con Bần ngửi được hơi hướm đàn ông, nhất là cậu chủ, nó đã nhiều lần nhìn lén cậu tám, cậu thay quần áo.

– Hun một cái nữa hí.

Cậu chủ đưa cái môi từ mắt xuống má, rồi từ má gần qua miệng. Con Bần choáng váng hết biết.

Rồi tay cậu mở từng khuy nút áo của con Bần ra. Bàn tay cậu điệu nghệ quá, đã có lần, con Bần leo lên cái thành tường ngoài cửa sổ, ngó vô phòng cậu, thấy cậu làm như vậy với cô Trâm, con Bần chết trân, mấy đêm sau không ngủ được. Giờ đây, chính cậu chủ đang làm với nó điều đó. Con Bần để yên. Lần đó, lần tới và nhiều lần nữa, con Bần lén vô phòng cậu chủ. Còn không, cậu chủ cũng lén xuống bếp. Nó ngủ dưới bếp thì khuya lắc khuya lơ, cậu chủ cũng mò xuống.

Năm đó ông bà chủ ăn Tết lớn. Nhà cửa được quét vôi mới, các màn cửa được thay lại hết. Vừa ăn Tết vừa chuẩn bị cho đám cưới cậu Thanh qua giêng. Con Bần cực khổ không còn chỗ than van. Thôi thì mua sắm, làm bánh mứt, lại vườn sau sân trước, ngày nào cũng phải quét dọn sạch sẽ. Bà chủ để ý từng li từng tí, trong góc vườn kiểm lại còn một vài lá khô là con Bần cũng bị lôi ra

chửi. Chưa hết, sáng sớm tinh mơ khônggiặt giụa quần áo thì cũng phải đi gánh nước. Bọn con gái đi ở quanh xóm thấy con Bần cực quá cũng phải bất bình.

– Không ở nhà ni thì ở nhà khác, sợ chi hè. Bắt con người ta làm việc hơn trâu nữa.

Đứa khác quá quắt hơn:

– Tụi bây đừng chọc vô tổ ong vò vẽ nghe. Trong nhà có cậu chủ đẹp trai rửa, tau, tau cũng ở không công nữa.

Con Bần không ham tranh cãi với chúng bạn. Nó chỉ lo làm sao gánh cho nhanh để đầy lu trong bể ngoài. Làm việc quá đến nỗi tối nằm vật xuống là nó ngủ như chết. Với lại bà chủ thức khuya làm bánh mứt, cậu chủ cũng không dám luông tuông, sợ bể.

Mùng một Tết năm đó, lần đầu tiên trong đời con Bần có được bộ quần áo mới. Ông chủ đã phải nói khó lắm bà chủ mới bằng lòng.

– Chó khôn đẹp mặt chủ nhà. Nó lớn rồi,

năm nay khách khứa đông, bà cũng nên may cho nó một bộ đồ để coi cho được. Quần áo của nó rách rưới qua.

Bộ đồ bằng vải bông đối với con Bần là một vật vô cùng quý báu. Tuy vậy ba ngày Tết nó cũng không có thì giờ để ngắm nghía coi mình mặc đồ mới ra sao nữa. Con Bần đâu, pha trà. Con Bần đâu, lột bánh tét. Con Bần đâu, lấy khay trầu ra têm. Chưa xong việc này con Bần đã bắt tay qua việc khác. Rồi rửa dọn, bữa nào con Bần làm xong thì trời cũng vừa hừng sáng.

Cho tới trưa mừng bốn, ông bà chủ đi chùa. Trong nhà cũng đi vắng hết. Con Bần dọn dẹp xong, mới đi ra vườn cầm cây chổi định quét mớ lá đem vào để dành nhúm lửa. Nó thấy lu nước nên dựng cây chổi ở một gốc cây rồi tới lu nước soi cái mặt mình. Lu nước trong veo, lộn cợn mấy con loăng quăng nhào lên nhào xuống nhưng không làm rung động mặt nước. Con Bần còn nhìn thấy một mảnh trời và mấy cành lá in trong đáy lu nữa. Rồi nó nhìn thấy cái mặt của nó, nhìn thấy bộ đồ vải bông. Bộ quần áo đẹp quá, mua ở

chợ mà mặc vừa khít. Nhưng coi mặt mũi nó tiều tụy quá chừng. Nó bèn lén lấy trong túi áo ra một miếng giấy màu đỏ xé từ một bao nhang để dành. Nó đắp nước, thoa nhẹ lên hai gò má, rồi xếp đôi một phần còn nguyên khác, cắn lên môi. Có vậy thôi mà khi soi lại trong lu, khuôn mặt con Bần đã thay đổi hẳn. Làm như hai con mắt nó đen hơn, long lanh, tình tứ hơn.

Nó giật mình khi thấy có hai cánh tay ôm qua người nó. Định thần lại thì ra cậu chủ. Nhìn vô lu nước, khuôn mặt cậu chủ bên cạnh khuôn mặt nó, cả hai cùng đẹp quá. Rồi chính cậu chủ làm tan cái hình ảnh quá đẹp đó đi. Cậu day cái mặt nó lại và siết chặt con Bần vào người cậu.

– Cậu ơi, đừng...đừng, cậu thả tui ra.

– Không thả. Bữa nay mày đẹp thiệt nghe. Đẹp ghê hê.

Một tay giữ vòng ôm, một tay cậu tọc cái áo con Bần lên.

– Cậu... đừng. Lỡ ai thấy...

– Không ai thấy mô. Tau nhớ mi quá. Thiệt, tau nhớ bắt chết.

Cái quần của con Bần bị kéo tụt xuống. Nó cố vùng vẫy, dùng cả hai tay giữ lại.

– Cậu...đừng mà. Ai thấy là chết con, cậu...

– Nó sửa lại quần áo, cầm cán chổi lên.

– Để tui mần việc, cậu.

– Mận. Từ nay mày là Mận chó không phải con Bần nghe. Con Bần nhà quê lắm, còn con Mận khác...

– Khác ra rả, cậu?

– Khác ri nì...

Cậu chủ giựt cái chổi vắt xuống đất, ôm chặt con Bần, cái áo của con Bần lại bị tụt lên.

– Như ri mới là Mận. Mận nì. Nói thiệt, tau thương mi. Tau thương Mận nì...

Lúc bị đè nằm xuống đồng lá, cái đầu con

Bần còn đề lên cái chổi quét sân. Tay nó nắm chặt một mớ lá khô và nó thấy cái mặt cậu chủ đỏ rừ. Trong miệng cậu, mùi rượu xông nồng nặc. Thì ra, cậu đã uống rượu, uống nhiều rượu.

– Cậu đừng nói láo với tui mà tội.

– Không, tau nói thiệt. Mi đẹp, mi mới đẹp nhứt.

Cậu chủ bỗng trở lại nhẹ nhàng. Cậu hôn lên đôi mắt của con Bần.

– Mận, em có đôi mắt đẹp nhứt, biết không?

Con Bần bị cành khô, đá sỏi châm vào mông vào lưng đau rát, nhưng trong lòng lại vô cùng thích thú, nó quên cả thân phận con ở của mình. Lần đầu tiên nó nghe tiếng “em” từ miệng cậu chủ gọi nó.

– Cậu à. Cậu đừng bỏ tui nghe. Tui...

Đang trù mến, mơn trớn, cậu chủ bỗng thở dài:

88 | Nhã Ca

– Tiếc mi là con ở, nếu không... Bần à...
Mận, mày đừng cho ai biết chuyện này nghe. Tau phải lấy vợ.

– Sao cậu không thương cô nớ mà cậu lấy.

– Tao không biết.

– Cậu ngồi đây một chút nữa được không?

– Được.

– Mai mốt ông bà biết được chắc giết chết tui.
Tui sợ lắm cậu ơi.

– Mày không nói, tau không nói, ai biết. Đừng
sợ.

– Dạ.

Con Bần ngoan ngoãn. Cậu chủ đỡ nó lên.

– Tao vô nhà trước. Mày coi sửa lại tóc tai
mới vô sau nghe. Họ sắp về tới rồi.

– Cậu Thanh.

Con Bần kêu lên, vừa sung sướng vừa sợ hãi.

Rồi nó đút cả bàn tay vô miệng để đừng bật ra tiếng kêu nữa. Cậu chủ không quay lại, đi một mạch.

Còn lại một mình, con Bần đứng lặng người một lúc rồi tới bên lu nước. Nó lại soi mặt mình. Nhưng không có khuôn mặtcậu chủ kề cận một bên nữa. Nếu không còn những cảm giác đau đớn trên thân thể thì nó nghĩ chuyện vừa rồi là nằm mơ thôi. Nó nhìn một lúc lâu khuôn mặt lẻ loi của nó, rồi nó giận dữ vọc tay vào lu nước. Cái mặt của nó tan ra theo từng lần nước chưa kịp tụ lại thì nó đã đập tiếp. Đập cho nát mảy ra, đập cho nát. Nó khóc một mình rồi ngồi xuống trên cái chổi.

– Bần. Bần. Cái con quỷ sứ đâu rồi, há, con tinh le te đi đâu rồi!

Nghe tiếng bà chủ, con Bần lật đật chạy vô.

– Mi làm cái chi mà áo quần tóc tai... Mi chui ở bụi mô ra rửa há con yêu bánh nậm...

Con Bần cúi đầu.

90 | Nhã Ca

– Mi đã cơm nước cho cậu chưa, cái mặt rưng cả ngày, thấy cái mặt là muốn đập cho một cái rồi. Cậu mô?

– Dạ cậu ngủ.

– Ngủ thì cũng thức cậu dậy biểu cậu ăn. Con ni vô hậu tể đợi rửa.

Cánh cửa phòng mở. Cậu chủ đi ra, không hề ngó tới con Bần:

– Chi mà ồn rửa mạ. Con ngủ, có dận không được đánh thức... Ăn chi mà ăn cả ngày, mạ lo chi mà lo dữ...

Hai bàn tay cậu chủ bẻ lắc cắc. Tội nghiệp con Bần, nó đứng run rẩy trước mặt bà chủ. Hai bàn tay cậu chủ bẻ lắc cắc mà như đang luồn trong người nó.

– Cút xuống bếp mần việc đi, còn đứng trơ đó, con hà bá.

Con Bần chờ đợi làm sao một ánh mắt nhìn của cậu chủ mà không có.

Cho tới ngày đám cưới thì con Bần không còn một lần nào được cậu chủ đoái hoài... Mẹ chủ, con nhà giàu, hách dịch lắm, hở mở miệng là mắng nhiếc:

– Cái con ở nhà anh mất dạy chi lạ, thấy nó là em nổi ma rồi...

– Đứa ở mà em chấp mần chi. Kệ nó.

– Thấy cái mặt ngó không sửa. Vừa nhớp vừa ngu như bò.

– Rửa nó mới làm con ở.

Câu chửi độc của mẹ chủ không làm con Bần buồn, mà câu trả lời của cậu chủ làm con Bần đau điếng. Vậy mà mới đây thôi, trước ngày cưới, cậu chủ đã gọi nó là Mận. Em Mận. Con Mận khác với con Bần mà, chính miệng cậu chủ đã nói, từ nay, đối với cậu chủ nó là con Mận. Không Bần nữa đâu được. Nó vẫn chỉ là đứa ở. Một bữa, lên nhà trên chỉ mình cậu chủ, nó làm gan tới gần, gọi:

– Cậu chủ.

– Mi... thôi xuống dưới đi. Mau lên...Mi...

Đôi mắt cậu chủ ngó dớn dác. Con Bần lăm lăm quay lưng. Đêm nào nước mắt của nó cũng chảy ướt cả gối. Nó thề là sẽ quên cậu chủ, con người lòng lang dạ sói, có mới nới cũ. Từ ngày cưới vợ về, cậu chưa hề một lần ngó ngang hay táy máy tới con Bần. Nhiều bữa nhà vắng, mợ chủ về nhà mẹ, con Bần trốn việc ra sau vườn, đứng bên lu nước, hy vọng cậu chủ ngang qua. Nhưng không có thêm một lần nào nữa. Nó lại tự hứa trong lòng, sẽ cố quên.

Con Bần cũng sẽ quên được thôi, nếu tháng sau, nó không cảm thấy khó chịu trong người. Một buổi sáng, đang giặt áo ở bến sông, nó nôn thốc nôn tháo. Không phải ăn trúng độc gì, mà tiếp theo những ngày sau đó, cứ thấy mùi cá kho là bụng nó cồn cào, nôn nao và ọ ọ mưa. Con Bần biết là đã có mang với cậu chủ.

Nó sợ lắm. Mỗi ngày ra gánh nước giếng, nó gặp nhiều con ở khác, kể nhiều chuyện. Con Cau, cũng bị ông chủ làm có mang, bà chủ đánh đập

quá, chịu không thấu đã thắt cổ tự tử trong nhà bếp. Con Mực không biết chữa hoang với ai, bị chủ nhà đuổi ra đường, vác cái bụng đi ăn mày, mùa đông, chết còng trước cửa nhà người ta... Nó lo sợ và chờ những giờ giếng nước vắng hoặc ít người, nó mới ra thả gàu kéo nước. Múc nước lên mà nước mắt của nó rơi tong tong xuống giếng.

Chuyện con Bần có mang không giấu được lâu. Một buổi sáng, đang làm việc, con Bần phải chạy ra góc vườn để ụa mửa thì mợ chủ thấy. Không phải tình cờ gì đâu, mà mợ chủ đã nghi ngờ, để ý. Tối đó, cả nhà ngồi lại, kêu con Bần ra. Bà chủ lên tiếng:

– Bần. Mày có mang phải không?

– Con...

Con Bần run rẩy hai đầu gối như muốn quy xuống.

– Khun hồn thì đừng có chối. Mi có mang với ai?

Con Bần cắn răng lại. Nói là của cậu chủ, ai tin. Nó nghĩ tới những trận đòn thừa sống thiếu chết, nghĩ tới hình ảnh con Cau thắt cổ trên xà nhà...

– Có phải mi leo tẹo với thằng Mương bên nhà hàng xóm khôn, hí?

Thằng Mương cũng ở độ. Nhà hàng xóm làm bún, phải mượn một thằng trai trẻ có sức để xay bột bằng cối đá. Con Bần rất sợ thằng này vì thằng này hoang lắm. Có lần, thấy con Bần, nó đứng bên hàng rào tuột quần ra, con Bần chạy bán sống bán chết. Mấy con ở trong xóm đều sợ thằng Mương này, có mấy con ba đá ngựa thượng tứ mới leo tẹo với nó.

– Dạ không phải cô chủ nờ. Con...

– Hừ, chỉ có cái thằng đó bạ mô xâu đó, mi mới thích xâu, mới chình ình cái bụng ra.

– Oan cho con, cô ơi.

– Vậy đứa mô. Đứa mô. Không noái tau đập cho chết.

Con Bần bị đến mấy trận đòn. Nó vẫn cắn răng. Sau, bà chủ đem cột nó ngoài vườn, lột áo cho dầm sương đêm. Cả người nó roi lần ngang lần dọc, đau đớn như bị lột thịt xẻ da. Chỗ nó bị trói là góc vườn bên này, đối diện bên kia là lu nước mưa. Nó nhớ như in khuôn mặt của nó, của cậu chủ soi trong đó. Lu nước trong vắt với những con lăng quăng vùng vẫy mà không hề gợn được một làn sóng nhỏ. Nó cũng vậy, còn yếu hơn con lăng quăng nữa.

Đã vậy mà đâu có yên, mợ chủ đa nghi, nửa đêm, ra vườn cầm đầu tóc con Bần xoáy trong tay, giật mạnh:

– Mi phải khai ra, không tao giết chết. Mi ngủ với ai?

– Dạ không biết.

– Con ngựa cái. Mi ngủ với ai lại không biết. Không biết tao đập cho mi biết.

Mợ chủ, nhìn khuôn mặt đã thấy ác rồi. Khi cơn giận lên tới đầu, mợ chủ dữ như cọp. Giật tóc,

96 | Nhã Ca

tát vào mặt, lột quần con Bần ra rồi bơi đường
bơi mỡ lên người con Bần.

– Cho muối nó cắn, cho kiến nó bu, đồ nặc
nô.

Ông chủ, lòng nhờn từ hơn, sáng, ông dậy
sớm, lén đem nắm cơm nguội cho con Bần ăn,
dỗ dành:

– Con noái đại đi. Đứa mô mần con có mang
con cứ khai ra, sợ chi. Chớ con giữ trong bụng,
bà chủ với mợ Thanh đánh chết con.

Con Bần khóc:

– Con noái thì mợ với bà chủ cũng đánh chết
con.

– Răng đánh. Nói đứa mô rồi ông tính cho,
bắt nó lấy mi.

Thấy con Bần cắn răng làm thỉnh, ông dỗ:

– Nói đi con. Nói đi, ông biết đứa mô là ông
bắt nó cưới, ông cho tiền để nó cưới, chớ con mần
thỉnh rứa là con sẽ khổ cho coi. Nói đi con.

– Con không nói được ông ơi. Con thà cắn lưỡi con chết.

Ông chủ thở dài bỏ đi. Con Bần bị cột ngoài vườn, trần truồng cho muỗi đốt và kiến cắn tới ngày thứ ba thì kiệt sức.

Nửa đêm mắt nó nhìn lên trời, cả ngàn sao nhấp nháy mà nó chỉ thấy những lần chớp xẹt qua xẹt lại. Lúc nó sắp ngất đi, gục mặt xuống thì có một bàn tay nâng mặt nó dậy, có người cho nó uống nước. Trong lúc mơ mơ màng màng, thần quách tá hỏa, nó cũng nhận ra khuôn mặt cậu chủ. Đầu nó lóe lên mấy tia sáng, nhưng rồi tắt ngúm liền. Nó rên:

– Cậu chủ ơi, tui chắc chết, không chịu thấu quá.

– Đừng nói nghe. Bần, mi đừng nói.

Con Bần đưa tay lên, muốn níu nhưng không đụng ai. Giọng cậu chủ:

– Họ đang sắc thuốc trực thai, bữa mới bắt mi uống. Mi uống không?

98 | Nhã Ca

– Không, cậu ơi. Không cậu. Con của cậu mà, cậu Thanh.

Bàn tay của nó đã được cậu chủ nắm.

– Suyt, mi đừng noái lớn rúa. Tau trốn ra đây một chút xíu thôi chớ không mợ mi nghi là mệt lắm. Mi không muốn trực đứa con.

Đang muốn ngắt đi vì kiệt lực, con Bần cảm thấy hơi ấm từ tay cậu chủ đang dồn qua người nó, nó tỉnh dần.

– Không, cậu. Tui thương cậu. Tui thương cậu lắm.

Nước mắt nó chảy ràn rụa trên mặt như mưa ướn. Không thấy cậu chủ nói gì thêm. Con Bần nhìn lên trời, nó đã nhìn thấy rõ những chòm sao rồi. Nó còn ngửi thấy mùi thơm của hoa nhài, hoa bưởi trong vườn nữa.

– Nếu cậu không muốn tui giữ con, cậu giết tui đi. Nì, cậu giết tui đi.

– Bần, lỡ rồi, thiệt tao mô muốn rúa, mi đừng trách tau...

– Tui mô có trách chi cậu. Cậu ơi, nhưng thà cậu giết tui đi. Thà cậu giết chớ đừng để người ta giết tui, tui hận lắm.

Nó nhắm mắt lại, chờ coi người đàn ông này làm sao để giết mình. Nó chỉ nghe một tiếng thở dài và giọng cậu chủ run run:

– Bần. Mi đừng tên Bần nữa. Mi đổi tên là Mận cho đỡ khổ nghe. Tau... tau có thương mi cách mấy cũng chịu vậy...

Cậu chủ ngừng lại nuốt nước miếng mới nói tiếp:

– Vậy mi đi trốn đi rồi đẻ con. Tau có cặp xuyên cho mi...

– Thôi cậu ơi, ở mô mà cậu có đôi xuyên. Cậu ăn cắp của mợ phải không? Thôi, cậu ơi...

Con Bần khóc. Đây mới là giọt nước mắt thực tình thương cho cậu chủ và thương cho nó.

– Của ai mi không cần biết. Mi cầm và nhớ trốn đi càng xa càng tốt. Mi...

Con Bần nức nở:

– Con cậu thiệt cậu ơi.

– Tau biết. Nhưng tau chịu rồi. Tau thua gia đình rồi. Mai, họ bắt mi uống thuốc trục thai.

Con Bần ngược mắt nhìn cậu chủ. Đôi mắt nó vẫn còn đen láy, còn đẹp. Cậu chủ thấy nhói trong lòng khi cúi sát xuống nhìn đôi mắt của con Bần vẫn chưa hiểu gì cuộc đời.

– Cậu nói thiệt cho tui biết, cậu có thương tui không?

Có? Không? Lẫn lộn trong lòng cậu thanh niên Huế. Cậu cắn môi, gỡ trói cho con ở và bảo:

– Đi đi, Bần.

– Cậu chủ...

– Đi đi mà. Đi.

– Cậu ơi.

– Dặn nì. Đừng nói ra. Chết cũng không nói nghe chưa?

– Dạ.

Đôi mắt con Bần nhìn thấy tội làm sao. Cậu chủ không dám nhìn thẳng nữa.

– Cậu, cậu cho tui miếng nước. Miếng nước trong lu đang nở đó cậu. Bữa đó... cậu.

Cậu chủ hiểu con Bần định nói gì. Cậu đi lại cái lu nước, có cái gáo dừa móc trên một gốc cây. Cậu lấy xuống vục vô lu lấy đầy một gáo rồi đem tới cho con Bần.

– Cám ơn cậu.

Nó uống một hơi cạn queo rồi vắt cái gáo xuống đất. Giọngcậu chủ run run:

– Mận, mi đi đi. Khôn khéo trong nhà họ biết, Mận...

– Cậu...

Cậu chủ xoay lưng đi vào. Con Bần đứng nhìn theo. Bóng cậu chủ khuất. Con Bần cắn môi rồi bật khóc. Nó vừa khóc vừa chui qua cái lỗ hàng

rào mà mới đây thôi, cậu chủ hay chui qua để đi hẹn với người yêu của cậu.

Tờ mờ sáng, chính mợ chủ là người xuống bếp sớm nhất. Mợ chủ chăm chỉ sắc thuốc cho con ở uống. Linh tính người đàn bà cho biết là điều mình nghi ngờ chắc chắn không sai. Trong nhà, ai cũng tra khảo, đánh đập con ở, duy chỉ có Thanh là hoàn toàn im lặng. Mợ đã hỏi dò:

– Anh có nghi nó với ai không?

– Anh miễn rằng biết được.

– Em, hừ, trong nhà này có hai người đàn ông...

Mợ chủ định nói hai người là chồng, là bố chồng nhưng kịp dừng lại. Cậu chủ hiểu, nhúu mày:

– Em ăn noái chi lạ rứa!

– Em...

– Hừ.

Cậu chủ quay lưng.

Thang thuốc sắc cũng phải mấy tiếng đồng hồ. Mợ chủ cẩn thận, chi li như vậy vì sợ thuốc sắc không đúng phân lượng uống vô không hiệu quả. Thôi thì ai nói chi thì nói, sự tử hà đông cũng được, ác nơn ác đức cũng được. Không bịt cái mối họa này thì mối họa khác còn lớn hơn, tiếng tăm còn nhục nhã hơn. Mợ chủ nhẫn nhục để lửa liu riu chờ.

Đến sáng, khi chén thuốc sắc xong, ra vườn thì không thấy con Bần đâu nữa. Ông chủ thở phào nhẹ nhõm cả người. Mợ chủ cầm chén thuốc chạy quanh nhà.

– Mần răng chừ. Nó bỏ trốn rồi.

Mợ chủ gọi cha chồng, mạ chồng, bù lu bù loa:

– Chắc có người mở trời cho nó chớ đã thất nút kỹ lắm. Mần răng chừ đây?

Bà chủ:

– Đừng để cho nó thoát.

Phải làm một cái gì để chặn lại. Mợ chủ quay quắt:

– Phải đuổi theo, tìm cho được nó.

Ông chủ chấp tay sau lưng, ngó đứa con trai đang thập thò ở cửa buồng, lắc đầu.

– Nó đi xa rồi. Biết mô mà tìm.

– Rồi mần rằng. Bộ đứng trợn mắt mà ngó?

– Rúa không ngó, bà đi kiếm bắt đi.

Ông chủ chấp tay sau lưng, ngó mông lung ra cửa.

Mợ chủ đi vô buồng lục tung tủ tìm mớ nữ trang. Thấy không mất gì, mợ chủ nhìn chồng:

– Răng anh đứng chết trên rúa?

Thanh mở lớn mắt ngó vợ:

– Rúa chừ anh biết mần chi chừ.

Đôi mắt người thanh niên ngây thơ... vô số tội. Đôi mắt đã quá hiểu về cuộc đời. Người vợ dí tay vào trán chồng:

– Anh hí, gớm lắm. Không phải tui nghi tầm bậy tầm bạ chi...

– Rửa em nghi ai? Tui hay bỏ?

Người vợ cứng họng. Rồi không biết làm gì cho hả cơn giận, mợ chủ đi ra vườn cầm cái dao phay, phạt gãy phẳng mấy cây chuối non. Mợ chủ biết, ít nhất, mợ cũng phải thay thế con ở dăm bữa nửa tháng xắt chuối cho heo ăn, chờ tìm nuôi một con ở mới.

Chiều hôm đó, bà chủ nói với ông chủ:

– Tui mất một đôi xuyên. Chắc...

Ông chủ trầm ngâm:

– Thôi được rồi. Để tui mua lại cho bà.

– Ông nghi ai?

– Vô lẽ bà nghi tui?

Họ ngồi vô bàn cơm. Cô con dâu mặt chăm vằm một đồng, còn đứa con trai thì cúi đầu ăn, và lấy và để, không thấy nhai mà chỉ thấy nuốt.

– Mạ có mất chi không mạ?

Cô con dâu hỏi. Bà chủ bắt gặp cặp mắt của chồng nhìn, bà nói:

– Không. Không mất chi cả.

Cậu chủ ngừng ăn, lấy muỗng chan canh đầy bát, lúc đó, cậu mới ăn thông thả trở lại.

o O o

Ba mươi năm sau, họ gặp nhau tại Mỹ.

Mùa Xuân năm đó, ông Thanh từ tiểu bang Minnesota bay về San José. Một phần ông muốn gặp lại bạn bè cũ, một phần muốn trốn bằng giá. Ông đi một mình, người vợ tưởng ở với ông suốt đời, ông cũng đã chôn hai năm về trước. Hai vợ chồng không có con cái, họ sẽ không bỏ Huế nếu không có cộng sản xâm chiếm.

Đến San José, ông Thanh tìm gặp một gia đình bạn cũ, cũng người Huế. Xiết bao vui mừng, chuyện mới, chuyện cũ gợi hoài không hết.

– Rồi anh có tính bước thêm một bước nữa không?

Người bạn hỏi ông Thanh.

– Ngót nghét sáu mươi rồi, còn ngộ ngậy chi nữa, cụ.

Tiếng “cụ” không phải để chỉ tuổi tác. Tiếng “cụ” từ thửa còn học sinh, họ đã gọi nhau nghịch ngợm như vậy.

– Ở Mỹ khác rồi. Tám mươi người ta còn lấy vợ kìa.

Tụi này mới đi dự đám cưới chú rể bảy mươi tư, cô dâu bảy mốt. Đám cưới vui quá đáo để. Cô dâu thay ba bốn lượt áo mới, có nhảy đầm. Chú rể cô dâu dìu nhau lả lướt tango dàng hoàng nghe...

Chị vợ cười:

– Tối nay có buổi họp tất niên của một số bạn cũ, anh đi dự với bọn nì nghe. Chừ tự do rồi phải không? Nghe đồn hồi còn sống, chị bắt nạt anh lắm phải không?

Giọng Huế đậm đà, không pha trộn của vợ bạn làm Thanh nghĩ tới vợ. Trong cuộc sống, chị có khắt khe, ép buộc anh đủ điều, nhưng nghĩ cho cùng, chị vẫn không có gì lắm lỗi. Thương chồng, giữ chồng, lo cho chồng, còn sợ mất chồng.

Suốt mấy chục năm, Thanh chưa bao giờ đi đâu một mình mà không có vợ bên cạnh.

Tối hôm đó, Thanh ngồi cùng bàn với một cặp vợ chồng trẻ. So với ông Thanh là trẻ nhưng cũng ngót nghét trên ba mươi. Người chồng còn dẫn theo một bà mẹ khó đoán được chính xác tuổi tác. Lúc mới gặp, ông Thanh ngờ ngợ, đôi mắt đen láy, tuy hai mí đã sụp và có nếp nhăn, nhưng hình như ông đã gặp đâu đó trong đời rồi. Không nhớ nổi với mớ ký ức chẳng chặt. Vì, mặc dù vợ canh rất kỹ, thỉnh thoảng ông vẫn có những mối tình vụng trộm, qua đường và không đi đến kết quả nào.

Sau khi bắt tay, ngồi xuống, người bạn giới thiệu:

- Đây là kiến trúc sư Thanh Mận.
- Và đây là mẹ tôi.

Người đàn ông trẻ mau mắn, tươi cười giới thiệu tiếp. Kia nụ cười, sao làm ông Thanh chăm chú. Ông Thanh gật đầu chào người đàn bà đứng tuổi. Vợ người bạn nói:

– Anh Thanh Mận có hiếu lắm, lấy vợ rồi mà không rời mẹ một bước.

Người đàn ông trẻ hớn hở:

– Vâng. Tôi có một mẹ một con. Có được ngày hôm nay cũng là nhờ mẹ tôi...

Không hề có sự sắp đặt mà ngẫu nhiên thôi. Thanh ngồi cạnh người đàn bà rồi mới đến cặp vợ chồng bạn. Người đàn bà không thấy nói cười mà khuôn mặt nghiêm trang. Người bạn nói:

– Chị Thanh Bần đây thật là giỏi. Lớn tuổi rồi, qua Mỹ chị thành công hơn nhiều người trẻ.

Hệ thống Bakery lớn nhất ở đây là do chị thành lập, nổi tiếng lắm.

Người con:

– Thiệt đều do một tay mẹ tôi. Lớn tuổi rồi mà mẹ tôi hoạt động hăng lắm. Vợ tôi chỉ là thợ vịn... mẹ. Phải không em?

Người vợ có vẻ ít tuổi hơn chồng, cười tí mắt ngó mẹ chồng. Người mẹ cũng nhìn lại con dâu, nheo mắt. Ông Thanhgiật mình ngớ người. Cặp mắt đen láy, tinh anh với cái nháy nháy đó, ở đâu trong đầu ông, bật ra. Ông lại vừa nhìn thấy trên cổ tay gầy của bà Thanh Bần đeo một đôi xuyên méo mó, cũ kỹ.

Thanh Mận. Hai chữ không ăn khớp với nhau ghép thành một tên. Rồi Thanh Bần... Mận và Bần, hai cái tên của một con người năm xưa... Đôi xuyên mà bà đeo trong cổ tay, có phải là đôi xuyên năm xưa của người đàn ông trả tội.

Bàn tay ông Thanh rung lên, không phải vì già yếu mà vì xúc động.

– Bà chị... Chị là...

Khuôn mặt ngó thẳng, nghiêm nghị, lạnh lùng:

– Thưa ông, ông nói chi?

Giọng Huế, người xưa. Rõ ràng. Không lắm được...

Ông Thanh nói khó ra lời:

– Thấy... thấy chị... quen quá.

Người đàn bà vẫn giữ thái độ lịch sự mà xa cách:

– Thưa ông, có thể ông nhầm người vì người giống người...

– Tôi là Huỳnh Văn Thanh, chị...chị là...

Nụ cười trên môi người đàn bà nhạt như nước ốc:

– Chắc là ông đã lầm, thưa ông. Từ nhỏ tới già, tôi chưa hề quen biết một người nào có tên đó.

Thanh ngượng ngùng. Cũng may, lúc đó có vài người bạn cũ nhận ra anh, réo gọi. Anh bị kéo tới bàn khác hàn huyên. Nhân cơ hội Thanh hỏi bạn hữu về người đàn bà tên Thanh Bần, họ nói:

– Chỉ biết bà Thanh Bần gốc Huế, vô Sài Gòn. Có thời bà giàu lắm, có cả chục căn phố cho thuê. Lúc di tản, nghe nói cũng đem theo được ít của cải nên lập nghiệp lại, thành công sớm. Kỳ thiệt, giàu có vậy mà tên Thanh Bần.

– Bà Bần có nhiều con cái không?

– Có chỉ một đứa. Một mà nên. Thăng cha có hiếu khiếp. Mẹ Thanh Bần, con trai lại Thanh Mạn.

Lúc trở lại bàn, ba mẹ con vẫn còn ngồi đó. Nếu người đàn bà này là con Bần xưa thì đúng như truyện con bé Da Lừa đã đổi lốt. Người đàn bà này trông đáng dấp quý phái, ăn nói linh hoạt, cái áo da lừa là con Bần ngây dại, sợ sệt, ngu muội xưa đã bị ai đem đốt đi rồi. Ông Thanh bụng dạ thấp thỏm.

Người đàn ông trẻ đẩy cái đĩa thức ăn đã lấy phần sẵn về phía ông Thanh và mỉm cười. Ông Thanh giật mình. Ông nhớ lại, ông còn một tấm ảnh chụp năm ba mươi tám tuổi, tấm hình và người này y chang một khuôn mặt. Thanh nhìn người đàn bà. Ông dần dần nhận ra nhiều nét quen thuộc của con Bần, người ở nhà ông. Mấy chục năm qua, không phải là ông đã quên hẳn lầm lỗi thời còn trẻ. Ông vẫn thắc mắc không biết con Bần trôi giạt nơi đâu, sống chết thế nào. Giọt máu đầu đời của ông, đứa con hoang của tội lỗi có lớn lên được thành người.

Trước mặt ông là một người đàn bà trọng tuổi, nghiêm trang, quý phái, vậy cũng không thể nào lầm lẫn. Ông Thanh nhớ lại hồi nhỏ, khi ông thấy tử vi coi số cho, khi ông nhìn thấy con Bần đã buột miệng:

– Con này về sau ba mươi tuổi sẽ giàu có.

Nếu đúng như vậy thì Thanh Mận có thể là đứa con năm xưa của ông. Và con Bần đã lột xác thành một bà chủ. Người đàn bà này còn hận ông bầm gan tím ruột, không muốn nhìn nhận

ông nữa. Cũng phải thôi, khi xưa, ông Thanh đâu dám nhìn nhận con Bần. Mặc dầu ông đã cứu Bần, cứu đứa con, nhưng ông đã xua đuổi họ ra khỏi cuộc đời ông, không màng đến sống chết của họ. Bây giờ, bà Bần nói chuyện với ông Thanh còn hơn những người xa lạ.

– Năm Mậu Thân chị có ở Huế không?

– Dạ không. Có thì bị chôn sống rồi. Đời tôi bị chôn sống một lần mà không chết.

Giọng cay đắng quá. Ông Thanh tự rửa thẩm mình, rồi nhát gan không dám hỏi tiếp nữa. Người đàn bà lặng thinh một hồi lâu, nói:

– Chắc anh không ở vùng ni?

– Dạ thưa chị, tui ở tận Minnesota, xa lắm.

– Chị và cháu cũng ở trên đó?

– Dạ không. Bà ấy chết cách đây hai năm rồi. Tụi này cũng không có con.

Đôi môi người đàn bà dần ra mà không phải cười. Các nếp nhăn trên mặt cũng dần ra một

cách thoải mái. Người đàn bà này, nếu tuổi trên năm mươi, đúng là con Bần ở độ năm xưa. Ông tính nhầm, năm đó con Bần mười bảy tuổi, cộng ba tám năm thì đúng 55 tuổi.

– Xin lỗi, hồi ở Huế, chị ở mô?

– Dạ cảm ơn ông. Bị tui có hứa với mình là có chết cũng không được nói.

Ông Thanh cảm thấy như mình đang bị điện giật. Lời đó được nhắc trong đầu ông:

– Có chết cũng đừng nói nghe Bần.

– Cậu. Cậu ơi...

Ông đã quay lưng đi vội vã, lúc đó suýt vấp phải lu nước mưa. Ở lu nước mưa đó, lần cuối cùng... Ông nhớ, ông đã tước cái áo của con Bần lên và... Chuyện đó, đã qua ba mươi tám năm...

– Chị... nếu tôi đoán không lầm thì năm nay chị khoảng trên năm mươi, nhưng trông chị còn trẻ lắm.

Bà Thanh Bần, đúng là con Bần ở đợ năm xưa, đã tính gặt đầu thì mỗi hận trong lòng sống dậy. Cũng may, nhờ lời đoán của ông thầy tử vi mà con Bần lãnh chịu bao nhiêu khổ đau, cũng cứ tin vào vận số và vươn lên. Kể cả đôi xuyên cật chủ đưa, con Bần ngày xưa cũng không hề bán đi để xài trong lúc sanh đẻ. Đôi xuyên đeo trong cổ tay như đeo đôi vòng nhục nhã để nhắc nhở. Bởi vậy khi thành công, có cơ nghiệp, con Bần mời thầy về dạy học chữ, học sinh ngữ. Bà có thể thay đổi thành một người khác, nhưng mỗi hận tình xưa vẫn mang nặng trong lòng, và cái tên Thanh Bần không rời cuộc đời của bà nữa.

Người thanh niên tuấn tú, đẹp trai, con ông chủ không phải đã nói với con Bần xưa:

– Đừng có noái. Có chết cũng không được noái ra nghe. Đến chết cũng không được nói, huống chi bà còn sống.

Bà đứng dậy:

– Xin lỗi, tôi phải về.

Người con:

– Mẹ mệt rồi hả mẹ. Chúng con đưa mẹ về.

Bà cười, mắt không ngó ông Thanh nhưng cốt ý nói cho ông nghe:

– Tuổi già, ngồi lâu nhức mỗi cái lưng. Cái lưng mẹ đã đau từ hồi trẻ...

– Bác, Tết cháu mời bác tới nhà chơi. Mẹ cháu năm nào cũng nấu nướng. Bánh tết với dưa món của mẹ cháu ăn hết dưa món ở đây.

– Năm nay mẹ làm biếng lắm, đâu có làm gì mà con dám mời khách.

Giọng nói nhạt nhẽo, thiệt vô tình. Một lối cấm cửa khách rất khéo.

Người đàn ông trẻ tuổi đưa tay cho Thanh bắt. Thanh nắm chặt bàn tay ấm áp, chắc nịch, thấy rất thân thuộc. Ông có cảm giác những mạch máu nhỏ li ti của người đàn ông trẻ đang đập cùng một nhịp với mạch máu trong lòng bàn tay ông. Mắt ông mờ đi như có một màng lệ mỏng che phủ. Rồi ông cũng buông tay ra và người đàn ông trẻ trung đi bên vợ, ôm vai mẹ dần ra khỏi

cửa. Ông Thanh cảm thấy chân tay thừa thãi và chỉ còn biết nhìn theo cho tới lúc họ khuất dạng.

Trên xe trở về nhà, bà Thanh Bần ngồi bằng ghế sau một mình. Qua chiếc kiếng chiếu hậu, bà nhìn thấy mớ tóc của bà cũng đã lên màu muối tiêu. Thời gian hình như cũng làm bạc màu hết kỷ niệm. Vậy mà gặp lại người xưa, giữa xú lạ quê người, tim bà vẫn còn thổn thức.

Cậu chủ, người thanh niên đẹp trai năm xưa, nay cũng đã đứng tuổi. Bà đã cố gắng phấn đấu để giấu đi những lúc oán hận cũng như những lúc mềm lòng. Đôi mắt của ông Thanh đã khác xưa nhiều quá, khi nhìn bà, bà đã thấy được sức chứa của ăn năn, hối hận.

Bà không biết nữa, giữ được hôm nay mà có giữ được ngàymai không? Mấy chục năm, người ta vẫn còn nhớ, vậy sao kỷ niệm mỗi tình hận của bà lại phai màu được!

Lúc xuống xe, đứng trong sân vườn bên hồ nước nhỏ chờ đưa con dâu mở cửa bà lại nhớ tới khu vườn sau căn nhà cổ ở Huế. Lu nước mưa

với cái gáo nước móc trên gốc cây bên cạnh. Gáo nước cậu chủ múc cho con Bần uống ngày nào, giờ đây nghĩ lại còn mát cả ruột gan. Và lu nước mưa, chẳng phải con Bần ngày xưa đã mơ ước được một lần nữa, soi hai khuôn mặt, mặt mình và mặt cậu chủ trong đó!

Trên đầu bà, một vùng trắng, một cơn gió. Phải, gió vừa lướt trên mặt bà, trên tóc bà, thổi tới một hơi xuân mát dịu.

Không có hạt bụi nào mà mắt bà xốn quá, rồi lệ ứa ra hai khóe mắt. Bà kín đáo đưa ngón tay lên quệt, y như con Bần ngày xưa, khóc thầm và quệt nước mắt bằng ngón tay trong góc bếp, bên lu nước hay khi trốn sau chuồng heo.

NỤ HỒNG

Lúc bước xuống đường để sang bên kia trạm xe bus, ông cụ hoảng quá. Đèn bật xanh lè, cụ lụm cùm chạy.

Tuổi già tẻ thiết, cụ chạy mà không bắt kịp mấy người cùng băng sang đường với cụ. Bước chân họ như dài gấp đôi bước chân cụ. Xoạch một cái, cụ bị rơi lại đằng sau. Đèn chớp vàng cùng với cái bảng cấm chớp đỏ lên cùng lúc. Ông cụ còn quỳnh quáng hơn, muốn vấp té. Đã vậy, một chiếc xe hơi vọt tới, như muốn đâm thẳng vào người ông. Ông cụ nhắm mắt, tưởng giây phút về châu tổ tiên đã tới. Nhưng khi mở mắt, thấy khoảng cách lè có một bước chân, cụ vội nhảy đại lên. Giờ mới yên tâm thở được.

...Ngồi xuống ghế, hít thở đã đời, cụ vẫn chưa hết cơn sợ hãi bàng hoàng. Cái xứ Mỹ này lạ đời, không giống ai. Xe ở đâu mà nhiều vô số, còn hơn cả châu chấu ở quê cụ mỗi lần có nạn mất mùa. Đường trong, đường ngoài, xa lộ, ôi thôi, cái giòng xe chạy miết không bao giờ dứt đoạn. Khúc đường này, ngay trung tâm phố, mà kìa... Cụ ngó. Xe chạy loạn xạ. Mấy cậu thanh niên đi đâu mà như ăn cướp. Lạng qua, lách về, vèo một cái là mất biệt. Con gái lái xe cũng dễ sợ như đàn ông con trai. Chiếc xe hàng chở gì mà to kênh, dài ngoằng, cụ vừa thấy cái đầu tóc vàng hoe. Xe tải của Mỹ đấy, nó cao, dài như mấy gong xe lửa dình lại. Mắt có quáng gà không? Con gái rành rành. Vậy mà xe vòng chữ U, nhanh như con rắn cong mình, bắn về phía trước. Hoa cả mắt. Hai tay ông cụ đang để trên đùi, từ lâu rồi, vẫn không ngừng run lên.

Trên chiếc ghế đợi cụ ngồi một mình, bây giờ đã có thêm hai người. Một người đàn ông da đen và một phụ nữ Mẽ. Người đàn bà tới trước, đặt mình cái bịch ngồi xuống ghế đợi, ngay cạnh ông cụ. Đàn bà xứ này coi cũng kỳ. Cái vẻ e dè, kéo

vạt áo hay váy trước khi ngồi xuống của phụ nữ Á Châu vẫn có cái vẻ dịu dàng, dễ thương mà vô cùng quyến rũ. Còn bà ta, con mụ này, chắc ăn uống cũng bạo lắm nên người tròn vo, như cái keo đựng mỡ. Không biết cả ngày làm việc, đựng độ những gì mà mặt mũi khó đảm đảm.

Người đàn ông da đen tới sau một lát, anh ta không ngồi mà đứng, tựa vào cái cột đèn mé hông ghế. Anh này coi bộ vui vẻ, thấy phụ nữ là cười chào liền. Người đàn bà Mễ chẳng hề có cái nhếch môi đáp lại, mà còn lầu bầu. Gặp đôi mắt ông cụ nhìn, hắn ta lại cười, chào nữa. Còn nhún vai, ra cái điệu người đàn bà này đáng chê quá. Ông cụ gật đầu đồng ý. Ông cụ nghĩ đáng ra mình phải chào thành tiếng, như nói đại: Hai. Nhưng rồi ông không mở miệng được. Sang Mỹ đã năm năm, mỗi lần ông cụ hay bà cụ mở miệng xài thử vài tiếng Mỹ học lóm được thì mấy thằng cháu nội sửa lưng liền: ông (hay bà) nói sai rồi. Nhiều lúc ông bà cụ nghe con cháu nó sửa lưng, ngó nhau, tên tò lắm. Có lần ông cụ nói chuyện nước Mỹ với bà cụ: Chỉ có xứ Mỹ này mới dùng cái xe mút-sơ-lin được vì đường xá nó rộng menh

mông. Hai thằng cháu nội cười chảy nước mắt. Thằng con trai chen vô:

– Ba không biết thì đừng có nói tiếng Mỹ. Khổ quá, xe Lin-mu-din chớ không phải mút-sơ-lin. Tệ nhất là lúc nhà có khách, ba đừng xỏ tiếng Mỹ có được không?

Hai ông bà già tủi thân và buồn dễ sợ luôn. Nếu còn ở Việt Nam, con của cụ có dám mở miệng với cụ vậy không? Tội nghiệp ngày bà cụ còn sống, vẫn canh chừng, nhắc nhở ông:

– Thôi ông ơi. Mình đã bỏ quê cha đất tổ mà đi. Mình mất cái gốc rồi. Ông đừng bực mình tội nó làm chi, cứ như cầm như điếc là xong. Nhà bà cụ Lài kia, đánh thằng cháu có cái tát, nó biết quay số điện thoại gọi cảnh sát, ông cụ vô tù, thấy chưa? Nhịn đi ông.

Con giun xéo lắm cũng quẩn. Tức quá cũng có lúc phải chửi cha thằng con lên. Thì thằng cha phải chửi cha thằng con chớ ai vô đó nữa. Thằng con thấy cha mình bị lôi ra chửi, cũng đau:

– Ba chửi vậy mà nghe được. Không thấy kỳ cục gì hết sao? Buồn cười. Ba nghĩ coi, lúc ba má còn ở Việt Nam, con cũng có thư về nói rõ đời sống bên này. Không phải ra đầu đường đút cái thẻ vô máy rồi tiền nó chạy ra cho mình tiêu như mấy thằng lưu manh về Việt Nam nói dóc để lừa gạt đâu. Đi càay còn hơn trâu nữa. Ba má cũng nghĩ cho chúng con, cả vợ cả chồng đi làm từ sáng sớm tới tối mịt. Ngày nghỉ cũng ráng đưa ba má đi chùa. Thế còn chúng con có chút nghỉ ngơi nào không? Đời sống ở đây nó sòng phẳng tàn nhẫn. Một tháng tụi con không đủ đóng tiền nhà là nhà băng nó lấy nhà ngay. Ba má hiểu cho tụi con thì mới sống được.

Còn nói gì nữa. Đêm, hai bộ xương già ôm nhau khóc. Bà cụ:

– Biết vậy ở Việt Nam cho xong.

Nghe thì hay lắm, xong đâu được với ba thằng cộng sản. Nhà cửa ruộng vườn của nhà nước lâu rồi. Trẻ còn sức lao động, làm chí mạng không đủ ăn, hưởng chi người già, người bệnh. Con cái nó gửi thùng quà về cũng đau lòng lắm. Có chút

hơi hám quà Mỹ là anh em, mẹ con, thân quyến cũng lừa đảo, trở thành kẻ thù của nhau. Thì cộng sản nó muốn cả nước như vậy, cứ để ý dòm ngó nhau, để nó tiện bề cai trị, dễ bề vợ vét. Dễ ẹc!

Tiếng thở dài trong đêm khuya của ông từ hồi đó như còn kéo dài tới bây giờ. Hồi nãy, khi ngồi bên mộ bà cụ, thấp nhang, ông có lâm râm khấn và nói chuyện với bà:

– Bà đi trước mà sướng, bà có biết không? Còn tui, mới thiệt là côی cút, troi troi.

Ông nhìn thấy ở dãy mộ bên cạnh, một người đàn ông Mỹ đặt bó hoa lên một mộ bia. Ông cũng mỉm lòng lắm. Nhiều lần, đã tính dừng chân lại ở ngoài ngã tư, có một thanh niên Mễ đứng bán hoa, muốn mua. Chỉ có ý định, rồi thôi. Hoa hòe là lỗi tình tự thời còn trẻ trung. Ở đây, bà đã khô héo mà chết, bỏ ông đơn độc ở xứ lạ quê người. Tình già nó kỳ cục lắm. Ông đã không giận bà bỏ ông mà đi trước khỏe re thì thôi, còn đặt một bó hoa lên để cảm ơn chắc? Nghĩ vậy thôi, ông cụ cũng thấy lòng bồn thần ân hận, còn một ẩn ức khác trong đời ông, ông giấu bà mãi.

– Bà cứ ngồi đại xuống đi. Còn phải chờ lâu. Bà nói gì mà nói hoài vậy?

Tiếng Việt. Ông ngẩng lên nhìn. Đúng là hai bà cháu rồi. Thảo nào cô cháu phải nói tiếng Việt. Bọn con nít ở đây quên tiếng mẹ đẻ hết trơn. Vô một nhà toàn mũi tẹt da vàng, ăn cơm thì phải có rau muống mà con nít chỉ rặt nói bằng tiếng Mỹ, còn cha mẹ ông bà thì ngồi như phỗng đá. Ông cụ đang có cảm tình với đứa cháu nhỏ này đây. Bà cụ, người ở đâu mà trông phương phi quá. Người như thế này, lúc trẻ đẹp phải biết. Coi cái kiểu ké né ngồi xuống, tuy không có vạt áo dài để vén sang một bên, bà cụ vẫn còn giữ nét na thời con gái. Quần đen, áo tơ màu lam sáng, có thêu những cánh hoa nhỏ đồng màu, sang mà giản dị, bà cụ có một dáng dấp thanh nhã, dễ gây cảm tình.

Chỗ bà cụ ngồi sát phía bên ngoài, một chỗ ngồi thì rộng, mà hai chỗ thì chật cứng, nên cô cháu đứng. Bà cụ cũng cứ nhích tránh xa, sợ đụng chạm với người ngồi chung. Mỗi lần né xích, môi bà cụ mỉm cười như muốn lời xin lỗi. Ông cụ đoán chừng bà cụ này mới từ Việt Nam qua, thấy

mắt nhìn còn tò mò, còn nhiều ngạc nhiên, làm gì không biết.

– Ở đây đi đường không như bên nhà nghe ngoại. Muốn qua đường phải chờ đèn xanh, đi đúng lần vạch, mà phải đi thật mau. Đi qua đường ngoài lần vạch là bị phạt, mà xe dừng chết còn phải bồi thường cho người dừng xe nữa đó ngoại.

– Xứ gì mà kỳ. Chạy xe trên đường cũng phải hoãn xe, để cho người ta đi băng qua, nội một chỗ muốn đi băng qua đường, vừa phải đi vừa chạy cũng muốn xụi chân rồi.

– Luật là luật. Xứ Mỹ người đông như kiến, ai muốn làm gì thì làm là loạn đó ngoại. Với lại đi ra đường, ngoại đừng nhìn lung tung. Đi trong parking cũng cẩn thận, xe ra vô ào ào. Ở xứ Mỹ này, phải có bốn con mắt, hai con mắt nhìn không đủ gì hết.

– Ờ, thì cũng phải một thời gian ngoại mới quen. Ngoại có hai con mắt mà mắt già rồi cũng như đui, cháu.

Bà cụ nói chuyện ngộ quá. Không phải ông cụ vì có cảm tình mà nói đại đâu. Anh chàng Mỹ đen nghe không hiểu ất giáp gì hết trơn mà cũng ngó ngó hai bà cháu nói chuyện. Chỉ có người đàn bà Mễ là cứ nhìn mông lung ở đâu, trong mắt đầy vẻ nôn nóng. Đàn bà mà, họ có ưa nhau bao giờ đâu. Ông cụ nghĩ vậy.

– Con không có nhiều thì giờ đưa ngoại đi đây đó đâu. Con còn đi học, đi làm. Mai mốt ngoại phải tập đi xe bus, đi đâu ngoại đi phải đi một mình. Ngoại cũng phải biết sơ tiếng Mỹ mới đi ra đường một mình được.

– Học ba cái tiếng Mỹ, thôi con ơi, cái đầu của ngoại không còn chỗ nào để nhét vô nữa hết.

Ông cụ muốn bật cười. Ngộ thiệt là ngộ. Cái lỗi nói chuyện này sao đối với ông chẳng xa lạ gì. Ông đã có nghe. Trong đời, gặp gỡ, quen biết, giao thiệp, đàn bà cũng đếm không hết, chắc giọng nói này cũng đã có trong số đó. Người giống người cũng có. Giọng giống giọng cũng có. Vậy mà lạ chưa, ông cứ bị kéo về cái giọng, cái vẻ

của bà cụ. Chờ một lúc cho bà cụ với đứa cháu gái hết chuyện nói, ông mới hỏi han:

– Chị ở Việt Nam mới qua phải không?

– Dạ. Mới qua, bác.

– Ở bên người ta qua cũng đông. Mà ở đây về bên cũng đông, phải không chị?

– Dạ. Việt kiều người ta về đông lắm. Thôi mua nhà cửa, làm ăn hà rầm.

– Vậy sao chị không ở bên mà qua đây làm chi? Ở đây, chị biết rồi đó, tuổi già như mình nó buồn lắm.

– Dạ thì cũng biết vậy. Nhưng nhà tui có năm đứa con, đều ở nước ngoài hết. Hai đứa ở Mỹ, một đứa ở Úc, một Canada, còn thằng út thì được tàu Na Uy vớt, bác. Tui ở bên một mình cũng không được.

– À, ra vậy. Xin lỗi chị, ở bên, chị ở vùng nào?

– Sài Gòn, bác.

– Cũng xin lỗi nữa, trước quê chị ở đâu?

– Đà Lạt, bác. Nói là Đà Lạt, nhưng chỗ chính là Tùng Nghĩa. Ông bà già có trại rẫy ở đó.

Ông cụ hơi giật mình. Đà Lạt rồi Tùng Nghĩa. Cả hai nơi đều vừa nhắc nhở ông, và dòng máu gần khô đặc trong người ông vừa loãng ra, tỏa nhiệt. Còn bà cụ, như có người để khơi dậy thời trẻ trung, vui vẻ tiếp:

– Hồi đó tui lên Đà Lạt học. Được vài năm, có chuyện bỏ học về dưới ở. May chỉ hai ba tháng, dọn về Sài Gòn, mua nhà cửa rồi ở luôn. Năm đứa con khai sinh ở Sài Gòn hết, bác. Quên hỏi bác, ở bên nhà, bác người vùng nào?

Ông cụ mắt còn sáng lắm mà bỗng hấp hem. Hai bàn tay giật giật. Bà cụ tươi cười hỏi tiếp:

– Bác cũng người Sài Gòn?

– Hồi trẻ tui cũng ở Đà Lạt. Tui là học trò trợ học. Sau đó đi tầm lum, bôn ba lắm, chị.

Bà cụ quay người lại nhìn ông cụ chăm chú:

– Hỏi không phải, hồi đó bác có học trọ ở căn biệt thự Hoa Hồng không?

Không có con kiến nào cắn mà ông cụ cũng nhồm đít lên một chút. Khuôn mặt ông cụ gầy gò mà xanh quá, khó biết ông cụ có xúc động gì không. Bà cụ hỏi xong, nghiêm mặt chờ câu trả lời.

– À không. Nhưng tui biết khu nhà trọ đó. Tui cũng thường tới lui chơi với bạn hữu. Chị cũng trọ học ở đó à?

Bà cụ chớp mắt, một thời xa xưa kéo màn mây vẫn đục.

– Tui trọ ở nhà bà con, nhưng tui biết ngôi biệt thự đó. Người ta đồn có ma.

– Cái gì. Ở đâu ma, ngoại?

Đứa cháu gái này giờ ngóng xe bus tới, giật mình, hỏi. Mắt con bé tròn vo. Bà cụ cười:

– À, ngoại nói chuyện hồi trước, khi ngoại mới lớn. Xưa rồi.

Cô cháu gái nhú mày, tiếp tục ngóng phía đầu đường vẻ nôn nóng sốt ruột. Ông cụ ngồi im lặng một hồi lâu, ra điều suy nghĩ lung lắm, rồi quay sang bà cụ:

– Xin lỗi, hồi đó chị có biết một người tên là Nụ Hồng không?

Bà cụ khi không nắm hai bàn tay lại, bà cụ ngó ông cụ, trong đôi mắt bà, dĩ vãng như vừa lóe sáng.

– Dạ xin lỗi, ông anh đây là... có phải...?

Ông cụ lại bị kiến cản, muốn nhảy nhồm:

– Dạ chị có tưởng nhầm tui với ai không? Bị hồi đó nội cái tên Nụ Hồng cũng đủ các cậu hâm mộ rồi, không có thi hoa hậu mà mọi người đều ngấm ngấm bầu người đẹp là hoa khôi... đó chị.

Bà cúi mặt:

– Dạ, nhưng tiếc không phải là tui. Tui là bạn chơi rất thân của Nụ Hồng. Bây giờ, nếu có còn chắc cũng đầu bạc răng long hết rồi ông anh à.

– Vâng, thời gian mà chị. Xin lỗi vợ ông anh có sang Huê Kỳ không?

– Dạ không. Tui còn một mình.

Bà cụ cười, hơi nghiêm mặt.

Chiếc xe buýt đồ sộ dừng lại. Đứa cháu gái kéo tay bà cụ dẫn lên xe, người đàn bà Mễ tranh bước trước. Người đàn ông da đen lễ phép nhường bà cụ. Ông cụ lên xe sau cùng. Trên xe họ ngồi cách nhau một ghế. Phía sau, ông cụ nhìn tới, thấy nguyên cái đầu tóc trắng như cước của bà cụ. Ông cụ lắc đầu, nuốt nước bọt. Không thể làm được đâu.

– Em à, cái nụ cười của em, trăm năm sau có gặp, anh vẫn nhận ra. Tệ quá, mình đã có lỗi với bà ấy, suốt trong cuộc sống vợ chồng êm ấm, nhiều lúc mình đã lẫn lộn nụ cười của vợ là của Nụ Hồng.

Xin lỗi. Bàn tay ông vẫn đặt trên đầu gối, bỗng lại rung lên. Chiếc xe buýt đang chạy bằng băng. Trời chiều muộn nhưng nắng còn ngập

ngừng chưa muốn tắt. Trong đôi mắt đục, lơ lơ của ông cụ bỗng xa xôi đầy hình bóng kỷ niệm.



Mưa xối xả. Nước từ trời dội xuống, chia thành hai nhánh, chảy xiết như hai giòng suối nhỏ ở hai bên lề đường. Chiều mùa đông ở Đà Lạt, thường bị mưa và bóng tối nuốt rất sớm. Những tàng thông xanh đang biến dạng thành những chùm bóng bí mật, dọa dẫm. Đường phố như không còn ai, chỉ có hai người. Họ đang đi lên con dốc dẫn tới biệt thự Hoa Hồng. Cả hai cùng mặc áo mưa màu sậm nên càng lẫn trong bóng chiều xám màu.

– Hai chân em như đang ngâm trong nước. Nó sắp tê cóng hết rồi, anh. Thích quá.

Họ là một cặp trai gái, người con trai cao hơn cô gái nhiều. Họ đi sát vào nhau, cô gái trông càng thấp hơn vì đi phía bên trong. Quần xắn cao, chân đi guốc gỗ, đang lội trong dòng nước chảy ngược xuống dốc.

– Em đừng nghịch nước nữa. Thấy không, bắn nước ướt hết anh rồi.

– Không sao. Ướt mát.

– Thôi mà, bé. Anh đang rét run lên đây.

– Bộ anh lạnh lắm hả? Tội anh quá. Anh đi sát vào em đi. Ấm. Ấm chưa.

– Ái chà. Em lừa anh. Ấc.

Cô gái cười giòn tan. Tiếng nước bắn tóe let xẹt. Chiều trốn vội vàng không báo trước. Cả hai chìm mất trong bóng tối.

– Anh. Em không thấy đường đi. Tối thui à.

– Đi bằng mắt của anh. Nắm tay anh, đừng sợ.

– Mưa hoài. Chắc mưa suốt đêm quá.

– Anh mong vậy. Mưa suốt đêm.

Hai người đi lên gần hết con dốc. Họ dừng lại trước một khối đen khổng lồ. Nhìn kỹ lắm, mới thấy có vài đốm lửa lung linh, tòa biệt thự

và cây cối nổi lờ mờ. Họ đứng sát vào nhau. Cơn mưa vẫn ào ạt dữ dội.

– Em vào với anh nhé? Vào một chút, anh pha cà phê.

– Muộn quá. Em sợ...

– Mưa mà. Em về nhà trọ trễ đâu có sao. Nói trú mưa.

– Chỉ uống một ly cà phê thôi nghe.

– Không đủ thì giờ để anh hong suối tóc cho em. Tóc em ướt hết nè.

Người thanh niên đẩy chiếc cổng gỗ. Một tiếng kêu khô khốc, chìm lỉm mất trong tiếng rào rạt của mưa. Cô gái rùng mình, đeo cứng chàng trai. Con đường đá, trơn trượt, họ dìu nhau thận trọng từng bước một. Chưa có một cơn mưa nào dữ dội, cộc cằn mà dễ thương như cơn mưa đêm nay.

Ngon đèn nhỏ trên bàn học tỏa chiếu ánh sáng vàng đục, không đủ soi hết căn phòng trọ.

138 | Nhã Ca

Họ có hai ly cà phê nóng và họ ngồi ngó nhau...
Lâu lắm, người thanh niên mới kéo được cô gái vào vòng tay ôm của mình. Lúc cả hai ngồi trên giường nhỏ, cô gái khóc.

o O o

Cô gái vùng vằng ném nụ hồng lên mặt cỏ xanh, ngồi trên phiến đá và quay lưng lại. Cô khóc. Họ giận nhau đã một tuần lễ và mới gặp lại nhau buổi chiều hôm nay. Chàng đã làm lành bằng cách mua một nụ hồng đem lại cho nàng. Nhưng nàng vẫn không nguôi. Hoa hoét gì nữa. Lòng dạ nàng đang mê man đây. Cái đêm mưa gió quỷ quái hơn tháng trước đã để lại một hậu quả không lường tính được. Khi nghe người yêu báo tin, chàng đã như bị sét đánh, ngất ngư.

– Phải làm sao bây giờ, anh?

Chàng cà lăm luôn:

– Anh...anh...anh...

– Anh không biết phải tính sao phải không?

Nàng cắn môi muốn bật máu, cố nén tiếng nấc.

– Được, em thu xếp lấy.

Mấy lần gập gối, khóc lóc, gầy gổ, đổ dành. Lần này này, coi bộ đến hồi quyết liệt.

– Em hãy cho anh thời gian để tính. Gia đình anh ở xa, khi nghe tin chắc khó chấp nhận.

– Mình bỏ thành phố này trốn đi...

– Em biết anh không có tiền. Mỗi tháng gia đình gửi tiền ăn, học vừa đủ. Làm thế nào mình nuôi nhau?

– Em đi làm. Người ta sống được mình sống được. Anh biết đó, gia đình em đã nhận lời xin cưới của đàn trai, mà xin cưới gấp vì anh ấy phải đổi về Sài Gòn. Anh cứ lần lữa hoài. Em biết, anh chỉ lợi dụng...

Cô gái chà hai chiếc dép xuống cỏ. Con suối lượn lờ chảy trước mặt cô an lành. Nước trong đến có thể soi mặt được, còn lung linh hai khuôn mặt chập chờn bên nhau những lần hẹn hò trước.

– Em hiểu cho anh. Để anh viết thư về xin nhà...

– Nhà anh? Thôi khỏi đi. Anh biết chắc không được mà còn xin?

– Má anh rất khó...

– Má. Má. Anh lớn rồi, sao chuyện gì cũng má... Anh im đi. Biết vậy sao còn...

Cô gái nấc lên, đưa tay ôm lấy mặt. Gió vùng lên cùng cơn giận của cô, đẩy một quả thông rơi tòm xuống dòng suối. Nước nhả mặt bất bình. Chàng thanh niên ngẩng mặt nhìn bầu trời đang muốn mưa. Mưa nữa! Đúng như trời trông. Đúng như cây cối.

Hồi lâu, cô gái đã dịu cơn khóc. Cô rút chiếc khăn tay nhỏ xíu trong chiếc ví da, lau nước mắt.

Mắt cô đỏ hoe, đã hiện ra nhiều tia gân máu đỏ li ti của nhiều đêm thao thức. Cô đứng lên, từ tốn đến trước mặt chàng thanh niên, thở ra một hơi dài cho hơi bớt khí uất trong người, nói:

– Thôi, để em tự giải quyết. Anh không xứng đáng để em oán trách. Ba má ở Tùng Nghĩa mới lên hôm qua. Em tính hôm nay hẹn anh để anh gặp ba má em. Bây giờ không cần nữa. Bây giờ thì em biết, em hiểu rồi. Anh chỉ là một thằng hèn. Anh hèn lắm. Anh biết không?

– Em. Anh rất yêu em... anh có thể vì em mà...

– Hừ, anh còn tính nói hươu nói vượn gì thế? Thôi, anh để tôi tự thu xếp lấy đời tôi...

Cô gái lại nấc lên. Hai tay lùa vào bầu mớ tóc. Bầu trời cau mặt sa sầm xuống. Vài giọt mưa bắt đầu rơi. Chàng thanh niên khổ não nhìn người yêu. Mặt nàng ướt đầm lệ. Anh đưa tay lên, không biết để làm gì, lại buông thõng xuống. Anh đã căm. Bầu trời biến đổi đột ngột, quàn quại tiếng ì ầm của cơn giông. Lòng cô gái cũng giông bão.

Cô nghiêng rằng, quắc mắt. Định nhảy tới cắn xé kẻ phụ tình chẳng? Không, chỉ tội nụ hoa hồng bị gót dép của cô chà nát nát. Nụ hồng, như tên cô, như cô, cùng tan nát. Mưa bắt đầu nặng hột. Chàng trai nhìn khuôn mặt người yêu. Anh đau đớn kêu:

– Nụ Hồng.

Nước mưa muốn xóa những giọt lệ không ngừng trên mặt cô, sũng ướt cả quần áo. Chàng thanh niên nhào lại, muốn ôm, muốn hôn, muốn gập đầu liễu lĩnh cùng sống chết. Nhưng cô gái đã xoay người, bỏ chạy và biến mất trong cơn mưa ào ào, hung dữ. Chàng thanh niên đuổi theo. Trong mưa, tiếng gọi: “Nụ Hồng, Nụ Hồng” không ngớt.

Tiếng gọi càng lúc càng nện ngào, vô vọng, chìm lìm.

– Tha thứ cho anh. Nụ Hồng. Thằng hèn hạ. Khốn nạn, ma cô, ma cạnh, khốn nạn. Tha thứ cho anh!

Chàng thanh niên quỳ trên cỏ ướt. Chàng khóc. Nước mắt cùng nước mưa, bất tận.

o O o

Một buổi tối khác, trong khu vườn đầy đặc cây cối, bên ngoài cánh cửa sổ đóng kín, chàng thanh niên nép mình trong bóng tối, nghe tiếng người yêu la khóc. Mỗi lần tiếng roi quất vụt rít lên, chàng thanh niên lại đưa tay lên miệng cắn chặt.

– Con gái mất nết. Đánh chết mày cũng chưa hết tội. Đồ ngựa vía. Voi dầy. Mày có nghe lời không?

– Đau quá má ơi. Con lạy má. Con nghe rồi. Xin má đừng bắt con làm điều đó. Con sẽ không sống nổi đâu... Má nói gì con cũng nghe, bảo lấy ai con cũng lấy, nhưng đừng... con sợ lắm má ơi.

– Biết sợ? Thôi đi cô. Cô bôi tro trát trấu lên mặt mẹ cha rồi còn gì nữa. Được. Ngày mai về dưới, làm đám cưới liền, không học hành gì nữa.

Trời ơi, sao mà quá quắt, sao mà... mà chết đi. Chết đi...

– Ôi, đau quá má ơi. Con biết rồi. Má nói gì con cũng nghe. Đám cưới. Dạ. Ôi, đau. Dạ, con bằng lòng, bằng... lòng.

Giọng cô gái yếu dần như sắp tắt hơi:

– Má bảo gì cũng được, con chỉ xin đừng bắt con làm điều đó. Má giết con cũng được, con đáng tội chết má ơi...

– Được, muốn chết thì cho chết. Lì lợm. Này lì. Lì...

Hôm sau, chàng trai ra bến xe đợi. Thấy nàng lên xe đồ cùng cha mẹ. Nàng có trông thấy mình không? Chắc có. Chàng trai ra bờ suối, nơi nàng dẫm nát nụ hồng. Không còn dấu vết gì, cơn mưa hung dữ ngày nọ đã xóa hết. Dòng suối lạnh lùng như không còn biết chàng ta là ai. Chàng ngồi trên phiến đá cho tới lúc đêm xuống.

Hai tháng, sau ngày cưới, vì phải lên Đà Lạt, thu dọn đồ đạc để theo chồng đi xa, họ có gặp

nhau. Cả hai đều xơ xác, nàng mới sẩy thai, còn chàng, đêm không ngủ, ngày biếng ăn, hốc hác, tiểu tụy. Người thanh niên nhanh nhẹn, đầy sức sống, mới đây, tâm tính đã thay đổi hẳn. Thâm trầm, cay chua. Họ nhìn nhau nhiều hơn là nói. Lúc chia tay, chàng hỏi nàng:

– Em còn oán anh không?

Nàng lắc đầu. Nụ cười buồn:

– Bây giờ thì em đã bình tĩnh lại rồi, nhất là khi em mất đứa nhỏ, em cảm thấy không còn mất mát nào lớn hơn, không có chuyện nào làm em khổ hơn được nữa.

– Anh mong em hạnh phúc. Quên anh đi.

Nàng gật đầu. Vẫn nụ cười buồn. Chàng nói thêm:

– Em à... Nụ cười của em, trăm năm sau có gặp lại, anh vẫn nhận ra.

Nàng lại gật đầu. Vẫn bộ dạng quay đầu để hất mái tóc đẹp bớt lòa xòa xuống trán. Họ phải chia

tay nhau vì chẳng có lời gì để nói thêm. Chàng lẫm lẫm bước trên đường một mình, có cảm tưởng như tất cả bước chân của chàng, của nàng, của kỷ niệm cùng thức dậy, đang nhịp bước theo.

Hồn chàng cũng thồn thồn nhịp theo lời của một bài hát:

Trên đường về nhớ đây

Chiều chậm đưa chân ngày

Tiếng buồn vương trong mây...

Mây Đà Lạt mùa đông thường thấp, nên vương chung nỗi buồn với người. Vườn hồng nhà ai xơ xác, tiêu điều qua trận mưa gió đêm qua. Không còn một nụ hồng nào nữa.

o O o

Chuyện xưa, hồi tưởng, nhanh như cái chớp mà người xưa tóc bạc trắng vẫn còn giữ nguyên được nụ cười. Ông cụ nao lòng quá. Bà ấy đâu còn nhận ra mình là ai? Lời thốt năm xưa, dù trăm

năm sau, gặp lại ông vẫn nhận ra nụ cười của bà. Bà ấy làm sao biết được, bao năm rồi, những lần nhìn những nụ hồng, lòng ông vẫn bồi hồi nhớ. Những sinh nhật của con cháu, nển, những bó hồng tươi thắm, lúc nào cũng lẫn lộn một nụ hồng của riêng ông. Nụ hồng nhỏ bé, ngậm tăm, chỉ héo úa đi, không bao giờ nở.

Thay vì thở ra, ông cụ nuốt xuống. Ông cụ nhìn bàn tay nhăn nheo của mình rồi nhìn mái tóc bạc của cụ bà ngồi phía trước. Thời gian kinh khiếp làm sao. Mới ngày nào, tay này đây, vuốt ve mái tóc còn đen dày, xoa dài xuống lưng. Coi nào. Ông cụ lắc đầu. Tóc bà ấy chỉ còn lưa thưa, mà trên đỉnh đầu còn hói nữa. Chà, vẫn thói quen làm dáng ngày nào, còn cố kéo mớ tóc uốn loãn xoắn che khoảng da đầu muốn lộ thiên. Áo quần vẫn những màu sắc thanh nhã. So với các bà cụ khác, bà cụ Nụ Hồng của ông vẫn còn gọn thon, chưa có chỗ nào trên thân thể phì nhiêu một cách quá đáng.

Bà nhà mình khi về chiều không được như vậy đâu, cụ bà cứ nung núc thật, nhất là khi sang

đến Mỹ, bà cụ cứ tròn vo, ngẩn dần đi. Chỉ tới lúc sắp bỏ ông mà đi, thì lại gầy chỉ còn da với xương. Lúc này cụ cũng ngấm rồi, người xưa, tuy già, cách đứng dáng đi vẫn còn thông dong lắm.

– Đến trạm này, mình xuống, bà. Bà cố nhớ nghe bà, lần sau bà đi một mình...

– Chẳng nhớ. Bà thấy đường nào, chỗ nào cũng giống y chang nhau. Đi một mình là lạc tới đâu kia...

Ông cụ lại nuốt nữa. Tội không, khi trẻ lạc đường tình rồi, nay già, thêm cái khờ khạo lạc đường phố nữa. Chưa bao giờ ông thấy xe buýt chạy nhanh vậy. Vèo một cái, chiếc xe đã tấp vô lề đường. Hành khách vội vã xuống trạm. Khi ngang qua ghế ông ngồi, bà cụ có nhìn, gật đầu chào. Ông cụ đã sửa soạn câu nói văn vẻ về một nụ cười, nhưng lúnh quính có mở miệng ra được đâu. Cho tới khi chỉ còn nhìn thấy cái lưng của bà cụ, ông mới thốt ra lời:

– Bà cụ ơi, một trăm năm sau...

Ông cụ chỉ nói tới chùng đó lại tắt ngang họng. Cô cháu gái đi sau lưng bà cụ quay lại nhìn ông cụ ngơ ngác. Bà ấy có nhìn lui không? Không, nhưng rõ ràng ông thấy bà khựng lại, và cô cháu đẩy lưng bà, kêu:

– Đi xuống nhanh, bà ơi. Sao bà đứng giữa lối đi vậy?

Trên xe buýt cũng có đàn kiến chắc. Ông cụ nhòm lên. Ông nhìn phía cửa sổ xuống đường, không thấy gì hết. Cho tới khi xe chạy ông cũng không nhìn thấy gì hai bên đường. Cái xứ gì kỳ cục, chiếc xe buýt làm vừa to vừa cao. Bực mình.

Một anh chàng da đen đã ngồi vào ghế bà cụ lúc nãy. Anh ta giúi mặt vào tờ báo đọc lấy đọc để.

Xe chạy qua mấy trạm nữa, ông cụ nhắm mắt, ngủ gà ngủ gật. Tuổi già nó tệ vậy, khi nào buồn là thấy ngay cơn buồn ngủ.

LIÊU TRAI HUẾ

Thiên, con nhà nghèo ở xứ Quảng được cái là con một nên cha mẹ có tâm nguyện cho cậu quý tử học hành thành tài. Thiên học xong bậc tiểu học ở trường làng, muốn thi lên trung học phải ra Huế. Ông bà già bán mẫu ruộng, bán con trâu, tài sản đời trước truyền lại để cho cậu quý tử tới trường thi.

Thiên tuy sinh chốn quê mùa, nhưng thông minh, hiếu học. Bốn năm dùi mài đèn sách, cậu Thiên đỗ Trung học, chuẩn bị lên Tú Tài được thành học trò ngôi trường mang tên vua chúa: Trường Khải Định. Năm đó cậu Thiên đúng hai mươi tuổi. Gạo trắng nước trong, không phải làm lụng khổ cực như bao thanh thiếu niên khác ở quê nhà. Thiên trắng trẻo, cao ráo...

Con trai mà có cái miệng chúm chím, môi đỏ hồng như môi con gái thoa son. Chỗ Thiên ở xa trường học. Mãi tận Kim Long. Tuy xa phố thị nhưng được cái yên tĩnh để học hành. Chỗ trọ chỉ có một căn nhà nhỏ cất đằng sau vườn, kế là một dọc các hàng cau, cũng lẫn thêm vài thứ cây ăn trái như cây ổi, cây măng cầu, phía góc vườn có một cây vú sữa lâu năm, đến mùa trái chi chít, cây lão, trái nhỏ nhưng ăn ngọt như đường. Chỉ có điều, cành cây cao quá nên rất khó hái.

Thiên rất tần tiện, không đua đòi, tự mua gạo nấu lấy ăn. Thức ăn thì trong vườn rau sam, rau dền mọc chi chít. Trên hàng rào thì lá cây bát bát đeo tòn ten, đọt xanh non mập vườn tứ tán. Còn có cả bụi chuối sau vườn, buổi nào rồi rảnh, xuống mé sông cầm cái vợt. Tép lội từng đàn trong rong xanh hoặc cỏ lúp xúp bên bờ sông. Vớt mấy vợt là có bữa ăn ngon lành. Tép nấu với củ chuối non, ăn thay cơm cũng được, nhờ vậy mà sắm được chiếc xe đạp cũ để sáng sáng chiều chiều, cầm cúi đạp đi đạp về.

Chủ nhà là một đôi vợ chồng già, sống bằng

lợi tức từ cây trái trong vườn. Ông cụ tuy tuổi đã cao mà còn rất khỏe, ông có một chiếc ghe nhỏ, sáng sớm ra sông bủa một mẻ cá kèm cùng rau quả đem ra chợ bán, một ít dành cho bữa ăn của hai vợ chồng già. Con cái lớn lập gia đình ở riêng hết rồi, lâu lâu ông bế con cái về thăm, khi đi lại mang về nải chuối, buồng cau, mớ rau tập tàng của bà mẹ già lo sẵn. Về thăm rồi đi nên nhà có một bữa ồn ào sau đó càng thêm vắng lặng.

Người đời trước có câu:

Học trò trong Quảng ra thi

Thấy cô gái Huế chân đi không đành.

Thì đúng quá đi chớ. Cách nhà Thiên trợ học khoảng năm căn, có một gia đình có tới năm cô gái. Hèn chi nhà giàu quá chừng luôn. Nhà có ngũ long công chúa mà. Chỉ có điều năm chị em mà năm tính nết khác nhau. Cô chị nhu mì, hiền hậu, còn mấy cô em thì nghịch ngợm phá tán. Có bữa cậu Thiên đạp xe đạp ngang qua, liếc vô mé vườn, thấy mấy cô trèo cây đu đưa, còn la hét như khỉ cái.

Lạ, nhà thì đông vui như vậy mà sát bên có cái vườn bỏ hoang. Căn nhà xưa lắm đã sập xuống cũng đâu từ lâu rồi, hầu như chỉ còn đồng vôi vữa trên cái nền nhăm nhở cỏ mọc. Xung quanh thôi thì cỏ lùng mọc luông tuồng, cây cối phía sau vườn không có ai sửa sang, rậm rạp hoang dã. Mỗi lần ngang qua, liếc vô nhà mấy cô con gái, cậu Thiên cũng không thể không ngó căn nhà hoang dã này. Về nhà có hỏi thăm ông bà cụ, thì ông bà cụ cho biết: Cái nhà nớ... Ui cha, xưa giàu ể sợ. Quan gia cha truyền con nối chớ không phải dân dã chi mô. Rồi, khi tàn thì cũng tàn rụi rữa đó. Như ri thì mới biết không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời.

– Vậy tại sao người ta không mua đất xây cái nhà khác. Miếng đất rộng mà vuông vức.

– Cậu muốn mua không?

Thiên cười:

– Cháu không dám mơ ước đâu, hai bác. Nhà cháu nghèo lắm. Ba mẹ cháu từ ngày bán miếng đất, con trâu để lo cho cháu ăn học, đã phải đi làm thuê làm mướn để sống.

– Tội...

Bà cụ thở ra. Ông cụ nói tiếp:

– Miếng vườn đó không ai dám mua.

– Răng rứa bác?

– Nghe nói...

Chỉ là chuyện nghe nói. Phía sau khu vườn có một khu mộ xưa lắm. Mỗi cụ nhớ một cách, chuyện kể không chuyện nào giống chuyện nào. Ngôi mộ đằng sau vườn là vợ bé của ông quan, bị chết trong lúc sanh đẻ. Lại có người nói ngôi mộ xưa rồi, trước đây nhà quan này có một nàng hầu, vì tội tư tình buộc phải thắt cổ chết. Người khác kể, đó là ngôi mộ một cô gái nghèo, cha mẹ bán cô vô nhà quan. Sau bị nghi ăn cắp đồ vật, cô thắt cổ để minh oan cho sự trong sạch của mình. Còn ông già thì cương quyết:

– Toàn là chuyện ba láp, tào lao cả. Ngôi mộ đó, lâu rồi, đó là con gái của vị quan đương trào, bị chết không ai biết lý do. Nên ngôi mộ trước đây xây bằng vôi, có bia, tấm bia lâu ngày xiêu đổ,

rồi mất tiêu. Đời sau nhà nghèo quá nên chỉ lấp thêm đất thôi. Mưa nắng xối xả thấy lối đá vôi phía dưới đó tề.

Còn bà già thì cứ một chuyện kể mãi:

– Lâu vậy mà người nằm dưới mộ chưa đậu thai. Vườn đó ma dữ lắm. Nghe nói cô bán hột vịt lộn bán tối đi ngang qua, gặp một cô gái kêu một lúc tới chục hột vịt lộn, nói đi theo cô lấy tiền. Đến ngõ khu vườn nó cô gái biến mất. Mấy ngày sau, mấy đứa con nít chui rào vô vườn hái trái cây, còn thấy đủ chục hột vịt lộn nằm trên ngôi mộ. Chuyện rứa mà cũng chưa ớn xương sống lắm mô. Có chú xích lô còn trẻ, đẹp trai, đạp xe qua cầu Bạch Hổ buổi tối, thấy có một cô gái tóc dài vậy, biểu đưa về Kim Long. Chú ấy đạp xe theo lời chỉ dẫn của cô gái. Tới ngõ khu vườn, cô bảo dừng xe. Chú xích lô chờ lấy tiền thì cô day mặt lại. Một khuôn mặt màu xanh, hai con mắt đỏ và cô cười, có hai cái răng nanh. Chú xích lô hét lên một tiếng, muốn xỉu luôn, rồi đạp xe thối mạng tới mấy nhà lân cận xin tá túc một lát cho lại hồn. Hỏi chuyện, mới biết là đã gặp con ma trong xóm thường đồn đãi.

– Hai bác có chộ lần mô không?

“Chộ” tiếng Huế, có nghĩa là “nhìn thấy”. Cả ông bà già đều lắc đầu. Ông già:

– Tui nghe kể thì nhiều lắm, nhưng chộ thì chưa chộ lần mô hết. Mấy người trong xóm nói, chộc phá chơi vậy thôi chứ con ma này hiền, họ hay cầu xin lắm. Nhứt là cái nhà có năm cô gái, tháng cúng hai lần, rằm trăng tròn và mừng một trăng trốn. Nghe nói lúc đầu con ma cũng phá dữ lắm, nhưng sau cúng kiến, chắc hạp nên yên.

Anh chàng học trò cười thâm trong bụng. Thì ra, ma hay hơn người, chớ con gái với nhau, có khi nào ưa nhau chớ. Cũng có thể là con ma này đẹp lắm, ăn bứt năm cô gái kia, nên mới không ganh tị.

Mùa hè năm đó, Thiên lân la làm quen được với cô chị đầu của gia đình kia. Cũng tình cờ thôi, bữa đó, khi chiều trời nổi giông gió, rồi mưa, hơi đất xông lên đầy khịt, bốc một cái mùi làm nhức đầu lắm. Cô Trâm, đi học về gần tới nhà thì một ống quần bị quần vô dây sên xe đạp. Nếu cô không nhanh nhẹn phanh xe lại kịp nhảy xuống

thì cả người lẫn xe đã té lăn quayrồi. Cô vừa lò cò vừa đẩy xe vô lễ thì đúng lúc Thiên trở tới. Dừng xe vào sát lề, Thiên mau mắn:

– Tôi có thể giúp cô được không?

Thiệt tình trong bụng cô Trâm đã để ý tới anh học trò trong Quảng ra thi này lâu rồi. Anh ta coi có vẻ đứng đắn, hiếu học. Đã đến đây lâu rồi mà nghiêm chỉnh, không mắt liếc mày đưa, lanh chanh, lắc cắc như mấy anh chàng gà trống tuốt trong xóm. Người chi mà có đôi môi đỏ hồng, cười chúm chím làm con gái mê hồn. Người chi mà cứ cặm cụi chúi đầu vô quyển sách, người chi mà, coi nụ cười tề... Quần áo đơn giản thôi, đầu tóc bông bênh nghệ sĩ chứ không như mấy anh chàng kia, lúc nào cũng bôi bờ-ri-dăng-tin láng bóng. Mấy đứa em gái của Trâm thường rúc rích cười, trêu chọc ngày nào cũng có mấy con ruồi chết, vì té từ trên lớp dầu kia u đầu, tét máu, tươm máu. Trong lòng mừng thầm mà ngoài mặt còn e, Trâm làm bộ cúi đầu, bẽn lễn, hất mái tóc cho che bớt mặt để nhìn trộm, miệng lí nhí:

– Dạ...

Con gái Huế vậy đó. Bằng lòng cũng dạ, không bằng lòng cũng dạ. Tiếng “dạ” hiểu nghĩa nào thì ra nghĩa đó.

Thiên thảo dây sên để gỡ lai quần người đẹp ra, bất đắc dĩ đã có lúc cầm bàn chân người đẹp giữ cho thẳng bằng lúc gỡ gấu quần bị vướng dây sên. Thiên sững sờ, đang giữa trời mưa ướt át mà trong lòng ấm nóng hần lên, khi nhìn thấy một vệt dầu đen dính trên mu bàn chân trắng nõn với gót sen hồng thắm.

– Xin lỗi...

– Dạ...

Trâm đã gượng thẳng người, xỏ chân vào chiếc guốc hồi nãy đã văng xuống đất. Đôi má của Trâm còn đỏ hơn gót son hồng dầm dưới mưa ở chân nữa.

Trâm lí nhí nói lời cảm ơn mắc trong miệng, rồi cúi đầu dắt xe đi. Chàng trai nhìn theo, nở một nụ cười băng quơ.

Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén. Chỉ dăm tháng sau, cô cậu đã phải lòng nhau. Thôi thì hẹn hò đủ cách, hôm Lăng Tự Đức, bữa đôi Vọng Cảnh, quán bánh bèo chân núi Ngự Bình.

Trâm bắt đầu dối cha dối mẹ. Kín đáo lắm, nhưng cũng không thoát khỏi cặp mắt của bốn cô em gái. Rồi tới cha mẹ Trâm cũng đem lòng nghi ngờ. Ráo riết quá, cả hai phải dùng kế hoãn binh, nghĩ là bấm bụng không gặp gỡ nhau một thời gian cho qua tình huống đã.

Phía gia đình Trâm, đã cho người đi dò xét cậu học trò trong Quảng ra thi này. Người cha lắc đầu:

– Con hư tại mẹ. Bà biết không, thằng đó nhà nghèo rớt mồng tơi. Bà chịu nó quá nên chửi dạy hết nổi. Kêu nó ra đây.

Cô Trâm khúm rúm đứng trước mặt cha mẹ.

– Dạ thưa, con lỡ...

– Lỡ rằng. Lỡ rằng nói nghe coi.

– Dạ con lỡ thương người ta...

– Mất dạy. Dám cả gan trả lời ba mạ mi rứa hả. Áo mặc không qua khỏi đầu được. Mi mới thương người ta thôi, có chi mà lỡ... Lỡ chi rồi, nói ra hết đi... Con gái như mi, gọt đầu bôi vôi, đem câu cá sấu biết chưa.

Cô Trâm khóc oan khóc uổng:

– Dạ thưa ba mạ, con chỉ lỡ thương chớ đạo giáo lẽ nghĩa con không dám vượt...

– Mi thể đi. Đứng trước bàn thờ ông bà thấp hương mà thể.

Mạ nó thấp nhang cho nó.

Trâm còn biết sao hơn. Mà quả thiệt, thể xác, tâm hồn Trâm vẫn còn trong sáng. Có dỗi cha dỗi mẹ hện hò, lén lút. Nhưng thật chưa tới mức cởi áo cho nhau, về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay. Mỗi tình đầu chỉ là mộng mơ, Trâm vẫn gìn giữ và Thiêng cũng chưa một lần xâm xữ dám xúc phạm tới người yêu. Trâm cầm nén nhang mẹ đưa, lòng xót như muối xát, lạy trước bàn thờ tổ tiên.

– Nói bỏ là bỏ. Lậm vô rồi chình ình cái bụng ra chừ. Thế đi. Chưa có lỗ, thế bỏ. Thế trước ông bà, thế trước cha mẹ mi đây nì. Hay chưa chừ, muốn đi trai gái nữa.

Trâm khóc. Lập lại lời cha. Trâm biết cảm giác bị đâm một nhát dao vô tim đau đớn ra sao, mà không chết được.

– Mi biết nhà nó nghèo xơ nghèo xác không hề. Ba mẹ nó đi làm thuê làm mướn chớ con nhà gia giáo chi mô.

– Dạ con biết. Nhưng anh học giỏi lắm.

– Học giỏi làm chi. Thân cô thế cô, có cái bằng cấp mà ăn há. Thôi đừng nói nữa. Từ bữa nì trở đi, không được gặp. Nói thôi là thôi.

Cô Trâm thút thít khóc. Người cha dịu giọng xuống một chút:

– Vô trong đi, còn đứng đó tao thấy còn nổi ma lên. Tao nói rồi, tao bắt gặp một lần nữa tao đánh chết không thương. Tao trối gô đầu lại,

không học hành chi hết, tao gả cho bất cứ thằng mô, cụ trâu cũng gả.

Trâm biết tính ông già. Đã nói một lời là như cái đinh đóng vào cái cột. Hết tháo ra, tháo ra là sụp đổ hết. Trâm cũng không cầu cứu mẹ. Mẹ như cái bóng lẻo đẻo sau lưng cha, như lời nói lặp lại lời cha.

Tội nghiệp Trâm, nhà có năm chị em, chỉ có hai phòng đồn chung. Trâm không có phòng riêng để khóc. Cô phải ra vườn, úp mặt vào cây nhãn, cây bưởi, khóc một trận như mưa lụt mà vẫn không vơi sầu khổ.

Đáng lẽ mùa hè, Thiên phải trở về quê. Nhưng hè này, vì lậm với mối tình, nên nhút quyết ở lại. Cha mẹ không có khoản tiền chu cấp ba tháng hè. Vậy là Thiên rơi vào cơn túng quẫn, túng thiếu. Nhờ hai ông bà già cảm thương thương sinh nghèo, hiếu học, giới thiệu Thiên cho một chủ cồn bắp, sáng sớm phải ra cồn bẻ bắp, chiều tối mịt mới về. Nhờ vậy, bữa đói, bữa no, Thiên sống qua ngày được.

Khó khăn lắm Trâm mới báo tin được cho Thiên biết, cuộc tình đã bị bại lộ, cha mẹ không bằng lòng. Lúc này Trâm bị canh giữ gắt lắm nên hủy hết các buổi hẹn hò. Không ngày nào Thiên không tìm cách đi qua nhà Trâm, không thấy bóng dáng Trâm đâu hết, mà chỉ thấy bốn cô em leo trèo nghịch ngợm như khỉ leo cây. Có cô nhìn ra thấy Thiên, còn đưa hai bàn tay lên mũi, làm dấu chòng ghẹo. Thiên muốn gặp một cô nhờ vả cũng khó, vì họ như tránh hẵn, không muốn cho hẵn xớ rớ tới gần.

Một buổi chiều đi bẻ bắp về, bà già đưa ra một miếng giấy xếp nhỏ:

– Có cô chi đó noái đưa cho cậu để đòi mấy quyển sách chi đó...

– Cô Trâm phải không bác?

– Ủa, như rứa. Nhà có tới năm cô, đủ thứ tên, tui hông nhớ.

– À, tui có mượn mấy quyển sách, quên mất. Bậy...

Thiên không muốn bà già nghi ngờ, nói trống lấp. Rồi đi ranhà sau, mở tờ giấy ra đọc.

Đúng là thư của Trâm. Hẹn mười giờ đêm, chờ ở dưới bến sông trước nhà cô, cô có chuyện muốn nói. Thiên mừng rơn. Chiều đó quên luôn cả ăn cơm, không thấy đói bụng. Cứ hết ngồi lại đứng, chờ cho tới giờ hẹn để ra đi. Thiên cẩn thận ra khỏi vườn bằng cái lỗ rào thưa để không ai hay biết.

Đêm cuối tháng, trời tối đen như đêm ba mươi. Nhưng đã quen đường lối, Thiên đi tới bờ sông trước nhà Trâm sớm hơn giờ hẹn. Thiên cẩn thận xuống tận bờ, nhà nào thì cũng có một bến sông, có kê bốn hòn đá lớn để có thể trải quần áo lên mà sát xà bông, giặt giũ, xung quanh có nhiều bờ bụi kín đáo. Là nơi lý tưởng của các cặp tình nhân hò hẹn.

Chờ chừng mười lăm phút thì Trâm đến. Nhận ra nhau theo hình dáng quen thuộc trong bóng tối thôi. Cái bóng của Trâm thon thả làm sao, mớ tóc đen màu mun trôi lẩn trong đêm, vẫn thấy được nét tha thướt.

– Em.

– Hức...hức...

Thiên nghe tiếng Trâm nức nở. Hắn cầm lấy tay nàng. Bàn tay lạnh ngắt. Tại sao vậy, từ nhà ra đây đâu có bao xa. Chưa hết ngạc nhiên thì Trâm đã rút tay lại:

– Đừng đụng em. Đừng đụng em...

Tưởng Trâm hờn dỗi chi đây, Thiên càng sẵn tới. Thành linh Trâm đưa tay đập mạnh, chút xíu thì Thiên đã trượt chân, rơi tòm xuống sông. Cố gượng đứng dậy, nháy sâu vô một bụi cỏ, Thiên hỏi:

– Em giận anh? Anh mần chi mà em giận anh rứa. Nói cho anh biết để anh sửa...

Trâm vẫn lặng thinh. Hai người đứng yên trong bóng tối. Linh tính báo cho Thiên biết là cuộc tình của hai người có trục trặc chi rồi, chớ rằng khi không Trâm đổi tính nết như vậy. Hồi lâu, Trâm bật khóc ra tiếng:

– Từ nay anh đừng gặp em nữa. Em..

– Rằng không gặp nhau. Chúng mình thương nhau không có tội... Trâm nì, có chuyện chi thì em nói cho anh nghe...

– Không. Không có chi hết. Nhưng em, bữa nay nói rõ cho anh biết. Em không hề yêu anh, chưa hề yêu anh. Em yêu anh là giả đồ đó.

Thiên cười khan, cay đắng:

– Em nói chi lạ rứa. Yêu mà cũng có yêu giả đồ...

– Chớ rằng. Người ta yêu giả đồ chán chi. Từ bữa nay trở đi đừng gặp tui.

– Em đoạn tuyệt anh? Rằng tự nhiên em thay lòng đổi dạ...

– Ủ, tui rứa đó. Tui giả đồ, chừ không muốn giả đồ nữa. Nói cho anh biết tui còn tốt bụng, không để anh lằm tui...

Trâm nói mau, như sợ để lâu rồi không nói được:

– Chừ anh biết rồi hí. Tui là đứa con gái xấu rửa đó. Giả đồ yêu anh cho vui... Nhưng bữa ni, tui muốn dứt khoát luôn cho nên mới hẹn anh ra đây nói cho anh biết. Tui... tui sắp đi lấy chồng.

– Đi rồi. Đi rồi. Hay. Hay.

– Ê, một hai ba. Đô ta. Đô...

Từ mấy bụi rậm tối thui phun ra mấy vòi nước xối vô mặt Thiên, vô quần áo, vô tóc tai làm Thiên một lần nữa tối tăm mặt mũi.

– Dê dê... xấu chưa tề. Nghèo rớt mồng tơi mà cũng trèo cao...

– Té cái chống dít, bể đầu, phọt máu.

– Dê dê, xấu hổ...

Tiếng cười khúc khích của bọn giặc con gái như vây chung quanh Thiên. Thiên nhận ra từ áo quần bốc lên một mùi hôi thối nồng nặc, mùi nước mắt, nước cống rãnh xú uế từ mấy cái vòi vừa xịt đầy mặt mũi, tóc tai quần áo chàng.

Thiên hiểu ra rồi. Mấy giọng cười khúc khích kia là của đứa em gái Trâm. Không hiểu sao buổi hẹn hò chia tay tàn nhẫn này lại để cho bấy quý cái kia biết được mà phá.

Thiên ôm đầu chạy một mạch chui qua lỗ rào, vô vườn. Cũng may, tuy ở căn nhà sau nhưng cái lu sát gốc cau lúc nào cũng lưng nước với cái gáo dừa để sẵn. Tắm gội xong, Thiên vào phòng và ngồi suốt đêm với ngọn đèn dầu.

Chiều hôm sau, đi qua nhà nàng ngó vô, thấy mấy cô em gái leo trèo mấy cây ở sát đường cái. Thấy Thiên, họ cười rộ lên, ngưng đu đưa như khỉ và hát:

Học trò trong Quảng ra thi

Thấy cô gái Huế dê chi cho khổ đời...!

Thiên cúi đầu, đạp xe một mạch về nhà. Thêm một ngày bỏ cơm nữa.

Còn Trâm, tối hôm đó nói những lời như sát muối vào vết thương với người yêu, nàng trở về phòng nằm như chết rồi. Một lúc lâu, thấy bốn

đứa em gái túm tụm trong phòng cạnh, xì xào to nhỏ và cười rúc rích. Lúc cô em kể trở về phòng, thấy chị nằm êm rơ cũng nhẹ nhàng nằm xuống cạnh.

– Chị Trâm nì...

– Chị rửa?

– Hồi nãy tụi em nghe nói hết rồi. Hay lắm, chị cự tuyệt thằng nó thiệt tài. Tụi em phục sát đất.

Trâm làm thình. Cô em vặn tắt ngọn đèn dầu. Căn phòng chìm trong một vùng tối. Cô em tiếp:

– Thằng nó chắc tổn tới già. Hi hi...

– Hi, hi, tụi em xịt nước mắt vào người hấn, xịt nhiều lắm. Hấn ôm đầu bỏ chạy rồi. Từ nay chị không cần sợ chi hết nghe. Chọc tụi em là chọc đúng ổ ong vè vè...Hi hi...

Trâm quay mặt, nước mắt chảy âm thầm. Nàng đã dứt khoát với chàng, đã nói lời tàn nhẫn trái lòng. Nói rồi lòng nàng cũng đã chết.

Tin cô Trâm sang xuân sẽ về nhà chồng làm vết thương trong lòng của Thiên như không ngừng chảy máu. Suốt mùa đông tàn tạ, rét mướt, Thiên ném bỏ sách vở, loay hoay với một khúc gỗ quý. Thêm một đêm giao thừa thức trắng, một đầu khúc gỗ biến thành cái trâm cài tóc. Một đầu gỗ khác, khắc lõng hai trái tim lồng vào nhau và một cái lược thưa, dang dở. Đó là món quà cưới Thiên muốn tự tay hoàn tất để tặng nàng.

Liên tiếp mấy ngày đầu năm, Thiên rình mò chờ cơ hội nhưng không còn dịp may nào được gặp gỡ Trâm. Có nhiều hôm đón đường, chờ chực, Trâm đều bị đi kèm với mấy cô em gái dữ như chẳng, cả hai không dám nhìn nhau nữa. Thấy mấy cô em gái của Trâm, Thiên nhớ lại hôm bị xịt nước mắt đầy mình, sượng trân, chỉ còn biết cúi gằm mặt xuống mà đạp xe đi. Lá thư tình bao đêm nắn nót vẫn xếp gọn nằm trong túi.

Mùa xuân đối với Trâm năm ấy cũng quá kinh khủng. Nhìn cây mai vàng trước sân nở vàng rực bên bể cạn với xác pháo giao thừa còn rơi vãi đầy trên mặt đất, Trâm cảm thấy trái tim mình cũng

vỡ vụn, chảy máu như pháo hồng. Chẳng còn bao lâu nữa, Trâm phải về nhà chồng. Lễ giáo mà. Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó. Cha mẹ, vì muốn tống khứ nàng đi, đã gả vội gả vàng cho một người đàn ông mới góa vợ có đứa con nhỏ một tuổi. Cha nàng nói:

– Rửa như răng mi mới ứng. Người ta nhà gia thế, có tới ba bốn căn nhà ở Nguyệt Biểu, mi tưởng...

Nguyệt Biểu. Trâm hình dung ra được, ngôi nhà cổ rộng mênh mông, âm u, nàng sẽ sống suốt đời với một người đàn ông mình không thể thương yêu, với bàn thờ, linh vị của một người vợ trước lúc nào cũng nghi ngút khói hương.

Cả ngày đầu năm, người cha nhìn đứa con gái lớn nghiêm khắc:

– Nì, đầu năm mi đừng có thụng cái mặt xuống như rửa chớ. Xui cả năm chừ. Mi muốn trù cả cái nhà nì há?

Cái mặt Trâm ra làm sao. Trâm không soi gương, không biết. Nhưng vui mừng hớn hở thì

Trâm làm không được rồi. Thôi thì cứ tránh mặt cha cho xong. Cũng may, ngày mừng một, mấy đứa em về chơi bên bà ngoại làng Hương Thủy, hơi xa xôi nên phải ở lại đêm. Cha mẹ rủ hàng xóm qua chơi, đổ xâm hương. Trâm lo nước nôi mút bánh xong, kêu mệt xin phép cha đi ngủ sớm.

Nằm thao thức hoài. Cô nhớ lại buổi sáng lúc đưa mấy đứa em đi khuất rồi, Trâm còn ngơ ngẩn đứng ở ngoài ngõ một lát. Cô ngó xuống bến sông và nhớ lại bao nhiêu chuyện. Cô nhác thấy bóng Thiên dưới bến sông. Anh ta ngồi trên hòn đá dùng để giặt quần áo, quay lưng lại. Anh ta ngồi bao lâu như vậy rồi? Đã thành tượng đá chưa?

Tính đốt ngón tay, không còn bao lăm ngày nữa, sân nhà cũng đầy xác pháo như vậy, và Trâm từ già nơi đây để về nhà chồng. Không được đâu, mình đã có thể với trời đất, lấy chàng mà. Chỉ lấy anh. Lấy anh thôi. Răng chừ lại lấy người ta? Trâm khóc vui. Tự nhiên muốn làm một chuyện gì thật liều lĩnh, như chết đi chẳng hạn.

Trâm khoác cái áo choàng trắng, có giải thắt lưng rất dài. Không biết sao lại chọn cái áo đó. Nàng trèo cửa sổ ra sau vườn. Đêm lạnh lẽ quá, đêm mênh mông giúp nàng trải nỗi buồn rộng lớn thêm. Đây rồi, cành cây này đã lớn, vững chắc quá. Không được, tội mẹ, tội mấy đứa em. Làm sao mẹ còn có thể ở trong căn nhà này, đi ra ngoài khu vườn này. Sẽ là một ám ảnh suốt đời đối với mẹ.

– Qua khu vườn hoang kia tê.

Như có ai nói thầm bên tai Trâm. Trâm thần thờ bước tới bên hàng rào. Ở phía rào này có nhiều lỗ hổng để chui qua bên kia. Trâm chui qua được một cách dễ dàng. Tuy vườn mọc đầy cỏ lùng, cây cối rậm rạp nhưng vẫn có những lối mòn do lũ trẻ con hàng ngày trốn vào chơi, hái trái cây, hái rau tập tàng, nhờ vậy mà Trâm đi loanh quanh được một lúc. Không biết có ai đưa đường không mà Trâm đã tới cạnh ngôi mộ hoang, người trong xóm đồn đãi ở dưới mồ có một người con gái chết oan rất thiêng.

Bình thường Trâm sợ ma lắm, nhưng bữa nay tâm trạng bồn thần, lại quá đau khổ về tình duyên, còn có ý định tìm cái chết nữa nên Trâm không biết sợ hãi. Mà có lẽ, chỉ có người nằm yên dưới mồ mới hiểu Trâm, mới chịu nghe Trâm tâm sự.

Gió như thổi mạnh hơn trên trời, lay động cành lá ào ào. Tiếng cành khô kêu rắc rắc như lời của đêm muốn cùng san sẻ với tâm sự của Trâm.

– Chị à, dù sao chị cũng tới trần gian trước tui. Chị lớn tuổi hơn tui, tui kêu chị bằng chị. Xin lỗi tôi không đem nhang để thắp cho chị. Nhưng bữa nay tôi sẽ về dưới bầu bạn với chị. Tôi không muốn sống nữa.

Tiếng cành cây khô lại kêu rắc rắc. Và có một vài tiếng động dẫu dẫu. Trâm nghe như có tiếng chân. Nhìn quanh quất, không thấy bóng ai hết.

– Chị về phải không? Chị đừng đi trước chờ tui với. Tui yêu người ta mà không lấy được, thà tui chết để trọn vẹn với tình... Chị nghe tui nói không?

....Trâm cảm thấy sau ót mình lành lạnh như có bàn tay ai vừa đụng khẽ lên đó. Cô cố lấy hết can đảm, nhìn lên. Trong đêm xuân một cành cây lớn vươn ra. Thật là lãng mạn. Như một thiên tình sử trong tiểu thuyết, còn hơn nữa là đăng khác.

– Phải, lấy nhau chẳng đặng, thương hoài ngàn năm... Anh ơi... Nếu em lấy chồng...

Trâm nghĩ tới người đàn ông lớn tuổi, tới đứa con riêng của ông ta, tới căn nhà cổ, khu vườn hoang vắng, tới hình ảnh Thiên mỗi chiều tối, ngồi quay lưng nhìn ra dòng sông trôi hoài mà không hết sầu...

– Không hết sầu đâu anh, em gửi thêm nỗi sầu của em cho anh...

Có khi nào anh sẽ chìm xuống giòng sông không? Đừng chìm trước em... Để em chia tay trước, em là người đoạn tuyệt trước, không bao giờ là anh... Trâm vừa lẩm bẩm những lời tha thiết đoạn tuyệt với người tình và chuẩn bị cho

cái thông lọng vào cổ rồi thả người xuống. Chỉ tích tắc thôi, không còn thấy đau khổ nữa...

– Bước tới. Leo lên. Leo lên đi...

Trong đầu Trâm, như có tiếng reo hò thúc giục. Bước lên một bước nữa thôi. Bước nữa, bước nữa...

Rõ ràng Trâm bước tới, nhưng có ai đã kéo Trâm thụt lùi. Thật ra không có ai hết, chính là sự sợ hãi đó thôi. Cũng có thể, ai đó, vô hình đang trì kéo bước chân Trâm ngược lại. Không. Không được đâu. Không có can đảm đâu.

– Thiếu tui ba cây nhang đó.

Lùi tới góc vườn, Trâm nghe tiếng nói lùng bùng trong tai. Chắc đó là tiếng hồn ma từ đáy mộ vừa bị Trâm đánh thức. May quá, tới góc vườn nhà rồi. Nhanh như con sóc, Trâm chui qua lỗ hổng sang vườn nhà, rồi đu lên cửa sổ. Vào tới phòng, chặn trùm đầu kín mít rồi, Trâm vẫn còn tiếp tục run.

Bên vườn hoang, có tiếng mèo gào lên, như giận dữ cùng với gió thổi cành rung lá cuồn loạn.

Gió rung cuồn loạn tới cả căn nhà chòi nhỏ sau vườn của chàng thư sinh trọ học. Trong nhà Thiên có sẵn một chai rượu chàng đã mua về từ mấy hôm trước để nhâm nhi ba ngày tết. Nhưng làm gì có Tết, có Xuân nữa. Thôi thì mượn nó quên sầu đời đêm nay.

Một mình độc ẩm. Bụng đói cồn cào, rượu vô lãnh đãng. Chàng học trò trong Quảng ra thi trong cơn say, loạn choạng hát một bài tiếng Quảng, múa may cùng hình ma bóng quỷ. Gió bên ngoài đã hú thành tiếng, rên rĩ, bút lá, bẻ cành. Giữa cơn gió hú, như có tiếng đập cửa, tiếng gọi. Chẳng biết bằng cách nào, cửa mở... giữa cơn mơ hồ, Thiên mở mắt, thấy một cô gái mặt ngọc, tóc dài đã ở bên mình.

– Trâm. Em..

Đúng là khuôn mặt của Trâm, mà sao có đôi mắt lạ lùng đang nhìn chàng. Nửa mê, nửa tỉnh,

Thiên quỳ xuống ôm ngang qua thân mình nàng. Sao nàng mỏng quá, nhẹ quá, ôm nàng trong tay mà y như có lúc chỉ ôm không khí, ôm hư vô...

– Trâm. Em đã đến, anh mong gặp em biết bao nhiêu.

Cô gái quỳ xuống, mặt đối mặt. Giọng nàng như tiếng thở:

– Anh. Em yêu anh. Em đã đến rồi nì. Đến rồi nì...

– Anh nhớ em. Anh đau khổ tưởng chết. Có phải thật là em đến không?

– Chi mô mà khổ. Em tới rồi nì.

Cô gái vò mái tóc của chàng trai trong tay, nâng mặt chàng lên:

– Có phải thật là em đó không?

– Không thật mô. Em không phải người ta. Anh sợ không?

– Không sợ. Không sợ.

Chàng học trò bỗng thấy mình như một đại lực sĩ. Chỉ cần một cánh tay, chàng nhẹ nhàng nhắc bổng cô gái lên, mang nàng tới chiếc giường tre. Y trang trút bỏ, cả một khối bạch ngọc lồ lộ chập chờn cùng ánh đèn dầu. Khối ngọc trong vòng tay học trò, khi thì Trâm thẹn thùng, sợ hãi, khi thì là một con bé nghịch ngợm, hung hăng, liều lĩnh. Đêm xuân nồng cháy, chiếc giường tre không ngừng kêu rên át cả tiếng gió ngoài vườn.

Gần sáng, nàng xô chàng ra:

– Em phải về. Về liền kẻo không kịp.

– Em còn đến nữa không. Em đừng bỏ anh... anh chết mất.

Nàng lùa năm ngón tay mềm mại vào tóc chàng:

– Hồi tối em thấy anh múa hát. Đêm mai, anh còn rượu, uống một ly, cất tiếng hát là em tới.

Nàng mặc quần áo, vội vã đến cả không kịp hôn chàng, biến nhanh ra ngoài như luồng gió.

Thiên bàng hoàng không biết là mộng hay thực, rồi mệt mỏi thiếp đi. Chàng nằm bẹp hai ngày không dậy nổi. Bà chủ trọ bưng cho bát cháo, Thiên húp vài muống rồi bỏ. Vậy mà đêm đó, vừa nghe tiếng gió hú ngoài vườn, anh chàng đã bật dậy.

Chẳng biết sức lực từ đâu tới, sau khi nốc được mấy ly rượu, chàng học trò xứ Quảng lại một mình múa hát tung bùng. Quả nhiên chỉ lát sau, cô gái đã trở lại.

Trâm đã biến thành gái Liêu trai từ bao giờ, tóc thả buông lơ không cài không kẹp, hai chân như lướt trên mặt đất. Nàng đẹp hơn nhan sắc mà trước đây chàng đã gặp gỡ, hẹn hò. Mắt nàng như lúc nào cũng pha chất lân tinh, óng ánh gọn sóng tình. Vừa đến, không cần tâm sự nữa, chàng ôm chầm lấy nàng như sợ nàng biến mất.

Vuốt ve, ôm ấp đắm say. Có lúc dưới ánh đèn dầu, nàng nằm nhắm mắt như nàng công chúa ngủ trong rừng, chàng vẫn không thể rời tấm thân nõn nà mà nóng bỏng.

Suốt cả tháng trời, cứ hôm nào chàng uống đủ đô rượu thì nàng đến và hai người lại quần quýt lấy nhau tiếp tục truy hoan. Chiếc giường tre cơ hồ chịu không nổi đã xiêu vẹo, van xin, nài nỉ hàng đêm và muốn sụm.

Một hôm, sau cơn hoan lạc, nàng mới nhìn thấy ở góc bàn cái trâm cài tóc và cái lược làm còn dang dở. Nàng cầm lên coi, chàng nói:

– Đã sắp tới ngày em về nhà chồng chưa?

– Em...

Căn môi tới rớm máu. Chàng ôm nàng vào lòng xót xa:

– Đây là vật anh làm để tặng em ngày đi lấy chồng. Và đây là lá thư tình mãi hoài anh không dám gửi.

Nàng cầm lấy, khóc:

– Cũng đã tới ngày em phải xa anh rồi.

Chàng thần thờ:

– Em đi lấy chồng anh sống không nổi. Thật đó, anh sống không nổi mô.

Nàng càng khóc lớn hơn:

– Em không còn cách nào khác. Hôm nay là ngày chót em gặp anh. Ngày mai em không tới được nữa...

– Không em không thể xa anh, không thể bỏ anh. Hay mình trốn đi?

Nàng gật đầu:

– Anh thể đi. Anh trốn đi với em. Anh thể độc, thể độc địa đi. Anh không bỏ em...

Thiên sung sướng đưa tay thể liền. Thể độc thể địa nữa. Phải, chàng sẽ sắp xếp một chuyến đi. Cả hai đều trốn khỏi xứ Huế. Vì tình, Thiên có thể phụ lòng mẹ cha, bỏ khoa thi, bỏ tương lai tú tài sắp đoạt trong tay.

– Tối mai em tới, anh sẽ đưa em đi. Mình sống với nhau, em không sợ ai nữa. Em...

Nàng cười. Nụ cười sao mà xa xôi, bí hiểm quá.

– Tối mai... Không đâu. Tối mai em hẹn anh ở bến sông. Rồi mình đi.

Thiên mừng rỡ ôm chặt lấy nàng. Cả hai tiếp tục truy hoan cho tới gần sáng.

Tiếng gà gáy canh tư đã thúc giục lắm rồi, nàng mới vội vã bỏ đi. Lúc đó, khu vườn bên ngoài đã lờ mờ hiện trong màn sương.

Sáng hôm sau, Thiên nằm thêm thiếp, đầu nóng như lửa. Chàng lên cơn sốt nặng. Trùm mền, đắp chăn. Ông bà chủ nhà lo lắng, có giúp Thiên một nồi thuốc xông buổi tối. Xông xong, Thiên có khỏe hơn, nhưng đầu óc còn choáng váng, mắt hoa. Dù vậy, nhớ lời hẹn với người yêu, Thiên thu xếp mấy bộ áo quần, chút tiền bạc dành dụm rồi chờ cho tới hai ba giờ sáng, một mình ra bến sông trước nhà Trâm. Sông nước lấp lánh, nôn nao. Thiên chưa kịp cảm thấy hơi sương đêm lạnh, nàng đã tới. Vẫn nhẹ như con gió lướt trên mặt đất.

- Anh sợ em không tới. Đi, mình đi.
- Khởi đi đâu hết. Ôm em đã. Em lạnh.

Nàng áp cả tấm thân vào người chàng, tự tay cởi áo chàng, áo nàng. Áo quần nào ấm bằng hơi nóng thể xác. Nàng vỗ vập, ôm ấp, đòi hỏi. Và đôi lứa quấn chặt, rơi mình xuống bờ cát bên sông.

Ai bảo sông Hương ở khúc Kim Long không từng biết sôi sục?

Vẫn còn mùa xuân để cô gái đi lấy chồng. Đám cưới nhà giàu sẽ làm lớn lắm. Bây giờ không còn ai canh giữ Trâm nữa. Một bữa, cả xóm xôn xao bàn tán có xác chết dưới sông vớt lên chính là xác anh học trò trọ học.

Vậy là câu chuyện liêu trai giữa chàng học trò và ma nữ tiểu thư con quan nằm dưới nấm mồ trong ngôi nhà hoang lập tức được truyền tụng. Tình tiết câu chuyện bàn tán càng lúc càng ly kỳ. Đêm đêm, ma nữ từ dưới mồ lên vào phòng chàng học trò, lôi chàng ta ra bờ sông ân ái. Sau đây là đoạn đối đáp lâm ly giữa ma và người. Giọng ma nữ hẳn nhiên phải nhẹ nhàng như gió thoảng:

- Anh nói là chết vì em, không hối hận?
- Không hối hận.
- Nếu em là ma, anh có yêu em không?
- Anh cũng thành ma để yêu em.
- Vậy mình đi nghe.
- Anh yêu em.
- Anh nhìn em coi, em là ai?

Chàng học trò mở bừng mắt. Khuôn mặt cúi xuống trên người chàng là một cô gái, mái tóc xõa che khuôn mặt. Lúc đó trời sắp sáng hay có một ánh sáng nào mờ nhạt soi gương mặt người con gái màu xanh. Nàng mỉm cười, đẹp như hăng nga trên cung. Mà sao nụ cười bỗng dại đi, rồi khuôn mặt cũng biến đổi, méo mó, rồi giữa nụ cười nhô ra hai răng nanh...

– Eo ôi. Anh chàng kinh hoàng quá, hét lên và vùng vẫy. Nhưng hai cánh tay ma nữ đã như hai gọng kìm, ôm chặt lấy anh học trò, và cả hai

lăn xuống dòng tối đen. Câu chuyện Liêu Trai Huế thường được kết luận vậy.

Hình như phải mấy ngày đêm xác anh học trò mới nổi lên. Người cha của năm cô gái không khỏi bùi ngùi xúc động, ngậm trách mình cứng rắn nhưng cũng thở ra một hơi dài nhẹ nhõm.

Đúng là anh chàng Thiên chứ ai. Tội chàng quá. Trâm khóc không biết bao nhiêu đêm, nhưng rồi đành chịu cam phận về nhà chồng. Mong chồng, mong cuộc đời mới sẽ giúp nàng nguôi ngoai mối tình tan vỡ, chia ly kẻ âm người dương.

Trước ngày lên xe hoa, Trâm nhớ lại mình còn thiếu nợ hồn ma dưới mộ trong khu vườn hoang kia một nắm nhang. Muốn trả cho xong trước khi về nhà chồng, Trâm mua một bó nhang, chờ cơm chiều xong, trời chạng vạng, một mình lẻn vô sau căn nhà hoang.

Bữa đó trời không một cơn gió. Khu vườn càng lặng lẽ hoang vắng. Ngôi mộ đất lở xơ xác nằm chơ vơ. Trâm bỗng nhìn thấy trên mộ, ai để

một phong thư cũ mềm và một cây trâm bằng gỗ, phía cán khắc lõng hai trái tim lồng nhau, cắm chặt lá thư xuống đất.

Trâm mở ra xem, mới hay thư của Thiên gửi cho mình lâu rồi. Còn chiếc trâm cài chắc là một quà tặng cho nàng. Trâm đọc xong lá thư, đốt cho mất tang tích. Còn cây trâm giữ lại để cài tóc coi như một kỷ niệm.

Đêm đó, Trâm nằm mơ, thấy Thiên cầm tay một người con gái rất đẹp, mớ tóc còn dày và dài hơn tóc thể của Trâm nữa. Thiên không nói gì, nét mặt vui vẻ. Cô gái nói với Trâm:

– Cám ơn em đã cho chị một năm nhang. Nói xong, cả hai đều biến mất.

Cô gái nào chả có những giấc mơ đêm trước ngày tân hôn. Ngày mai pháo sẽ nổ trước sân. Trâm sẽ có một cuộc đời khác.

Chuyện bốn chục năm sau. Tối đầu năm trong một gia đình Việt Nam. Ở một thành phố khác, cũng có thể ở một đất nước khác. Một ông tóc đã hoa râm, chén chú chén anh với các bạn già cùng lưu lạc gặp lại. Chủ nhà đã ngà ngà say, nhắc lại chuyện xưa, ông cười:

– Thì rửa, học trò trong Quảng ra thi mà. Hồi trẻ anh nào mà chẳng có lúc tầm bậy tầm bạ. Thì cũng tính đánh hoa cả cụm, không được thì đánh lẻ. Mà mình cũng có mần chi mô. Bảo hát là hát, bảo ôm là ôm, bảo đi là đi. Bà tui bây chừ đó tề... Nì, mạ nó mô hè, lấy chai Rémy trong tủ ra nhậu luôn, bữa nì vui...

– Uống vừa vừa thôi ông ơi. Từ ngày tui lấy ông tới bữa nì, chỉ thấy ông mê rượu.

– Bà đừng nói nữa mà tui kể ra bà hồ người. Chớ không phải nhờ rượu, nhờ hát hay mà hồi đó có con ma nữ liễu mạng...

– Còn nói nữa, không biết dị. Mấy anh biết không, có một chuyện mà kể hoài, làm như oai lắm.

– Để chú ấy kể chuyện Liêu Trai Huế đi, cô Ba. Một ông nói.

Bà chủ nhà ngoe nguẩy, đặt chai rượu xuống trước mặt ông chồng rồi cười cười bỏ vào nhà trong.

Thì ra đầu năm, các ông hoa râu lai rai kể chuyện xưa tích cũ. Chủ nhân có mái tóc hoa râu từng là chàng học trò xứ Quảng ra Huế học thi. Bà chủ được gọi là cô Ba, nghe đâu chính là cô em thứ ba trong đám “ngũ long công chúa” nghịch như quỷ sứ ở Kim Long thuở nào.

THƯƠNG CHÙM HOA KHẾ

Ông cụ Hồi mở cửa tiễn khách. Cũng là bạn hàng xóm thôi, nhưng gần nhà mà xa cửa ngõ. Hai khu vườn đầu lưng, cửa ngoài thì nằm ở hai con đường khác, đi bộ cũng mất mười lăm phút.

– Bác về nghe. Khi rảnh sang chơi.

– Lóng rày hai cái chun tui yếu lắm rồi bác. Muốn nhờ con cháu nó đưa đi thì sợ phiền bác ời. Mình qua đây nó khác hẳn nhiều lắm.

– Biết.

Ông cụ Hồi cười buồn. Điều này thì ông hiểu sâu đậm lắm rồi. Mà đâu phải bây giờ, cách đây mười năm trước, khi còn bà, cả hai đều khỏe, họ cùng đi tập thể dục ở một câu lạc bộ của người

Mỹ nhưng có rất đông người Việt Nam. Hồi đó ông còn lái xe được, chớ bây giờ, hai chũn của ông có khá gì hơn ông bạn. Hồi đó, ở chỗ tập, bạn già hay tâm sự với nhau:

– Tui hồi mới qua, làm việc như trâu để mua cái nhà cho lớn, nhiều phòng cho các con ở. Vậy mà thoáng cái, chúng nó đi hết trơn, nhà rộng hai vợ chồng tui thu dọn chết luôn.

– Sao không bán đi, kiếm cái nho nhỏ mà ở.

– Nhiều lúc cũng nghĩ vậy. Nhưng hổng có chỗ thì tụi nó không về. Lâu lâu tụi nó về thăm, dẫn thêm cháu vui nhà vui cửa lắm. Tụi nó đi đâu, đem sắp nhỏ về gửi, mình được coi cháu.

Lại khoe con, khoe cháu:

– Mấy đứa nhỏ qua Mỹ mà không nhiễm Mỹ chút nào hết trơn. Ôi thôi, đi lấy chồng lấy vợ, tuần nào cũng về, mua sắm đồ đi không hết. Tôi cứ phải ngăn, chửi tụi nó hoài.

Chắc không? Chưa nhiễm chớ đâu phải không nhiễm. Ông cụ Hồi nghĩ trong lòng vậy.

– Con cháu ngoại của tui mới hết xảy. Nói tiếng Mỹ như gió. Dễ thương lắm kìa, nói chuyện với ông ngoại thì nói tiếng Việt, quay sang ba nó thì nói tiếng Mỹ o o. Con nít lớn lên ở Mỹ, cái giọng mà lai Mỹ giỏi thật.

Bà muốn khoe bà có rể ngoại quốc.

Cũng ông bà già đó, chừng ba năm sau gặp lại thấy khác hẳn. Hôm xưa ông mập mập, mặt đỏ như quan công, râu dài và mượt như Lưu Bị, bây giờ choắt lại, xanh xao. Còn bà, già nhanh không tưởng được. Nhớ tuổi thì chưa được bảy mươi mà tiêu tụy, còm rộm như bà cụ trên chín mươi sắp xuống lỗ. Nụ cười tươi tắn hãnh diện về con cháu đâu mất rồi.

Hỏi thăm. Nhà sang tên cho thẳng con để nó trả phụ tiền nhà. Con vợ lộng quá, em út vắng ra hết. Từng đứa dọn ra khỏi nhà, đứa thì đi học, đứa đi làm xa, đứa ở riêng với bạn trai, bạn gái.

Ông bà nhớ con nhớ cháu, lặn lội đi thăm. Lũ cháu lớn lên không dễ thương như khi còn nhỏ. Bà sụt sịt:

– Mình nói gì nó cũng hồng hieu. Nó nói gì mình cũng hồng hieu. Riết rồi còn hơn người dưng xa lạ.

– Bác ơi, tụi nó bận chết bỏ. Mình tới, nó đón về rồi mạnh chồng chồng đi, mạnh vợ vợ đi, trẻ con thì đi học. Bác biết hông, tụi nhỏ hể về tới chẳng chào hỏi ai, rút vô phòng, mở nhạc, điếc tai nhức óc...

Ông cụ nuốt nước miếng. Già, miệng mau khô lắm, làm như phải nuốt nuốt liên tục:

– Vậy là chóc góc hai ông bà già ở nhà, riết rồi lo cơm nước cho chúng mà...

Bà cụ nói hớt:

– Mà cũng hồng yên với chúng bác ơi. Mấy đứa cháu chê nấu nướng kiểu Việt Nam hôi nhà hôi cửa, nhăn nhó nhó nhó làm mình tủi lắm kìa.

– Vậy chúng có ăn hông?

– Ăn chớ sao không ăn, nhưng cần nhằn chê thì cứ chê. Buồn trong bụng lắm, bác.

Ông cụ thở ra một hơi dài mà làm như nổi ầm ỨC con nhiều lắm, nặng lắm, hồng ra hết.

– Hai vợ chồng tui giờ thuê một phòng gần phố Bolsa ở, ngay gần chợ, bả đi bộ ra mua đồ ăn về, hai ông bà già hẩm hiu với nhau, cũng đỡ. Bà chủ nhà góa chồng, còn trẻ, nhưng thông cảm lắm, cho mượn bếp nấu nướng. Mai mốt tui đi trước hay bà đi trước, còn lại một đứa già là khổ hết biết, bác.

Bà cụ lau nước mắt. Đàn bà dễ khóc mà.

– Bởi, mình bỏ quê, bỏ nhà bỏ cửa qua đây là hy sinh nhiều lắm, cũng vì nghĩ tới sắp nhỏ mà thôi...

Ông cụ gạt phăng:

– Bà nữa. Mình xong bốn phận làm cha làm mẹ rồi, nước mắt chảy xuống có bao giờ chảy trở ngược chưa? Thấy con đứa nào cũng nên thân là mình yên tâm nhắm mắt được.

– Đã chết đâu mà nhắm khít mắt. Còn mở trừng trừng ra đây mới thấy khổ hết biết...

– Bà nhe, bà muốn gì nữa, lúc nào bà cũng có tui một bên...

Lâu rồi, cụ Hồi không còn gặp ông bạn già này nữa. Họ còn không? Chết? Có lẽ đôi? Ra sao rồi? Ông vẫn hay thắc mắc.

Ông già hàng xóm đã đi được một chặng đường. Ông già cũng lẻ bạn, như ông cụ Hồi, lẻ bạn. Tội nghiệp, đi thui thui một mình. Kìa, sao lại băng ngang đường. Muốn tới cái công viên ngồi nữa sao? Dư thì giờ vậy, không ở lại chơi thêm, thiếu gì chuyện để nói. Hồi này cụ cũng có cầm chũn:

– Còn sớm mà bác, ở chơi một lúc...

– Bữa khác, bác. Bữa nay...

À, thì ra bữa nay tới công viên nữa. Ở đó, có vài ông già ngồi, có vài đứa con nít chơi. Ông bạn già này thèm nhìn con nít. Ông đâu có thiếu cháu nội cháu ngoại chớ, nhưng ông lại ở với thằng con trai có vợ không sanh con, hai vợ chồng nuôi đến bốn con chó đủ giống trong nhà. Ông cụ nói:

– Oi thôi, hai đứa nó cứng bốn con chó, chắc con đẻ cũng cứng tới vậy thôi bác ơi. Tui nhớ lũ cháu mà chịu, tụi nó ở xa quá. Gọi điện thoại có khi nào được nói chuyện với tụi cháu đâu, làm như tụi nó hông biết mình là ai.

– Thì tại bác hông đi thăm tụi nó. Thời này, mua một cái vé máy bay, chỗ nào hông tới được.

– Tui, hông tới được thiệt đó bác. Tiền già lãnh, tháng nào cũng chia cho hai đứa con còn ở Việt Nam. Tụi nó khổ lắm. Nói bác nghe, bên tui cũng có cháu nội, cháu ngoại. Tụi nó năm nào cũng gửi hình qua, coi ngộ lắm.

Ông cụ mở cái ví để sau túi quần, lôi ra mấy tấm ảnh con nít.

– Bác thấy hông. Tụi nó cũng tình nghĩa lắm kìa. Đứa nào cũng để sau ảnh, chắc con mẹ hay thằng cha nó cầm tay cho viết, nè, bác coi...

Sau mấy tấm ảnh, tấm thì để cháu nhớ ông ngoại lắm, tấm thì ông nội ơi, cháu thương ông nội nhất đời. Trong khi ông cụ Hồi lấy kính, lau

cho sạch để đọc thì ông bạn già rơm rớm nước mắt.

– Nhớ sao hồng mua vé về. Lóng rày người ta về hà râm, sợ thằng tây đen nào chớ.

– Tui cũng không về được. Bác nghĩ coi, có mấy trăm bạc, nhớ con nhớ cháu cứ gọi về Việt Nam, phải chia cái biu điện thoại để khỏi nghe con dâu cần năn, nụng chó mà chửi mình. Còn lại, gửi cho hai đứa, nuôi mấy đứa cháu ở bên ăn học.

Ông cụ Hồi lắc đầu, nghĩ trong lòng mà không nói ra miệng. Hèn chi. Ông bạn già đời rồi mà còn ngây thơ, bị phỉnh như thường. Cũng còn đỡ, con cháu nó phỉnh chớ ai vô đó.

Ông cụ Hồi trở vô. Căn nhà vắng như chùa bà Đanh. Chùa bà Đanh vắng như thế nào, ông cụ chỉ nghe câu nói trong nhân gian đó thôi, chớ cái nhà của cụ đang ở vắng thì buồn khủng khiếp lắm. Có bà bạn già, ở góa từ hồi còn trẻ kìa, có bữa gặp trong đám ma một người trong họ, mừng lắm:

– Mèn ơi, lâu ời là lâu, hồng thấy bác đầu...

Sao thấy được. May đám bà con trong họ, thằng con mới lấy ngày nghỉ, đưa đi. Mà cũng bỏ ông ở đây rồi dọt lẹ, hẹn giờ tới đón. Chuyện qua chuyện về, người sống sắp hết đời rồi thì còn chi vui nữa. Bà bạn:

– Tui nghĩ cho cùng mình cũng hồng nên trách ai, mình là một gánh nặng cho con cái. Cũng may mình biết phòng thân bác ời. Giờ còn chút tiền gửi nhà băng, lấy ra xài dần. Tui vô chùa ở với mấy bà bạn già, làm công quả, sớm tối kinh kệ, ngày qua mau lắm.

– Thấy chị thông thả, phẻ phảng quá, tui ham.

– Ý cha, già rồi mà ăn nói vô ý vô tứ quá vậy. Còn ham kí gì nữa mà ham chớ.

Ông cười gượng gạo:

– Xin lỗi, già rồi, lắm cảm phải hơn. Tui muốn nói thấy chị... nhà Phật nói là gì đó, à từ bi tự tại, thấy chị hồng lý chuyện đời nên mặt ít nhăn, còn tui, giống trái cau khô không chị?

Bà già cười. Ông bạn chồng này, thừa xa xưa cũng một thời, nghe đâu có nhiều hồng nhan tri kỷ, cũng làm khổ đờn bà cũng không ít.

– Bác cũng nên đi chùa mà rửa nghiệp rồi mới đi thông thả.

– Được như chị thì phước rồi. Tui hoàn cảnh khác, chị ơi.

– Biết. Lúc đầu tui cũng đeo con đeo cháu mà không nghĩ ra là đến một lúc nào đó, con cháu nó hết cần mình. Mèn ơi, cả ngày ở trong căn nhà rộng, đi ra đi vô, tủi thân khóc ời là khóc. Cũng may tui “ngộ” sớm... Bữa nào rảnh, bác tới chùa chơi, hồng phải chỉ có người già không đâu, mà mấy cô tre trẻ cũng tới tu, thương nhau và giúp đỡ nhau, như một gia đình.

Ông cũng hứa. Nhưng không đến thăm bà bạn già được. Bữa đó, bà bạn già, cũng còn giữ tính nghịch ngợm thời trẻ, nhắc tới một hai hồng nhan tri kỷ trước đây của ông. Còn đẹp còn đẹp còn xấu gì nữa, tất cả đã già. Ông cũng không hề nghĩ tìm dịp gặp lại, kể cả nếu nghe tin đám

ma, chắc cũng hồng nên tới thắp nhang. Đến tro cốt của bà vợ để trên chùa, thằng con có ngày nghỉ tới đưa đi thăm thì ông tới thắp nhang, còn không thì thôi, đâu dám nhắc, sợ làm phiền.

Nếu căn nhà trống vắng này mà có chút tro cốt của bà, hay cái bàn thờ để ông hương khói cũng còn ấm áp chút đỉnh.

– Sắp nhỏ chúng nó không chịu được mùi nhang, với lại nhà có cái phòng khách nhỏ xíu, bày bàn thờ trông kỳ cục lắm. Thôi đem má lên chùa, con sẽ chở ba đi thăm, má ở chùa nghe kinh mới sớm siêu thoát. Để ở nhà, ba nhớ, sanh bệnh, khổ.

Ừa lệ mà chùi lén. Ông có một phòng nhỏ, ngăn bớt ở garage đậu được ba chiếc xe. Chỉ kê được cái giường, cái bàn nhỏ xíu, còn chừa cho lối đi. Ông để cái ảnh nhỏ của bà lên bàn. Lúc đầu ông có cái bát nhang. Nhưng thằng con lại nói:

– Ba cứ đốt nhang khói um sùm. Phòng ba gần máy ga, máy nước nóng. Ba hay quên, dễ cháy nhà lắm. Để con mua cây nhang điện về cho

ba, cháy đỏ ngày đêm như ngọn đèn, ha ba. Ba thấy hợp lý không ba?

Nói thì vậy, nhưng mấy năm rồi, thằng con chưa mua. Ông cũng không nhắc. Bà chết rồi, thôi ông cứ khẩn nguyện trong lòng cũng được.

Ông cụ nhà có vườn đậu với vườn nhà ông mà có phúc hơn mình. Còn hai, ba đứa con ở quê nhà, còn có việc mà lo. Còn lũ cháu chưa biết mặt, phỉnh cho mà khoái. Chớ ông, ông đã đem hết các con qua đây, bây giờ chúng nó dọn mỗi đứa một nơi. Lúc còn khỏe, ông cũng đi tới ở với từng đứa. Cũng được tiếp đón, nhưng đó là lúc ban đầu. Sau cùng, ông thấy không phải con ông tệt, mà ông không còn là một người cha nhanh nhẹn, tháo vát nuôi các con mà chỉ là một gánh nặng. Mà hai vợ chồng thằng con này thì muốn giữ ông, cũng vì lớn nhất, còn vướng chữ hiếu, sợ chê cười, em út nó khi dễ.

Ông cụ Hồi đi ra đi vô. Vườn tược ông đã chăm xong. Bởi ông ít ngủ, dậy từ sáng sớm là ra vườn. Ông còn phải chăm hai cây mà bà vợ, lúc

còn sống nung niu nhút. Đó là một cây khế và một cây nhãn Việt Nam. Bà nói:

– Thấy người ta trồng thì ham, tui cũng muốn trồng. Nhưng tui biết, tui hông đợi được thấy nó lớn, có trái đậu. Lâu lắm.

Phải. Bây giờ cây nào cũng có hoa có trái, còn bà, xương cũng không còn, chỉ còn nắm tro.

Cũng không phải nhà vắng rồi cứ đi ra đi vô hoài đâu. Sáng sớm, hai đứa cháu ăn sáng xong, vội vã đi học. Còn đồng chén đĩa ở bếp, ông phải thu dọn giùm chúng. Gì nữa, nhớ ra, sáng đứa con đầu dặn:

– Ba, con giặt quần áo mà không sấy kịp. Ở nhà, ba bỏ qua máy sấy giùm con chút, được không?

– Ừm.

– Chết cha. Thùng rác chưa lôi ra... Trễ giờ rồi, con phải đi...Ba đem ra giùm, được không?

Lúc nào cũng hỏi câu được không làm gì chớ. Bắt buộc là phải được. Việc kéo thùng rác nặng nhọc, cứ đến ngày, ông cụ ì à ì ạch kéo ra đường, tối lấy thùng vô. Thằng con trai có thấy, nhưng lơ đi. Ông cụ còn làm được để cho ông làm, dần gân dần cốt, đỡ bệnh tật.

Đứa con dâu, lúc vắng mặt chồng quăng thúng đựng nia:

– Mệt ơi là mệt, đi làm cả ngày như trâu như chó, sao có những người sướng chỉ ăn không ngồi rồi.

Nói trống lỗng thôi, đâu chỉ ai. Ông cụ Hồi đăng cả hòng.

Làm xong thì tới trưa trọt. Lại thêm một chuyện tệ hại. Đã dọn sáng ra lấy cục thịt đông lạnh trong tủ đá ra ngoài để trưa kho rim mặn ăn với cháo. Ông đành làm một tô mì gói. Ăn xong, ông vô phòng. Ngồi trên cái giường nhỏ, ông nhìn ảnh bà vợ. Tắm ảnh chụp lúc bà lớn tuổi rồi, mới nhìn tưởng con mắt nheo nheo ngó nhưng kỳ thực không phải, đuôi mắt bà xếp nếp nhiều

quá nên tưởng vậy. Thì cũng là nét duyên của người già.

– Bà à, cây khế mùa nào cũng có hoa. Hoa khế đẹp lắm, tui biết bà rất thích, mai mốt...

Phải rồi, mai mốt tới xuân, có hoa khế. Ông phải nhớ ngắt một chùm để trên cái đĩa, trước tấm ảnh của bà. Bữa nay ra vườn, thấy cây khế trơ trụi lá mà đã có những chồi non muốn nhô lên. Khi đông tàn, loại cây này nó vậy.

Nhớ mùa xuân ở quê nhà, trong dĩ vãng xa, nụ cười của bà bên cây khế sau vườn nhà đầu có vậy, đẹp lắm kìa. Hồi đó, ông còn là một chàng trai trẻ, thường nhìn trộm qua vườn bên cạnh... Vậy mà mấy chục năm qua cái vèo. Chuyện gì cũng đã qua tuốt luốt hết, chỉ có một chuyện nhớ. Nhớ hoài, là bữa hẹn tân niên. Mùa xuân. Buổi trưa yên ắng. Dưới gốc khế sau vườn nhà nàng. Cũng chỉ vì đôi môi chúm chím, còn ngậm chùm hoa khế làm duyên. Cầm lòng chẳng đậu. Vậy mà lỡ cho lỡ luôn. Nào dè, chưa kịp hoàn hồn, bỗng thấy tiếng chân đi nặng nề. Rồi ông già nàng cầm cái rửa xông tới. Lạ thật, lúc đó trời

sập cũng hồng biết chớ đừng nói, vậy mà nàng thấy kịp, vùng đẩy ông bật dậy. Thế là tá hỏa, cũng không biết lúc đó làm sao anh chàng thanh niên có thể nhảy bay qua hàng rào mà về lại vườn nhà mình. Chuyện đâu dừng ở đó, cái bụng của nàng chình ình ra, rồi đám cưới. Đứa con đực có một lần dính liền là thằng con lớn bây giờ. Bà vợ từ trẻ tới giờ, vẫn lẳng mạn kiểu vườn, ở đâu cũng muốn trồng một cây khế.

Đời người đàn ông kể cũng lạ. Biết bao người yêu qua đời, nhưng cuối cùng chỉ có một người đàn bà già nua, xấu xí nhứt thì vẫn mặn nồng bên cạnh. Đâu có ai hiểu lòng ông, dù bà chỉ còn là nắm tro, ông vẫn thương, thương hoài thương hủy.



Mấy bữa sau hai ông cụ bắt ghế nói chuyện với nhau qua bức tường ngăn vườn. Hai ông đứng ở khoảng tường thấp nhất, chỉ có bụi xi măng chặn luống hoa, nên nhìn thấy mặt nhau.

– Mấy ngày rồi, tui có bụng ngóng, hông thấy bác ra vườn.

– Tui, Bị bận quá bác ơi, đi lo mấy thứ giấy tờ, rồi còn chích đủ thứ.

– Phải. Mùa này cúm dữ lắm. Tui cũng chưa đi chích vì thấy tui nó hông rảnh, mà cũng... sợ phiền.

Vậy đó, hồi còn nhỏ nhít, đang ăn chúng nó cũng phệt phệt ra, phải bỏ bữa đi dọn. Đang ngủ, chúng ọc sữa, đái dầm, phải thức giấc lo, khi mọc răng nóng đầu, khóc cả đêm không ai ngủ được, có làm phiền hông chớ. Nhưng nói ra ngật lắm, ai nuôi con mà kể công. Ông cụ Hồi cũng vậy, nhắc bạn chớ ông cũng đã chích ngựa đâu. Năm ngoái có thằng cháu tới chở đi chích. Năm nay thằng cháu vô trường mới, ở xa, điện thoại hỏi thăm ông ngoại cũng thưa dần, rồi bật. Hồi đó, ông hay khen có thằng cháu ngoại hiếu đễ, biết thương ông, nay mới mắc cái quai sặc hòng.

– Tui mà đi trước, ông khổ lắm ông biết hông?

Lúc còn sống, bà lo vậy, mà chắc lo cho tới khi nhắm mắt rồi có còn lo không đây. Bữa đám ma bà xong, cả tháng ông không ngủ, ngồi mở mắt trừng trừng. Đâu biết cái bà già ngất, lẩm cẩm, suốt đời như cái gánh nặng đeo bên hông mà lại quan trọng đối với ông đến vậy.

– Bác thấy hôn, lật bật mà hết năm tới nơi rồi. Tui bữa nay ra coi lại hệ thống tưới tự động cho tui nó rồi thôi, tui đi.

Giật mình. Lời nói như trời trăng. Ở tuổi này còn đi đâu chớ, nếu không phải về dưới? Nhưng ông bạn già nói tiếp:

– Tui về bến, bác.

– Bến.

– Phải. Đứa con gái đầu của tui bệnh nặng mà tui nó giấu tui. Nghe nói không xong rồi mới báo cho biết. Thằng cháu ngoại gọi điện thoại qua, nghe giọng ông ngoại, khóc quá là khóc.

– Tội hôn.

Ông cụ Hồi hơi ân hận trong lòng, thì ra lâu nay, ông hiểu lầm nhiều quá.

Vấn ông bạn:

– Mua vé luôn rồi, đang lo không ai giúp thì bữa có ông bạn già gọi điện thoại tới khoe um sùm là sắp về bến ăn Tết. Tui mới hỏi thăm, dò đường í mà. Thì ra, bây giờ dễ lắm, cứ lật tờ nhật trình ra là có số điện thoại để cho mình gọi, người ta đem xe đến tận nơi đưa mình đi. Vậy là tui đi chích cúm, rồi đi chích các thứ thuốc ngừa. Bữa đi họ cũng đưa mình ra phi trường.

Ông cụ Hồi buồn tênh. Sáng nào cũng có tờ báo Mỹ liệng trước sân, chính tay ông lật tờ báo vô nhà, nhưng chỉ nhìn được mấy tấm hình.

– Bữa mua vé nhờ thằng con, nhưng cứ nhờ hoài sợ phiền. Bây giờ biết rồi, phở quá bác ơi. Để bữa tui đi về, tui với bác biểu xe tới đón tui mình ra Phước Lộc Thọ chơi, ở đó có mấy tướng, đấu cờ với nhau suốt ngày, coi vui lắm.

– Ừm.

Cụ Hối bản thân trong người, vụt miệng hỏi:

– Tui mà biết, tui cũng đi với bác. Sao bác không nói sớm?

– Bác còn ai ở bến mà về chớ. Về bến, hỏi bạn cũ, muốn thăm đều phải ra nghĩa địa, họ nằm hết ở ngoài rồi. Còn đi đường thì sợ xanh mặt, xe cộ hồi đó đã ghê rồi, bây giờ còn ghê hơn, ông hổng dám ra đường...

– Bác về bến cũng cẩn thận.

Ông cụ Hối nói cho có chuyện. Ông bạn già gật đầu:

– Tui cũng biết. Tui đâu có ở thành phố, bác. Về đến là tui nó rước xuống Cần Thơ, ở dưới với con cháu, cũng không muốn đi đâu. Chơi? Có gì mà vui, mà chơi, hả bác?

Rồi kể:

– Nghe lóng rày đường phố, xe cộ chạy như mắc cửi, mà người nào người nấy đeo khẩu trang, nghĩa là khăn bịt mặt nên đi ra đường là như thấy toàn quân ăn cướp, ghê rợn lắm kìa.

– Thiệt sao?

Ông cụ Hồi không tưởng tượng ra được. Ông bỗng hắt xì liên tục một hơi, nước mắt nước mũi ràn rụa.

– Thôi chết rồi, bác sắp cúm đó nha. Mặc thật ấm vào. Nhớ đi chích thuốc cúm, nhớ đó nha. Quên là nó vật mình toi củ tỏi luôn đó.

Ông cụ Hồi cảm thấy một luồng ớn lạnh chạy khắp toàn thân, rồi dồn ở ngực, bắt muốn ho. Ông ho khục khặc.

– Vô nhà đi bác ơi. Vô đi. Tui cũng kiểu bác, bác ở lại ăn Tết vui nhe. Tui còn lo đi một vài việc để về bên.

– Bác cho tui gửi lời hỏi thăm... hỏi thăm... ắt xì, ắt xì...

Ông bạn già còn ráng đứng chờ. Ông cụ Hồi hắt hơi xong thì mới chùng hững. Đâu biết gửi lời thăm ai chớ. Ông lắc đầu:

– Thôi bác, chúc bác về bên gặp con cháu... vui.

– Chà. Ráng uống thuốc mau lành, bữa về gặp lợi.

Ông bạn già sẽ vắng mặt một tháng. Nhưng còn gặp lại nhau không, đó là chuyện của ngày mai, ai biết!

Lúc đầu chỉ vài cái hắt hơi, rồi ho. Ông cụ Hồi mỗi lần ho là gặp người xuống, vì vậy, cái lưng càng còng hơn, càng gần mặt đất hơn.

– Đã nói nhắc con đưa đi chích cúm, hổng chịu nhắc. Bệnh vậy đâu có đi chích được. Chờ qua khỏi, con đưa ba đi chích. Nghe nói năm nay cúm độc lắm.

Ông cụ Hồi âm ừ. Bữa sau, chắc con vợ tử tế sao đó, thẳng con trước khi đi làm dận:

– Ba à, ba đang cúm, đừng ở nhà trên nhiều, rồi lây hết cả nhà khổ lắm.

– Hổng phải tụi bây chích ngừa hết rồi sao?

– Chích thì chích, cả trăm thứ cảm cúm, ngừa mấy thứ dữ thôi ba. Còn mấy đứa nhỏ đâu chịu chích, dễ lây lắm ba.

6. Thương chòm hoa khế | 213

Thằng con nói đầu có gì sai. Nhưng cứ ru rú ở dưới garage, nằm hoài cũng thấy nhức đầu lắm. Thằng con có mua thuốc đầy đủ, cần dặn:

– Có cam vợ con mua để sẵn, ba vắt uống nhiều nhiều cho mau khỏe. Ba nhớ uống thuốc.

Đứa con đầu, sáng, trước khi đi làm cũng ráng bắc một nồi cháo trắng. Cũng có một nồi thịt kho tiêu. Có sự sẵn sóc chớ đâu phải không có, nhưng tình cảm thì thiếu nhiều lắm, nó nhạt nhẽo làm sao!

Qua chiều ngày thứ ba thì ông cụ Hồi sốt. Ăn cơm chiều xong, đứa con trai xuống thăm, thấy ông trùm mền kín mít thì hoảng:

– Ba sao vậy?

Đứa con lật chăn lên, sờ trán thấy trán cha nóng hổi.

– Ba có uống thuốc đều không đó. Chắc lúc nhớ lúc quên mới mau nặng vậy. Để sáng mai con đưa ba đi bác sĩ.

Con dâu và cháu không dám đến gần, sợ lây bệnh. Đứa con sợ cha buồn, bệnh nặng thêm, nên gượng gạo bảo con:

– Ông nội đau không đứa nào hỏi thăm một tiếng sao? Xuống thăm ông nội ngay.

Hai đứa cháu mặt mày cau có, đứng lấp ló ở cửa hỏi vọng vô, tiếng Việt bập bẹ:

– Ông nội, ông nội có khỏe không? Chào ông nội.

Vậy là biến. Ông cụ Hồi trong cơn sốt gần như mê sảng cũng nghe giọng hai đứa cháu, mừng đến ứa nước mắt.

Tối đó, hai vợ chồng gây gổ nhau.

– Anh một vừa hai phải thôi nhe. Ba bệnh nặng như vậy mà bắt tụi nhỏ xuống thăm. Mai mốt ba lành, muốn thăm nhiều không được. Cả nhà thi nhau bệnh nằm một đồng, khi đó ai thăm hỏi ai cho biết.

Thằng con thấy vợ nói cũng phải, nhưng trong bụng đang tức. Công việc lu bu gì không đưa cha đi chích thuốc ngừa, lỡ có gì thì hận đến chết. Đời sống ở Mỹ này, đứng lại là thụt lùi, là thua kém, là nguy...

– Em cũng quá lắm, anh thì bận, em chẳng để ý gì đến ba.

– Nói vậy mà nghe được. Tui cũng đi làm như anh chứ ở nhà đi ra đi vô sao? Còn nữa, chợ búa, cơm nước, làm con sen ở nhà này là ai?

Thương ông già thì nổi cơn vậy, nhưng vợ lớn tiếng thì cũng phải nhịn. Đến đó thôi. Vừa đủ. Làm tới, nổ lớn.

– Nói nhỏ tiếng chút được không, thôi mình bỏ qua.

Anh sợ sắp nhỏ nghe. Hai đứa con đứng về phe mẹ.

Chiều hôm sau, đứa con dâu đi làm về, chính tay nấu món cháo thịt băm, chính tay bưng xuống cho bố chồng ăn. Chị hỏi thăm, có cười,

nhưng nụ cười như mỗi lần phải xã giao, gượng gạo. Ông cụ Hồi đã có vẻ khá hơn, thấy không cần phải đưa đi bác sĩ khám. Anh tự hào với bạn bè là bố anh khỏe mạnh, tuổi già mà ít làm phiền con cháu. Anh vui vẻ hứa:

– Vài bữa ba khỏe con đưa ba đi chích cúm.

Ông cụ gật đầu, lòng vui, thấy cha con đã gần gũi. Nó đâu có gì chớ, có phải lâu nay ông đã hiểu lầm con?

Tối, ông cụ Hồi uống thuốc xong thì nằm nghỉ. Ông trôi vô giấc ngủ mau lắm, rồi thì có nhiều giấc mơ.

Giấc mơ đầu tiên, ông theo ông bạn già về Việt Nam. Thành linh thấy đứng trên đường phố có một mình, rồi ông thấy không biết bao nhiêu xe cộ ào ào nhắm ông mà phóng tới, người nào người nấy đều đeo khẩu trang màu đen. Ông la lên: “Cướp, cướp”. Đám cướp nhảy xuống xe vây lấy ông, kê súng vào tai ông sẵn sàng bóp cò. Sợ quá, ông van lạy, nhưng xung quanh ông, tiếng cười man rợ cất lên. Ông hoảng hốt tỉnh dậy, mồ

hôi toát ra và sự hoảng hốt kéo dài cho tới lúc ông chìm vô giấc ngủ khác...

Nhiều giấc mơ vụn vặt, nối tiếp không đầu không đuôi, cho tới gần sáng, giấc mơ sau cùng... Giấc mơ kéo ông về thời niên thiếu, cậu học sinh vườn yêu cô gái quê. Ông được sống lại cảm giác ân ái vụng trộm với cô gái vườn bên, cả cái cảm giác hãi hùng, muốn trốn thoát lúc nhảy qua hàng rào ngăn hai nhà lúc bị lộ chuyện. Khi không lại nhớ một chi tiết kỳ cục nhứt lúc đó mà chỉ có hai ông bà già biết, về già còn nhắc nhở... Ông cười nắc nẻ.

– Gì mà cười dữ vậy ông?

Chuyện hồi trai trẻ biến mất. Bà đứng bên cạnh. Ông nắm tay bà, vẫn nắm được. Vậy bà đâu đã chết.

– Tui cười vì nhớ lại cái chiện hồi đó, bữa dưới gốc cây khế.

– Khỉ. Già mà còn khỉ. Kỳ quá hà.

Bà vẫn còn bẽn lễn, đỏ mặt. Khi bà đỏ mặt, những vết nhăn trên má hóp như có mờ bớt đi nên vẫn thấy duyên.

– Cây khế, cây khế có bông chưa. Tui nhớ nó lắm.

Ông cười:

– Trụi lũì hà. Làm gì có.

Tay bà giựt giựt trong tay ông, vẫn còn cái hơi ấm thừa nào.

– Ông nhớ đó nha, khi nào hoa khế nở, ông hái một chùm đem về dưới cho tui.

Bà cười. Hàm răng giả của bà đâu rồi mà cái miệng móm mém, trơ lợi, trông hết duyên nhưng hóm hỉnh, ngộ quá.

Chớp một cái, không thấy bà đâu nữa. Ông ra khỏi giấc mơ. Mở mắt, trời mới mờ sáng, nhưng ông không thể ngủ tiếp được. Đầu óc cứ chồn vờn, lảng vảng bao nhiêu chuyện cũ, bao nhiêu kỷ niệm những ngày ở quê hương, từ

lúc còn là cậu thiếu niên miệt vườn, cho tới lúc đưa vợ con lên tỉnh thành lập nghiệp. Một đời đủ chuyện, lúc lặng lúc sóng cồn biển đập, long đong cũng không ít. Hai vợ chồng chống chọi qua bao nhiêu cơn tưởng sạt nghiệp, hoặc tan vỡ gia đình. Lỗi cũng ở ông nhiều, có số đào hoa, ra đường, người ta gặp, người ta thương biết sao. Bà ghen tuông cũng dữ, tưởng mấy lần đứt gánh. Tội nghiệp, người thua thiệt, chịu đựng, nhịn nhục vẫn là bà, bởi thương con.

Biết bao đêm, ông bỏ nhà đi hoang, một mình bà lủi thủi với đàn con dại, ôm con mà nước mắt ướt mặt mũi. Gái thương chồng đang đông buổi chợ, trai thương vợ nắng quai chiều hôm. Mà nắng đã quai, đã xế đầu còn bao nhiêu, vậy mà bà lại bỏ đi trước.

Đến giờ đi làm, người con đứng ở cửa, hỏi:

– Ba sao rồi, thấy đỡ nhiều không?

– Đỡ.

– Có gì ba gọi điện thoại tới sở cho con. Số điện thoại con ghi để sẵn bên máy.

Người con đi sau cùng. Nhà vắng ngắt. Ông thấy đến giờ uống thuốc, nhưng phải ăn chút gì, uống thuốc mà bụng đói nó cào chịu hồng thẩu. Nhưng lạ, khi ông đứng dậy thì thấy choáng váng. Ông đưa tay ôm ngực, hai lồng ngực như đang bị xiết lại, trì nặng và nhịp tim đập tới tấp, loạn xạ.

Ông ngồi xuống giường, định thần lại. Nhưng thần trí ông bỗng lơ mơ. Điều ông muốn nghĩ thì nghĩ không ra, mà những ý nghĩ kỳ cục đâu đâu lại ào ào kéo tới. Cái đầu có vẻ chịu không thấu. Đầu chỉ là đầu, cả cái ngực nữa. Có bàn tay ai đang bóp hai lá phổi của ông, kéo luôn mấy sợi gân đang co giật trong chân, trong tay. Phải chặn cái bàn tay quá đáng ấy lại. Ông muốn mà không còn sức lực.

Một phút nào đó, ông nghĩ tới điện thoại, muốn gọi cho đứa con, nhưng rồi ông quên ngay. Có cái gì đó đang nhẹ nhàng đung đưa, ngay trước mắt ông. Ông nhận ra nó rồi. Chùm hoa khế. Chùm hoa khế, bông màu tím nhỏ li ti, điểm nhụy vàng. Chùm hoa ấy đang vẫy gọi ông. Có cơn gió xuân làm chùm hoa đung đưa. Có cả

tiếng cười khúc khích nữa. Chòm hoa khế. Hoa khế. Đừng giỡn mặt nhé. Ở đó đi. Ông tới.

Không hiểu sao bằng cách nào ông mở được cửa phòng, mở được cửa sau. Ông nhìn thấy vườn cây xanh mát. Ông đi qua cây nhãn, không dừng lại. Ông đi tới cây khế. Hoa khế nở rồi. Ông nhìn lên. Kìa, núp sau một tàn lá, có chòm hoa cánh tím nhụy vàng đang đung đưa. Nó muốn lẫn trốn ông. Cả cái hàng rào cao thế kia, ông còn thừa sức phi thân qua. Làm sao chòm hoa này trốn nổi. Ông vươn người, với tay, một lúc một cao.

– Tui hái cho bà. Tui hái cho bà.

Chòm hoa khế đã ở trong tay ông. Lạ thay, cùng lúc đó, ông bỗng thấy mặt ông đang dụi vào mặt đất. Đất. Phải, đó là chỗ của ông. Ông nghe tiếng bà dặn:

– Khi nào hoa khế nở, ông nhớ hái một chòm đem về dưới cho tui.

Bàn tay vẫn thận trọng nắm chặt chòm hoa, ông tiếp tục thì thầm:

– Tui hái cho bà. Tui hái cho bà.

Chùm hoa tím ngắt... mờ dần trong mắt ông.

o O o

Buổi trưa, người con trai cụ Hồi không biết có linh tính gì, đang giờ ăn trưa, bỏ về nhà. Anh ta canh cánh trong lòng, hình như buổi sáng đi chưa tắt máy hít. Đến tối mịt cả nhà mới về, ông già bệnh, đôi khi không biết để tắt, hao điện lắm.

Về tối, máy hít đã tắt rồi, không biết do anh hay do bà vợ trước khi đi làm. Anh tính khóa cửa đi, nhưng nghĩ giờ mà đi ăn, tối sẽ trễ, anh xuống bếp. Bếp lạnh tanh, nồi cháo vẫn y nguyên, chứng tỏ ông già chưa đựng tối. Anh đi xuống garage định hỏi ông già có ăn không để cùng ăn. Đây cũng là dịp anh bày tỏ nỗi lòng để cha con gần nhau trở lại. Không biết từ bao giờ, anh nghĩ lại, thương cha, hay chính mới đây, lúc sờ lên đầu cha sốt, trong hơi bốc nóng, lẫn một cái mùi già, ngái ngái như mùi lá vàng sắp rụng.

6. Thương chum hoa khế | 223

Anh không thấy ông già trong phòng. Anh đi tìm một vòng, cũng không thấy. Kỳ lạ chưa? Liệu có... Không đâu, ông cụ đã qua cơn sốt, có nhiều phần khỏe lại, lẽ nào...

Nhìn cửa đi ra vườn, thấy mở toang hoang. Anh vội vã ra tìm. Vườn mùa đông, cây lá trơ trụi. Tới gốc khế, anh thấy cha anh đang nằm sóng soài, mắt mở trừng, một tay ông nắm lại thật chặt.

Người con quỳ bên xác cha. Anh khóc. Rồi anh gọi 911. lát sau, xe cứu thương tới, có bác sĩ khám nghiệm, xác nhận ông già đã tắt thở mấy tiếng đồng hồ rồi, vì đứt mạch máu não, xuất huyết trong đầu. Khi mở bàn tay nắm chặt của ông ra coi, thì chỉ là một cành cây nhỏ khô khốc, khẳng khiu, không ai hiểu tại sao!

Sau đám tang cụ Hối, cái garage được sửa lại đủ cho ba xe đậu. Từ nay, chiếc xe của thằng cháu nội có mái nhà, không phải đậu ngoài lề đường để chim nó ỉa dơ dáy nữa.

Tháng sau, ông bạn già hàng xóm đi Việt Nam về, nhìn sang vườn bên. Không thấy ông

bạn hơn hở bắt cái ghế lên để nhìn mặt nhau. Ông hỏi thăm, biết ông cụ Hồi đã chết, khi chết nằm dưới gốc cây khế.

Ông cụ thở dài, nhớ bạn. Nhớ ông cụ Hồi có lần chỉ cây khế, nói:

– Bởi, đi đâu bà cũng trông cây khế, bà mê hoa khế lắm kìa. Mê như mê tui.

Đó là lần ông được ông cụ Hồi vui miệng, khoe thành tích chuyện tình thời trai trẻ miệt vườn.

Năm đó, cây khế ra hoa chi chít, từng chùm bông khế tím sậm, lẫn cả lá. Có điều, hoa thì nhiều mà không đậu trái nào.

Ông bạn già hàng xóm lại cũng hăm hiu lắm, đôi khi ông tự hỏi, lẽ nào ông cụ Hồi đã hái hết chùng đó hoa khế mang xuống dưới cho bà.

CON NGỰA THƯỢNG TÚ

Bà Tham Trọng ngồi trên sập gụ, trên sập là cái mẹt tròn bày những cánh cà rốt, đu đủ tía những bông ngọc lan, bông trà, thược dược, ớt đỏ, ớt xanh. Bà nhìn ra ngoài trời, cơn mưa vẫn tầm tã. Năm nay, đã ba trận lụt lớn trôi nhà trôi cửa rồi, có một cái Tết cho con dân Huế được thờ tí xíu, ông Trời cũng làm ngơ sao?

Nhà ba gian hai chái, cột gỗ lim bóng loáng có treo hai bên hai câu liễn đối sơn son thếp vàng. Cửa các cụ ngày trước để lại, bao đời rồi không biết, hai câu liễn đối vẫn uy nghi ngự trên hai cột gỗ dựng hai bên bàn thờ. Thì một nửa gian giữa dùng làm nơi thờ phụng tổ tiên, phía ngoài chắn một tủ trà cổ bằng gỗ quý và kê bộ đồ gỗ gồm có một bàn dài, và sáu ghế chạm lộng, khảm xà

cử, cũng của các cụ xưa để lại. Bộ bàn ghế đồ trước đây ông Tham Trọng mời khách, kéo ghế, đặt bộ trà mai hạc, một chén tổng và bốn chén con nhỏ xiu, nghe nói từ đời ông Nguyễn Du đi sứ sang Tàu, cầm hai câu thơ mà ông đã dịch ra tiếng nôm: Nghêu ngao vui thú sơn hà, mai là bạn cũ hạc là người thân.

Bà Tham Trọng lắc đầu, ôn lại kỷ niệm cũ sao trong bụng buồn quá là buồn. Lật bật ông Tham Trọng đã bỏ lại bà mà đi trước cũng tới bốn năm rồi, cũng vào cuối năm, cũng những ngày mưa thúi đất thúi đai như bữa nay...

Bộ đồ trà mai hạc đã thiếu mất một chén con, vì trong buổi giỗ bốn chín ngày, khi rót trà, bà đã lỡ tay đánh bể hay ông Tham muốn đem đi theo một chén, không biết chừng. Phần còn lại, từ đó tới nay vẫn được cất trang trọng trong tủ cổ, chỉ ngày giỗ của ông Tham, bà mới lấy ra rót trà cúng rồi cất lại liền.

Mưa tới ngày nào mới tạnh đây. Những món bà đã tĩa dùng để ngâm nước mắt làm dưa món

nếu không được phơi nắng cho héo mặt thì khi ngâm đã không giòn mà còn bị lầy, thúi.

Bà tham Trọng gọi:

– Chị Gái mô rồi... Gái, Gái...

Chị ở, tuổi cũng ngũ tuần chớ không ít, lon xon đầu từ dưới bếp chạy lên:

– Bà kêu con?

– Không kêu chị thì kêu ai, hí? Chị tên Gái chớ phải tên Trai mô mà còn hỏi.

Chị ở, biết tính bà Tham Trọng, cười hể hể:

– Dạ, con tra rồi, lú lẫn quá hỉ.

– Mi noái ai tra? Mi tra bằng tau khôn?

Chị ở giật mình. Cứ càng nói càng sai, càng bị bắt bẻ. Đợi cho bà Tham Trọng nhúu mày, quắc mắt xong, chị mới tiếp:

– Dạ thưa, bà sai con chi?

– Kêu mi là có việc mới kêu. Nì, đem cái sàng

ni xuống, quạt lò lửa rồi hong cho khô khô bột. Đợi từ mấy ngày ni, bữa mô cũng mưa, làm rằng mà chờ cho được.

– Dạ.

– Đừng đứng đó mà dạ nhíp nữa. Dem xuống đi. Nhớ khơi thanh cho đều, ủ tro cho bột nóng, chớ khôn, như năm ngoái, mi làm cháy hư hết đó nì...

Chị Gái lại cười, đưa tay lên gãi đầu. Bà Tham Trọng lắc đầu. Bởi ngu rứa không đi ở thì làm chi đây? Hồi trẻ chị Gái đi ghính nước mướn, rồi vô ở nhà bà, tính cũng cả hai chục năm, không ít. Ở hai chục năm mà vẫn còn chưa biết ý chủ, còn noái không ngu?

– Thôi, đi đi cho khuất mắt tau.

– Dạ đi, con đi, con đi liền nì.

Chị Gái vội vã đưa cả hai tay, cẩn thận cầm cái sàng tre đựng những bông hoa lá mà bà Tham tỉa tỉ mủ đi xuống bếp.

Bà Tham Trọng cũng xếp cái lưỡi con dao bằng thép mà bà rất ưng ý. Bà đặt thợ rèn làm riêng cách đây cả ba chục năm, chỉ dùng một việc là tĩa bông, vậy mà lưỡi dao cũng mòn đi nhiều. Bà mở nắp cối trầu để bỏ con dao xuống dưới. Cái cối trầu bằng đồng, cũng của cụ ngoại hồi xưa để lại. Bà cẩn thận bỏ cau, tèm trầu. Giòng dôi vua quan, ăn trầu, vôi quệt lên lá trầu phải pha màu hồng, trầu phải tèm cánh phụng. Răng cỏ của bà cũng thâm lắm rồi, hồi xưa còn con gái, nhuộm răng đen, nhớ lần nhuộm răng, xúc rồi ngậm thứ thuốc đặc biệt, đau đớn, khó chịu, cả mười ngày không nhai được, khổ sở biết mấy. Nhưng bù lại, hàm răng của bà thời đó đen nhưng nhức, làm tăng giá trị nụ cười, không phải sao, hồi đó, ông Tham Trọng đã đỗ đạt gì đâu, mới là thư sinh, mà đã bị nụ cười răng đen của bà xô té cái bịch, nằm luôn với bà cho tới lúc nằm một mình dưới đất.

Hàm răng đã có cái lung lay rồi, không biết gìn giữ lại càng khổ thêm với nó. Bà bỏ trầu và cau vào cái xoáy để nghiền cho dập dập trước khi bỏ vô miệng. Đang lưng chừng, chưa kịp nhai, bà bỗng nhìn thấy một bóng người lướt vô sân rồi

230 | Nhã Ca

biến rất nhanh ở góc vườn. Bà dụi mắt, có quáng mắt không chớp. Rõ ràng bà nhìn thấy mà, người chớp đầu phải là ma mà biến mau quá vậy?

– Gái. Gái.

Giọng từ dưới bếp vang lên:

– Dạ ạ..

– Ai mới vô trong sân nhà mình, mi thấy khôn?

– Dạ, có.

– Ai rúa?

– Dạ, thưa bà...

Bà Tham Trọng sốt ruột, định hét một tiếng la người ở ngu, thì có tiếng nói nhỏ nhẹ:

– Con chớp ai, mạ.

Bích Trâm ló cái mặt lên cho mạ nhìn thấy, rồi rụt lại liền.

Bà Tham Trọng tăng hắng một tiếng, rồi kêu:

– Trâm, lên đây mạ biểu.

Bích Trâm chưa kịp thay quần áo. Cô vừa lội nước mưa về, hai ống quần xắn cao, áo xốc xếch, tóc tai thấm nước, mưa dính bê bết. Vừa bước lên nhà, Trâm đã thấy mạ rút ra cây roi treo nơi cột, sau bức liễn đối.

– Nằm xuống.

– Mạ ơi, mạ ơi, cho con thay quần áo, con mới đi mưa về.

– Không thay chi hết, nằm xuống. Mả cha mi, tau đã noái ở nhà, mi không nghe. Tết nhứt tới nơi, con gái con đứa chi mà vô hậu tể đợi rứa.

Bích Trâm đành phải nằm dài trên tấm sập gụ. Bà Tham Trọng nhịp nhịp cây roi trên cái dít nong nấy của đứa con gái út.

– Trâm. Có phải mạ dặn con, bữa ni nghỉ học, ở nhà, phải rứa khôn?

– Dạ phải.

– Dặn rồi rằng khôn nghe, mi khôn coai mạ mi ra chi hết.

– Con..

– Tao biết mi như rửa, tao bóp mũi cho chết ngắt từ hồi mới đẻ đỏ hỏn, chớ nuôi thứ quả báo ni mần chi trời. Mi đi mô, há, đi mô?

– Con đi mượn vở về làm bài. Con tới nhà con bạn ở ngoài Gia Hội, mạ không tin.

– Ngày mô cũng đi mượn bài, sáng đi, trưa đi, tối cũng đi. Mi hẹn thằng mô, noái, tau đập chết, đập chết.

Cái roi quất xuống, một, hai, rồi ba, bốn. Cái dít của Bích Trâm cong lên, đã quen đòn rồi, nhưng mỗi lần bị đánh, Bích Trâm đều cảm thấy mạ mình có một kiểu đập roi làm cho mỗi lần đau đón mỗi khác nhau. Bích Trâm kêu lên:

– Mạ ơi, con lạy mạ, hu hu, đau quá, hu hu... đau quá, đau quá.

Không rách thịt tét da, nhưng những lần roi

sẽ còn in vết lâu lắm, lúc đầu đỏ, rồi tím bầm. Cái đít của Bích Trâm, lần roi cũ chưa lặn thì lần roi mới đã in. Bà Tham Trọng ngựa con mắt quá rồi, đứa con gái, đánh lần ngang lần dọc, cái đít nó vẫn cong lên, hàng ngày vẫn xách đi.

– Đồ ngựa Thượng Tú, chết đi, chết đi. Ngựa Thượng Tú, con Thượng Tú...Thượng Tú...

Bích Trâm cắn răng chịu đòn.

Chiều tối hôm đó, cơm nước xong, chị Gái cầm lọ muối đi vô buồng Bích Trâm.

– Đau khôn?

– Hỏi ngu rửa cũng hỏi.

Chị Gái không thấy buồn vì bị chửi. Chị tới bên giường.

– Cô nằm sấp xuống, tui xoa muối cho khỏi bầm.

Bích Trâm nằm sấp. Chị Gái kéo cái quần của Bích Trâm xuống rồi giơ cây đèn dầu lên soi, chị kêu lên:

– Khổ như ri thì thôi. Lăn cũ chưa lặn, lăn mới như ri, chu cha ơi, đau chết cha...Nì, có lăn rướm máu nì.

Chị Gái xát muối lên những lăn roi. Bích Trâm rướn người, cắn môi chịu đau. Chị Gái hỏi:

– Đau lắm khôn?

– Răng hỏi hoài rửa. Mi bị đánh như ri thử coi, rồi biết!

– Tui khác, răng cô so bì chi dị rửa?

– Tau thì răng? Tau khôn sợ mô.

Chị Gái nhỏ giọng:

– Cô cũng lì quá, bà tức cũng đúng.

– Ủ, tau lì rửa đó. Í cha, đau, rất quá, mi...

– Túi nì đừng đi nữa hí?

– Không, cứ đi. Mạ chửi tui là con ngựa Thượng Tứ mà. Có phải mạ chửi tui làm dĩ... Ủa, tui đi mần dĩ, mần con ngựa Thượng Tứ luôn cho coi.

Chị Gái lắc đầu, giấu nụ cười. Bích Trâm vẫn nằm sấp, hỏi chị:

– Nì, chị Gái, tui hỏi, chị có bị đập như tui khi mô chưa?

– Tui?

– Thì chị chớ ai. Tui hỏi chị đó.

– Tui, chiện tui cô nghe mần chi cho nhóp lổ tai...

Chị lặng lẽ bung dây đèn đầu đi ra. Trước khi khép cửa, chị nói nhỏ:

– Tui để cửa sau, nhưng nhớ đợi bà ngủ rồi đi hí. Bà biết thì tui cũng...

Cánh cửa khép lại. Chị lắc đầu. Biết sao được, đã làm con ngựa Thượng Tú rồi, thì phải nhảy qua cổng thành mà đi.

– Mấy giờ rồi rúa, anh?

Người con trai đưa một tay lên soi soi, còn tay kia thì đang bận làm gối cho cô gái kê đầu.

– Mười... mười một giờ hơn. Bữa nay em sang trễ quá đấy.

Bích Trâm muốn lăn người, nhưng cái đít đau ê ẩm, cô nằm nghiêng, nói nho nhỏ:

– Em sợ ôn nỡ thấy quá. Liệu ôn có thấy khôn anh, thấy là ôn méc mạ em liền.

– Chắc không đâu. Ông già ngủ sớm lắm, vì sáng sớm ông dậy uống trà.

– Anh đã gài cửa chưa?

– Sao bữa nay em lo gì vậy. Rồi. Yên tâm mà. Không ai biết đâu. Nhé, nhé, anh thương.

– Đau.

– Em sao vậy?

– Cái đít em...

– Em lại bị đòn?

Bích Trâm thút thít:

– Dạ.

– Tội em quá. Anh thương em mà không biết làm sao. Anh chỉ là một thanh niên nghèo trọ học. Anh làm khổ em...

Bích Trâm đưa tay bịt miệng người thanh niên:

– Anh đừng nói nữa. Cũng tại vì em thương anh.

– Cho anh coi được không?

– Coi cái chi?

– Coi cái đít em ra sao. Đi, cho anh coi.

Năm nỉ mãi, Bích Trâm mới chịu cho người yêu coi cái đít lẫn roi ngang lẫn roi dọc của mình. Anh chàng cầm cây đèn lên soi, kêu xót xa:

– Úi trời ơi, tội em quá, em ơi, em ơi.

Bích Trâm kéo quần lên, lặng lẽ khóc. Bên ngoài, càng khuya mưa càng mau, càng xối xả. Hai người vẫn nằm ôm nhau, ấm lảm. Bích Trâm nức nở:

– Mạ không khi mô chịu tin em.

– Tin chi?

– Tin là chưa khi mô anh làm chi em, chưa khi mô em làm chuyện bậy bạ...

Anh chàng vuốt tóc người yêu:

– Chuyện đó, khi thương yêu nhau đâu phải bậy bạ. Nhưng anh thương em, nể em. Người Huế khó lảm, anh gìn giữ cho em.

Bích Trâm ôm riết người yêu, hôn tới tấp lên mặt chàng:

– Bữa nay, em khôn thềm giữ nữa, em cho anh, cho anh rồi ra rằng thì rằng. Em hận mạ em, em hận tất cả.

Cái đít Bích Trâm cong lên, những lần roi đau đón bỗng nhức nhối thêm, giục giã thêm.

Họ quần lấy nhau. Nhưng rồi, tay anh chàng đụng những lần roi và Bích Trâm rên nho nhỏ:

– Em đau. Em đau. Em đau.

– Thôi, thôi, anh xin lỗi.

Chàng thanh niên sắp chịu thua, nhưng tiếng kêu của Bích Trâm làm anh ta tỉnh lại.

Bích Trâm:

– Mai mốt học xong, anh bỏ em mà đi.

– Không bỏ.

– Rồi anh mần răng?

– Anh thưa với ba mẹ xin cưới em. Nhà anh nghèo lắm.

– Em biết mà. Rứa nên chi anh trọ học mà phải đi dạy kèm kiếm thêm tiền. Em biết nên mới thương anh. Chớ mạ em..

– Mạ biết?

– Chưa, nhưng rồi sẽ biết thôi, tại vì em ăn quen nhịn không quen rồi, em ghiền hơi của anh.

– Bữa nay em đi đâu mà bị đòn?

– Em đi tới bạn học bài thiết. Mạ không khi mô tin em. Mạ sống như một bà già cổ hủ. Mạ đóng khung trong cái Huế của mạ, mạ không thềm hiểu cho ai.

Chàng thanh niên Bắc lặng thinh. Anh không nghĩ gì ngoài chuyện học cho đỗ đạt. Cha mẹ anh đã quá khổ cực từ khi di cư vào Nam, bỏ bao nhiêu nhà cửa, của cải lại. Anh còn các em đang trông chờ hy vọng ở anh. Ra Huế học, yêu một cô gái Huế. Anh yêu lắm, nhưng yêu chỉ là yêu, còn mộng tưởng thì đâu dám theo đuổi.

Nhà trọ của Linh gần nhà Bích Trâm. Một bữa, Trâm dong xe đạp về nhà, Trâm bị trật sên xe đạp, Linh dừng lại giúp, từ đó quen nhau. Mùa hè vừa rồi, hẹn hò nhau đi chơi núi, đi uống nước dừa, dần dà thân hơn, hẹn ăn chè tối ở vườn bông, rồi tới nhà, nằm chung giường. Quen và yêu nhau gần một năm rồi, lửa gần rơm cũng suýt cháy mấy lần...

– Linh à, em yêu anh có chi không phải?

7. Con ngựa Thượng Tứ | 241

– Trai gái lớn lên đều phải có tình yêu, Bích Trâm, em đâu làm gì nên tội chứ.

Bích Trâm bật khóc:

– Bữa nay mạ em chửi em. Bà nói em là con ngựa Thượng Tứ. Ở Huế mà bị chửi như vậy coi như nhục, nhục lắm.

Linh ôm cô gái Huế trong vòng tay, đưa tay vuốt những giọt lệ như mưa trên mặt cô.

– Anh hiểu em. Anh hứa sẽ không bao giờ làm gì để em mang tai tiếng. Em tin anh không? Con ngựa Thượng Tứ là gì, em?

– Em không biết. Nhưng em muốn trở thành con ngựa Thượng Tứ như mạ chửi em!

Vòng tay Linh càng siết chặt hơn:

– Bích Trâm ơi, em con nít lắm.

Trâm còn khóc nữa.

– Khuya rồi, em về đi. Mai mốt cái đít lành...

– Nói chi mà dị ờm..

Bích Trâm ngoe nguẩy. Có tiếng ông già khi không ho xù xụ, rồi tiếng chân lệt đệt. Ông già mở cửa sau ra vườn đi tiểu. Bích Trâm không dám hó hé, cô đứng nép mình trong góc phòng. Chờ một lúc lâu, tiếng chân ông già trở vào, rồi tiếng ho dứt, Linh mới cẩn thận mở cửa cho Bích Trâm ra phía vườn sau. Ở góc vườn, có cái lỗ chui một người lọt, sang một cái vườn, rồi tới cái vườn nữa là đến nhà. Bích Trâm hồi hộp lắm, nhà bên này có con chó siêng sữa lắm. Cũng may, lúc này mùa đông, chó được nhốt trong cũi, đem vô bếp. Bích Trâm yên ổn về tới nhà. Chị Gái đã chờ sẵn, mở then cửa sau, giúp Trâm vô phòng an toàn.

Bích Trâm về rồi, nhưng anh chàng thì đêm ngủ không yên, thắc mắc về bốn chữ “con ngựa Thượng Tứ”. Sáng dậy sớm, thấy ông già ngồi uống trà, bèn lân la:

– Bác dậy sớm thế?

– Tui bữa mô khôn dậy sớm, cậu. Già rồi, khó ngủ lắm. Đêm chợp mắt mấy tiếng rồi mở con mắt thao láo, cậu.

Linh nhìn lên bàn thờ, mấy tấm ảnh cũ, hai cái bình để hai bên, không cắm hoa. Nhưng mấy ly nước sáng nào cũng rót đầy. Linh làm thân:

– Có phải hình bác gái không, bác? Bác gái ngày xưa chắc đẹp...

– Cũng tầm tầm thôi cậu. Bà ấy bỏ tui đi lâu rồi. Mấy đứa nhỏ lớn lên, lấy vợ lấy chồng cũng bỏ đi ở chỗ khác. Tụi nó xúi tui bán căn nhà ni, nó ọp ẹp lắm rồi, nhưng tui có chết cũng chết trong cái nhà ni, cậu nờ.

Chuyện qua chuyện về, thấy vui, Linh mới dám hỏi:

– Bác ơi, người Huế hay chửi con gái “con ngựa Thượng Tứ” là nghĩa làm sao, bác.

– Ui chui choa. Tiếng đó nặng lắm nghe. Người ta chửi mấy con đĩ ngựa, mấy đứa con gái hư. Người ta chửi “đồ ngựa Thượng Tứ” là con nó hết xài rồi, đồ gái thúì rồi.

– Nhưng mình ở đường này không phải cửa chánh Tây là cửa Thượng Tứ sao.

– Thì đúng rồi, cậu. Mà chuyện chi rửa?

– Dạ không. Nghe người ta nói nên cháu mới hỏi bác. Bác chắc lớn lên ở đây?

– Tui, ngũ đại cậu ơi. Bởi rửa, cậu thấy cái nhà ni chẳng ra nhà nữa. Người ta noái không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời. Đến đời ông già tui với tui là mặt rệp luôn.

– Hay quá. Cháu muốn biết sự tích con đường này.

– Cậu muốn biết thì tui kể cho mà nghe nì. Cửa Thượng Tứ là tên chính của cửa Chánh Tây, người mình gọi là Thượng Tứ, tại vì ở cửa thành ni có trại huấn luyện ngựa, có rửa thôi. Cửa ni là nơi nuôi ngựa của vua, nên toàn ngựa giỏi. Ông già tui thời trước cũng là một viên chức dạy ngựa, ông già tui kể Tứ là tên con ngựa chạy giỏi, cũng như tên ngựa câu, ngựa kỳ... Ui chu choa, năm ni là năm ngựa phải không cậu?

– Dạ phải.

– Con ngựa tứ là con ngựa chạy giỏi. Trại ngựa

này phải huấn luyện cho vua những con ngựa tứ chạy đã nhanh mà phải sai đều bốn vó. Con ngựa phải đẹp, lông mượt, chân dài, mắt tinh khôn...

– Ngựa tứ là ngựa đẹp, chạy giỏi, vậy tại sao nhiều cô gái bị rửa là ngựa Thượng Tú?

– Cũng không chỉ rửa mô, cậu nờ. Người ta còn nói hồi trước có Mã binh viện lo về ngựa. Ngựa thao diễn chạy từ cửa Thượng Tú tới Gia Hội, từng đoàn rục rục, lồng lộn, làm bậy giữa đường, ý nói mấy con tinh ranh lồng lộn tìm đực như ngựa cái đó cậu ơi.

Ông già cười cười, thì thầm với cậu trai:

– Thì đó, ngựa tứ là ngựa giỏi, cậu cứ thử một con “ngựa tứ” rồi biết. Đã thử chưa?

Anh chàng thật thà:

– Dạ chưa.

– Con trai chi mà dở ẹc.

Buổi chiều, Linh đón Bích Trâm trước cổng trường. Trời tạnh mưa từ lúc trưa, nhưng mây

vần vũ, âm u, bóng tối sụp xuống nhanh lắm, nhưng bao cặp mắt đã nhìn thấy rõ ràng rồi.

Chuyện con Bích Trâm lớp đệ ngũ B, có trai chờ trước cổng trường, đã là một tin động trời nể đất. Còn nữa, gan dạ quá rồi, hai đứa đạp xe đạp song song với nhau. Đi đâu? Còn đi đâu nữa, lên núi Ngự Bình, tới đôi Vọng Cảnh, vô mấy chùa xa, vắng tắp, bụi rậm, chán chi chỗ kín đáo không ai thấy chớ. Thiệt là “con ngựa Thượng Tú”.

Con gái Huế chi mà voi dày ngựa xé rứa hè! Dám hẹn hò công khai trước mắt trước mũi người ta thì còn coi ai ra gì nữa. Mấy cô tuổi chị thì hậm hực, háy nguýt, mấy cô tuổi em thì có trề môi, nhổ nước miếng, nhưng con mắt thì long lanh khó tả. Những ngày cuối năm của Linh và Bích Trâm êm đềm, thơ mộng quá. Ở Huế đâu cũng có cảnh đẹp. Có lúc đôi bạn dựa xe đạp vào nhau, mặc áo mưa đứng trên bờ nhìn mưa rơi trên dòng sông Hương. Có lúc đứng trên cầu Bạch Hổ nhìn xuống dòng nước chảy. Cũng có khi, đạp xe dọc một bờ sông, đôi bạn xuống bến,

ngồi nắm tay nhau tâm sự. Mưa gió như vậy mà cả hai cùng trốn học, đạp xe đạp lên tận làng Khải Định, leo không biết bao nhiêu bậc cấp để chui ngồi dưới một con ngựa đá hay vuốt râu một ông quan đá bao nhiêu năm tháng rồi dãi gió dầm mưa. Mùa đông, lạnh giá, lại thêm vào những ngày cuối năm, đôi bạn tới đâu cũng đều vắng hiu vắng ngắt, chỉ có trời mây, cây cỏ ng-hiêng ngả, tiêu điều với mưa gió. Bích Trâm hỏi người yêu:

– Khi mô học xong, anh có cho người đi “noái” em không?

– Cái gì, cái gì là “đi noái”, anh không hiểu.

– Đi noái là...dị quá, em không noái nữa mô...

Cuối cùng Linh cũng hiểu.

– Nhà anh nghèo lắm. Lúc di cư vô Nam, đã bỏ lại hết, gia đình em khó như vậy...

– Em không sợ. Mặc kệ...

– Tội nghiệp em, vì anh mà chịu roi chịu vọt.
Bích Trâm.

Đâu chỉ có roi vọt. Một đồn mười, mười đồn trăm. Chỉ mấy ngày Bích Trâm đã hứng thêm không biết bao nhiêu tai tiếng. Con trai Huế cay cú, con gái Huế ganh tị. Gặp Bích Trâm, đã có tiếng xì xào:

– Con ngựa Thượng Tứ đó tề.

Còn cất tiếng kêu:

– Ê, con ngựa Thượng Tứ.

– Vác cái ba lô ngược chưa rứa, để người ta đánh trống thổi kèn.

Vài chàng trai đạp xe đạp theo, nói bâng quơ, nhưng cốt ý cho Trâm và Linh nghe.

Bọn cao bồi chọc phá thì ăn nói quá trớn hơn:

– Ồ ề, cái bụng thè lè, con ngựa cái bị đá, văng lên tới bầu ghè...khóc be he...be he...

Bạn bè bắt đầu xa lánh Bích Trâm. Mấy người anh của bạn học, trước thương Bích Trâm, lúc nào cũng ân cần săn sóc, nay thấy là ngó lơ. Kể cả Phước Hồng, con bạn thân nhất, ra chơi hai đứa thường cầm tay nhau, chạy ù xuống quán mụ Cai ăn quà vặt, khi thì chè, khi me chua, kẹo vùng. Bữa nay, ra chơi vội vã đi chỗ khác, ngó lơ.

– Phước Hồng. Bích Trâm tới tận mặt.

Phước Hồng lơ đễnh ngó lên mấy đọt cây xanh:

– Chi rửa. Chi kêu tui...

– Phước Hồng.

Bích Trâm muốn bật khóc. Mặt bạn vẫn lạnh tanh:

– Chi, kêu tui chi rửa?

Phước Hồng cầm tay một bạn khác, tươi tỉnh:

– Đi, hai đứa mình xuống mụ Cai ăn chè hí.

Bích Trâm như bị tạt một gáo nước lạnh vô mặt.

– Cái mặt khôn biết ốt dột chi hết, dị òm, dễ sợ rửa thê.

– Ngựa.

– Mà ngựa cái.

– Ngựa Thượng Tứ mới đúng.

Hai cô bạn cùng lớp đi ngang mặt Bích Trâm, nói. Không cốt cho Bích Trâm nghe thì còn ai nghe nữa.

Không nghe, không sợ. Bích Trâm gạt ra ngoài tai. Nhưng bà Tham Trọng không gạt ra ngoài tai được. Lời đồn đãi mỗi lúc một ồn ào, độc địa. Bỏ cả việc lo ba ngày Tết, bà nhất quyết dạy cho được đứa con hư.

Bà dạy cũng không được. Càng bị la rầy, đánh đập, Bích Trâm càng lì đòn, càng trốn nhà đi chơi nhiều hơn. Đêm chỉ có chị Gái săn sóc, thoa dầu, bóp muối cho Bích Trâm, chị Gái thấy Bích Trâm nhịn đau giỏi quá. Một bữa, Bích Trâm hỏi:

– Hỏi thiệt chị nghe, trong đời chị, có khi mô chị bị đòn nứt dít như tui chưa?

Chị Gái cũng có một kỷ niệm trong đời, chị tâm sự:

– Cũng có một lần.

– Một lần thôi há? Chị kể đi, kể đi...

– Hồi đó tui đi ghính nước thuê, ghính từ sáng tới trời tối mịt lận kìa. Có một nhà nớ, tui ghính nước tới đổ vô bể buổi tối. Nhà đó có một cậu học sinh, cậu tốt lắm, hay giúp phụ tui khiêng thùng nước đổ vô bể...

Bích Trâm lắng nghe. Chị Gái kể chuyện có đầu có đuôi lắm. Chị kể có một bữa nhằm vào mùa nóng, giếng nước khô mà người thả gàu lấy nước đứng đầy miệng giếng. Chị phải ghính thuê đầy một bể nước, nên tới tối mịt mà chưa xong. Tối ghính nước cuối cùng thì qua mười hai giờ đêm rồi, vì quá mệt nên khi bưng thùng nước lên, chị trượt tay, thùng nước đổ lênh láng ướt cả người chị, quần áo dính khít rịt vô da. Đúng lúc đó cậu học sinh xuất hiện, rồi sau đó, hai người đã đưa nhau ra vườn sau. Chuyện không giấu lâu, chủ biết được, chị bị một trận đòn thừa sống

thiếu chết, rồi đuổi luôn, không thuê chị ghính nước nữa.

– Cô bị đánh là bà còn nường tay, chớ tui, người ta đánh như đánh kẻ thù. Cô biết không, cái đít tui thịt rách từng lần, máu chảy đầm đìa, ba tháng sau chưa lành. Tui nằm liệt giường liệt chiếu, tưởng chết luôn.

– Rồi chị sợ.

– Tui..

Chị không trả lời hết câu. Cũng hiểu thôi, anh chàng kia chỉ lợi dụng một người con gái nghèo khổ, đại dột. Chớ thật sự thương đậm thương đà thì mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua.

– Nì, cô.

– Chi?

– Ở ngoài người ta đồn dữ lắm. Người ta nói thiệt từ trước tới chừ chưa có khi mô con gái Huế mà hoang như cô.

- Hoang rằng. Tau làm chi mà hoang?
- Hoang rằng thì cô biết chớ tui biết chi mô.

Chị rụt rè:

- Người ta nói cô là... ngựa Thượng Tú. Con gái mà bị noái chữ đó là nặng lắm cô nờ.

Căn rằng chịu đau, Bích Trâm cười ngạo mạn. Con ngựa Thượng Tú là ngựa hay, chạy giỏi, ngựa của vua cưới. Dễ dẫu gì được làm ngựa Thượng Tú chớ.

Bích Trâm không buồn nữa, mà ngấm thích cái tên người ta nguyên rửa cô.

Ba ngày Tết, Bích Trâm vẫn lén đi hẹn hò với Linh như thường. Cũng may, đầu năm bà Tham Trọng kiêng, không đê con xuống đánh cho hả giận. Bà chỉ rửa:

- Thứ con gái như mi cho voi dày ngựa xé mới vừa. Qua ba ngày Tết rồi biết tay tao. Không trị được mày, tao thà chết đi cho rảnh mắt...

Mùng bốn, hai người đạp xe lên Kim Long đi lễ chùa ThiênMụ, hái lộc, tặng cho nhau. Sao thấy Linh có vẻ không linh hoạt vui vẻ như mọi bữa khác. Đến tối mịt rồi mà hai người vẫn còn dựng xe đạp, đứng trên cầu Bạch Hổ nhìn xuống giòng sông đang xăm màu.

– Trâm.

– Dạ.

– Em dễ thương quá. Anh không bao giờ quên được những ngày thế này...

– Em cũng vậy. Nếu phải xa anh, em thà ngay bây giờ, nhảy xuống dưới đó cho xong.

Bích Trâm đắm đắm nhìn mặt nước sông. Không có cả mộtcon đò, mặt sông lóng lánh một nền xám xịt sắp bị màn đen hòa lẫn.

– Em nhảy xuống, anh nhảy theo liền.

– Vậy... một, hai, ba, cùng nhảy nhé...

Linh cầm tay người yêu. Không ai nhảy hết mà cả hai tựa người vào nhau. Rồi Linh cúi

xuống, trong bóng chiều nhòe nhoẹt, trên mặt nước, dưới bầu trời mênh mông, Linh cúi xuống, hôn rất lâu lên môi, lên mắt người yêu.

– Bích Trâm, dù mai sau này ra sao, em phải nhớ lòng là anh yêu em lắm.

Bao nhiêu ngày, bị đánh đập tả tơi, bị cả thành phố nhieếc móc, chê cười, Bích Trâm chỉ mới đổi được những chiếc hôn đắm đuối đó.

– Con ngựa Thượng Tứ của lòng anh...

Bích Trâm vừa vui thích, vừa cười thầm cái câu rất kim sanh mà rất thường của bất cứ cuộc tình nào khác.

– Em thích làm con ngựa Thượng Tứ.

– Phải. Ngựa Thượng Tứ là ngựa hay, ngựa chỉ để dành cho nhà vua.

– Nì, anh. Anh chính là ông vua của em.

– Chuyện đó về sau, còn bây giờ, thì cưỡi xe đạp đi về.

Vẫn chỉ là hai chiếc xe đạp song song. Ở những khoảng đường nào vắng, hai người dong xe, tay cầm tay. Vô thành phố thì họ thả tay ra, không phải vì sợ bị thiên hạ chửi, chửi cũng đã đầy tai rồi, nhưng vì xe cộ đông, phải cẩn thận hơn.

Hai người còn dựng xe lại, chia tay ở phía ngoài hàng rào nhà Bích Trâm.

– Em.

– Dạ.

– Anh có chuyện mà chưa nói được.

Bích Trâm lắc đầu:

– Em biết rồi, đừng nói, đừng nói.

– Bích Trâm, anh...

Bích Trâm cầm bàn tay Linh, cắn nhẹ vào ngón tay út của chàng:

– Biết rồi mà, anh nói, Bích Trâm, anh yêu em dị rứa thê. Ghét anh, không thương anh mô mà ham.

Bích Trâm lấy chân gạt cây chống, dẫn xe vô cửa thiết lệ:

– Mạ rình ở trong nớ kia, đi mau lên...

Bích Trâm sợ bà Tham Trọng bước ra bắt gặp. Đầu năm, Linh bị chửi một trận thì xui lắm. Năm nay là năm thi cử của chàng!

– Bích Trâm, em, em...

Nhưng Bích Trâm đã khuất dạng. Điều muốn nói, Linh đã không nói được.

o O o

Gần năm chục năm sau, câu chuyện về “con ngựa Thượng Tú” mới có dịp nhắc lại. Mừng bốn Tết, Bích Trâm đi với chồng tới dự một buổi họp Tân Niên của Hội Thân Hữu Huế tại một nhà hàng ở quận Cam. Mỗi bàn sắp cho mười chỗ, khi Bích Trâm tới thì chỗ đã đủ, chỉ còn một ghế trống bên cạnh. Người khách đến trễ rụt rè:

– Chỗ này còn trống, tôi ngồi được không?

Cả nhà hàng đang ồn ào, râm ran giọng Huế, bỗng nhiên nghe một giọng Bắc thật lạc lõng, Bích Trâm nhìn lên. Người đàn ông cao, gầy, đang bỏ bớt chiếc áo khoác ra, gật đầu chào.

– Còn có một chỗ. Ông đi một mình.

Cặp vợ chồng ngồi gần hỏi. Người đàn ông mỉm cười.

– Vâng. Một mình.

Nụ cười mỉm của người đàn ông, chao ôi. Bích Trâm cảm thấy như một luồng điện chạy ran trong người. Sao quen quá vậy? Người đàn ông đã ngồi xuống rồi, sát bên. Bích Trâm không tiện nhìn mặt ông ta nữa.

– Sao ông người Bắc mà lại đi dự hội Huế của tui tui?

Cặp vợ chồng ngồi kia khơi chuyện.

– Tôi. Từ ngày có hội Huế, năm nào tôi cũng đi dự. Tôi đi dự với kỷ niệm của tôi. Xin lỗi, chuyện riêng...

Ông ta làm như đã lỡ lời. Nhưng những lời đó đã lọt hết vô tai Bích Trâm. Ông ta có ý muốn nói cho Bích Trâm nghe không? Sao tới già rồi mà cứ gặp chuyện là thất kinh hồn vía... tay chân gì cũng lỏng ngóng hết trơn. Quay qua Bích Trâm, dường như mắt ông ta có khựng lại.

– Tôi lấy nước cho chị. Xin phép ông anh...

– Dạ, ông cứ tự nhiên.

– Xin lỗi, ở Huế chị ở khu vực nào?

Bích Trâm cau mày:

– Dạ ông hỏi làm chi rứa?

– Hồi mới di cư vào Nam, tôi có ra Huế học nên có chút tò mò vậy thôi.

– Tôi cũng xin tiếp cho ông anh nữa.

Ông ta với tay rót thêm rượu vào ly cho chồng Bích Trâm. Bích Trâm lùi người sát thành ghế, nghiêng cái đầu tránh né, nhưng cái hơi hướm như quen thuộc quá, mấy chục năm rồi, vẫn còn nhận ra. Không nghi ngờ gì nữa.

Đúng là Linh. Chàng trai Bắc di cư thừa nào. Bây giờ đã thay đổi nhiều, mái tóc tiêu muối vẫn còn bông bênh, lãng đãng. Đôi mắt tinh anh ngày nào giờ như đã xa xăm, bàng bạc vẻ gian dối bạc tình. Có nhận xét lăm lăm không? Chắc không. Hơn bốn mươi năm trước, sau ngày đầu xuân đó thì Bích Trâm không gặp Linh nữa. Sang thăm, phòng vắng lạnh tanh. Ông già nói trống lốc:

– Lên tàu hỏa vô Nam rồi.

Bích Trâm chết đứng. Nước mắt nuốt được nhưng ghen lời:

– Dạ khi mô?

– Sáng ni. Đi sớm lắm. Thằng thiệt... tui qua mới nói với tui là sáng ni ra ga liền. Hỏi rằng gấp rứa cũng không chịu nói chi hết trơn. Đi là đi.

– Dạ anh có để chi lại khôn?

– Để chi. Tới một cái ruộng nhỏ, đi cũng cái ruộng nhỏ, có cứt khô chi mà để.

Một ngày, hai ngày, một tháng, hai tháng, một năm, hai năm, chờ một lá thư cũng không có. Vậy đó, cho đến giờ này...

Chồng Bích Trâm vui vẻ bắt chuyện:

– Cám ơn. Cụng ly với ông đầu xuân. Trâm, em cũng cầm ly lên đi.

Hai người đàn ông đã cụng ly xong rồi mà Bích Trâm vẫn không nhắc bàn tay lên nổi. Có hận trong lòng, có vui gặp lại, có ngàn thắc mắc muốn hỏi. Nhưng thôi, nay đã ngồi bên chồng rồi, còn hỏi gì nữa.

– Nghe ông nói tiếng Bắc, nhưng chắc gia đình gốc Huế?

– Dạ không. Tôi chỉ có một hồng nhan tri kỷ người Huế thôi.

Nhưng từ ngày có Hội Huế thành lập ở quận Cam này, năm nào tôi cũng phải đi để... để nghe lại tiếng Huế quen thuộc.

– Vậy chắc chị nhà người Huế?

– Dạ cũng không phải. Nhà tôi, xin lỗi, bà ghét đàn bà người Huế lắm.

Chồng Bích Trâm cười, vô tư:

– Phải có lý do mới ghét. Chắc tại ông mê xứ Huế quá phải không?

– Mê xứ Huế. Đúng ra là mê một cô Huế. Ông cũng biết đó, hồi xưa hồi xưa, nhà nghèo, đi dạy kèm lấy tiền đi học. Bất thành linh ông già bệnh, rồi chết. Tôi phải nuôi mẹ, nuôi một bảy em. Ở trường hợp ông thì ông phải làm sao?

Chồng Bích Trâm dí dỏm:

– Kiếm một bà vợ giàu là giải quyết xong hết.

– Xin được bắt tay ông một cái. Ông đã nói ra được điều tôi không nói với ai được. Ông biết không, năm nay Nhâm Ngọ phải không? Lúc tôi bỏ Huế cũng đúng năm Ngọ, ngày cuối cùng tôi còn nhìn thấy Huế cũng là ngày mừng bốn như bữa nay...

– Hồi ở Huế, ông ở đâu?

7. Con ngựa Thượng Tứ | 263

– Tôi ở trong thành nội, cửa Chánh Tây. Chắc ông biết mà, cũng có tên là cửa Thượng Tứ nữa. Ở đó hồi trước có chuồng nuôi ngựa của vua để tuyển ngựa thượng tứ.

– Tôi cũng có nghe chuyện đó. Ở Huế, con gái hư người ta hay chửi là ngựa Thượng Tứ. Mấy đứa bị chửi như vậy là ế chồng luôn, không ai dám lấy.

– Nhưng tôi nghe giọng anh thì anh cũng không phải người Huế.

– Ông đoán giỏi thật. Tôi, hồi đó học trò trong Quảng ra thi...

– Thấy cô gái Huế bỏ đi không đành phải thế không? Hiểu thôi. Vào hồi đó, cũng ngày mừng bốn năm con Ngọ, suýt chút nữa tôi đã giết chết một con ngựa.

– Ông nói chơi?

– Không nói giỡn đâu. Tôi đã mê một con ngựa Thượng Tứ.

Cả bàn cười ồ. Mặt Bích Trâm tái đi, người đàn ông có vẻ nhận ra điều đó.

– Chuyện lãng mạn kể ra chắc ông không tin đâu. Nàng bị người ta gọi là ngựa Thượng Tứ vì nàng đẹp, nàng dám yêu, dám bất chấp mọi chuyện. Hôm đó, hai đứa đứng trên cầu Bạch Hổ, nhắm không lấy nhau được, tôi đã tính xô nàng xuống rồi nhảy xuống theo. Nhưng mình hèn lắm, làm không được. Ngày mai phải lên tàu vào Nam mà cũng không dám nói, vì nói sợ nàng nhảy xuống mà mình thì không dám nhảy theo.

Một bà trong bàn nói với:

– Đã là ngựa Thượng Tứ thì chỉ xô ông xuống sông rồi đi tìm ngựa đực thôi, đời nào ngu nhảy xuống một mình.

Đàn bà là vậy đó, với một người vắng mặt, không biết mà vẫn còn ghen ghét. Người đàn ông lắc đầu:

– Con ngựa của tôi khác, con ngựa Thượng Tứ này chỉ có vua mới xứng với nó. Mà lúc đó tôi chỉ là một anh học trò nghèo kiết xác, chưa đi

thì, nên hai đứa tôi chỉ cưỡi xe đạp. Một con ngựa Thượng Tú mà mấy ông bà biết không, quen mấy năm, lửa gần rơm không biết bao nhiêu lần... Vậy mà không bén.

Cả bàn lại cười. Bích Trâm cắn môi. Người đàn ông cũng cắn môi cùng một lúc. Cả hai đang cùng nghĩ, cùng nhớ một chuyện. Chu choa ời. Tra rồi bà ời, đừng ngựa nữa. Bích Trâm tự mắng mình.

– Ông nói chuyện vui quá. Mời ông thêm một ly. Ông chồng Bích Trâm có vẻ vui thích đặc biệt.

– Thôi đủ rồi anh. Không uống nữa.

Bích Trâm thỉnh linh bảo ông chồng.

– Há, răng không uống?

– Tui nhức đầu, chóng mặt. Về cho rồi!

– Còn lâu mà, ở lại coi văn nghệ cho vui.

– Tui không thấy vui.

Chồng Bích Trâm cười:

– Ông thấy đó, lúc này bà ấy lớn tuổi rồi, tính tình khó chịu, thay đổi bất ngờ lắm. Thôi anh ở lại uống tiếp, tôi phải đưa bà ấy về...

Bích Trâm đứng dậy. Lí nhí chào mọi người, cũng phải chào người đàn ông đó thôi. Bích Trâm bắt gặp một ánh sáng rất lạ, nồng nàn, thương tiếc, ăn năn ở đôi mắt đã già nua.

Điều muốn nói trên cầu Bạch Hổ, trên giòng sông của buổi chiều mênh mông mây xám Huế, phải chờ tới năm mươi năm sau Bích Trâm mới nghe.

Bích Trâm chậm chân lại, cầm tay chồng. Cầm thật chắc. Thương ông ấy quá, ông đã sống bên bà mấy chục năm qua mà không hề biết mình đã lấy nhầm một con ngựa Thượng Tứ.

CHIỀU BOLSA CUỐI NĂM

Cuối cùng thì ông Năm Phận trở thành con sâu rọu. Đêm nào không vô được chừng nửa lít là con người như thành ma thiên lôi, giận buồn đủ thứ, rồi còn ngồi khóc như đàn bà, con nít.

Sao vậy? Coi thần kinh có sao không? Mát dây. Như thằng con trai thường thở dài, lắc đầu:

– Ổng mát dây rồi.

Đâu có thằng con nào gọi thằng cha là ổng chứ. Cũng chưa tệ bằng đứa con dâu:

– Mát dây còn đỡ. Điện nặng, chạm điện rồi. Khùng.

Cũng may, ông nghe lúc đang say khướt, nên không giận mà còn lấy làm vui mừng, trả lời liền:

– Chạm điện hồi nào. Chạm điện tao đã chết cha rồi.

Cũng may, khi hết say thì không nhớ gì nữa. Mặc dù không say, trí nhớ ông lúc này tẻ lảm. Mọi chuyện quên gần hết, chỉ có vài ba chuyện thì nhớ hoài không thôi, chắc tới chết vẫn còn nhớ.

Tình trạng này đến với ông lúc nào? Còn lúc nào nữa, khi bà vợ già khi không bỏ ông mà đi trước. Chẳng thà bệnh tật rề rề cho ông chăm sóc một thời gian, cho hai chiếc lá già gần nhau, có hơi nhau, lâu khô giòn. Đằng này, buổi tối hôm trước bà còn nấu cơm. Đối với ông, chả phụng nem công, cơm tàu cơm tây gì cũng đã ăn mòn răng, nhưng tô canh bà nấu, miếng thịt bà luộc, món rau bà xào không ai sánh nổi. Vậy mà sáng ra, dậy trước, gọi:

– Bà ơi, dậy, dậy. Nấu miếng nước pha trà uống.

Im lìm hà. Lay mạnh:

– Nói dậy. Già rồi mà còn ngủ nướng. Dậy pha trà cho tui uống.

Lôi bàn chân khô khan, nhăn nheo. Thình lình ông rụt tay lại. Hai bàn chân bà lạnh ngắt. Vậy là hết, bà bỏ đi từ lúc đêm hôm, không thèm nói với ông một tiếng mới là tệ.

Chuyện mình, mình buồn mình khổ. Nhưng nhìn thiên hạ coi. Cứ tới mùa đông, nhiều người già bỏ đi lắm. Làm như mùa đông, bệnh chết lây nhau dữ.

Nhớ tới chừng đó đã điếng người rồi, đã muốn la, muốn đập, còn muốn lôi bà dậy hỏi tại sao gì nữa. Bộ ghen luôn với thằng cha già nào đã lây bệnh chết cho bà sao đây. Trước đó, hai ông bà cũng đi tới đưa mấy đám ma, ông bạn có, bà bạn có. Từ lúc bà đi rồi, ai chết mặc ai, ông không đi đưa tiễn nữa.

Ông cũng không ở trong phòng dưới nhà, lúc trước thằng con nhường cho hai ông bà ở. Đằng sau vườn có căn nhà nhỏ, hồi đó dùng làm

kho. Lúc còn khó khăn, thằng con và ông tự làm vườn lấy. Nay ông yếu sức rồi, thằng con cũng khấm khá, kêu thợ cắt cỏ làm vườn tới trông nom. Thàng con bèn giao cho ông trông chừng con chó, tối nó vô ngủ chung với ông cũng ấm áp lắm. Nhưng mới đây đứa con dâu mua về cái nhà chó, để trong góc ga-ra xe, có lót nệm, lót chăn cho chỗ nằm ấm áp, chó không cần hơi của ông nữa. Nói cho ngay, ông cần hơi ấm của con chó, chó con chó nó dựa vào hơi ông được bao nhiêu!

Cho nên lạnh lẽo như vậy mà không có rượu, mùa đông này ông cũng dám lên bàn thờ ngồi chung với bà lắm. Mà bàn thờ còn thơm hơn, khi ông ra nhà kho, đem cái ảnh của bà cùng bát nhang đặt lên cái bàn ọp ẹp. Biết sao, dù kẻ âm người dương, còn cái ảnh, còn chút khói hương, cũng chống đầu vợ đó. Mai một, ông chết đi là hết, còn ai nhớ đốt nhang. Năm ngoái, nổi nhớ tiếc bà vợ còn mới tinh, ngày Tết, ông lui cui xuống bếp nấu cơm canh cúng vợ. Làm cho có thôi chó ăn chẳng ra gì. Đứa con dâu cần nhần:

– Đốt nhang mù mịt làm cả nhà ho. Cả đêm hôm qua, hai đứa nhỏ ho cả đêm, không ngủ được.

Sáng ngày mừng một ông đã nghe vậy.

Từ khi dọn ra nhà kho ở, ông được tự do hơn. Mùa nắng, nấu nướng ở ngoài vườn. Nhưng mùa đông thì kẹt rồi. Cũng may, nhà gần chợ, gần các tiệm ăn. Từ ngày cái chợ gần nhà có bán cơm phần, ông cứ ra đó, mua và ngồi ăn tại chỗ. Cũng đông người già tới ăn uống như ông, phần nhiều là dân H.O cũ, mới. Ngồi ăn, người quen thì nói chuyện, người chưa quen thì gật đầu chào. Cũng thấy có người ta, có tình người, chớ ở nhà sao mà lạnh ngắt. Hai vợ chồng đưa con đi cả ngày, mấy đứa nhỏ đi học... Vợ chồng ăn tiệm, mấy đứa nhỏ chỉ thích Hăm-bơ-gơ hay Pít-xa gì đó. Mấy thứ này ông cũng có ăn thử, nhai trong miệng như nhai giẻ rách. Còn ông, ông có tiền già, một phần phụ góp tiền nhà với con, phần còn lại, ăn uống chi tiêu và mua rượu là hết nhẵn.

Có lần ông nghe được con dâu cần nhần chồng:

– Ông già góp có mấy trăm trả tiền nhà, ba nó tháng nào cũng bỏ tiết kiệm mất một trăm, chi vậy?

– Thì anh...

Giọng thẳng con trai ỉu xiu:

– Chớ mai mốt ổng nằm xuống, tốn tiền lấy đầu ra.

– Sao không nói ổng bớt uống rượu để dành. Có nhiều tiêu hết nhiều. Ý có anh, ổng hông lo.

– Thôi, đủ rồi em. Cũng tiền của ổng chớ mình có bỏ ra đâu. Đứa con dâu không cãi thêm nữa. Cũng kẹt. Căn phòng của ông bà ở hồi trước, đã được sơn quét lại để cho đứa em bên vợ ở, đâu thấy lấy tiền nhà. Còn ông là cha, thì khác, mà ông đã bị đày ra tuốt cái nhà kho bỏ không.

Ông cứ nuốt xuống. Buồn một mình. Khóc một mình. Mượn rượu giải sầu. Thường buổi chiều, ông ra chợ tìm mua thức ăn, trong túi áo rộng có thủ một chai rượu, thường là loại vốt-ka bán ở chợ Việt Nam, có thể thay được rượu đế. Ăn

cơmxong, ông đi dọc theo đường Bolsa. Qua trụ đèn, ông đứng sau lưng người ta, khi thấy đèn xanh bật, người ta đi thì ông đi theo. Dần dà, mọi cử động đó như máy móc mà không cần ở trong trí óc ông nữa. Ông đến khu Phước Lộc Thọ ngồi coi mấy ông bạn già đánh cờ tướng. Khi đêm tối xuống thì ông tìm một góc vắng, uống cho hết chai rượu. Có hôm không thấy đường về nhà, ông ngồi lì trên một ghế đá. Thằng con biết, thấy lâu không về, đem xe tới chờ.

– Ba à, ba bớt uống được không? Càng ngày càng tệ.

– Ủa, ừa. Ngày mai uống ít thôi.

Ngày mai ông vẫn không uống bớt đi một chút nào.

Phải, cả cái khu Little Sài Gòn này chỉ có con đường Bolsa là đáng nói. Mấy năm trước còn bà, ông vẫn thường rủ bà, chiều hăm chín hay sáng ba mươi đi tới các tiệm trên đường Bolsa mua bánh chưng, giò chả. Bà là người Nam chay mà lại thích chả quế Bắc, nướng phải cháy vàng mới chịu. Rồi

đi coi chợ hoa, đâu khác gì chợ hoa Nguyễn Huệ hồi bên nhà, thiếu giống gì, hoa mai trong chậu, cành đào, cúc đại đoá... Hai ông bà cũng cúng ba mươi, cũng đón giao thừa. Không được đốt pháo đại thì bà cũng mua mấy cái pháo xì, pháo chuột cho ông đốt chơi. Đi phố Bolsa về, luôn luôn có cành bông mai vàng của Mỹ thay thế chậu mai vàng ở quê nhà. Bà hà tiện lắm, miễn có hoa mai, chớ mua một chậu hoa kiểng đắt đàng hòng. Rồi mọi thứ cũng bày lên bàn thờ, khói nhang nghi ngút, khẩn ông bà về du xuân ba ngày Tết.

Có đâu vui bằng con đường Bolsa mấy ngày Xuân chớ. Không vui sao thiên hạ từ các tiểu bang khác về đây đón Tết chung. Mấy ngày đó, khu Phước Lộc Thọ chen chân không nổi. Còn mừng một, hai đầu đường bị chặn lại, đi bộ còn xính vính vì cuộc diễu hành. Xe hoa, múa lân, ông địa, người đứng hai bên đường đông như kiến, quần áo màu sắc tùm lum. Những lần đó, ông bà đâu vắng mặt được.

– Mèn ơi, tui hoa cả mắt, người đâu mà quá chừng chừng.. Xe hoa đẹp quá chừng chừng...

Cái cô kia ngồi trên xe cũng đẹp quá chừng chừng...

Thấy nụ cười móm mém của bà vẫn rất trẻ thơ mới lạ.

Ông ngồi trong nhà kho, nhìn ra vườn. Cây cối qua mùa đông trơ trụi xơ xác mà nụ cười của bà dường như vẫn xán lạn trong mắt ông.

Bữa nay ngày mấy của tháng rồi. Chừng hai sáu hai bảy không? Tính nhầm, hai mươi chín chớ sớm đâu. Vậy mà sao không nhớ gì hết. Hèn chi buổi trưa ăn cơm phần ở chợ, thấy chợ đông chen chân không lọt. Năm nào cũng vậy, người Việt mình ăn Tết lớn quá. Chỉ có trong nhà này, hai vợ chồng thẳng con vẫn bận bịu công ăn việc làm, hai đứa nhỏ thì như Mỹ con, biết Tết nhất là cái quỷ gì. Chồng cũng chẳng có ông bà cha mẹ, vợ cũng không, khỏe re. Trong một năm, chỉ có ngày Giáng Sinh là trong nhà có cây thông, vợ chồng con cái có quà cho nhau, còn ông bà thì bị bỏ quên, chỉ có điều lúc bà còn, ngày lễ vui như vậy, bà đứng bếp từ sáng tới chiều, rửa chén bát, dọn nhà cửa tới đêm chưa hết việc.

Đừng nhớ tới mấy chuyện đó, đau đầu lắm. Ông cúi xuống lấy một trong những chai rượu dẫu kín dưới gầm giường, khoác cái áo nỉ dày rồi mở cái cửa bên hông ra khỏi nhà. Cũng xế chiều rồi, lóng này trời tối nhanh lắm, mới bốn giờ đã như tám chín giờ đêm. Cũng may còn thấy đường, quán xá. Giờ này cũng chưa thể ăn cơm, ông lại xuống khu Phước Lộc Thọ.

Bữa nay không có bàn cờ tướng. Chắc ông nào có gia đình thì đã về nhà lo chuyện cúng giỗ, ông nào không nơi chốn về, đã kéo nhau tụ họp ở đâu đó. À, cũng còn một người quen, nhưng ông cụ này đã có bạn, đang ngồi khít rít trên băng ghế đá với một bà cụ già. Trông họ tuy có đôi mà vẫn cô đơn làm sao, làm như hai người đang ngồi trên hai chiếc ghe quay mũi ngược lại vậy. Ông đưa tay vẫy chào. Không thấy ông bạn nhúc nhích.

Nhìn qua bên kia đường, thấy còn chợ hoa. Ông tới cột đèn xanh đèn đỏ, lại đứng sau lưng người ta để chờ đi theo. Hồi đó, bà thường nói:

– Mình cứ cẩn thận vậy mà chắc ăn, ông à.

Mỗi khi đứng sắp hàng như vậy, ông đều lẩm nhẩm như bài học thuộc lòng. Tui nghe lời bà đó thôi.

Qua đường, chưa tới khu chợ hoa đã gặp một ông bạn. Ông Ba Tây. Tên ông là Tây, thứ ba, chứ không phải người Ba Tây, dân đá banh nhà nghề nổ ti-vi mỗi lần tranh giải, mà hồi mắt chưa mờ, mỗi lần có trận đá Ba Tây là cả ông cả bà bỏ ăn uống ngồi dán mắt vào ti-vi. Ông Ba Tây này còn nhỏ hơn ông chừng bốn tuổi, nhưng bị điếc lâu rồi. Trước đây ông có đeo máy nghe, lúc này ông bỏ máy, không thèm đeo nữa. Ông chỉ cần nói chứ đâu cần nghe. Trên tay ông Ba Tây bê một chậu cúc đại đóa rất đẹp.

– Ông mua hoa về chưng Tết?

– Há. Kí gì?

– Bác mua hoa về...

– Há... Tui hổng nghe ra.

Không nghe thì nói. Ông bị kéo tới trước một tiệm vàng đã đóng cửa nghỉ Tết.

– Lâu quá không gặp. Gặp mừng quá. Cứ mỗi năm là mất đi một số người quen. Mấy năm trước ra đây gặp đủ mặt. Nhớ không?

–

– Chậu hoa này mà cả hai chục bạc, đắt như vàng.

– Ủa, đắt quá.

– Không phải đắt, tôi đi được.

– Tui nói cây hoa, hoa này...

Ông đưa tay chỉ chậu hoa. Ông Ba Tây gật đầu:

– Bà nhà tôi thích hoa cúc. Hồi tui mới gặp bà, hồi đó dưới quê mà khi nào đi hẹn gặp bà cũng giắt một bông cúc lên tóc làm điệu tức cười lắm.

Ông ghé tai bạn, nói thật lớn:

– Đi uống rượu không?

– Há. Bả đang ở nhà nấu nướng. Năm nào cũng ngâm củ cải, bắt ăn cả năm không hết...

– Tui hỏi...

– Hồng có đâu. Bài bạc? Lóng này cũng hồng ham nữa rồi. Đi Las Vegas. Cũng bỏ. Bả để dành tiền về Việt Nam.

Thì ra, ông tự đặt câu hỏi cho người khác rồi trả lời theo ý ông ta. Chắc nói vậy đủ rồi, ông Ba Tây từ già, ôm chậu hoa cúc đi tới trực đèn chờ qua đường. Ai cũng có một cái nhà muốn về, ông cũng có cái nhà, sao không muốn về nữa.

Lại đi dọc xuống.

Phía dưới, qua một hai lốc đường, có một nhà hàng bán cơm chay mới mở hơn một năm, đông khách lắm. Tiệm kê bên một hiệu uốn tóc và chợ nhỏ. Phía dãy nhà đối diện có một bãi đất trống, phía sau dùng làm chỗ đậu xe và thùng rác lớn cho cả khu và chợ. Ông nhớ ở đây ông thường gặp một chị đàn bà lượm rác. Chị đã lớn tuổi, người nhỏ thó và còn nhanh nhẹn. Chị cứ

lầm lỳ làm việc, leo lên cái thùng, chiếc mông gầy gò xếp lếp chống lên, đầu rúc xuống xe rác như con vịt rúc cái mỏ xuống bùn tìm mồi. Mấy lần ông cũng tò mò đứng lại định hỏi thăm nhà cửa, quê quán, nhưng thấy người ta không rảnh mà mình cứ đứng chờ cũng vô duyên, lại thôi. Thỉnh thoảng thấy một bà ốm nhom đẩy một cái xe màu đỏ của các chợ, trên xe chất đủ đồ nghề, từ quần áo, mền mùng tới soong nồi. Bà ta đẩy xe đi, gặp ai cũng cười chào. Ngày nào bà ta cũng kiểm báo đọc, cắm cúi, tỉ mỉ, không bỏ qua một giòng, một chữ. Thường nghỉ chân bên thùng rác, nói chuyện, hỏi han chị lượm rác. Nhưng chị lượm rác không có thì giờ nói chuyện, nên bà ta hỏi một mình và trả lời một mình.

– Cũng đâu phải hồng có con cái. Mà bị... sao hồng hạp với ai hết trơn...

– Thì cũng tại... bị khó tính...

– Mà một mình cũng khỏe re à.

Khỏe gì đâu. Có bữa thấy bà ta ngồi bên chiếc xe chở đồ khóc một mình. Có bữa, không thấy

cái xe đầu, bà ta mặc áo dài, thoa son đánh phấn, đi đi lại lại như khoe với mọi người, trước đây bà ta cũng ở thành phần khá giả. Bà cho biết tên bà là Lan. Mộng Lan. Nhưng đừng gọi Mộng nữa, bây giờ còn mơ còn mộng gì, gọi là Lan đi.

Phía chợ, ở dãy hành lang chạy dài trước các cửa tiệm, đếm coi có mấy người. Một ông có da có thịt, cặp mắt có thấy đường không, không biết. Chỉ biết sáng sáng có người thấy ông xuống đó. Ông ngồi từ sáng tới chiều, thấy ai đi qua đi lại đều mở lời:

– Cho em xin một đồng.

Xin tới một đồng lận kia. Với ông thì một đồng nhiều quá, vượt mức lòng từ thiện của ông. Nhưng mấy bà mấy ông ăn chay trường thì rộng lòng lắm, nhẹ nhàng bỏ vô cái mũ một đồng, rồi thanh thoi đi, vì đã cho mình được một niềm vui và cảm thấy xóa không biết bao nhiêu tội lỗi trong đời. Còn một chàng thanh niên người Mỹ, da trắng bóc, hay mặc áo sơ mi ca rô, thấy người đi qua đi lại thì ôm bụng, kêu đói. Chàng thanh niên này không xin tới một đồng mà cho

bao nhiêu cũng được. Lâu lâu, ngồi đó, không mở miệng vì bận du dương với một cô gái, có thể là Mỹ, có thể Mễ-Tây-Cơ, tới ngồi khít rịt một bên, ôm nhau, hôn hít như vợ chồng đang ở trong phòng riêng. Đặc biệt, là có một ông trung niên, lúc nào cũng mặc bộ đồ xanh thớ ngồi sát phía ngoài, dựa lưng vào cây cột, đưa mắt hướng về mặt trời, há miệng, hớp hớp từng tia nắng, không nhìn ai, không nói, không cười, không xin. Ông Năm Phận thích anh chàng này lắm. Bộ muốn đốt đèn trong bụng cho mấy con giun sản thấy đường đi sao mà cứ hớp hớp mặt trời cả ngày vậy?

Phía hông chợ, có hai người cũng thường trực. Ăn xin ở Mỹ khác ăn xin ở Việt Nam nhiều. Quần áo lạnh lặn, trời lạnh cũng áo khoác nỉ, áo da. Một anh chàng Mỹ cao lêu đêu, trước đây, anh chỉ lần quần xin người Việt Nam khu này một hai đồng vì xe bắt chột hết xăng mà quên không mang ví. Càng ngày anh chàng càng xuống cấp, xe hơi đâu không thấy mà thấy có một chỗ ngồi xin tiền. Người kia Việt Nam, cứ ngồi đó, ai cho thì lấy, không xin, có vẻ bị mất trí nhớ, khôn

mặt bầu bĩnh dễ thương, thấy ai cũng cười. Hai người ngồi sát bên nhau, một người nói tiếng Mỹ, một người nói tiếng Việt, không biết sao họ hiểu nhau được. Ông Việt Nam dạy ông Mỹ một câu:

– Tôi đói. Giúp tôi.

Lâu lâu nhắc:

– Nói đi. Nói cảm ơn. Cảm ơn ông, cảm ơn bà, cảm ơn...em!

Còn một ông già nhưng tướng coi khỏe mạnh, chỉ có chân đi cà nhắc cà nhắc và một cánh tay không gờ lên được. Hồi còn bà, hai ông bà đi chợ sớm thường thấy một chiếc xe hơi đỗ cái ịch phía tuốt đằng thùng rác, chỗ đó khuất lắm, rồi thả ông xuống. Chiếc xe lại phóng vù đi thật nhanh, trên xe, có hai vợ chồng và bốn đứa con nít. Cũng có thể họ là con, là cháu của ông già, bỏ ông xuống đây sớm cho kịp giờ đưa đàn trẻ tới trường. Về sau, một bữa bà thèm ăn hủ tiếu, ông đưa bà đi, gặp người đàn ông này ngồi trong quán ăn, cái tay thường bỏ thổng đang cầm đũa đưa lên đưa xuống thành thạo.

Mấy năm rồi, ông vẫn ngồi đó, với cái mũ nỉ cũ mềm đó để trước mặt.

Bà Lan rêu rao:

– Thằng cha đó giàu lắm đó. Con cái đồ đạt hết trơn, làm tiền tiêu hồng kíp. Lại có tiền già, tiền tàn tật, còn tham, sốt cút của người nghèo.

Mấy người nghèo thiệt nghe nói vậy, cũng chỉ cười. Càng đông càng vui. Khi bà chủ chợ đem đồ ăn ra cho, họ cũng chia cho ông “sốt cút”. Mọi người đặt cho ông tên đó, ông cũng vui vẻ nhận.

Mới đây, xuất hiện thêm một người nữa. Đó là một chị đàn bà còn rất trẻ, nhan sắc dễ nhìn, ánh mắt hiền lành. Chị hay cô? Gọi là cô gái mới đúng. Cũng đẩy xe chợ, trên xe đủ thứ mừng mản, quần áo, đồ đạc, có thêm một con búp bê lớn bằng đứa trẻ mới sơ sinh.

Cô ta không có một chỗ nào nhất định. Có lúc dừng xe ngay trên một lề đường, đổ hết đồ trong xe ra, rồi ngồi sắp xếp. Nếu thấy có ai tò mò đứng lại nhìn thì ngẩng đầu lên chào bằng tiếng Mỹ, theo lúc đó là buổi sáng sớm, trưa hay chiều tối,

rất lịch sự, rồi lại cúi xuống chăm chỉ làm việc.

Đó là chưa nói tới một ông mập, lùn, trước đây xách cái vali đi coi bói, gặp ai cũng kêu, cũng kêu. Lúc này đã đổi kiểu, đóng tuồng nhà tu, mặc áo thụng vàng, đầu cạo trọc, khi thì coi bói khi thì kêu gọi giúp đỡ từ thiện. Nói chuyện này lại nhớ tới bà. Hồi bà còn sống, bữa nào đi tới chợ ABC, cũng phải có ít tiền lẻ để cúng dường một vị sư áo vàng. Vị sư này còn trẻ, cao ráo, mặt mày sáng sủa hình như mang hai giòong máu Việt Mỹ. Mặt mày hiền từ, đi đứng khoan thai, các bà các cô tới tấp cúng dường. Mà sao qua giờ ngộ thầy vẫn còn “khất thực”? Chắc là thầy tu giả rồi! Có chị đàn bà lâu lâu xuất hiện một lần, chị ta điên, không đi xin, mà chỉ ăn mặc lòe loẹt như phường tuồng. Mặt trét phấn trắng bóc, hai má hai vòng phấn đỏ kè, tô mắt xanh lè. Chị ta cứ đi chỗ này chỗ nọ. Ai nhìn thì chị ta nhìn lại:

– Nhìn gì?

Có một cô gái lái xe đi tìm. Thấy được chị ta thì năn nỉ, khóc lóc, dỗ dành cho tới lúc chị ta leo lên xe.

Lúc ông xuống tới nơi, vẫn còn đủ chùng đồ người vô gia cư. Nhưng cả một phần lớn sân của chợ đã che sập, trưng bày đủ các loại hoa kiểng.

Mùa xuân nở rộ trên muôn hoa, chấp chới trong ánh mắt, nụ cười của người mua, kẻ bán.

Chỉ có mấy người bụi đời, vô gia cư ngồi yên chỗ của họ. Ông “uống mặt trời” vẫn há miệng, nhìn mặt trời mà không nheo mắt. Ông “Cho em xin một đồng” vẫn nhất định xin một đồng. Chàng Mỹ trẻ ngồi ôm đầu rầu rĩ, chắc nhớ bồ. Còn mấy người khác thì bu lại trước tiệm cơm chay để chờ khách bố thí. Không thấy xe bà Lan, cũng không thấy cô “mới ra lò”. Phía hông chợ, hai người, một Mỹ một Việt đang nói chuyện. Họ nói bằng hai ngôn ngữ khác nhau. Ông cũng tìm một chỗ ngồi xuống, lấy chai rượu ra uống, không cho ai một giọt.

o O o

– Bữa nay ba mươi Tết rồi đó.

Buổi sáng ông nhắc thằng con. Thằng con mới khoác vào được một tay áo lạnh, dừng lại:

– Rồi sao, ba?

– Thì Tết. Ba mươi, tối nay rước ông bà. Thằng con lật đật thọc thêm tay kia vào áo:

– Cúng. À. Ba lo giùm con.

– Nhưng... tao đâu có nấu nướng.

Phải. Ông bỏ nấu nướng cả năm nay rồi. Thức ăn Việt Nam nấu hôi nhà hôi cửa. Năm ngoái, nhớ bà thích ăn món bún mắm. Ông ra Phước Lộc Thọ hỏi bà già bán báo cách nấu, rồi về làm một nồi. Đứa con dâu kêu ẩm lên:

– Trời đất. Ba nấu cái gì mà thúì hoắc, thúì quá. Mấy đứa cháu bịt mũi, vào phòng, đóng rầm cửa lại.

Đó là lúc chưa có bếp ngoài vườn. Bây giờ khác rồi. Ông cũng đâu định nấu nướng gì cúng bà nữa. Bà chỉ thích có món mắm và rau mà chết rồi cũng không cho ăn thì thôi.

– Con phải đi làm. Đâu có nghỉ ngày nào. Thôi tùy ba.

Đứa con dâu:

– Anh có lẹ lên không. Con nó trể học.

– Ba nói...Tết.

Ông thấy thằng con có nghĩ tới Tết nên nói thêm:

– Ủa. Cũng phải cúng đón ông bà, má bây rồi giao thừa...

Đứa con dâu tính nhản mặt, cố gượng:

– Vậy tùy ba đi. Nhưng đừng nấu cái món gì thúì hoắc như năm ngoái, ghê quá. Bây giờ nhớ tới còn sợ.

Vậy là đi hết. Nhà vắng hoe. Ông chợt nhớ ở đây không phải chỗ của ông. Chỗ của ông là cái kho sau góc vườn. Ông đi ra đó. Chỗ đó, còn một chút tự do hạnh phúc. Ông nhìn thấy tấm ảnh bà.

– Đừng có nheo mắt chọc tui. Năm nay hồng có món mẳm và rau đậu bà nhá. Cho ăn chuối.

Vậy mà không chịu cười một tiếng. Không

phải ông nói chuyện bóng gió bậy bạ gì đâu. Mà chuyện vui giữa vợ chồng hồi còn trẻ đó thôi. Kể chuyện bà già ăn chuối, không còn răng, bóc vỏ trái chuối bỏ vào miệng, lút tới nửa trái, nhưng cắn xong, trái chuối chỉ mất một phần nhỏ xíu phía đầu, tại vì bà già không còn răng. Có câu chuyện đó mà hai ông bà cười hoài, cười cho tới già, mỗi lần ăn chuối thấy đúng như vậy.

Bây giờ thì bà không chịu cười. Ông muốn cười một mình cũng mở miệng không được. Ừa, thì không có món bà thích. Tui tính cách khác. Nhớ mà, trước bữa bà bỏ đi, có lần nói để từ từ rồi ăn chay cho nó nhẹ bụng mà đỡ sát sanh.

– Ông thấy hôn, trong cái bụng mình giống cái nghĩa địa, ăn vô không biết bao nhiêu con, há.

Đâu có đi chùa, đọc kinh đọc sách gì mà tự nhiên cái tâm bà “ngộ” vậy chớ. Biết rồi, năm nay, theo ý nguyện của bà đi.

Ông mặc thêm áo, lôi một chai rượu, lại theo cửa hông đi ra ngoài.

Nếu bữa nay mà rơi vào ngày cuối tuần thì phải biết, xe hơi hết đường mà người đi bộ cũng ngột. Dù là vậy, đường phố vẫn đông đúc, ồn ào. Ngày ba mươi, mười người mười cúng. Người ta ra vô che lấp cái cửa chợ. Vô chỗ bán cơm phần, thấy dọn dẹp sạch láng. Vậy là bữa nay không bán cơm. Ông đi một vòng ngó người ta. Xuống Phước Lộc Thọ, dân cờ tướng lại bày binh bố trận lai rai. Ông ngồi xuống một bàn, ngồi châu rìa. Con ma cờ bạc nó níu chân ông tới ba giờ chiều mới thả ông ra. Bữa trưa, ông mua vội một hộp xôi vò do một người đàn ông xách đi bán dạo ăn đỡ, rồi giúi mắt vào mấy con cờ người ta chơi.

Lúc tan hàng thì đường phố đã vắng ngắt mà bóng chiều cũng hấp hối sắp tắt hơi. Sực nhớ có hứa với bà, năm nay mua mấy món đồ chay cho bà phỉ tâm nguyện khi sống chưa ăn chay một ngày nào, ông đi tìm quán cơm.

Tới nơi, tiệm cơm chay sắp đóng cửa. Ông phải nói khó, cô đứng quầy hàng mới cảm thông, gọi cho ông đặt mấy món, mà nói là cuối cùng đó nghe. Hai ba người sắp hàng đằng sau đành mua đồ ăn bán sẵn còn lại chút ít.

Lấy được thức ăn thì trời sẩm tối. Nhà hàng đóng cửa. Chợ cũng đóng cửa. Phần che sạp bán hoa cũng dỡ đi, để lại bãi đất trống dùng làm chỗ đậu xe, mà cũng không còn chiếc xe nào đậu.

Một chiếc xe hơi đậu lại, ông “sốt cút” leo lên, về nhà ăn Tết. Chàng thanh niên Mỹ gầy gò cũng biến đâu mất. Ông “Cho xin một đồng” cũng không thấy. Dân giang hồ đã tứ tán đâu hết, chỉ còn cô gái “mới ra lò”. Đồ đạc vẫn còn trên chiếc xe chợ. Cô ngồi trên chiếc chần cũ, tay ôm con búp bê. Một hộp cơm mở sẵn để bên cạnh, cô ta đang xúc từng muỗng đút vào chiếc miệng chúm chím cười của con búp bê.

– Chào buổi chiều.

Cô nói bằng tiếng Mỹ khi nhìn thấy ông. Ông đứng lại:

– Con búp bê dễ thương quá hén?

– Dạ, nó không biết khóc, biết phá. Nó ngoan lắm.

– Con của cháu?

– Dạ.

Cô ta cười ngây ngô.

– Nó nhiều tuổi?

– Cháu không nhớ.

– Bữa nay chiều ba mươi, sao cháu không về nhà?

– Về nhà? Cháu không có nhà.

– Cha mẹ cháu đâu? Chồng con cháu đâu?

– Cháu ... không biết.

Ông muốn bước đi, nhưng hai bàn chân ông cứng ngắt, nhấc không nổi. Cô gái bỗng như nhớ ra điều gì, đặt con búp bê xuống.

– Tết. Cháu biết rồi. Bữa nay cháu đi nhiều lắm, đi nhiều nơi, bữa nay đông người, nhiều thứ đẹp, nhiều thức ăn ngon.

Cô ta lôi ra một đòn chả gói trong bạch ni lông, giấu dưới đồng quần áo.

– Cái bà đem đẹp cho cháu. Nói ăn Tết.

Lại lời nữa:

– Cái này? Cái gì? Bánh chưng. Phải. Cái ông kia cho cháu, nói để cúng ba mươi.

Lời nữa:

– Cam. Cam ngọt lắm. Bà ở trong chợ đem cho. Còn nữa, bà cho nhiều lắm...

Cô ta lời ra đủ thứ thức ăn, bánh, mứt, kẹo. Nhìn tới, thấy mấy nhánh mai Mỹ dựng ở bờ tường chợ.

– Ngoài chỗ đó kia...

Cô ta chỉ ra chỗ đất mới đây là chợ hoa.

– Họ cho cháu để ăn Tết.

– Vậy là cháu cũng biết Tết đó thôi.

Cô gái cười:

– Tết ai không biết há bác. Nhưng bị cháu... khổ quá, cái đầu khi nhớ, khi quên.

– Họ đi đâu hết rồi?

– Mấy người ngồi đây há? Cháu không biết. Bà Lan há. Bà ở đằng chỗ thùng rác. Bữa nay... bữa nay... bà nói gì? Bà nói, bà nói... bà cũng nhiều lắm. Hồi nãy cháu có tới đó coi. Bác đi coi không?

– Không.

– Bác ngồi xuống đi. Đứng chi cho mỏi chân...

Cô ta nhìn tới phía hành lang, cười reo như con nít:

– Chú ăn gió. Chú ăn gió... Tưởng chú không tới chớ... Chú hẹn ăn Tết với cháu, không tới là không được. Chú ơi, lại đây...

Cô ta ngồi xích ra mé chắn như chừa chỗ cho người khách. Chú “ăn gió”. Thì ra cái ông vẫn ngồi dang mặt cho mặt trời chiếu, há mồm nuốt gió, có tên là “ông ăn gió” chớ không phải “ăn nắng” như ông tưởng.

Ông ăn gió tới, trời tối rồi, cái miệng đã khép lại, ngồi xuống. Không thấy nói gì. Ông lùi xa một tí, nhìn.

Cô gái:

– Đồ ăn nhiều không, chú?

Cũng không thấy ông ta nói gì. Cô gái kéo kéo tay Năm Phận:

– Bác cũng ngồi xuống đi. Ngồi xích vô, xích vô gần cháu cho ấm. Trời lạnh quá chừng.

Ông ngồi xuống. Cô gái:

– Chú nữa, xích vô.

Cô gái đụng vào người ông Năm Phận, đụng vào chỗ đầu chai rượu.

– Kí gì, cứng vậy nè!

– Rượu.

Ông lấy chai rượu ra.

– Mình uống rượu cho ấm. Anh làm một

miếng hôn? Người đàn ông “ăn gió” nhìn bằng mắt, không mở miệng.

Nhưng khi đưa chai rượu tới thì cầm tu một hơi. Ba người uống một lúc, chai rượu sạch nhẵn. Cô gái làm như đã chệnh choáng:

– Buồn quá, bác. Bác ơi, Tết buồn quá, bác. Cô lại kéo tay ông “ăn gió”:

– Chú. Mình chơi cái gì đi, cho vui. Buồn quá hà. Đi, chú.

Ông ta vùng vằng hất tay cô ta ra, rồi lại ngồi im. Làm như người câm.

Cô gái cũng vùng vằng:

– Bác, không cần ổng, mình chơi chi đi. Buồn quá.

Tay ông đụng vào mấy món ăn bên cạnh. Dù gì thì nó cũng nguội ngắt rồi. Mà ở nhà cũng chưa ai về tới.

– Bác chơi nghe. Chơi gì? Nè, con, mở mắt ra coi. Chơi vui lắm.

Cô đập đập vào con búp bê. Ông Năm Phận:

– Ủa, thì chơi. Chơi sao...

– Oản...

Ông cũng đưa tay ra:

– Oản tù tù...Ra cái gì? Ra cái này...

– Oản tù tù. Ra cái gì? Ra cái này... Hi hi, chú “ăn gió”, thôi mà, đừng giận nữa mà, chơi đi...

– Oản.

Ông ta đã mở miệng. Đâu phải người câm. Ông Năm Phận, lúc đó hơi men đang chạy rần rật trong người:

– Hay quá. Oản...

Ông ta cũng đưa tay ra, hí ha hí hửng:

– Ra cái gì...Ra cái này...

Đâu có cái gì nữa đâu. Chỉ ba bàn tay xấp ngửa. Đêm như vội vã nuốt cho mau chiều cuối năm. Ông bỏ chơi, đứng dậy, cầm mấy gói đồ ăn. Không chào, ông bỏ đi.

Không biết cô gái, người đàn ông “ăn gió” có nhìn theo không? Họ ở đằng sau lưng hết rồi.

Hồi này, lúc đang chơi vui, cũng có lúc ông nghĩ giá mình ở đây với họ cũng có bạn. Đi bụi luôn cũng là vừa. Nhưng không có bà, việc gì ông cũng lười lắm.

Với lại, dù sao ông cũng có cái nhà kho. Ở đó còn có bàn thờ của bà, ông đâu để bà một mình được.

CHÀNG MÙI

Chị Hiền bước ra khỏi tòa án với người bạn gái đi kèm bên. Chân bước thấp bước cao, chị không nhìn thấy rõ đường lối vì mắt vẫn nhòa lệ. Vậy là hết. Sau lời phán của tòa, anh ấy đứng dậy, quay lưng. Người đàn bà mới trong đám đông bước tới. Hai người ra xe. Cánh cửa xe đóng lại, khô khốc, tàn nhẫn. Vậy là hết. Từ nay, anh ta và chị là hai cuộc đời khác. Chiếc xe chạy mất trước đôi mắt thất thần của chị.

– Không ai có thể chia lìa anh với em. Tình yêu của mình giống như nước. Không dao kiếm sắc bén nào chặt được nước, nước sẽ liền lại tức thì...

Anh ấy nói vậy lần đầu sau buổi tân hôn, và nhắc đi nhắc lại hoài trong cuộc sống đôi lứa, cho đến khi đứa con thứ hai ra chào đời, thì ít khi thấy anh ấy nhắc lại. Đó là thời gian đã sang tới Mỹ, một nơi chốn, một quê hương khác. Đời sống đã bứt lìa, con người như cây trốc gốc, bị búng đi trồng vào một vùng đất lạ với những cây cỏ chưa từng biết. Năm đó anh ấy hai mươi bảy và Hiền mới hai mươi ba tuổi.

Hai vợ chồng bắt đầu lại từ bàn tay trắng. Đứa con đầu mang theo trong chuyến di tản trước ngày 30 tháng Tư ời ọp, khó nuôi. Nếu không nhờ phương tiện y khoa xứ này thì con nhỏ chắc không còn, nói gì tới chuyện lớn khôn, bình thường như những đứa trẻ khác. Vì vậy 10 năm sau, mới dám có đứa con thứ hai. May thay là một đứa con trai, tình yêu của chị dành cho anh vẫn đầy ắp như thửa ban đầu, nên thằng nhỏ giống anh ta như đúc khuôn. Nhưng lòng dạ anh ta đã thay đổi.

– Chàng Mùi của em.

Những lần vợ chồng riêng rẽ thương yêu, chị Hiền âu yếm nói với anh. Và anh ta câng cái mặt lên, hãnh diện:

– Phải. Anh là chàng Mùi. Không làm chàng Mùi thì sao tán được em chứ.

Chàng Mùi. Đó là tiếng kêu của Hiền lần đầu tiên khi khuôn mặt chàng sát xuống, sắp sửa một nụ hôn. Hiền phát giác ra dưới cằm của chàng có một nốt ruồi nhỏ, màu nâu hồng, và giữa nốt ruồi duy nhất có một sợi râu mọc dài, màu nhợt nhạt, hơi xoắn lại và cụp vào phía cổ. Lúc đó Hiền đã bật cười, liền tưởng tới cái cằm của con dê. Hiền đẩy khuôn mặt anh ra.

Anh chàng có vẻ mất hứng. Đang giây phút mùi mẫn, mê ly thì nàng lại phá ra cười. Mặt chàng ngớ ngẩn:

– Nói gì? Em mới nói gì?

– Chàng Mùi.

– Chàng Mùi? Là sao?

Hai ngón tay mềm mại của Hiền vôn vê sợi râu nhỏ xíu.

– Đây này. Nó đây này...

Chàng kêu lên:

– Ê. Bỏ ra. Bỏ ra.

Tiếng la của anh ta làm Hiền cũng hoảng hốt, rút tay lại.

Giọng anh ta:

– Đừng chơi đại nghe chưa. Sợi râu hên đấy.

– Râu hên?

– Phải, râu tài. Tài lộc. Thấy tướng coi cho anh nói về sau, anh nên danh nên phận là nhờ sợi râu tài này.

– Hên chi, em thấy anh có cái mùi...

– Mùi gì?

– Mùi...dê... dê...

– Nói xỏ anh há.

Đã được nụ hôn đầu tiên. Trong cơn say tình, Hiền có cảm tưởng ở chàng bốc ra một cái mùi rất lạ, thân dần, ghiền dần. Cái mùi rất đàn ông, rất chàng Mùi.

Sợi râu tài. Chàng Mùi.

Cũng đúng. Sang Mỹ mới mười năm, chàng Mùi đã gầy dựng cơ nghiệp, và đúng lúc đó đứa con thứ hai ra chào đời... Sợi râu nơi cằm chàng mọc dài hơn. Râu hên mà cũng là râu dê đúng như ý nghĩ lần đầu tiên khi Hiền nhìn thấy và mừng tượng...

Vậy mà lúc đó nàng đã phá ra cười. Còn bây giờ...

– Hiền. Thôi mà. Đừng khóc nữa.

Không phải cười à? Bật ra tiếng khóc đó thôi.

– Lau nước mắt đi. Vậy mà lúc ở nhà thì nói chì lắm. Lên xe, mình đưa về.

Hiền còn đứng như trời trồng. Còn khóc. Mà còn muốn khóc rống lên nữa.

– Vô xe rồi khóc. Muốn khóc thì khóc cho đã.

Bà bạn đẩy Hiền lên xe. Đóng cửa xe. Gài xích beo. Thêm cả một xấp giấy sần sàng chặm nước mắt. Vậy mà khi xe lăn bánh, Hiền không khóc được tiếng nào nữa. Hai con mắt cũng tự nhiên khô khốc.

– Sao không khóc nữa? Khóc đi. Khóc đi.

Người bạn gái nói lời tàn nhẫn để chọc cho Hiền khóc. Vô ích. Tâm hồn Hiền đang lằng đằng đầu đầu, khi thì hồi đầu, khi thì hồi cuối.

– Em đã gọi tôi là chàng Mùi từ đầu rồi mà. Đầu có gì đáng ngạc nhiên. Vợ chồng khi hết duyên, như bát nước đầy đổ đi, hốt lại không được.

Phải, chính anh ta đã đổ bát nước. Tình yêu, tình chồng vợ đã hết là một mặt nước. Chẳng cần dao kiếm gì, chỉ hất tay là cái bát bể tan.

– Ăn chút gì đi, Hiền. Tội mình kiếm một tiệm ăn, ngồi một lúc, được không?

Người bạn vừa lái xe vừa hỏi. Hiền cố gắng lắm mới lắc được cái đầu.

– Mình muốn về nhà.

Về nhà. Hai đứa con. Con bé lớn đi học. Chỉ còn thằng nhỏ ở nhà với bà ngoại.

Bà mẹ già nua suốt đời là chiếc bóng bên chồng, rồi bên con, bên cháu. Bà ngược cặp mắt hấp hèm lên nhìn con gái.

– Sao con?

– Xong. Mẹ.

Hiền bế đứa con trai. Coi khuôn mặt của nó. Đôi mắt, cái mũi, cái miệng... Đúng là của chàng Mùi. Chỉ có điều dưới cằm thằng bé không có nốt ruồi và sợi râu. Không có hay chưa mọc. Nó giống anh ta như hai giọt nước. Nhưng hai giọt nước cũng đã văng mỗi giọt mỗi nơi. Bát nước đổ đi. Cái bát bể tan.

Chỉ mới như một cái chớp mắt mà đã mười mấy năm. Anh ta hoàn toàn biệt tích, mất liên lạc, nhưng những món tiền chu cấp nuôi con vẫn đều đặn gửi tới địa chỉ của Hiền. Nhớ lúc ra tòa, chàng nói:

– Thừa tòa, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về con cái. Tôi có lỗi, cô ấy hoàn toàn không có lỗi gì.

Anh ta nói mà không nhìn Hiền. Vậy mà trước đó có lúc Hiền đã tưởng, dù anh ta có chém hàng trăm nhát, mặt nước vẫn liên lạc lại.

Cũng có vài tin tức về anh ta qua những người bạn. Anh talàm ăn như húc đầu vào canh bạc, nhưng gặp lúc vận đỏ nên toàn thắng. Người đàn bà đầu tiên làm anh ta bỏ Hiền cũng đã ra đi, rồi người thứ hai, thứ ba... Đến giờ này, Hiền không biết anh ta đang ở với người đàn bà nào, một người hay mấy người. Năm đứa con gái lớn được mười tám tuổi thì tiền cấp dưỡng ngưng, cả đứa con trai còn nhỏ, dưới tuổi cũng bị cúp luôn. Bạn bè xúi Hiền kiếm luật sư, truy tìm anh chàng để đòi quyền lợi cho đứa nhỏ. Hiền không nhúc nhích.

Hình như công việc làm ăn của anh ta không ổn. Hiền nghĩ, vết thương của Hiền đã bớt lở loét nhưng vẫn không chịu lành. Đã lâu vậy mà nhiều đêm, một mình bùng tỉnh, Hiền ôm gối chiếc mà khóc.

Ngày đưa con gái đi lấy chồng, Hiền muốn nhờ người bạn tìm kiếm nhân anh ta về dự đám cưới cho con gái cũng có cha như người ta. Đứa con gái gặt ngang:

– Từ lâu rồi, con không có cha. Việc gì phải năn nỉ ông ấy về chứ.

Rồi nó lắc đầu:

– Thiệt không ai như mẹ. Lúc ông bỏ mẹ, mẹ còn quá trẻ, lớn hơn con lúc này bao nhiêu đâu. Vậy mà không chịu lấy ai khác. Mai một ở một mình rồi biết.

Hiền biết. Khi đưa con gái ra riêng rồi, bà ngoại cũng mất. Hiền ở với đứa con trai còn đi học. Rồi vì việc học hành, Hiền phải gửi con vào nội trú. Ngôi nhà rộng mênh mông bốn phòng chỉ còn một mình... Rồi Hiền đã có cháu ngoại,

lâu lâu con gái mới về thăm một lần, thường thường là để gởi con. Thằng con trai vô nội trú đại học, lúc đầu còn điện thoại đều đặn thăm hỏi, nhớ mẹ, nhưng thừa dần rồi bật. Lý do là nó bận học quá. Hiền suy nghĩ mãi, không biết thằng nhỏ đã có bạn gái chưa, có mọc mụn ruồi dưới cằm và có sợi râu như cha nó không? Và sợi râu sẽ là râu dê hay râu tài? Ôi, đừng. Xin đừng. Đừng là một chàng Mùi nữa.

Không phải anh ta, mà là sợi râu đã ám ảnh Hiền suốt bao nhiêu năm. Có phải mọi bất hạnh của Hiền đều do sợi râu mỏng manh ấy. Khi biết được chàng đã phụ bạc, nhiều lần trong đêm, Hiền đã ngồi dậy với ý định là lấy kéo cắt đứt sợi râu dê của chàng. Nên hay không nên? Làm hay không làm? Đã cầm kéo. Đã đưa tới gần. Chỉ một nhát kéo, sợi râu sẽ bứt ra khỏi cằm. Nhưng rồi Hiền lại thấy mình làm một việc vô ích. Đã có lần chàng cạo râu sơ ý, sợi râu bị cụt ngắn. Chàng lo lắng, nhưng rồi một thời gian sau, nó lại mọc ra, dài gần như cũ.

Những lần chàng đứng trước gương soi, phải

hếch cái mặt lên để nhìn thấy rõ mụn ruồi và sợi râu. Chàng cười. Sau bao nhiêu năm Hiền không thấy gì, mà lúc đó, Hiền mới thấy nụ cười của chàng đều giả, trắng trợn.

Rồi làm gì? Gây gổ. Khóc lóc. Nhấn nhẹn. Chịu đựng. Đều đã trải qua. Những đêm chàng không về ngủ, Hiền ôm con nuốt nước mắt. Hình ảnh chàng Mùi đang ăn nằm với một người đàn bà khác, trong một nơi chốn khác, nhiều lúc làm Hiền điên cuồng, nửa đêm dậy khoác áo đi lui đi tới sau vườn. Hiền không dám đi phía trước nhà, hàng xóm thấy, khó khỏi bị gọi báo pô-lít, rồi biết ăn biết nói làm sao. Lý, người bạn gái thân nhất, đã cho Hiền biết rõ người đàn bà mới kia là ai, nhà ở đâu. Một lần, Lý đã chở Hiền theo xe chàng, và đúng là chàng đi tới căn nhà đó. Hiền đã biết chỗ chồng mình đậu xe. Những lần khác, Lý đưa Hiền theo dõi thì chàng đưa người đàn bà kia tới vũ trường, đi ăn tối và cùng về căn nhà đó. Lý nói:

– Sao Hiền không nói rõ ra là đã biết hết, coi anh chàng còn chối được nữa không?

Hiền căn môi:

– Mình biết, khi nói ra là hết, mà mình...

Người bạn gái siết chặt tay Hiền, hiểu, bạn mình không muốn tan vỡ, vì hai đứa con chưa lớn khôn.

Mỗi ngày một ít, đẩy dần cơn điên dại. Một buổi tối, chàng Mùi bỏ buổi cơm, sửa soạn quần áo bánh chọe ra đi. Hiền hỏi:

– Anh đi đâu? Tối rồi.

– Tôi có hẹn với mấy người bạn. Công chuyện làm ăn, cô hỏi làm gì?

– Vậy tối nay anh có về không?

Chàng đáp cộc cằn:

– Không.

Trong một phút mất bình tĩnh, Hiền túm áo chàng:

– Anh không đi đâu hết...

– Bỏ ra.

– Không bỏ. Anh muốn đi thì giết chết tôi rồi đi...

Chàng mạnh hơn nàng nhiều. Chỉ đẩy một cái là Hiền đã chơi với buồng tay. Nhưng không hiểu sao, lúc đó Hiền liều lĩnh quá, xông lại, tiếp tục kéo núu. Áo sơ mi của chàng bật nút sút ra. Bất thành lình chàng Mùi giáng cho nàng một cái tát.

Nàng chỉ thấy mắt tóe lên những đốm sáng nhỏ. Có đau không? Không cảm giác. Nhưng cơn điên dại thì vùng lên dữ dội. Nàng khóc lóc, la hét, chạy ừa ra đường. Lúc đó, thật tình nàng muốn chết, muốn chết lắm. Trong bao nhiêu năm đắm thắm ăn ở, nàng không bao giờ tưởng tượng chàng có thể đánh nàng.

Nhưng Hiền không chạy ra tới đường được. Chàng đã chụp lấy nàng, kéo nàng vô nhà, xô nàng xuống sô-pha. Không được chết thì nàng làm gì chứ. Phải làm gì, làm gì cho lồng ngực vỡ nát ra, máu sẽ chảy và nàng phải giày vò nàng cho tới chết.

– Im miệng lại. Có im không?

Làm sao mà im. Nàng phải làm cho chàng cũng lên cơn điên, hoặc nàng chết. Hoặc cả hai cùng chết. Cả hai cùng chết thì được quá. Nhưng còn hai đứa nhỏ thì sao? Không được. Nàng lại la khóc.

Chừng mười phút sau, xe pô-lít đậu trước cửa do hàng xóm báo. Hiền tỉnh cơn điên liền. Chỉ cần khai là nàng bị chồng đánh đập, chồng nàng sẽ bị còng tay dẫn đi. Cuộc đời của chàng những ngày sau đó sẽ thê thảm lắm. Làm vậy được không? Hiền đã tỉnh cơn điên rồi. Nàng tiếp tục kêu la, và nàng ôm bụng. Nàng kêu đau bụng.

Hàng xóm khai với pô-lít là họ nghe tiếng kêu la của một người bị đánh đập nên mới gọi 911. Nhưng Hiền một mực kêu là nàng đau bụng quá, hoảng sợ quá nên kêu la và chồng nàng đang sửa soạn đưa nàng vô bệnh viện.

Hai đứa nhỏ có nghe, nhưng chúng sợ hãi quá, gài chặt cửa phòng lại. Lúc pô-lít gõ cửa hỏi,

nghe mẹ nói đau bụng, chúng cũng trả lời là mẹ đau, mẹ đau bụng lắm.

Chàng im lặng. Khi pô-lít hỏi là Hiền khai có đúng không, chàng gật đầu. Cảnh sát có nghi ngờ về cúc áo bị bứt và quần áo chàng sộc sệch. Hiền nói vì đau quá đã nín chồng nên gây ra tình trạng đó. Cảnh sát dù không tin rồi cũng phải bỏ đi.

Chàng không đưa nàng đi khám bệnh. Chàng cũng không bỏ đi, cũng không cơm nước. Chàng mở tivi coi suốt cho tới lúc vào phòng, hai vợ chồng quay lưng hai phía. Ở giữa hai người là một con sông chia cắt. Phải, con sông chia cắt đó, lấy gì mà cắt đứt ra được, dao kéo sắc bén chém xuống, giòng nước vẫn liền lại.

Có thể đối xử với nhau như vậy sao? Lý đã kể cho Hiền nghe những chuyện tàn tệ trong cuộc sống và nói: Tiểu thuyết chỉ viết ra được một phần sự việc, còn những chuyện xảy ra ngoài đời ghê gớm lắm, tiểu thuyết không đuổi kịp được.

Phải, đời sống đủ thú chuyện. Chuyện chồng giết vợ, vợ giết chết chồng chỉ vì một món tiền

bảo hiểm. Đã có những bà vợ oán hận chồng, tự mình lái xe xuống sông để cùng chìm chết luôn với mấy đứa con... Thì chuyện anh ta đánh Hiền mấy bạt tai, bỏ đi với người đàn bà khác cũng chưa phải là rùng rợn.

Con sông chia cắt lớn dần thành một biển mênh mông. Hai người không thấy mặt nhau nữa.

Cũng may trong bao năm chuyện riêng sầu khổ, Hiền vẫn giữ được việc làm ở một công ty. Hằng ngày Hiền lái xe tới sở làm, tự thu xếp đời sống của mình không phiền lụy ai. Ngày nghỉ, Hiền thường đi chơi với Lý, người bạn đã đi cùng với Hiền vào cái buổi cuối cùng ở tòa án, xem phim, đi chùa, hay chiều xuống ra biển ngồi nhìn mặt trời lặn.

Bên kia đại dương là Việt Nam. Hiền đã bút bỏ mà đi. Quê hương còn mất, hướng chi tình cảm của con người nhỏ nhoi.

Chuyện chàng Mùi trong đầu Hiền rồi cũng thừa nhạt dần. Bà mẹ độc thân đã thành một bà

ngoại. Đứa con gái đã có gia đình riêng, chắc cũng nhiều lo toan. Thằng con trai ăn ngủ đi đứng ra sao, Hiền cũng không thể biết. Có hôm chờ thật khuya, Hiền gọi điện thoại. Cũng không nói, hỏi được gì vì cậu còn ngái ngủ.

– Mẹ à, mẹ đợi tới ngày mai được không?

– Con, nhưng ngày mai...

Im lặng. Thêm dăm ba câu vớ vẩn rồi cúp máy.

Thằng con càng lớn càng đi biệt, có năm chỉ gửi một cái thiệp độc nhất cho mẹ.

Cũng chỉ còn biết tâm sự với bạn. Lý nói:

– Ở Mỹ này cái gì cũng không thiếu, kể cả đủ thứ rau củ tôm cá đặc biệt ở quê nhà, chỉ duy nhất con người ta thiếu tình đối với nhau.

Hiền nhìn mặt biển rộng mênh mông, tự triết lý lảm cẩm. Khi người ta yêu nhau, tình yêu như con sông, gươm đao không chém nước được. Nhưng khi đã trở mặt, sự ngăn cách cũng là sông là biển, lúc khi nào mới cạn nước.

Hiền vẫn không biết gì về anh ta. Cho tới một hôm, Lý nói:

– Mình vừa gặp một người bạn ở miền Đông về kể chuyện anh chàng Mùi của bạn. Hắn giờ thê thảm lắm, lại vừa nằm bệnh viện ra...

– Vậy những người tình của anh ta, sao rồi?

– Không biết. Hắn giờ chỉ một mình.

Lý lại hỏi:

– Nếu giờ anh ta trở lại, Hiền có chịu không?

Hiền lắc đầu, nụ cười buồn bã:

– Muộn rồi.

– Mình nghĩ là không muộn. Vì Hiền từ đó tới giờ đâu có chịu ai. Có lý nào tất cả đàn ông đều là chàng Mùi hết. Hiền biết không, hồi trước mẹ mình thường nói đánh kẻ chạy đi, không đánh kẻ chạy lại...

– Đó là chuyện của các cụ. Lý biết mà, Lý là người chứng kiến chuyện giữa mình và chàng

Mùi. Với mình, chạy đi cũng không đánh, còn chạy lại... mình cũng chạy luôn.

– Vậy thôi. Không nhắc nữa.

Lý cười. Hiền không để ý tới nụ cười khó hiểu của bạn.

Lý điện thoại hẹn Hiền vào chiều mừng hai Tết, ở một cái quán bên bờ biển. Có điện không đây. Mặc dù trong quán ấm áp, có sưởi, lại qua cửa kính thấy mặt biển mênh mông, nhưng quãng đường lái xe ra đó xa, trời lạnh, lãng mạn kiểu thời thượng quá vậy.

– Sao bữa nay bà nhiều chuyện quá. Còn bày đặt hẹn hò.

– Thì vậy, thấy không có ai thèm hẹn thèm hò, người ta cho một cái hẹn, vậy mà còn không biết ơn. Tết nhất bận lắm, có thể mình đến đúng giờ, có thể trễ. Nhưng đừng bắt mình đợi đầu năm, cả năm cứ đợi với chờ, khổ lắm.

Nói người ta thì được. Còn mình sao.

Hiền tới nơi, mới hơn năm giờ chiều mà trời đã tối. Lúc đậu xe ở parking đi ra, chỉ một đoạn đường ngắn là vào tới quán mà thấy lạnh run. Hành hạ nhau quá. Nhưng Hiền cũng đã quen tính cô bạn. Lý nói thường mai một một đứa đi trước, đứa ở lại không còn ai làm phiền mới là thê thảm. Lý nói ở xứ này cái gì cũng dư, chỉ có một thứ thiếu là tình cảm, hình như cũng không đúng. Tình bạn giữa Hiền và Lý bền chặt từ ngày còn ở Việt Nam, cho tới nay, cả hai tóc đã nhuộm muối tiêu... Tình cảm vậy còn đòi hỏi gì nữa.

Hiền chọn một bàn sát cửa kiếng để nhìn ra trời biển mênh mông, gọi một ly trà nóng chờ bạn. Mười phút, mười lăm phút, không thấy Lý đâu. Có lẽ nào đầu năm, Lý đã cho Hiền leo cây. Sức nhớ, năm nay Quý Mùi, lại cũng năm Mùi nữa. Hèn chi mới bắt đầu đã trục trặc, không hên.

Thình lình, Hiền có một cảm giác kỳ lạ, trong quán, máy sưởi tỏa ra hơi ấm áp đều hòa, nhưng sao phía sau cái ót thấy buốt lạnh. Như có hai luồng gió thổi vào đó. Cái gì? Hiền quay đầu lại.

Ngay phía sau lưng nàng, một khuôn mặt nhìn Hiền đăm đăm. Khuôn mặt lạ mà có nhiều nét rất quen. Lạ mà quen. Ai đây?

Chàng Mùi.

Phản ứng tự nhiên của Hiền là bật dậy, cầm cái ví, tính gọi người phục vụ tính tiền rồi bỏ đi. Đi càng nhanh càng tốt. Nhưng người đàn ông cũng bật dậy, bước tới. Ông ta không nói gì, chỉ nhìn. Hiền như một cành cây gãy ngang, rơi mình xuống ghế.

Tai Hiền vẫn nghe rất rõ tiếng kéo ghế. Ông ta ngồi đối diện. Mười chín năm đúng. Hiền đã đếm từng ngày, từng tháng, từng năm. Con người ấy bây giờ còn là đây. Ông ta là chàng Mùi. Mà cũng không còn là chàng Mùi. Tuổi tác, tiểu tụy, hốc hác. Mái tóc dày, xanh cứng ngày xưa, nay đã thưa thớt, bày một cái trán hói sâu. Còn sợi râu, nốt ruồi không đen không đỏ, cái màu lơ nhờ, có còn không? Hiền ngó mông lung qua cửa kính, chỉ thấy một màu xám đen mênh mông hòa nhau giữa bầu trời và mặt biển. Nói gì đi. Ai nói trước. Sao im lặng lâu quá.

Hiền nghe ông ta gọi hai ly trà nóng, để thế một ly trà nóng của nàng đã để nguội. Rồi giọng nói ngày xưa đã trầm hơn, bể hơn:

– Hiền. Cho anh mời em bữa cơm tối nay?

Hiền cắn chặt môi. Mắt không chớp. Chớp một cái thôi là lệ trào. Không vui mừng gì đâu mà tủi hổ. Hình ảnh phút cuối ở tòa án lại hiện ra, khi người đàn bà mới với chàng ung dung lên xe. Bao năm rồi, Hiền đã tự nhủ phải quên mà biết mình tới chết cũng không quên.

Lý nói:

– Hiền không quên, tức là nhớ hoài, giận hoài, oán hoài. Khi người ta hết yêu, người ta không còn oán, không còn giận.

Vậy thử hỏi lòng nàng còn chút gì với người đàn ông ngồi trước mắt không? Có? Không? Hai mươi mấy năm, đây là lần đầu tiên gặp lại. Còn gì để gây gổ, nặng nhẹ? Lạ quá, lòng Hiền tự nhiên thấy mềm, thấy an tịnh trở lại, như những ngày đau khổ cũng có lúc lắng xuống và yên.

– Được không?

Chàng nhắc lại. Hiền vẫn im lặng.

Thức ăn được dọn ra. Món cá nướng mà ngày xưa, nhưng lúc vợ chồng đưa nhau đi ăn, nàng vẫn thích. Ly rượu vang đỏ, chàng nói chàng rất thích nhìn nàng uống rượu, má nàng hồng tự nhiên. Vẫn là những thức ăn rất cũ, rất quen, nhưng nàng chỉ lặng lẽ nhìn.

– Em không ăn?

– Cám ơn.

Chàng đã nói được:

– Anh có lỗi.

– Chuyện qua rồi.

– Các con...

– Anh khỏi thắc mắc. Chúng nó đã có đời riêng, cũng đã bứt ra khỏi em.

Bứt ra khỏi em. Nàng nói như một lời than thở. Lời than thở đau buốt lần thứ hai. Rồi nàng

lại nhìn ra bên ngoài cửa kính. Trời tối quá rồi, không còn thấy gì nữa hết. Nàng cảm thấy phải nói một điều gì với chàng. Nàng chưa hề nói, chỉ mới nghe và trả lời.

– Anh nói xong chưa?

– Chưa, Hiền. Anh đã phải nhờ cậy Lý từ hai năm nay. Lúc nào Lý cũng nói chưa được, chưa được. Và năm nay...

– Vì năm nay là năm Mùi, phải không?

– Không phải, Lý nói...

– Lý nói gì thì cũng không phải là em nói. Em đã sống một mình hai mươi mấy năm, xin anh để em yên.

– Anh chỉ muốn nói lời xin lỗi...

Hiền đứng bật dậy, đưa tay vợ lấy cái ví:

– Vậy anh đã nói xong rồi. Em phải về.

Chàng đứng dậy theo.

– Nhưng em có tha lỗi cho anh không?

Hiền lại một lần nữa nhường nhịn, quay mặt ra phía cửa kính để tránh những cặp mắt tò mò từ những bàn xung quanh. Chàng cũng nhìn ra cùng hướng với nàng. Họ đứng dưới một bóng đèn từ khung cửa sổ chiếu xuống.

– Anh biết. Anh là một người đàn ông vô tình, bạc nghĩa. Anh chỉ là thằng Mùi, chứ không đáng là chàng Mùi của em. Hai người đứng rất gần nhau. Hiền cười nhạt, quay lại nhìn lên. Nàng muốn tìm nốt ruồi màu nâu nhạt của chàng với sợi râu hên, mà đối với Hiền, đã không còn là sợi râu hên nữa. Nốt ruồi vẫn còn đó, to hơn, màu nâu đã đen thẫm lại và sợi râu vẫn còn dính cứng, trước đây thì cụp vào, nay thì vểnh lên.

Bỗng dưng Hiền choáng váng. Hiền vừa hiểu thấy cái mùi quen thuộc của người chồng năm cũ. Chàng Mùi. Mùi chàng.

Nhưng một lát sau, cái mùi chàng biến dạng đậm hơn, nồng hơn, lẫn chút hoai hoai mùi da thịt về già.

– Tha lỗi cho anh. Được không? Tha lỗi cho anh...

Hiền lắc đầu, đưa tay:

– Anh đi đi. Đi nhanh lên. Em không muốn mọi người chú ý...

– Cho anh một cơ hội, Hiền...

Rồi chính Hiền vẫn là người nhượng bộ tiếp:

– Thôi đi ra ngoài. Em không muốn mọi người đánh giá...

Hiền cố chờ cho chàng trả tiền xong. Rồi như một cặp vợ chồng lớn tuổi, sau một cuộc ghen tuông đã làm hòa, cùng nhau trở về nhà. Hiền đi ra phía bãi đậu xe được chiếu sáng bởi những dòng đèn. Chàng đi theo bên. Lúc đứng bên phía cửa xe Hiền sắp mở, chàng nói:

– Bây giờ thì anh mới thật hiểu là nước không thể lấy gì mà chặt đứt được.

Kim sanh. Thành linh Hiền thấy mình không thể chịu nổi nữa. Hiền muốn la lớn.

Nhưng nàng vẫn nhỏ nhẹ:

– Anh về đi. Em không muốn thấy anh trước khi về nhà.

– Em về.

Chàng tần ngần rồi quay lưng. Lần này chàng quay lưng nhưng không đi cùng người đàn bà mới nào. Chàng đã già, đã mệt mỏi, muốn dừng chân. Nàng có muốn là một bến đợi không? Có cho chàng một cơ hội không? Hiền không biết. Nhưng trái tim cô đơn của nàng đang thổn thức. Mặt biển ngoài kia đã bị đêm đen nuốt.

Nhìn bóng chàng lấm lũi dưới giòng đèn vàng vọt, Hiền nửa thương nửa giận, nửa muốn, nửa không. Nàng lại nhớ sợi râu đeo nơi cằm chàng. Sợi râu còn đó. Anh ta vẫn còn là chàng Mùi. Nàng dậm bước, muốn kêu. Nhưng tiếng kêu tắt ngang trong cổ họng. Nàng hả miệng ra, không biết mình đang cười hay khóc.

RẮN HỒNG

1.

Tháng Bảy năm Quý Mùi (1883), đời vua Hiệp Hòa, hải quân Pháp do tướng Courbet và Toàn quyền Harmand chỉ huy tiến đánh cửa Thuận An. Trong ba ngày, từ 15 tới 18 tháng 7, thành Trấn Hải vỡ. Quan trấn thành là Lê Sỹ cùng Lê Chuẩn tử trận. Hai ông Lâm Hoành và Trần Thúc Nhẫn thì nhảy sông tự tử.

Trận chiến thất thủ Trấn Hải Đài đưa tới việc triều đình Huế phải ký hòa ước Quý Mùi 23 tháng 7, dâng trọn nước Nam cho người Pháp, chỉ được sử sách ghi sơ lược như trên. Riêng ngư dân Cửa Thuận, hơn nửa thế kỷ sau, còn bảo nhau: đêm đêm, nhìn lên Trấn Hải Đài, vẫn thấy quan trấn

thành Lê Sỹ cưới một con “hồng xà” đôn đốc ba quân xáp chiến với giặc trên bờ thành.

Sao ông Lê Sỹ không cưới ngựa hồng mà lại cưới rắn hồng?

Cô bé Mi Ki, từng sống thời thơ ấu ngay trong khu Trấn Hải Đài, nói:

– Đâu thấy con ngựa nào. Chỉ toàn rắn là rắn. Chính mẹ Ủy cũng gọi rắn là ngựa hồng của mẹ.

Mẹ Ủy từng là “bạn già” của cô bé. Thời ông Lê Sỹ đã có mẹ. Thời Pháp, thời Nhật, thời Việt Minh lên rồi lính Tây trở lại, đều có mẹ cả. Có hồi cô bé còn nghe người ta nói mẹ Ủy chính là rắn, con rắn biết lột vỏ sống đời, vì mẹ sống lâu cả trăm tuổi.



Nhà mẹ Ủy nằm sát phía bờ ngoài cửa thành lũy bao quanh Trấn Hải Đài. Ngay cạnh nhà, có cây bồ đề mọc chồi lên bờ thành. Cây cũng cổ

thụ lắm, rễ đâm từ trên thân xuống từng chùm, quấn quít, quấn quai, nhìn xa như một ổ rắn khổng lồ. Căn nhà tuy cũ kỹ, thấp, tối, nhưng có những cột gỗ lim chạm trổ hình rồng phượng. Cột to bằng cả vòng tay người lớn ôm. Bên này câu liễn, bên kia câu đối sơn son thếp vàng. Bàn thờ lớn, chiếm hết căn giữa, bày chi chít bài vị, trùm một loạt khăn đỏ khăn vàng, lâu đời rồi, cái sờn cái rách. Nhà cửa tối tăm nhưng loại này khi xưa, cũng là hạng giàu có, quan gia chi đây.

Mệ Ủy sống với một người con trai cũng đã già, tóc râu điểm muối tiêu, nhưng dáng người vạm vỡ, mặt vuông, hồng hào, có nét uy nghiêm mà cũng có nét phúc hậu. Có năm, đoàn hát bội về diễn tích Quan Công, dân làng đi coi, chê: Để cho anh Ủy đóng Quan Công mới là hợp. Người con trai tên Ủy, không thấy có vợ con, người trong làng lớn nhỏ gì cũng gọi là anh Ủy, còn bà già, gọi là mẹ Ủy. Có phải là dân các Mẹ trong nội ra không? Liên hệ gì giọng dõng hoàng tộc mà kêu bằng mẹ. Đâu ai biết!

Làng Thuận An là một dải đất bao quanh phá, sông, biển. Cả vùng đất ẩm, chỉ duy nhất một ngọn đồi Trấn Hải Đài cao ráo. Chim chóc cũng nhiều, làm tổ trên các cành cao cành thấp, trứng chim cun cút, thú chim lủi trong bụi như gà, không bay cao. Các loài chim, trứng chim là thức ăn bổ dưỡng cho rắn. Thôi thì đủ loại rắn, các kè, thằn lằn, làm như hàng trăm ngàn loài bò sát đều dồn lên khu đồi Trấn Hải.

Suốt cả con đường rộng dẫn tới làng, hai bên đều đất đồi hoang soai soải, chỉ duy nhất có căn nhà của mẹ Ủy, không hiểu sao lại lọt vào đây.

Dân làng đồn rằng, ông Lê Sỹ chết vào giờ thiêng nên linh lắm. Dân chài ra biển từ nửa khuya, nhìn lên, thấy trên cửa thành ông Lê Sỹ cỡi con hồng xà độc quân xáp chiến, hai bên quân lính đánh nhau, còn nghe cả tiếng binh khí va chạm chát chát. Đó là những đoàn quân đã thành ma, đến giờ thiêng thì sống lại. Có thể vì ông Lê Sỹ cỡi con hồng xà, nên dân làng không dám giết rắn, nhất là rắn trong cổ thành. Nhưng mẹ Ủy thì khác. Dân làng kháo nhau là bà ăn thịt rắn mà sống.

Mệ Ủy là khắc tinh của loài rắn. Không biết từ bao lâu và bằng cách nào, mẹ Ủy bắt rất nhiều rắn, nhốt vào những lồng kín, giao hàng cho một số ghe chài từ các nơi ghé nhận.

Người ta đồn, mẹ Ủy đã bắt được một con hồng xà, mình thon, nhỏ mà dài hơn thước, trên lưng chạy từ cổ tới đuôi một lần dài đỏ hồng như lửa than cháy sáng. Đúng là loại rắn quý ông Lê Sỹ cỡi thay chiến mã. Vậy mà mẹ Ủy vẫn lột da, băm thịt, nấu nướng bằng được. Dọn lên, hai mẹ con cùng ăn. Mẹ Ủy ăn thì không sao, nhưng anh Ủy ăn xong, trợn trắng mắt ngã vật xuống. Lúc cứu tỉnh thì anh méo miệng đơ lưỡi ú ớ mà không phát ra tiếng người được nữa. Càng ngày người anh càng rút nhỏ lại, và nằm liệt một chỗ.

Từ đó, vào những đêm trăng sáng, có bóng người cao lêu khêu trắng toát xoa tóc cầm chiếc thanh la đi quanh bờ thành mà gõ. Đó là mẹ Ủy, bà gõ thanh la cho con hồng xà đực có vòng lửa than hồng trên lưng phải ngóc đầu lên bò ra cho bà bắt. Mẹ Ủy quả quyết hồng xà có cặp. Máu thịt con mái trong người anh Ủy đang động đực. Chỉ

cần lấy máu con hồng xà đực là mẹ sẽ cứu được anh Ủy. Rắn thì vẫn vô số đó. Nhưng không thấy con hồng xà đực. Phải làm cho nó trở nên điên loạn, giữa đêm trăng bà thường kêu la:

– Ngựa hồng ra đây. Bớ ngựa hồng.

Vậy là con rắn hồng đã biến thành ngựa hồng. Chiếc thanh la cũng gào lên với mẹ Ủy. Nhưng đêm thì vẫn đui vẫn điếc.

o O o

Trấn Hải Đài nằm trên ngọn đồi cao, phía trước nhìn xuống cái vịnh nhỏ, phía sau đồi trườn soai soải dẫn tới một khúc sông cụt. Tiếp nữa là bãi cát và rừng dương xanh rì nối liền hai làng Thái Dương Thượng, Thái Dương Hạ xuống tận làng Eo, làng Hà, làng Trại, chạy dọc song song với con đê cao ngăn sóng mùa bão lụt. Qua con đê là bãi cát trắng phau soải dài đón những đợt sóng liếm láp ngày đêm.

Pháp đi, Nhật tới. Trấn Hải Đài không còn

là đồn binh mà thành Sở Công Chánh. Có hồi chiến tranh lộn xộn, sở công chánh rút về thành phố Huế. Cả một Trấn Hải Đài mệnh mông, chỉ còn để lại gia đình của một nhân viên ở lại trông coi, ông chồng được gọi là thầy Thông vì ông ta làm thông ngôn thời Pháp, cả thời Nhật và là một trắc họa viên của Sở. Ông bà Thông có hai con, một trai, một gái. Mi Ki là đứa con gái, hồi đó mới chừng năm sáu tuổi. Cả nhà chỉ có bốn mạng kể trên, hằng ngày sống trong khu thành Trấn Hải đầy rắn.

Cả làng không có lấy một trường tiểu học, đa số người già, có chút đỉnh chữ Nôm cũng không dùng làm gì giữa lúc giao thời. Cho nên đơn trương, khai sanh, khai tử, các thứ giấy thủ tục hành chánh, dân làng Thuận An đều nhờ thầy Thông giúp. Dứt liên lạc với Sở một thời gian lâu, gia đình thầy Thông vẫn sống khá sung túc. Giúp dân làng nay giấy mai tờ, tuy thầy Thông không chịu nhận thù lao, nhưng dân làng biết ơn lắm. Đi chài về có con cá ngon đem “kính” thầy Thông, lưới được mớ tôm còn nhảy nháy, cũng nhớ tới ơn nghĩa.

Đất đai trong Trần Hải Đài mênh mông, có khu dùng trồng bắp, có khu trồng khoai lang khoai mì, rau cải. Quanh bờ thành, ngoài những cổ thụ rậm rì, còn chen vào những cây ăn trái: nhãn, thanh trà, ổi, hồng quân nên hoa lợi quanh năm.

Vậy là trong bờ thành, chỉ có gia đình thầy Thông. Ngoài thành chỉ có nhà mẹ Ủy. Năm con bé Mi Ki lên sáu thì mẹ Ủy ngót chín mươi.

Sống trong Trần Hải Đài, con bé gần như cách biệt với thế giới bên ngoài. Bước ra khỏi nhà là con bé thấy rần. Có rần hổ, rần mai, rần đeo kính, rần học trò, rần lông, rần lục, rần vàng. Leo lên lầu mở cửa ra phía sau có một rừng thông, xuống bậc cấp đôi khi trượt chân vì đạp phải một con rắn nằm khoanh tròn, ngóc đầu nhìn. Leo lên một ngáng cây muốn coi trộm tổ chim, đã thấy tổ chim còn toàn vỏ và lúc nhúc trong ổ là rắn con.

Có bữa rắn khoanh tròn chắn trước cửa, không ai dám đi ra, người nhìn rắn, rắn nhìn người, có khi rắn bỏ đi, có khi nằm ỳ. Riết rồi người với rắn như đã quen hơi nhau, con bé Mi

Ki bắt cả rắn con chơi, cho đeo qua vòng tay nụng nịu trù mển. Những con rắn con màu hồng, non nẻo, miệng nhỏ chút xíu chưa biết mổ, cũng quẩn quít hơi người. Lần nào con bé đùa giỡn với rắn con chán cũng thả xuống bậc thang cho rắn con nằm. Quay đi một lát, trở lại không thấy, rắn mẹ đã tha con về ổ. Người không hại rắn, rắn không thù người. Con bé đập nhằm rắn hoài nhưng chưa bao giờ bị rắn cắn.

Con đường dẫn ra cửa thành hai bên trồng toàn cây bạc hà cao vút, lúp xúp phía dưới là hai hàng cây sả. Sả vừa bán có tiền, mọc như cỏ dại, không phải chăm sóc mà còn kỵ rắn, coi như là một ranh giới đường đi giữa người với rắn không bên nào phạm bên nào. Thiệt vậy, đi trên con đường dẫn ra cửa Đài, con bé Mi Ki chưa bao giờ thấy một con rắn nào nằm chắn đường như ở các nơi khác.

Con bé thường một mình cố chạy cho hết con đường, tới hai cánh cửa sắt. Đu lên cửa, có thể nhìn thấy con đường dài dẫn tới làng. Dưới đó, có người ta, có nhà cửa, có chợ, có đình làng,

và có trẻ con, nhiều trẻ con lắm. Con bé cứ đu trên cánh cửa, nhìn ra mà thòm thềm, mơ ước. Đồ chơi của con bé là cái bong bóng lợn không bao giờ dám thổi căng vì sợ nứt bể và da rắn lột lượm ở bờ bụi, khi rắn lột da để lại, con bé hay quấn vài vòng nơi cổ và thả lòng thông trước ngực.

Thình lình một vật gì trơn ướt, lạnh lạnh quấn sau cổ con bé. Rắn. Con bé la lên, vùng vẫy. Vòng da rắn lột bị bứt ra, rơi nằm ụ dưới đất. Con bé ngoái cổ lại. Không phải rắn mà là một bà già. Chính là mẹ Ủy.

Chưa bao giờ con bé đối mặt với bà già này. Ba má thường dặn khi gặp mẹ Ủy thì phải tránh đi. Con bé hỏi tại sao, người lớn nói tại vì bà điên, nguy hiểm lắm.

Bà có dễ sợ như người lớn nói không? Có, coi mặt mũi bà nhăn nhúm. tóc tai rũ rượi mà cặp mắt dài, nhỏ, nhìn hiêng hiếng, coi giống như mắt một loài rắn nào mà con bé đã gặp qua. Móng tay mẹ để dài, cong quắp lại như móng con

điều hâu mà anh trai của con bé đang tập vẽ, hay vẽ trên giấy.

Có nên bỏ chạy không? Chạy cũng không kịp nữa. Bà già điên đã đứng sát bên cạnh, đôi mắt nhìn con bé như loài rắn biết thôi miên người. Con bé đờ người lại, muốn kêu, muốn la, làm như cái lưỡi bị trệt rồi, không kêu ra tiếng.

– Đừng sợ. Mẹ không mất chi con mô.

Chết cha. Bàn tay có những ngón nhọn hoắt đưa ra, có móc vô cổ con bé không? Con bé nháy xuống khỏi bậc cửa đang đu. Mấy cái móng tay lùa nhẹ lên mái tóc tơ mịn, đỏ hoe vì đang nắng của con bé.

– Con dễ thương chi lạ. Có phải con Mi Ki không?

Con bé mặt tái xanh như tàu lá chuối, cố gắng gật đầu. Bà già lấy trong túi áo ra mấy cái kẹo đập gói trong miếng giấy sục đen dũi.

– Mẹ cho con nì.

Ba dặn, không được lấy gì của ai cho nếu không được ba má cho phép. Con bé thích thứ kẹo đập này lắm, nó làm bằng đường với bột, trộn gừng. Ngậm trong miệng lâu tan lắm, vừa ngọt vừa thơm mùi gừng quện với mùi đường vừa cháy tới, ngon rít răng. Bà già điên vẫn nhét vô tay con bé.

– Cầm đi, mẹ thương.

Lưỡi con bé đã trở lại bình thường, nó nói:

– Con sợ ba má con đập chết. Ba má con chưa gặt đầu, con không dám mô.

Mấy cái móng tay nhọn lại lùa vô mái tóc con bé.

– Con giỏi. Mẹ cho thì lấy, mẹ cho ba má con không la mô.

Ba má con nể mẹ lắm, con hỏi coi thì biết.

Mi Ki có biết rồi. Ba bị bệnh suyễn, người ta nói ăn cháo nấu hạt đu đủ tía một vài lần thì hết.

Ba nói mẹ Ủy nói không dứt hết được, nếu mẹ Ủy không cho thêm một thứ lá gì đó. Ba nghe theo, bệnh suyễn dứt hẳn.

2.

Không biết học nghề thuốc hồi nào mà mẹ Ủy có tài chữa bệnh. Con nít sài đẹn, ghẻ lở, người lớn bị đình râu hay mụn nhọt, hoặc bị thúi tai, thúi mũi, mẹ Ủy chỉ có một thứ thuốc là thứ bột màu xám tro. Ghẻ lở thì xúc, đau bụng thì hòa với nước uống, thúi tai thì bỏ thuốc vô tờ giấy bản quấn như loa kèn, một đầu nhọn nhét vô lỗ tai, một đầu miệng loa thì đốt, khói theo ống loa chui vô trong lỗ tai. Anh con bé bị đau má chàm bàm, mẹ Ủy cũng thoa bột đó lên giấy, quấn lại và đốt xông lỗ tai, bệnh lành lẹ lắm. Người ta nói thứ thuốc của mẹ Ủy chỉ là mấy cái vỏ rần lột xác bỏ lại, đem sao chín, tán thành bột cùng với những loại lá gì không ai biết. Mẹ cũng có một thứ thuốc gia truyền gì đó, bằng lá, già nhỏ xoa vào người, nên mới bắt rần dễ dàng.

Có người nói mẹ Ủy có tà trong người, biết thôi miên rắn.

Nhưng từ ngày anh Ủy bị nằm liệt giường, mẹ Ủy không thềm chữa bệnh cho ai nữa. Hồi trước chưa bị bệnh nằm một chỗ, anh Ủy cũng hay vô Đài giúp ba má đốn cái cây, sửa khoảng tường vôi bị vỡ. Hồi đó mẹ Ủy cũng chưa thấy dễ sợ như bây giờ.

Nhưng cửa khóa, móc cài phía trong làm sao người đàn bà này vào bên trong được. Con bé thắc mắc mà không dám hỏi. Tối hôm đó con bé đem hai cái kẹo đập đưa cho má coi.

Hỏi ai cho, con bé nói là của mẹ Ủy. Má nói, hai kẹo này ăn được, còn nếu mẹ cho thứ khác thì phải hỏi người lớn, chớ không được tự tiện ăn.

Nhưng mấy lần sau, cũng chỉ là kẹo đập. Con bé thấy không cần hỏi má nữa, coi như đã được phép. Nó ăn ngon lành. Đôi khi bà già điên còn lấy lá dừa thắt cho con bé những con vật như con châu chấu, con bọ dừa, con chim, và thắt được cả

con rắn dài chừng hai gang tay rất đẹp. Mấy thứ này chỉ chơi, không ăn, con bé cũng không phải hỏi má.

Một già một trẻ, dần dà thân thiết. Người ngoài cửa thành, người trong cửa thành, chơi với nhau như đôi bạn.

– Bữa nay mình chơi chi?

– Đánh thẻ. Nề ô làng.

Bữa nào mẹ Ủy vô được trong cửa Đài bằng ngả nào không biết thì kéo nhau lên trên cửa thành. Chỗ này có bàn thờ ông tướng giữ thành, có khoảng đất lát gạch bằng phẳng, đẹp đẽ thì chơi “cần cù u chịu, thượng hạ cấm câu, bể đầu ráng chịu”. Mẹ Ủy cũng chưa bể đầu, Mi Ki cũng không. Nhưng cần rút xuống hào thì mất nhiều lắm. Lâu lâu con bé thấy mẹ Ủy cũng không biết xuống dưới bằng cách nào, lượm đem lên trả lại một đồng để chơi tiếp.

Nhưng rồi, không chỉ một già một trẻ bày trò chơi để qua thì giờ, mà dần dà, mẹ Ủy rủ con bé đi lòng vòng quanh thành.

Thường ngày, khi chơi đùa với con bé, mẹ Ủy hiền lành, có khi cười đùa tung tăng giống bé. Nhưng có một lần mẹ làm nó kinh hoàng.

Lần đó đang đi, mẹ Ủy đưa con bé tới cửa cái hầm dê. Đây là nơi con bé sợ nhất. Ba có lần kể khi quân Pháp chiếm thành, quân Nam và trai tráng trong làng bị lừa hết vào cái hầm đó để giết. Máu từ trong hầm chảy ra đọng thành vũng ở cửa. lút tới mắt cá chân. Chỉ nghe vậy thôi là con bé hết hồn, chưa bao giờ dám bén mảng tới đó.

Lôi con bé lại hầm dê, chẳng thèm chơi đùa gì, mẹ Ủy ngồixụp xuống ngay khoảnh đất bên cửa hầm. Mẹ ngồi lâu lắm, bất động. Rồi bỗng mẹ quỳ lết trên nền đất, hướng vào trong hầm lay lấy lay để. Vừa lay vừa la:

– Tui lay ôn. Tui lay ôn. Nó thật là con ôn mà. Ôn sống khôn thác thiêng phù hộ tui cứu nó, chỉ đường cho tui đi bắt con hồng xà. Tui lay ôn trăm lay, ngàn lay...

Mẹ Ủy lay mãi, lay mãi. Bỗng thành linh mẹ bật dậy, túm lấy cổ tay con bé lôi nó bỏ chạy như

bay. Khi con bé được mẹ Ủy buông ra, cả hai đã trở về cây bồ đề gần nhà mẹ Ủy. Nhìn gốc cổ thụ rễ cây lòng thòng, quăn quít như ổ rắn, mẹ Ủy lâm bầm:

– Ở đây. Nhứt định nó ở đây.

Con bé sợ hãi lùi ra xa mà ngó. Còn mẹ Ủy lao tới gốc cây, rút trong người ra một cây sắt nhọn, mẹ đâm loạn xạ vào mớ rễ cây quăn chằng chịt. Mẹ già rồi mà sao mạnh quá vậy, mẹ đâm hoài, đâm không biết mệt.

– Rắn hồng. Rắn hồng. Rắn hồng.

Rắn hồng ở đâu? Con bé chỉ thấy những rễ cây màu xám buông xuống từ thân cây, từ các nhánh lơ lửng trên cao.

Không biết ở bên trong những chùm rễ kia có ổ rắn nào không? Con bé sợ quá, chỉ muốn quay đầu chạy.

Sau này, nghe con bé kể lại chuyện hôm ấy, ba trăm năm giây lát rồi bảo:

– Mụ lạy “ông dôn” đó. Dôn mụ là Cai binh của quan trấn thành, bị Tây lừa giết trong hầm dê. Nghe kể hồi nớ mụ còn tuổi đôi hai, đang mang thai anh Ủy.

“Ông dôn” tiếng địa phương có nghĩa là ông chồng.



Từ mùa thu năm đó, con bé không còn ở gần mẹ Ủy nữa. Tháng tám 45, Việt Minh về làng. Ủy ban Cách mạng tiếp thu Trấn Hải Đài làm trụ sở. Gia đình thầy Thông bị đuổi ra ngoài, đi ở thuê một căn nhà nhỏ gần cầu Thương Cuộc, cây cầu gãy bỏ không nằm ở khúc sông sâu nhất. Nghe nói nhiều cô gái thất tình hay chữa hoang đã nhảy sông tự tử ở đây, biến thành ma rà, mỗi đêm trăng thường hiện lên xoa tóc ngồi khóc. Cầu nằm gần con đường làng, có cây đa rất lớn, xung quanh chất đầy bình vôi cũ. Các bà già ăn trầu cau, khi chết, con cháu thường đem bình vôi của người quá cố đặt dưới cây đa dâng tặg thần cây.

Nhờ cách mạng mùa thu, con bé Mi Ki không còn bị quản thúc chặt chẽ với cái thế giới đầy rần rít bên trong Trấn Hải Đài. Nhà ra ngoài ở, con bé phải vào đội thiếu nhi, phải đi học hát, học múa, cả ngày, cả đêm, vui lắm.

Bọn con nít như Mi Ki được tập hợp thành đội thiếu nhi cứu quốc. Thanh niên phụ nữ được hội họp suốt đêm, nhảy sôn đổ mì. Tối nào dân làng cũng tụ tập ở bãi đất trống của khu chợ gần Phá Tam Giang để coi Hội Phụ nữ diễn kịch, kịch nào cũng giễu mấy thằng Tây thực dân khát máu.

Mệ có nghề mới là bán bánh rán thịt. Mẹ có một cái xe bằng gỗ, thấp, có bốn bánh. Chiếc xe kéo này do anh Ủy khi còn khỏe mạnh làm cho mẹ. Giờ đây, mẹ sắp bánh rán chiên giòn vô trong cái thúng, trên những miếng lá chuối rồi ủ bằng bao bố. Khi thanh niên, phụ nữ họp nhảy sôn đổ mì, hay saukhi màn kịch ông Tây thực dân bị các anh du kích Việt Minh bắt trời quỳ lạy, thì dân làng cười thôi là cười, vì vai đóng ông tây vào phút cuối lúc nào cũng rớt mũ giấy, rơi râu bấp, lòi ra mặt một chị bán cá hay vợ ông chủ tịch mới

được bầu. Cười xong là đói bụng phải ăn. Những chiếc bánh rán thịt rắn của mẹ Ủy vừa giòn vừa thơm phức hấp khẩu lắm.

Trò nam nữ sơn đồ mì đêm đêm quả là cách mạng thật. Độc lập tự do có khác, mấy cô tha hồ cho cái bụng phồng lên mà không còn sợ cảnh bị gọt đầu bôi vôi dẫn đi rêu rao khắp làng như thời phong kiến trước. Đêm đêm tha hồ tạp vô nhau. Nhưng cũng trong đêm, nhiều nhà có tí máu mặt ở Cửa Thuận bị đập cửa, những kẻ bị tình nghi Việt gian bị bịt mắt đưa đi. Sau những đêm sơn đồ mí, sáng ra trên đường làng thường có cảnh thầy người bị cưa ba khúc, đầu bị chặt rời bỏ vô một cái nón rách kèm theo tờ giấy ghi bản án tràng giang đại hải. Chẳng hiểu chữ nghĩa đâu ra mà lắm vậy. Dân Cửa Thuận thời này, cả những kẻ vừa bị chặt đầu, vốn ít người biết chữ biết đọc.

Trấn Hải Đài này đã là cơ sở cách mạng. Cũng giống thời Tây mới chiếm thành, cái hầm dê trong thành nghe đâu lại là nơi tập trung bọn Việt gian để hành hình tập thể.

Chẳng hiểu Việt Minh làm gì trong Trấn Hải Đài. Trụ sở Ủy ban Cách mạng đặt ở cái lầu nghỉ mát của vua hồi xưa ở sau rừng dương. Chính từ đây, phong trào đòi nợ địa chủ được phát động.

Giàu nứt trong làng, có trâu, có ruộng, có chục ghe chài cho mượn là ông Hội Thượng. Kể đó, địa chủ thứ hai phải kể là ông Trùm Trít, có lưới bán, lưới cho thuê, buồm, giầy cột, chèo gỗ để phục vụ ngành chài lưới.

Chẳng hiểu vì sao mẹ Ủy bỗng trở thành người dẫn đầu đám bần cố nông đi hỏi tội địa chủ. Con nít trong làng không thiếu mặt, bu coi, sắp một dãy dài phía sau như đi hội làng.

Nhà ông Hội Thượng có sân lớn để phơi lúa. Đoàn người phá cổng rào, tràn vào trong sân. Một người la:

- Địa chủ hút máu nhân dân.
- Hút máu nhân dân.

Một chục người la, một trăm người la. Con nít chen chúc nhau, vừa la vừa chơi đá vô hai cánh cửa đóng im ỉm.

– Kéo đầu thẳng địa chủ ra đây.

Anh du kích vác súng nhưng không lấy xuống, vẫn trên vai mỉm cười:

– Cách mạng sẽ không tha cho bọn hút máu nhân dân, ăn trên đầu trên cổ nhân dân.

Một ông hô:

– Phá cửa. Bắn nát đầu địa chủ bóc lột hăm hiếp.

Không đợi dứt câu, nhiều người đồng thanh la:

– Hăm hiếp.

Bà thợ rèn là người la lớn nhất. Trước đây, dân làng còn nhớ, chính bà ta đi đêm, chắc cũng đi nhảy sôn đồ mĩ, bị hiếp nằm bất tỉnh sau đồng. Nhờ ông Hội Thượng đã kịp thời cho thuốc thang mà qua cơn. Còn anh Còm, làm nghề lưới, có con giữ trâu cho ông Hội Thượng đã nghịch đu sừng trâu, bị té xóc chút xiu lòi ruột, ông Hội cũng thuê ghe cho đem lên nhà thương Huế cứu sống.

– Giết nó, bà con ơi, giết nó.

– Xông vô.

Hô xông, hô giết âm ỉ cả buổi vẫn không bắt được ai. Cả nhà ông Hội đã im như thóc, cửa chính đóng kín mít. Anh du kích làm ra vẻ hiền hòa:

– Cách mạng sẽ có cách để tên địa chủ này phải tự kể tội mình ra với nhân dân. Xin đồng bào trở về, chỉ cần để một vài người ở đây canh chừng, đừng để nó trốn đi.

Mệ Ủy xung phong:

– Để tui. Tui nằm vạ ở cửa coi nó đi đằng trời. Nó sẽ không dám mở cửa...

Nói là làm. Mẹ Ủy từ từ nằm dài ra sân, cởi cái quần đắp ngang người và phần dưới thì tênh hênh, chỉ thấy toàn da là da bọc xương, nhăn nhúm.

Người lớn cười, vỗ tay, con nít xúm trong xúm ngoài, coi, háo hức, hăm hở. Có đứa con nít nghịch ngợm còn tới gần, cúi xuống, sờ một cái:

– Có chi mô nà. Trụi lủi, nhớp quá.

Thằng nữa:

– Thúi hoắc. Mụ ni ba năm chưa tắm bây hè.

Người lớn kéo bọn con nít ranh ra. Nhưng đám đông vẫn đứng hoài, con nít thì vỗ tay la ó rầm trời.

Mệ Ủy không chỉ cởi quần hóng gió cho mát đầu. Mệ bắt đầu chửi, đào xới từ tông tích họ hàng nhà ông Hội. Sao mà mệ nhớ tên từ ông cố, ông sơ, tam họ tứ đại nhà ông Hội, kêu chửi từng tên vanh vách, đào từ mỗ cụ sơ, cụ cố cho tới đứa cháu nội vừa chết non. Anh, em, họ hàng ai ra sao, thằng nào lém phéng với con mụ nào trong làng, có con rơi con rớt, thằng nào nghèo mà nhờ làm việc thất đức mà xây nhà xây cửa, xây mồ xây mả cha ông. Ông Hội là nhiều tội nhứt, kể cả tội trời đánh không tha là đã làm cho một cô gái trong làng chửa hoang, không nhìn, cô gái ăn trái mạt sát mà chết.

3.

Ngoài độn cát, chỉ mọc có mỗi thứ cây là cây mặt sát, trái hình thoi, tròn như trái cau, ở giữa có một đường tim màu vàng nhạt. Ăn trái không sao, nhưng đựng vào giải tim thì chỉ mười phút sau là tắt thở.

Còn bà Hội, theo bài chửi của mẹ Ủy, là một cô gái đi mót lúa, bị tên địa chủ ác ôn đề cho năm lần bảy lượt ngoài ruộng mà phình bụng, bỏ làng trốn đi. Ba năm sau, cô ta bỗng thẳng con trai về, vô thẳng sân nhà ông Hội mà chửi, thể độc thể địa nếu không nhận, bà vạ cổ thẳng con rồi tự tử chết cho cả nhà ông tuyệt tử tuyệt tôn. Bà làm ma ở ngay cái cây trước nhà để canh cho trong nhà không có một con đàn bà một đứa con nít nào vô lọt. Lấy vợ vì kẹt, ông Hội cũng có thêm hai ba nàng hầu.

Mệ Ủy càng chửi càng hăng, toàn chuyện lạ tai chưa hề nghe nhưng khi nghe rồi thì cũng nhập vô người. Một bà:

– Mệ Ủy chửi đúng quá. Chuyện ni tui cũng có nghe.

Một bà già:

– Tui có chộ bữa nớ, chuyện xảy ra trong sân nhà ni chớ mô.

– Thằng địa chủ ni nhứt định phải trả nợ máu.

– Nợ máu.

– Bắn cái đùng.

– Đâm mù làm thằng chột.

– Lắt dái luôn cho rồi.

Bọn con nít được dịp nói tục cho sướng miệng.

Đám đông thay nhau, về rồi tới, tới rồi về, lúc

nào cũng có người chạy rần rật ngược xuôi, bu coi mẹ Ủy nằm vạ.

Ba ngày, mẹ bắt kể thằng con trai sống chết. Có người kể cho anh Ủy nghe. Tuy không nói được, nhưng anh ứa nước mắt. Anh vẫn thương mẹ anh vô cùng.

Sang ngày thứ tư thì đám đông kéo qua nhà ông Trùm Trít. Mẹ cũng nằm vạ kiểu lột quần hóng mát. Người lớn con nít vẫn còn nô nức chờ. Nhưng chỉ tới chiều tối hôm đó là trời mưa. Vậy là hết chuyện!

Mùa mưa, rồi lụt lội, kéo dài mấy tháng trời. Cách mạng đặng mưa cũng xiù. Dân nghèo phải đem sắn khoai, mắm trữ trong lu ra ăn. Cửa nhà giàu, nhờ công lao mẹ Ủy nằm vạ mà thu được thì lột đi đâu mất, dân chỉ vỗ tay là sướng thôi. Nhiều người trong làng tự nhiên mất tích. Lâu lâu mưa xối, bỗng thấy một cái đầu, một cái chân, bàn tay người lòi ra khỏi cát. Ngoài sông, lâu lâu lại có vài ba xác nổi lên, tấp vô bờ.

Ngoài mẹ Ủy, ngay từ hồi còn trong Trấn Hải

Đài, con bé còn có hai người bạn già, đó là ông Trùm Gà, ông Trùm Vịt ở tận Doi, chỗ miếng đất cụt doi ra sông. Hai anh em ruột chỉ làm nghề chài trên sông, không đi biển.

Chính ở doi đất lấn ra sông này, con bé đã nhìn thấy mẹ Ủy giao những cái lồng bịt vải kín mít xuống ghe cho các lái buôn, ông Trùm Gà cười, miệng móm sọm, chỉ còn một chiếc răng đung đưa, nói:

– Rắn đó.

Thời đầu cách mạng mùa thu, có bữa con bé Mi Ki theo hai ông Trùm đi coi mấy xác người vừa bị Việt Minh về xử tử đêm trước, khi thấy cái đầu người treo trên cây, con bé bỗng sợ quá khóc ré lên. Ông Trùm Gà vội bịt mắt con bé, bỗng nó lên, đem ra sau Sáo, chỗ doi đất mà người ta rào sáo là tre, từng hàng dưới nước để lừa cá.

– Đừng sợ. Đừng sợ, có ôn nì. Có ôn.

Con bé nép đầu vào ngực ông già. Ông có cái mùi hoai hoai, của làn da đổi mỗi dờ, của thuốc rê, quần áo cũ rách, hòa với cái mùi già nua, mủn

356 | Nhã Ca

mục, nhưng với con bé đã thành cái mùi thân thuộc.

Thấy con bé thút thít lâu quá, ông Trùm Vịt bỏ con bé vô cái thúng lớn trét chai, bôi ra giữa sông bằng hai cái chèo ngắn. Còn ông Trùm Gà cũng ngồi trên cái thúng trét chai dân Thuận An thường dùng thay xuống nhỏ, tay cầm hai cái dùi gõ, gõ lóc cóc, lóc cóc. Cá nhảy vô, cá lùa vô... Ông Trùm Gà hát bài đám tang cá voi của dân làng mỗi khi có đám cá ông...

– Hai con cá phước dẫn đường, ong tấp vô sau

Ơi ông ơi, trời sâu đất thăm, gió mưa sục sùi

Ơi ông ơi, ông đi mô mà bụng tui đau ruột tui thắt

Ông ui là ông ui, hu hu hu hu...ê!

Bà nó ui

Răng bà nằm chẳng hảng chàng hang

Tui giận tui xâu mũi mô mũi nấy

Bằng cái dùi chổng cửa (chống cửa)...

Bài hát bằng cái giọng ngọng lú ngọng lờ của ông Trùm Gà, vừa thảm thương vừa tục tũn. Con bé hồi đó làm sao hiểu hết, nhe răng cười. Biển mặn gió muối nhuộm da con bé đen giòn, nắng phơi tóc con bé vàng hoe. Lóc cóc, lóc cóc. Cá lớn cá nhỏ...lóc cóc, lóc cóc... Một con rắn nước nhỏ, dài, mình xám, cổ hồng nhạt vùng vẫy muốn thoát. Ông Trùm Gà cầm đầu con rắn, cái nọc thè ra. Ông nhử nhử để cho cái nọc con rắn mỗ mỗ tới trước và ông chơi với nó một hồi xong thả xuống nước. Con rắn lại bơi loăng quăng. Ông tiếp tục hát:

Về về về về, nghe tui kể cái về nói ngược

Con chim làm tổ dưới nước

Con cá làm tổ trên cây

Người thác đi cày, người sống nằm dưới lỗ

Thuyền thì chạy bộ, ngựa chạy dưới sông

Một bầy chim cưỡng vẫy vùng dưới nước

Ba mươi đời nói ngược ai đã dễ nghe

358 | Nhã Ca

Con voi ấp trứng sau hè

Con gà cao vành để cưới (cưỡi)

Con heo ăn cỏ Đồng Hới

Con chim ăn cám trong chuồng

Tháng ba mức nước lên nguồn

Tháng tư đem bè chở lạt

Thợ rèn nấu xôi cúng bụt

Thầy tu đập sắt cả ngày

Thợ mộc múa hát vỗ tay

Vợ ông Ba lục đục vác gươm đi hầu

Ông Ba ở nhà tằm trầu đãi khách

Ngoài đồng che phen che phách

Trong nhà cắt cây ừa ừa

Con tôm ăn cả con cua

Một bầy cá nhám nhảy ừa lên ăn

Ăn rồi đập trốt mềo sấn

Con chuột ngoẳng ngoẳng muốn ăn con mềo

Bao giờ cá m lại ăn heo

Chuột lại ăn mềo, cở lại ăn trâu

Gà con tha quạ diều hâu

Cá con tha cả ghe câu lên trời...

Bài vè vè vè ve cứ thế, ông Trùm Vịt hát mãi, hát mãi, trở đi trở lại cho tới khi con bé ngoẹo đầu, trong cơn mơ giữa giòng sông, nghe tiếng nước vỗ róc rách, róc rách, nghe tiếng gõ lóc cóc, lóc cóc và cá nhảy, cá nhảy. Con bé cũng mơ thấy giữa đàn cá có một con rắn nước, nhiều con rắn nước, bơi và nhảy theo. Rồi hồ cá mặt trăng, đàn cá trắng bóc, nhỏ li ti, nổi lên từng vể đớp đớp ánh trăng vàng rực lóng lánh trên mặt nước. Mặt nước vỗ, ánh trăng vỗ, vì một con rắn nước đang lặn quăng bơi lội.

Con rắn nước màu hồng. Có phải là nó không, con ngựa hồng mẹ Ủy đang tìm kiếm?

4.

Rồi cách mạng mùa thu tàn nhanh. Việt Minh rút ra bùng. Quân Pháp trở lại. Suốt mấy năm Trấn Hải Đài hoang tàn. Ngày bị Tây hành, lo trốn tránh không làm ăn gì được, đêm thì mấy ông Việt Minh về giết chóc, thu thuế nên dân làng đói nhẵn răng.

Trong Trấn Hải Đài có rần, có cây củ, không phải nuôi, không phải trồng. Nhiều lối đi dưới hào thành, nhiều chỗ tường thành bị đục đẽo, lấy đá, hoặc làm đường bí mật cho trộm đạo. Duy nhứt có cây bồ đề cổ thụ thì nằm đó trơ trơ, không ai dám đụng.

Dân làng đồn, kẻ trộm giỏi nhứt, bạo gan nhứt làng là chú Nốt, đã dám cầm búa chặt rễ cây. Búa quặt lại chém một nhát chính ngay giữa trán, vết thương không phạm sâu, nhưng cứ làm mũ hoài, rịt đủ thứ thuốc cũng không lành mà còn

biến dạng như cái đầu rắn ngóc lên mới ghê. Về sau nghe lời bà đồng, đem nhang đèn, bánh trái đặt dưới gốc cây mà khấn, dập đầu chịu tội. Lúc cúng có một con rắn từ trên cây bò xuống, bò ngang qua mâm lễ vật, rồi biến vào trong bụi cỏ tranh. Mấy ngày sau, vết thương chú Nốt khép miệng. Từ đó, không còn ai dám đụng tới cây bồ đề cổ thụ nữa.

Anh Ủy bệnh đã đến hồi hết thuốc chữa. Một ngày anh lên cơn cỡ chục lần, lần nào cũng như con rắn, trợn mang phùng mắt, phun phì phì, cả thân hình lúc thường thì cứng đờ, lúc lên cơn thì quằn quại như muốn bò trườn. Da thịt anh nổi vảy như da rắn.

Mỗi khi nhìn con trai lên cơn, mẹ Ủy nghiêng răng, găm lên. Mẹ nhất quyết phải tìm cho ra con hồng xà có lần than đỏ cháy trên lưng. Trong làng có người trêu người mẹ, nói, con rắn bữa bò mâm lễ vật anh Nốt cúng, đúng y như con rắn mẹ kiếm tìm.

– Có vồng than hồng cháy trên lưng?

– Có.

– Nhỏ và dài?

– Y rửa.

– Mình vàng bụng trắng?

– Thì chộ rửa.

Vậy là mẹ Ủy lại lấy cây roi bằng đuôi cá đuổi quất túi bụi vào đám rể cây bồ đề, vừa quất vừa nguyên rửa.

Trời đã qua đông, xuân tới. Cây cỏ trong Trấn Hải Đài tuy bị phá tán cũng vẫn đâm chồi, nảy nở tươi tốt. Nhưng bệnh tình anh Ủy thì đã tới phút cuối rồi. Mẹ Ủy nấu cháo rần cho anh. Cháo đứt vô miệng thì trào ra. Anh phun phì phì một cái, rồi tắt thở.

– Con bỏ mạ mà đi rằng đành con ơi...

Người ta phải trói mẹ lại mới bỏ được anh Ủy vô hòm. Trong căn nhà cột gỗ lim, thấp, tăm tối, đã từ lâu rồi có hai cỗ quan tài gỗ, mẹ Ủy sắm lúc còn tiền bạc dư giả, có lúc sa cơ lỡ vận, cũng

không chịu bán mà ăn.

– Mẹ nó điên chi mà điên, mới tàng tàng thôi chớ khun tổ cha nờ.

Người làng cười cười khi nói về Mẹ. Nhưng khi anh Ủy chết rồi thì mẹ Ủy điên thật. Mẹ thường quần con rắn chết lòng thòng nơi cổ, vừa đi vừa ca hát dù giọng khà khà không ra hơi.

Một ngày nọ, dân làng nhìn thấy mẹ cầm cái mác đứng trên thành, chặt tán loạn vào đám rế cây bồ đề. Mẹ ôm mớ rế nhỏ chặt được đem về nhà. Người làng rình coi, thấy mẹ chất đống rế lên chiếc giường trước đây anh Ủy nằm bệnh, rồi mẹ đi quanh, la lối:

– Hồng xà, trả con cho ta. Trả con cho ta... úm ba la xi ma ta la, úm ba la, rắn hồng biến ngựa hồng chở con ta... úm ba la xi ma ta ba cô la...

Đêm đó căn nhà bốc cháy. Mẹ Ủy ra ngoài, xoắn tóc, tay cầm thanh la, tay cầm dùi gõ. Mẹ không la tiếp cứu chữa lửa, mà chăm chăm nhìn ngọn lửa hùng hục chờ đợi.

– Bắt nó lại. Rắn hồng. Ngựa hồng...

Bắt chợt, mẹ Ủy la. Một con rắn từ đám lửa quăng mình lên tường thành, biến mất. Mẹ Ủy chạy theo. Người ta giữ mẹ lại. Có thể đó chính là con hồng xà đực cháy đỏ một vòng lửa trên lưng mà mẹ vẫn lùng sục. Căn nhà không cứu chữa được, cột kèo gỗ lim, chiếc hòm còn lại, tất cả cháy ra tro. Mẹ Ủy quả quyết bắt rắn hồng không cháy, thoát được. Mẹ phải đi tìm chúng.

Chỗ ở sau cùng của mẹ Ủy là ngay dưới hai cánh cửa thành khép kín với một ổ khóa câm lặng, không có mắt nhìn, không có tiếng nói. Một chiếc chiếu trải nằm, một cái chăn đắp và bị lát rách đựng mớ quần áo cũ người ta cho. Ban ngày, mẹ đi từng nhà, đứng ngoài sân chìa tay xin, không hé miệng, cứ đứng hoài khi nào có cho đồ ăn mới đi. Ai cho chi ăn nấy, con nít nghịch bỏ lá, bỏ đất cát vào, cũng nhai, cũng nuốt.

Anh Ủy mồ yên mả đẹp. Mẹ Ủy không còn sức phá phách. Cây bồ đề vẫn không ai dám đụng tới, những chùm rễ ngày càng chằng chịt hơn, bò

đến cả mấy bậc cấp gần cột cờ, nơi có bệ thờ ông Lê Sỹ.

Con bé Mi Ki không còn lần nào được trở vô thăm lại Trấn Hải Đài. Năm đó, gia đình ông Thông rời Thuận An về Huế. Con bé chỉ được phép đi từ già ông Trùm Gà, Trùm Vịt. Hai ông già khom và một đứa bé nhỏ nhít ôm nhau.

– Con nhớ mấy ôn.

– Không khóc. Khóc chi dị rứa. Bữa mô hai ôn lên Huế thăm Mi Ki.

Khóc dị lắm. Nhưng hai mắt ông trùm đỏ hoe. Hai ông cho con bé mấy cái vỏ ốc, dặn:

– Khi mô dớ biển thì kê lỗ tai vô sát mà nghe, có tiếng sóng biển nơi tề, sóng biển cũng có mà tiếng nước rào cũng có cho coi. Hí, dớ đó hí.

Hai ông trùm Gà trùm Vịt thiệt thà, không biết nói dối.

Khi đã lớn, qua tuổi mười ba, mấy con ốc vẫn nằm trên bàn học. Nhớ Thuận An, nhớ hai ông

Trùm, cô ghé sát tai vào vỏ ốc, nghe được tiếng sóng biển, tiếng sông nước rì rào.

Con bé nhớ khoảng sân rộng lát xi măng với hai cây sấu đông rất già, cành lá rậm rạp che bóng rợp không cho nắng chiếu xuống. Nhớ cái hầm dê ngập máu dân làng Thuận An, nhớ Vọng Hải Đài trên lầu ba, leo lên đó thì có thể nhìn thấy thuyền bè cả chục dặm xa ngoài mặt biển. Nhớ những ổ rắn con lúc nhúc, mềm, trơn, màu hồng xinh xắn, nhớ những con rắn không biết tên gì nằm khoan tròn ở bậc cấp lim dim phơi nắng mà con bé chỉ cần tránh qua một bên là bước đi, không sợ bị cắn mổ.

Mười tám tuổi, những ngày lễ nghỉ học, đèo nhau bằng xe đạp về Thuận An tắm bể, Mi Ki có vô làng thăm. Lính đã đóng trong Trấn Hải Đài, không cho vô. Ra sáo thăm hai ông Trùm, chỉ thăm hai cái mộ cát lúp xúp. Hai cô bạn ấu thơ là Kệ với Thụy đã lớn, vẫn nghèo. Có ra biển tìm, gói theo mấy củ khoai luộc, con khô mực nướng. Có vô làng ngủ đêm với hai cô bạn.

Đêm hè, trái chiếu nằm ở sân quay về phía bờ. Nước sông rì rào, rì rào nhắc. Nhớ ngoài Doi, Sáo, hai cái miệng cười méo mó của hai ông Trùm. Rồi ở sông, phía cầu Thương Cuộc có tiếng động, lắng nghe. Bên tai, Kệ cười khúc khích:

– Ma rà đó.

– Ủ, con ma rà nó nhảy lên cầu, ngồi khóc đó tề. Mở mắt là chộ liền hè.

Thụy gắt gỏng:

– Tầm bảy nữa đi. Lớn rồi mà còn sợ ma, tin chuyện ma nữa.

Mi Ki chỉ chờ có dịp đó ôm chặt lấy hai đứa bạn nhà quê. Cô biết rất rõ, tiếng động đó chỉ là tiếng cá quẫy giỡn trăng trong đêm.

Quên, có hỏi mẹ Ủy đâu không thấy. Kệ nói:

– Chết lâu rồi, cũng trên trăm tuổi lận.

Thụy nói:

– Rửa mà bữa đưa đám mẹ Ủy đông quá sức. Nghe nói lúc đây nắp áo quan có con rắn học trò bò vô nằm khoanh tròn dưới quan tài. Bởi nghe đồn rửa nên người ta ùn ùn đi coi.

– Ủa, mẹ Ủy có nhà?

– Về sau có. Cháu mẹ đâu ở xa tìm tới, dựng lại cho mẹ cái nhà tranh nhỏ ở trên miếng đất nở.

– Mẹ có đi bắt rắn nữa không?

– Không biết.

– Có đi tìm mấy con ngựa hồng... à rắn hồng, không?

– Cũng không nghe nói đến mi nờ. Thằng cháu đó ở luôn với mẹ, nghe nói cháu xa lắc mà thảo lắm. Thằng nở mê con Lệt ở dưới làng Eo, năm ngoái mới cưới nhau, chừ ở cái túp nhà tranh nở chớ mô.

Kệ nói:

– Rửa mà cái mộ Xoài đã tra rui rồi mà còn tòe loe toét loét nói mẹ Ủy bị rắn cắn chết. Rắn

mô trong Đài lính ở, có con mô còn sống sót cũng trốn chui trốn nhủi bấy nờ.

Thiệt kỳ. Vậy ra chuyện hồi thơ ấu của ba đứa là chuyện cổ tích?

Đó là chuyện con bé Mi Ki thời ở làng Thuận An. Lớn lên, tôi lại rất sợ rắn. Trường tổ chức đi trại ở đồi Thiên An, tôi đã không dám bước vô những lùm cỏ vì sợ đạp nhầm rắn. Con bé Mi Ki đứng đầu đó, trước mặt, sau lưng, trong đầu, cười nhạo. Hình như chỉ có những con rắn của con bé ở Trấn Hải Đài, Thuận An, mới là rắn hiền, rắn thân, rắn bạn. Còn những con rắn nơi khác, những con người nơi khác, như chính tôi, thật khó tin cậy nhau.

Đã xa quá xa, có thể không bao giờ còn nhìn thấy Trấn Hải Đài nữa. Ở Hoa Kỳ, sau mấy trận lụt vừa qua, tôi đọc báo thấy biển đã nuốt chửng mất khu rừng dương làng Hòa Duân. Lầu nghỉ mát nhà vua nay đã không còn. Con dê đã vỡ. Một phần Thuận An đã không còn. Một cửa biển mới đã mở ra, dài cả cây số. Chẳng biết Trấn Hải

370 | Nhã Ca

Đài bây giờ ra sao. Những con rắn hồng của mẹ Ủy xa xưa có còn không?

Mẹ Ủy chết, hai ông Trùm chết, ông Cửu Thượng, ông Trùm Trít chết. Nhiều người chết lắm, tôi biết. Nhưng rắn lột xác sống đời mà. Chúng đâu cả rồi? Sao từ lâu, ngay trong những giấc mơ, tôi cũng không thấy chúng?

CỬA NỢ

Xe chạy quá nửa ngày mới qua khỏi ranh giới Bình Tuy - Phan Thiết. Lại có câu chuyện vui của hai ông già ngồi ở cạnh nhau ở hàng ghế giữa xe. Giọng ông cụ râu ba chòm sang sảng:

– Xe đang chạy ngon trớn, mà thằng chả gọi giựt giọng, la như cháy nhà. Cho xuống. Cho xuống. Tài xế chửi âm lên, nói cái gì, mua vé tới Phan Thiết, sao mới qua ngã ba ông Đồn đã đòi xuống. Thằng cha mang kiếng râm, có cái gậy dò đường gác lên đùi, chưng hửng. Ủa, tưởng tới Phan Thiết rồi. Rõ ràng người thấy mùi... nước mắm.

Chị đàn bà ghế bên cạnh đang ngủ há hốc miệng, dặng hai chân ra, tỉnh cả ngủ, giật thót người, khép đùi lại. Tài xế cầu nhàu mà thẳng cha kiếng đen thì cười tùm tùm.

Ông cụ râu ngắn tua tủa, ngồi cạnh cửa sổ có treo tòn ten cái lồng chim, cười sặc sụa. Cười mà nghe như tiếng la của người bị chẹt cổ. Không chỉ riêng ông cụ, hình như mọi tiếng cười trên xe đều khác thường. Có lẽ vì xe dôi dập quá.

Ông cụ râu ngắn xuề xòa dễ thương. Con vẹt trong lồng, trái lại, có bộ lông xanh mịn đẹp đẽ, mà sao coi cái mỏ khoằmkhoằm thiệt khó cảm tình. In hệt mỏ phù thủy trong các chuyện cổ tích, có vẻ dị ứng với tiếng cười, nó giận dữ nhảy nhảy, phệt trong mỏ ra đủ thứ dơ dáy, rơi vãi cả vào khung cửa. Xe càng xóc, nó càng nhảy loi choi, càng phệt phệt dữ tợn.

Bác tài làm như chưa tiêu hết bức bội gặp phải dọc đường, dọt thẳng bạt mạng. Bên cạnh bà vợ mặt mày chăm vằm, cà khía:

– Biết nó đột xuất, không vọt thẳng cho lẹ, còn dừng lại, để sanh chuyện.

Vẫn bà vợ tài xế, cũng là chủ xe nữa, độc thoại:

– Thiệt tức chết được. Tui đã cúng cả tút thuốc lá Sài Gòn giải phóng, khi không còn vái lia lia thêm mấy gói ba số nữa chi. Bảnh dữ, ha.

Lại độc thoại nữa:

– Làm như cửa chùa. Thiệt ngu quá mà. Khi không cúng khan. Làm như ông hạp mấy cái mặt... đó hay sao mà hể giấc ông qua là nó xuất hiện.

Miệng nói, hai tay bà vẫn đếm tiền lia lia. Bác tài nhấn ga lao tới. Cả xe tối sầm, tưởng trời sập tới nơi. Lạng nghiêng. Vèo một cái như bay. Lại vượt mặt. Hú vía.

– Chạy ẩu nữa đi. Rút bằng lái lần thứ ba coi như treo mõm. Cả chục mõm chục ở nhà đó tía. Hứ, bộ điếc đặc rồi chắc.

Người gì đầu mà mặt sưng mày sả như cái thớt bị vằm. Thấy mà ghê.

– Đ.M. đủ rồi. Im cái mồm giùm, má.

– Đ.M. Tức sao im được mà im. Nói không đúng sao? Banh ta lông hai cái vỏ xe rồi. Coi như sờ hụi đi đứt bông bong, cái mặt ông mới... ha... ông ơi... Dừng lại. Dừng lại. Có khách lên. Lẹ. Lẹ lên.

– Dừng gì mà dừng. Nhét lên lòng chị à? Tham vừa vừa, chị kia.

Một cái đầu ở hàng ghế số hai chồm tới. Anh ta mặc áo sơmi xanh quần kaki. Coi mặt, đúng là cán bộ thứ thiệt.

– Làm phước cho người ta quá giang. Thời buổi này xe cộ hiếm lắm cán bộ ơi. Mỗi người chạt một tí cho người ta khỏi lỡ đường lỡ sá. Dừng đi ông.

Một trong hai chú lơ xe đập đập vào thành cửa. Hỏi vọng xuống đường. Gió vẫn ào ào. Tài

xế làm thình. Xe vẫn chạy bon bon. Chị đàn bà ngồi bên cạnh anh cán bộ thở ra.

– Nực quá. Thở hết nổi. Mở cửa sổ đi.

Chú lơ xe đưa tay lên định kéo cánh cửa. Giọng bà chủ xe the thé:

– Ê, Rạng. Qua trạm, mày đui sao không thấy mày. Mở ra là dính ngay chóc nữa. Đóng lại.

Cả hai lơ xe đều là cháu của vợ chồng tài xế. Láu cá, lanh lẹ, chú này tức thì đỡ cho chú kia:

– Chịu khó chút bà con cô bác ơi. Thông cảm giùm, qua trạm là mở cửa liền. Phạt lia chia... chị. Đã phạt là khỏi năn nỉ luôn.

– Hùm. Phạt là còn khoan hồng.

Chị đàn bà mím môi. Anh cán bộ nhận ra ngay đồng chí.

– Chị công tác cơ quan nào?

Bắt đầu màn liên hệ công tác.

Khu ghé giữa xe, tập hợp mấy chị buôn hàng chuyển.Ồn ào như chợ vỡ. Cười nói, ăn quà vặt, giỡn hớt. Tay không ngừng lột quít, bóc bánh. Vậy mà lọt vô góc trong sát cửa, một chị đàn bà nào lạc lõng, ngồi buồn hiu. Trên tay chị thằng bé con khoảng bốn năm tuổi, gầy trơ xương, chỉ thấy cái đầu to tướng, sài lỏ, tóc cạo lỏm chớm. Thằng bé hau háu nhìn vô mấy cái miệng nhai mà mẹ nó thì cố đưa tay đẩy nó nhìn về phía khác.

Qua trạm kiểm soát, cửa sổ xe được kéo lên. Ném cái vỏ quít ra cửa, qua mắt thằng bé, một chị quay nhìn ông cụ râu ngắn, cười:

– Cụ ơi.

Tưởng gì, ông cụ ngóng mặt chờ.

– Cụ có con chim đẹp quá.

– Chim của cụ phải không?

Biết bị trêu, ông cụ làm thỉnh, ngó mông ra ngoài cửa. Cây cối vùn vụt chạy trở ngược.

Cam, quít, chôm chôm do mấy chị đi buôn

ném tới phía trước. Hai lơ xe chụp, bắt. Kìa, cả anh cán bộ đang bận “tham quan” nữ đồng chí cũng được ném tới mấy trái quít. Móc ngoặc mà. Ngay ở trạm xét đầu xa lộ, một số hàng vải lọt tỉnh queo. Cán bộ đã kín đáo can thiệp.

– Má à, má ơi. Con đói bụng.

Hai khuôn mặt mẹ con, da tái bủng như chì, hẳn cùng bị một chứng sốt rét.

– Ngủ đi. Dựa đầu đây nè. Biểu ngủ.

Mấy chị con buôn nhìn bà mẹ với vẻ khó chịu. Mặt mũi khó coi quá. Người gì mà từ lúc bước lên xe, ngồi ủ rũ, chẳng thèm nhìn ngó ai.

Một tiếng “ha” dài. Chị nào đó thở ra, rồi những trái quít truyền nhau nữa. Máy chị đùa bốn quá trớn thiệt, hai lơ xe mặt mũi non choẹt, nhưng mắt cũng hỏn lẫm.

– Nhìn gì cha.

Một cái vỏ chôm chôm bay tới. Chú lơ xe tên Rạng né được, cười thiệt dĩ.

Đang vui, bỗng một giọng rụt rè, lặc đệu:

– Bác tài ơi. Dừng xe một chút. Dừng cho...
bị tui...

Bà chủ xe:

– Gì nữa đây? Có xuống cũng phải đợi tới trạm, đâu xuống ngang vậy được. Bác muốn xuống hả?

– Không. Bị tui... tui...

– Ông cụ muốn “lái”. Cho ông cụ lái thử đi bác tài ơi. Giọng còn thanh niên. Mọi người cười rộ.

Chỉ có bác tài là không cười nổi. Sáng ra ngỡ có gặp gái không mà xui tận mạng. Có bị rơi vào giờ lưu niên không mà chậm trễ đủ thứ. Tới ngã tư Phan Thanh Giản, Hai Bà Trưng, nghe thổi roét roét. Công an núp đằng sau trụ đèn. Rề rà, giam không ra giam, tha không ra tha. Điều đình, năn nỉ, điều đóm. Tên công an mặt còn vắt ra nước lã. “Nước lã thôi, mẹ nó, sữa đâu mà vắt.” Vậy mà bác tài phải bật diêm, che gió, mồi thuốc lá. Nữa, tới

xa lộ, chặn xét, xuống xe, dỡ hàng. Mấy bà buôn cũng đâu có vừa, hàng họ đủ thứ hằm bà lằng. Ráng dầu cho mấy bà rồi, mấy bà còn được thể, chất thêm lên cho đã.

Tội nghiệp cái xe, quá tải. Hai lần thay bánh rồi chớ ít đâu.

Điêu này, tới Phú Tài, dính nữa.

– Dừng lại cho người ta...

Giọng người vợ như thọc dao vào cổ bác tài. Rầm. Một ổ gà. Cả xe nhẩy nhổm. Rầm nữa. Còn gì là xe, là người. May quá, qua đoạn đường xấu rồi, xe lại bon bon.

– Bác tài ơi, làm ơn...

Ông cụ râu ba chòm đẩy thôi. Mới đó, mặt mày rạng rỡ, kể chuyện nước mắt Phan Thiết, giờ dùm dỏ trông tội nghiệp. Một người đàn bà mập ú, nãy giờ ngồi dây ghế chót, ngủ hết biết, cũng mở bừng mắt:

– Cái gì? Mấy con lợn của tui ở trên mui xe kêu dữ quá. Có dừng xe chưa? Ê, Rạng, cho nó uống tí nước.

Chẳng ai nghe tiếng lợn kêu. Lơ xe cười cười.

– Có bà khát nước thì có. Tội quá má. Tự nhiên kêu rầm lên.

– Không phải hả?

Bà ta ngoẹo đầu ngủ tiếp, thiết dễ. Bà chủ xe vội cuộn tròn mớ tiền nhét bụng, đi xuống cuối xe. Có tiếng gà sổng kêu. Bà chủ xe vừa đạp phải nó. Phải vất vả lắm, ba ta mới leo qua được đồng hàng, lách qua đám người ngồi ghế súp. Thì vậy, xe đã quá tải, hàng giữa chùa cho lối đi, cũng có kê thêm vài chiếc ghế nhựa cho khách ngồi, trả tiền hạng ba.

– Có dầu đây. Bác cần hông?

Ông cụ râu ngắn chủ lồng chim, đỡ chai dầu, nói:

– Dầu ăn nhằm gì. Bác đây đau bụng đi cầu... đau dữ lắm.

– Khổ, mới đây dùng thay bánh, sao cụ không đi cho, cụ ơi.

Ông cụ lúng túng. Bạn già đỡ lời:

– Mới đau đây thôi, bà chị. Đau bụng thì đau ai biết khi nào nó đau.

Anh cán bộ lớn giọng:

– Này, lái xe. Dừng cho người ta “nằm” vệ sinh.

Xe đang qua mấy trụ sở hành chính, rồi đồn công an nữa.

Mọi người nhìn ra, thấy cờ đỏ sao vàng phát phới.

Giọng bà chủ xe ngọt xớt:

– Bác ơi, chịu khó chút đi. Ráng qua khỏi đây, chạy tới nữa mới dừng được.

– Chị nói bác tài dừng đại đi. Người ta tới nơi rồi...

Bà chủ xe nhìn lui, lắc đầu:

– Hồng được đâu. Ý cha, tui mà biểu một tiếng là thẳng chả còng sùng máu, dọt lệ hơn thì có. Bị... bà con cô bác đi xe đồ cũng hiểu. Làm dâu trăm họ bà con ơi. Xe của mình, mình làm chủ. Hư hao, sửa chữa, mua sắm vỏ ruột gì, cũng chủ xe chịu. Nhưng nhà nước quản lý, bán vé, thu tiền. Tuyến đường chủ xe được có mấy ghế à. Vậy mới phải xin bà con cô bác thông cảm vụ rước khách dọc đường. Không rước thêm, lấy đâu ra vỏ ruột mà chạy. Ha, khổ lắm, bà con không biết đâu. Riết rồi chịu không thấu...

Ông cụ râu ba chòm mặt đã tái ngắt. Mồ hôi rịn giọt trên trán. Ông thu cả hai chân lên ghế theo thể ngồi sẵn sàng. Tay ôm chặt bụng.

– Đây, chị ơi, người ta cũng chịu hồng thấu kia... chị nói những gì đâu đâu.

Lơ xe đứng chắn ở cửa:

– Coi. Lại trụ sở hành chánh. Cái gì nữa đây. Mặt trận... trụ sở phường. Ý cha, thứ dữ hông à... nín. Nín chút cụ ơi.

Bà chủ xe:

– Ủa, rán đi bác. Chút xíu. Chút xíu nữa. Tới liền.

– Cái bà này mới vô duyên. Buồn ỉa cục cứt cũng như đàn bà mắc đẻ. Bà đẻ, bà có nín được không mà biểu người ta phải nín.

Một giọng nặng nề cầu nhàu. Ông cụ rùng mình mấy cái, rên:

– Ui cha. Ui cha...tui, tui, tui...

– Khổ chưa. Xì mẹ nó ra rồi.

Ông cụ râu ngắn ngồi bên giật thót người. Con vẹt trong lồng bỗng nhảy dựng, kêu lên một tiếng. Tưởng nó lại giận.

Không. Con vẹt có vẻ khoái trá. Nó đổi giọng êm ái. Cục cù rù, cục cù rù...

– Không xong rồi bác ời. Chao ời...

Ông cụ râu ba chòm buông tay ôm bụng, đưa về phía ông bạn già muốn nín. Ông cụ râu ngắn, một tay giữ bạn, một tay đưa lên.

– Đã tới nước này thì... cũng phải liều thôi. Bác cứ làm đại đi. Ai có bao ni lông không? Lẹ lên. Nín không xong đâu... Đấy. Rán, rán tí.

Mấy túi bọc trái cây vắt dưới chân, được lượm lên. Cái nào cũng teng beng hết. Máy bà thăm nuôi cúi lúi từ trong giỏ ra nhưng bọc nhỏ, gỡ bớt lớp ni lông bao ngoài. Được bốn năm cái. Máy người đàn ông với ông cụ có lồng chim vây lấy ông già râu ba chòm. Đàn bà cũng đồn cục, đập cả lên nhau.

– Ngồi đại lên ghế.

– Bỏ quần ra. Già rồi mà còn nai nịt chi chắc chắn vậy nè.

– Lồng ba bốn cái bao vô cho chắc. Nó phọt ra, lãnh đủ đó bà con ơi.

– Máy chị kiểm vài cái bao nữa coi. Lẹ. Lẹ cho chút. Máy chị đi thăm nuôi, hy sinh thêm.

– Còn ngượng nữa, cha. Ngồi chồm hồm đại đi. Vậy đó.

– Bỏ tay ra. Túm chi nữa vậy. Bỏ ra, nó dính dây hết giờ.

– Khổ quá, cụ còn muốn che con nhím. Mấy chị ngó gì dữ vậy, nó sợ thun cha nó hết rồi.

– Đồ mắc dịch.

– Ý cha già ơi...Đừng nhúc nhích. Từ từ... ý... ặc... ặc...

– Súng xưa, cổ quá, bắn gì kêu phành phạch, phành phạch.

Người đàn ông phụ với ông cụ râu ngắn giữ bọc ni lông quay mặt ra sau thiếu điều gãy cổ:

– Khiếp. Khiếp quá cụ ơi. Ắc... ắc... xì...

– Sướng chưa bác ơi.

– Phưởng.

– Phẻ.

Cả xe cười ầm, mặc cho mồm miệng lãnh đây mùi phân.

- Ông nội ơi, thúì gì mà thúì dữ thần.
- Giấy nè. Lau đỡ bác ơi.
- Phưởng. Phẻ. Quá xá đã, phải hông?
- Túm lại đi. Trời đất, còn chưa cột lại nữa.

Người đàn ông túm chặt miệng túi lại. Xin thêm tờ nhật trình Sài Gòn Giải Phóng bao thêm một lớp ngoài nữa. Mặt ông già sượng rân. Ba chòm râu cứ nhúc nhích, nhúc nhích.

– Cám ơn bà con cô bác. Thiệt muốn chết luôn. Cám ơn. Cám ơn bác. Cám ơn mấy cậu, mấy chị, mấy chị thăm nuôi học tập cải tạo phải hông? Tui cũng đi thăm thẳng con đang cải tạo ở trên.

- Vượt biên hay phản động bác?
- Không, nó đi tù hình sự.
- Dữ hôn. Hình sự, bộ...
- Ăn cắp, trộm cướp?

– Hồng phải đâu. Thằng con tui thiệt thà lắm. Bị nó chém người ta.

– Hơ, thiệt thà mà giết người. Ông có lắm cảm không?

– Thiệt mà. Nó chỉ nổi sùng, xách dao làm cái rụp. May còn ngắc ngoải, đưa vô bệnh viện cứu sống, không đã tử hình rồi.

– Thứ dữ.

– Dữ dần gì bà con cô bác ơi. Nó hiền khô à. Gặp hoàn cảnh nó ai cũng nổi điên như nó thôi. Nó bị thằng khu vực mần tiền quá chịu không nổi. Rồi thằng khu vực còn tính làm hỗn với con vợ nó, nó lụi liên một dao.

Mấy cái lưỡi le ra. Anh cán bộ nhăn mặt. Con vẹt trong lồng lại xù lông, nhảy dựng lên. Cúc cù ru. Cúc cù ru. Lạ chưa. Vẹt mà sao kêu cúc cù ru, nghe êm như tiếng chim câu gù nhau. Ông già râu ngắn vỗ cái đét vào đùi bạn:

– Cù ru, cù ru. Phê phẩn. Quá xá quà xa, há? Thôi bác bỏ cái gói xuống chân. Vàng bạc gì mà ôm khư khư vậy.

Không ai để ý tới cái xe đang chạy. Nãy giờ bác tài xế có cố ý cho chậm xe lại. Thỉnh thoảng bác liếc qua kính chiếu hậu, miệng chửi thề búa xua.

Mọi cửa sổ lại được kéo kín mít. Trạm kiểm soát nữa. Lơ xe kêu oai oái.

– Ngồi ngay lại giùm bà con. Lẹ đi. Mấy ông bà ngồi ghế xúp chịu khó thụp giùm cái đầu xuống. Ba, còn cái cửa sổ nữa kìa. Có đóng ngay lại không?

Cửa sổ ngay chỗ cán bộ ngồi. Lơ xe vừa kéo lại, tức thì, chị đồng chí kêu lên:

– Mở ra. Trời ơi, Đóng cửa, thúi quá, nghẹt thở chết mất. Mở ra.

Qua cơn xắc bắc của ông cụ rồi, giờ mới tới lượt cả xe lãnh đủ. Mấy bà hết cười nổi, rên rĩ:

– Ghê quá đi. Chết mất.

Mùi phân càng lúc càng nồng lên, như đã chui vô cổ họng mọi người, nuốt bao nhiêu nước

miếng cũng không chịu xuống bụng. Sự vui vẻ lòng tử tế ban đầu bây giờ biến thành tiếng cằn nhằn, chửi thề.

Vừa qua trạm, cửa sổ được lùa ra. Thôi thì cả dây đầu thò ra ngoài, hít lấy hít để. Lơ xe:

– Bà con đưa đầu ra, xe ngược chiều nó xin cái đầu làm bánh ráng chịu à ghen.

Lạ. Sao cửa mở tung mà mùi phân vẫn luẩn quất trong xe, nhất định không chịu tan theo gió. Xe vừa ra đồng trống, giọng anh cán bộ như ra lệnh:

– Còn chờ gì nữa mà chưa dục nó ra ngoài. Ném đại đi.

Có giọng phụ theo:

– Dục đại đi. Cụ ời, dục mẹ nó ra cửa đi.

Bà chủ xe:

– Ý cha. Khoan, khoan dục. Đang qua một cái trại cải tạo đó. Dục xuống lính gác tưởng phá hoại, nó nổ súng là tiêu luôn bà con cô bác ơ..i..

Tiếng ới của bà chủ xe cũng dứt khúc vì bị sắc mùi. Ai đó rên rĩ:

– Giời ới là giời. Càng lúc càng nồng nặc. Chờ tới bao giờ.

Con vẹt. Lại nó nữa, bắt mùi hay sao mà lại cứ cù cu, cục cù rù. Nhảy nhót loi choi như hứng chí.

– Im. Ông nội mày. Thúi hoắc mà ca hoài.

Ông cụ râu ngắn, nhìn con vẹt, cố khôì hài:

– Ca sĩ. Nghỉ chút. Chờ bớt thúi hãy cất giọng oanh vàng.

Chẳng ai cười. Mặt ông cụ râu ba chòm mới nhẹ nhõm đó, lúc này coi ngượng ngập, rụt rè. Cụ liếc nhìn bà con trong xe, rồi liếc xuống cái gói bọc tờ báo. Thiệt là của nợ. Ôi giời. Đúng là nó hành ông chỉ mấy phút mà thối ông trời xanh. “Giải phóng” ra khỏi ông rồi mà sao nó còn hành đồng bào dữ vậy nè. Chỉ việc đục cha nó ra cửa sổ xe là êm re, mà sao cũng khó khăn, đủ thú trở ngại. Ông bạn già râu ngắn mới chuyện trò giúp

đỡ, giờ cũng quay mặt đi ngả khác. Chỉ có anh cán bộ ngồi ghế trên có vẻ ít bị chi phối nhất. Anh ta đang bận liên hệ công tác chặt chẽ với chị đồng chí ngồi cạnh. Cả hai đang “bảo quản bí mật công tác”, cổ kềm tiếng nói, tiếng cười, không cho phỉ ra. Đầu anh cán bộ gật lia lịa. Anh ta mất đi đâu một cánh tay. Chị cán bộ liếc quanh, co người lại. Trên miếng kiếng nhỏ chiếu hậu, bác tài đưa mắt, nói lớn:

– Đ.M. vắn cổ cái cục cù cu đi. Cu ru cái củ...

Không trầm trọng lắm đâu. Giọng bác tài đã bớt vẻ gay gắt.

Xe vẫn giữ một tốc độ.

Bà vợ:

– Thằng cha vô diên...

Mùi phân vẫn nồng nặc. Lại bàn cãi sôi nổi:

– Ăn nhằm cái gì mà thúi dữ dzậy?

– Thì ông già đớp lia. Ở bến xe làm một hơi mấy cái bánh ít, rồi bánh cam. Thấy hông, cái rổ

bánh cam của con nhỏ ruồi bu đen kịt. Ăn tạp vậy không đau bụng cũng uống.

– Tui nói thiệt, cái bao tử của tui từ ngày giải phóng ăn bo bo mà chịu được thì khỏi phải sợ dịch tả dịch hạch nữa đi. Nó thành sắt thành thép hết trơn rồi.

– Cha mày, đòi ăn cái nổi gì. Hủi chưa no sao. Chết tiệt.

Chị đàn bà bế con, người xanh như tàu lá, ốm tong teo, bé loắt choắt mà hét lớn tướng, còn phát cái đét vào đít thằng nhỏ. Thằng bé ngoác mồm khóc rầm. Chị ta bịt miệng nó.

– Câm. Ngậm miệng lại không. Ui giờ ời, ngậm.

– Tội nghiệp. Nó đói quá rồi.

– Còn vài củ khoai, đòi bằng được rồi lát trưa lấy củt mà nhét vô miệng mày hả?

– Hừm.

Anh cán bộ quay lại nhìn. Chị cán bộ kéo áo ngồi ngay ngắn. Người đàn ông ngồi kế chị ta đưa tay che miệng ngáp. Nãy giờ, anh ta buồn ngủ mà không ngủ được. Tội nghiệp, mặt mày anh ta còn căng thẳng hơn cả những người trong xe đang chịu trận chung.

Khổ nổi vận tốc xe sao cứ đều đều. Lơ xe cho biết, ngang mấy đồn công an, mấy trại cải tạo mà chạy nhanh cũng dễ bị tình nghi, chặn lại làm khó dễ. Nên khi vừa thấy bác tài nhấn ga dọt tới lệ làng, bà vợ quay người lại, vui vẻ:

– Được rồi cụ ơi. Dục đại ra đi.

Ông cụ râu tua tủa co hai chân lên ghế, nhường chỗ cho ông cụ râu ba chòm đứng dậy, chồm tới bên cửa sổ:

– Cui chừng, nhòai người ra ngoài hãu ném. Gió thổi tạt vô lại trong xe còn khổ cả đám nữa, cụ ơi.

– Yên trí, tôi biết.

Ông cụ bỗng mạnh mẽ như một thanh niên. Một tay vịn cửa, một tay sẵn sàng cái gói. Ông chồm người ra, liệng mạnh. Chùng đó con mắt hồi hộp theo tay ông. Cái gói của nợ đã rơi đâu mất hút ở ngoài rồi, mà ông cụ thì né tránh. Một vòi nước tưởng đâu từ trên trời rót xuống, nhảy múa ngoài cửa xe. Mặt mũi tóc tai ông cụ ướt nhẹp. Chị đàn bà mập ú này giờ thấy kệ cái gói của nợ bốc mùi, vẫn ngáy ro ro, bỗng vùng dậy, đập tay vào đùi cái bốp:

– Mèn ơi, cặp heo của tui nó tưới, hi hi. Tưới sao mà đúng lúc vậy nè. Hi hi, ha ha, hô hô.

Chị ta tiếp tục cười, mấy cái răng cửa vắng đâu hết trơn. Cả xe dậy tiếng cười theo. Tài xế giật mình, cần nhả:

– Cái gì vậy? Cái gì bộ điên hết rồi hả?

Bà chủ xe, gập cả người lại, vịn tay ghế:

– Chết mất, hi hi, hu hu.

– Đ.M. chết chưa. Chết đi.

Tài xế rửa vợ, rồi mắt dán vào kiếng chiếu hậu. Ông cụ râu ba chòm đã lúi vô trong, mặt mũi lơ lảo, đầu tóc lưa thưa ướt nhẹp mà ba chòm râu thì vểnh lên. Coi mấy chị đi buôn, cười gì mà tới nổi nước mắt nước mũi ràn rụa. Ông cụ ngỡ ngàng rồi bất bình, nhưng khi bắt gặp cả nụ cười hả hê của ông bạn già ngồi bên, thỉnh linh chính ông cụ cũng cười ha hả.

– Hồng sao, bà con cô bác chịu đựng rồi. Giờ tới phiên tui. Luật nhơn quả mà. Cút heo thú khác cút người một chút, cũng là cút cả.

– Khăn đây cụ ơi, lau đi. Thiệt khổ với cha già quá mà.

Một ông chuôi tới cái khăn. Ông ta đã hy sinh một phần bình nước mang theo uống để đắp khăn cho ướt. Sau trận cười hả giận, mọi cái nhìn đến ông cụ đã đầy vẻ thân thiện.

– Trời còn thương bà con. Hồng phải cút. Mới nước đái heo, phải hông? Bà con hử coi.

– Lão già mắc dịch, hết bắt người của nợ của lão, giờ lão bắt người nước đái heo.

Ông cụ cười xuể xòa. Chỉ thoáng chốc, trong xe như rộng rãi hẳn ra. Chị đàn bà ghế hai tám nụng con. Anh cán bộ huýt sáo miệng. Lơ xe mỗi thuốc lá cho nhau. Bà chủ xe vui vẻ:

– Bà con cô bác thử đi. Thở nhiều vô cho khỏe.

Ông cụ râu ngắn đưa tay lay nhẹ lồng chim.

– Ca lên đi. Ca lên cho bà con cô bác nghe mày.

– Nó biết hát hả bác?

Anh cán bộ hỏi. Ông cụ khoe:

– Của thằng rể tôi đấy. Nó hát như có bác Hồ giỏi lắm. Hát lên coi mày.

Con vẹt nhảy nhảy như né tránh. Nãy giờ mọi người cười sao nó buồn thiu vậy. Cái mỏ khoằm khoằm, mắt ứa những gân máu đỏ, làm như chỉ chực mổ người ta. “Động viên” con vẹt không xong, ông cụ đùa với bạn:

– Nó tiếc cái của nợ của cụ đấy cụ ạ.

– Má ơi má à, ăn.

Lại thằng bé. Ông cụ râu ba chòm lệ làng lồi trong bị ra mấy cái bánh cam, chuyên qua hàng ghế sau tới tay thằng bé. Nó dứt ngay vào mồm.

– Đó, lại cho thằng nhỏ ăn ba cái đồ ma vào, nó lại bĩnh ra thêm một gói nữa.

Chị đàn bà làm thính. Ai biết chị nghĩ gì. Thằng con thì ăn lấy ăn để, mà chị thì cứ đưa mắt ra ngoài cửa sổ. Xe đi ngang qua những miếng đất khô cằn, cỏ cũng không mọc lên nổi. Rồi một khu xóm có vẻ bỏ hoang từ thời chiến tranh, những hàng dừa xanh, nối tiếp nhau. Có cây dừa, đứng chơ vơ giữa đồng trống, ngọn bút đầu rồi, chỉ còn thân cây cụt, nám cháy.

Trong xe đồ, mọi người đang lúc vui vẻ quá đáng. Lại có chuyện tiểu lâm đời xưa.

– ...Hồi đó, trai gái hẹn hò chỉ đem nhau ra đồng chớ làm gì có khách sạn, nhà ngủ như thời bây giờ. Cô cậu tình tự sau bụi cây. Chàng kêu: Anh mà không lấy được em thì anh chết. Nàng cũng: Em mà hông lấy được anh thì em cũng

chết. Sau bụi cây có ông lão đang táo bón. Đang khổ cực vì cục nợ đời, nghe trai gái nỉ non, ông la lên: Tao mà ỉa không ra, tụi bây cũng chết...

Câu chuyện trong đời, người nào cũng đã nghe mòn tai.

Vậy mà ôi thôi, cười tới nổ bóng đèn.

– Chết thiệt chứ. Ở ngoài tôi, chỉ vì cục cút mà đánh nhau vỡ sọ nà thường.

Giọng miền Bắc đặc sệt. Người đàn ông này giờ chưa hề mở miệng, lên tiếng. Cán bộ nữa chắc? Cũng áo bộ đội mà sao coi xác xơ, tiêu tụy.

– Trong Nam, rì chứ món phân tươi, quả nà vượt chỉ tiêu. Ở ngoài Bắc chúng tôi, phân tươi quý như vàng. Các bác mà ra ngoài đồng, ngồi chưa yên chỗ đã có cả chục cặp mắt theo dõi, rình mò. Vừa đứng dậy nà đám hót phân nập tức ủa tới, giành nhau, đôi khi đòn gánh còn phang nhau vỡ sọ ấy chứ nì. Chả giấu gì cô bác, tôi nà dân Bắc kỳ chính hiệu bà nang trọc đây. Trước cũng nằm nghề bởi cút rồi, mà đủ sống đâu. Nhà nước

phát động kế hoạch giãn dân vào Nam. Nghe nói trong Nam đất đai phì nhiêu, ruộng cò bay thẳng cánh, mà Mỹ nguy nó thả chất độc màu da cam, phá hoại căng lắm. Giờ, phải di dân ngoài vào tiếp quản, khai khẩn. Nhà nào hưởng ứng kế hoạch vào Nam, sẽ có tiền ăn, tiền cất nhà. Nghe động viên, thèm bỏ mẹ, mà vào rồi thì có cút rì đầu lảo. Được miếng đất rừng, đồng bào đi kinh tế nằm sẵn trước khi bị đuổi vào sâu hơn trong rừng. Mình Bắc kỳ, hậu phương nhón mà. Phải có “ưu tiên đãi ngộ” chứ. Hưởng miếng đất trống, vậy nà xong phần đãi ngộ. Địt mẹ nó chứ. Nai núng ra mà cuốc. Trồng trọt, chưa có cái ăn cũng phấn đấu ỉa ra để có phân tươi, ủ bón. Cả ngày, vợ chồng con cái cứ động viên nhau ỉa.

Chẳng ai dám hưởng ứng lời bác ta. Có người làm như này giờ chưa hề nghe thấy gì hết trơn. Máy chị thăm nuôi đang bàn luận về mấy ông chồng cải tạo.

– Mấy bà thấy hông. Ngay đường đi vô trại, bên đường cũng có một đồng phân ủ to như cái đồi. Có bữa đi ngang thấy mấy ông bới, gánh.

Mấy ông vục cả tay vô, hốt vào thùng rồi gánh đi. Thiệt cầm lòng khôngặng.

– Ôi dào. Còn đỡ. Hầm phân đào cả hố sâu, mấy ông học tập nhà mình phải nhảy xuống, dầm mình trong hố phân, múc vào thùng cho người khác kéo lên.

Một chị đi buôn đang ăn dở miếng bánh tét, cắn nhảnh:

– Thôi đi mấy bà. Nói toàn chuyện...

Người đàn ông Bắc kỳ giãn dân lại chen vô:

– Đang nói dở, nói tuốt nuôn cho sướng nỏ miệng. Ngoài tôi còn khối cái nạ nảm. Ở những khu đông đúc dân cư, không thể tìm đường đi ra đồng để “giải quyết” được. Gặp Tào Tháo đuổi, cũng chạy bỏ hơi tai mới tới được khu nhà xí, nảm núc bĩnh cả ra quần. Ban ngày còn cái nạn xếp hàng chờ. Ban đêm, càng hồi hộp thêm. Xong việc, đứng dậy, đi được mấy bước, đã có ánh đèn pin rọi để xử lý bãi phân rồi. Cái gì? Rọi đèn hả? Vâng, rọi đèn. Công an phải kiểm tra cả cút nữa chứ. Thì “đề cao cảnh giác” mà. Xê I A

nó nguy hiểm, nó dám nợ dụng “hố xí hai ngăn” của ta gài tài niệu, hoặc niên nạc với nhau, chứ nại không à. Còn nữa, cũng có thể nà dân đi đêm, rình hốt phân tươi. Ngoài chúng tôi, món này quý lắm, khối thằng sống bằng nghề bói cút.

Người khách ngồi cạnh anh ta nãy giờ nghe, cứ cười cười. Chiếc áo lính cộng hòa cũ đã nhuộm đen, giặt nhiều lần bạc thếp, anh ta đưa tay sờ sờ cảm mà chẳng có sợi râu nào.

– Biết vậy bác không ở ngoài hốt cút cho xong. Vô đây cút cũng không ai ị ngoài đồng cho bác hốt.

– Biết, biết chứ. Nhưng ngoài chúng tôi vừa có phát động phong trào mới, tên nà “hai nhiều, một ít” nên có hơi... khó khăn.

– Cái gì mà hai nhiều một ít?

– Hai nhiều là nằm nhiều, ỉa nhiều. Một ít là ăn ít.

– Ăn ít lấy đâu ra mà ỉa. Thôi bác ơi, làm gì có chuyện...

Anh cán bộ liếc xuống. Anh chàng giọng Bắc đặc đưa tay lên, mọi người thấy anh ta cụt mất một bàn tay.

– Địt mẹ nó, hy sinh ở chiến trường miền Nam đấy.

Gặp thương phế binh rồi. Anh cán bộ quay đi. Lâu nay, xe đồ thường bị thương phế binh chặn lại, xét, thu thuế. Mọi người còn nhớ, tết vừa rồi, thương phế binh đòi ăn không xong, đã mở chốt lựu đạn, cho nổ tanh banh một quán ăn ở Tân Định. Thức ăn không được nhồi nhét vô bao tử thì tanh banh cùng với máu và thịt của anh ta.

Anh cán bộ quay lại thì đụng mắt nữ đồng chí.

– Cho địa chỉ lần tới có công tác, liên hệ tiếp nhé. Chị cán bộ cười típ mắt có đuôi.

Tiếng cười rúc rích đâu ở mấy dãy ghế sau nghe thật nhột nhạt. Giọng ai đọc khe khẽ. Em như cục cút trôi sông. Anh như con chó ngồi trông trên bờ. Đâu biết nói ai, hay vui miệng lập

lờ, mà chị cán bộ cúi đầu. May quá, giọng Bắc oang oang của người đàn ông cụt bàn tay, đập mạnh vào tai mọi người:

– Này, mấy chị đi thăm nuôi học tập ời. Hai đứa con tôi nằm việc với mấy chị đó. Đi học hả? Giời ời, học với hành rì. Phải đi bộ ba chục cây số, tới thị trấn mới có một cái trường. Thầy giáo ngồi ngáp ruồi, bày bắp nướng bán. Nằm sao chân trẻ con đi bộ tới đó mà học được. Mấy đứa con tôi ngày nào cũng chực chờ ngoài lộ để gánh thuê cho mấy chị đi thăm nuôi lầy lầy. Có hôm tụi nó bị công an rượt chạy xuýt bỏ mạng. Bị tóm nàtoi, chúng nó thu hết tiền còn dọa bắt bỏ. Hỏi mấy bà coi, có bao giờ mà gánh được vào tới cho các bà đâu, phúc đức nầm nà nửa chặng đường, đã phải vứt thí cho mấy bà, no chạy thoát nấy thân.

Đến lượt mấy bà đi thăm nuôi chồng cải tạo nhìn anh chàng thương phế binh hy sinh ở chiến trường bàn tay, với đôi mắt thương hại. Anh ta đâu được gì, mà coi, cái đầu tay cụt đỏ hỏn, thành sẹo cứ nhắc anh hoài: chiến trường, chiến trường, chiến thắng, chiến thắng. Tội nghiệp.

Ông cụ râu ba chòm, coi bộ đã nhẹ nhõm, an tâm tư tưởng, lim dim gật lên gật xuống. Lơ xe tên Ba đang tán một chị đi buôn, mắt đá qua đá về. Lơ xe Rạng thọt gậy vô bánh xe:

– Nó con nít vậy mà đã một vợ hai con rồi đó bà ơi. Gan thì dính vô đi.

– Nhằm nhò gì. Tao bốn năm đời chồng rồi nghe mậy. Mười một quận, cách mạng đi đứt quận Nhì, còn mười. Mười quận, tao vô ra đủ rồi, mậy...

Mấy chị thăm nuôi, kẻ quay lui, người xích tới, tùm lại. Không biết kể cho nhau nghe chuyện gì bi thương mà có chị nước mắt lưng tròng.

– Thì đó, bữa đó có tui chứng kiến tận mắt. Chết chớ sống gì nổi. Ôi thôi, ỉa tù đầu hôm tới khuya. Cứ òng ọc, òng ọc. Thuốc hả? Thì có. Tụi này góp hết thuốc đem lên cho mấy ông ra cho chỉ, uống đủ thứ, cầm nổi đầu.

– Ăn trúng cái gì?

– Ăn gì mà trúng. Uống có hớp nước ở trạm

xét ngoài cổng trại. Thì khát, rách cả năm sáu chực kí lô, vô tới thì khô người rồi...

– Đi đâu cũng nghe chuyện chết. Tội thiệt. Còn người chồng hà. Ủa, cũng biết tin vợ lên thăm đã chết. Có xin ra nhìn mặt vợ mà không được. Nghe anh ta đã phát điên, khóc la, bị nhốt mấy ngày...

– Tháng trước nè, nghe nói có một người tù mới chuyển đầu tù ngoài Bắc vô. Phạm kỷ luật gì đó mà bị nhốt trong hầm đá đào dưới đất sâu. Không biết có được cho ăn uống không mà đêm nào cũng nghe tiếng ông la hét, gào rú như ma quỷ trong mộ, nhất là đêm trước khi chết... Còn chị uống nước mà bị dịch tả thì mấy người đi thăm nuôi cùng chuyển ai cũng biết.

– Tui biết chuyện này. Bà đi thăm tù còn đem theo đứa con. Bà chết, mấy bà bạn cùng chuyển thăm nuôi đem con bé về. Ui da, cũng chuyển xe này mà. Khóc gì mà khóc dữ. Mấy bà khóc, con bé khóc, ngồi trong xe mà tui nhớ, bác tài này không lấy tiền vé, còn cho con bé tiền, chở nó về

hổng biết ai nuôi nó. Ui chao là nó khóc, khóc suốt chuyến xe.

Chị nói thêm:

– Cái cha tài xế này, mấy bà thấy hôn, coi cái mặt cô hôn dễ ghét vậy mà hổng phải vậy đâu. Chả tử tế lắm, một vé chỗ tốt hổng ít tiền, mà chả nhứt định dành cho con bé một ghế. Bữa đó con bé ngồi trong xe mà quần áo, tóc tai dơ dáy, bay cái mùi... Thì bị nó lăn lóc bên má nó mấy ngày bịnh, nó thúi ời là thúi, y chang lúc nãy, cái mùi...

Chị ta buông tiếng thở dài, rồi liếc nhìn ông cụ râu ba chòm, đang há hốc mồm nghe.

– Cũng một thứ mùi, mùi từ con bé thấy mà thương đứt ruột, chớ đâu như cái mùi, ái cha, nó vô diên quá ông già dịch à.

Có tên mới là già dịch, ông cụ râu ba chòm cười ruồi:

– Ủa, thiệt tui già mà vô duyên quá.

– Không vô duyên đâu cụ ời. Nhờ cụ mà cuộc tọa đàm về chuyên đề “cút” càng lúc càng phong phú. Tôi cũng có chuyện muốn đóng góp đây.

Tài xế, mặt mũi đã dịu lại nhiều rồi, vừa lái xe vừa nói:

– Anh này nữa. Tiền xe năn nỉ trả có nửa, kể nửa chuyện thôi nghe cha.

– Được được. Tui xin giới thiệu, cán bộ làm ở cơ quan... xin lỗi, cán bộ chuyên ngành cục... phân bón. Đó, quý bà con cô bác lại cười rồi... vâng cục... phân bón. Cục... phân bón của chúng tôi không chiếm công ốc cao lớn, thênh thang như các cục đường biển, cục đường bộ, cục đường sắt. Mà chỉ khiêm nhường kè một phần địa điểm của cục đường sắt... đường sắt đây là đường rầy xe lửa.

Buồn cười. Nhiều người đã đoán được hết câu chuyện mà cũng cứ nghệt mặt ra chờ.

– Thôi cha nội. Cục đường sắt gì lại ra đường rầy xe lửa.

– Đúng vậy. Ở Hàm Nghi có một khoảng đường rầy xe lửa bỏ không nhiều năm nay. Bà con bụi đời khu vực Hàm Nghi, chợ Cũ, ban ngày, ban mặt mà tới lúc “công an” gọi là tới ngay đó “tọa đàm”. Tui cũng vậy, hể là dân bụi đời, vô gia cư, thì cũng phải ghi tên vào cục... phân bón này.

Anh cán bộ ho. Chắc anh ta muốn tăng hăng ra oai thì đúng hơn. Giọng anh Bắc kỳ di dân vô Nam ra vẻ dạy đời:

– Thôi đi anh bạn ơi. Đã nói khôn cũng chết, dại cũng chết. Biết thì sống. Anh nói hươu nói vượn gì thế? Sắp tới trại cải tạo rồi đấy.

– Cám ơn anh bạn nhắc chừng. Thì tui cũng hai năm cải tạo rồi đây. Về nhà, vợ con bị cá ăn hết trơn, mới phải lang thang bụi đời, làm việc tại cục phân bón... Tui đi cải tạo còn có chính nghĩa, vì mình là lính ngục, nợ máu đầy mình. Chớ cái bà cụ ở khu xóm “người tình” mới của tui mới là vô duyên. Bữa mới đây này, họp tổ dân phố, cán bộ tới phường thuyết trình tình hình chính trị và những chuyển biến mới của Liên Xô vĩ đại. Cán

bộ cho biết, bên Liên Xô sương lắm, nhà ở đêm không phải đóng cửa. Lờn cán bộ chân thành mà có đưa phản động dám xuyên tạc nói là cửa đầu mà đóng, cạy gỡ làm củi sưởi mùa đông rồi. Còn bà cụ mới khổ, già, ngớ ngẩn lại lãng tai. Cán bộ nói chủ tịch mới bên Liên Xô là cái ông ba chớp ba nhoáng gì đó. Bà cụ ngóng hoài, lọt vô lỗ tai cái gì mà gộp bara cộp lộp nhộp. Bà cụ mới gật gù: À, tên tuổi bên Liên Xô vĩ đại thiệt lạ há. Móc cút khô ra đóp... ra đóp ra đóp.

Đợi cho bà con xong trận cười, anh ta thở dài, nảo nuốt:

– Bà con cô bác biết đó. Cũng vì bà con đã cười mà bà cụ bị nhốt vô Phan Đăng Lưu. Bà cụ bị nhốt, thân tui lại càng đau khổ, bởi vì tui là “người tình không hộ khẩu” của con gái bà cụ. Tui phải bỏ thành phố ra đi, góc biển chân trời.

Cán bộ nữ ghé tai đồng chí. Cả hai mặt mũi có vẻ khẩn trương. Mấy chị đàn bà còn cười dai dẳng. Còn anh chàng, đang râu rĩ, bỗng cất giọng hăng hái, hớn hở:

– Bác tài ơi, cho xuống, xuống.

Trời sụp tối lúc nào không hay. Xe thắng gấp làm mọi người nhào lộn. Anh khách “cục phân bón” lẹ làng bước xuống. Bộ đồ cũ vá nhiều miếng và túi xách nhẹ hều, anh ta còn đưa tay chào tài xế:

– Cám ơn. Mới có nửa câu chuyện đó nghe, cha.

– Thằng láu cá. Hắn lên xe lúc nào vậy?

Cán bộ hỏi trống. Không ai trả lời. Nơi kính chiếu hậu, vài người thoáng thấy nụ cười của bác tài.

Có tiếng ca lãnh lót vang lên từ cửa xe: Như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng.

– Thấy chưa bà con. Nó ca đấy.

Ông râu ngắn cao giọng, khoái trá ra mặt. Ông cụ râu ba chòm với tay qua người bạn già, đập đập vào lồng chim:

– Ca đi. Ca tiếp đi mày, Vệt.

– Đụ má mày.

Bất thành linh, con vệt chửi. Cả xe lại cười nghiêng ngửa.

Thì ra nó biết nói. Ông cụ râu ngắn lắc đầu:

– Tệ thiệt, bà con coi. Nó biết ca chớ. Vậy mà lì lẫm. Khi tới cơn thì ca luôn miệng, không thích là ngậm tằm, bẻ cổ cũng không nhúc nhích. Lại cứ thích làm chim cu nữa kìa, bắt chước kêu cho được, cục cù rù, cục cù rù. Đừng gọi nó là Vệt. Hề gọi Vệt là nó chửi.

– Ê, vệt, vệt.

Trong xe rộ lên nhiều tiếng la.

– Đụ má mày. Đụ má mày.

Con vệt xù lông, nhảy vòng vòng, chỉ chửi. Nhất định không kêu cục cù cu, cục cu rù nữa.

Thấm cửa nợ. Đủ chuyện. Mệt. Đói. Hành khách bớt hăm hở. Một người hỏi tài xế sắp tới chỗ dừng lại nghỉ chưa. Bà chủ xe hứa hẹn sắp

được nghỉ ngơi ở quán cơm tối. Chừng tiếng đồng hồ xe chạy nữa là tới thôi.

Hai cụ già đỡ rồi, ghé cổ, dựa đầu, nhắm mắt. Tài xế tắt ngọn đèn trần. Anh cán bộ tức thì thụt đầu xuống rồi cả cái đầu của chị cán bộ nữa. Lại công tác!

Cây cối bên ngoài, lơ mờ như bức tranh bị bôi dập. Thoangthoáng những đốm đom đóm lập lòe. Lâu lâu một vài đốm lửa nhà ai giữa đồng. Rồi từ sau bóng cây, hiện ra một bóng trắng non. Trăng cứ đuổi theo xe mãi.

Trong bóng đêm, chiếc xe cứ vậy lao tới như một con vật không ngớt gầm gừ. Bỗng một tiếng nổ lớn. Vài tiếng la. Chiếc xe chao đảo chồm tới, vòng vèo, muốn lật. Cả xe nhốn nháo. Máy rú lên rồi tắt phụt. Đèn xe tắt theo. Chỉ có bà mập, lơ mơ nửa ngủ nửa thức, giọng nhừa nhựa:

– Tới rồi hả?

Một ánh đèn pin soi. Giọng bà chủ xe kinh hoàng:

– Mèn ời.

Chiếc xe húc vào một mô đất, nằm chênh vênh. Phía dưới đáy là vực sâu thăm thẳm. Chỉ giọng bà chủ xe là còn đủ hơi sức.

– Lạy thánh. Lạy bà cô, bảy miếu... đã đỡ cho... Rạng, Ba. Rạng. Chúng mày đâu? Hai thằng trời đánh. Đem nhang đèn, chuối, bánh ra lễ tạ... Thánh ời...

Có tiếng cười xì của anh cán bộ, ra điều khó chịu vì sự mê tín của bà chủ xe. Nhưng khi anh ta chồm tới, nhìn cái miệng vực, anh ta cũng co đầu rút lui. Xe lại bể bánh lần thứ ba. Lần này, nhằm ngay cái bánh trước.

– Phước đức lắm thánh mới đỡ cho đấy.

Bà chủ xe không ngớt hít hà.

Giữa rừng. Con trắng lười liềm không nỡ chạy nữa, dừng lại, ngó xuống. Một cái đèn bão được đốt lên. Trong ánh lửa bập bùng, trên từng khuôn mặt hành khách, còn nguyên vẻ hoảng hốt.

Hai ông cụ xuống xe, bê theo cái lồng chim. Chị thăm nuôi mang xuống giỏ gà sống. Bà mập cầm cái bình dấm dúi cho lơ xe.

– Thôi bà ơi. Xe còn chưa lo, lo cho heo của bà. Heo quan trọng hơn mấy cái bánh xe sao đây.

– Mà có nghe nó kêu không? Nó khát khô cổ rồi. Lẹ lên.

– Cái bà này... Để cho người ta ... Thiệt kỳ đà cản mũi...

Tài xế gọi mọi người xuống xe hết. Nhìn cái bánh xe xẹp lép, ông ta ngao ngán:

– Hết bánh sơ cua rồi. Phải đợi có xe xuống mới quá giang tìm chỗ vá vỏ ruột. Dù má, vỏ ruột gì cũng lô can không, mới chạy một tháng đã banh ta lông mẹ nó hết trơn. Cô bác, mời xuống. Xuống hết. Còn bà nội nữa. Mời bà nội xuống ngay cho, bộ phải cõng xuống sao đây.

Tài xế nổi quạu. Chị đàn bà, vẫn ngồi trong góc, ôm đứa nhỏ. Mệt, đói. Đờ đẫn một lúc, chị cũng mang thằng nhỏ xuống được.

Tài xế:

– Đó, dư thời giờ cho bà con cô bác nghỉ ngơi. Ai muốn đi ỉa thì đi ỉa đi. Làm ơn ỉa nhiều vô. Vá xong xe, tới quán tha hồ mà ăn.

– Thằng cha cà chớn...

Có tiếng rửa, nhưng rồi mọi người cũng thông cảm. Coi kìa, cả sản nghiệp của bác ta, cái xe đồ, nằm mộp như một đồng sắt rỉ ngay bên miệng vực thẳm. Không chỉ bánh xe xẹp lép đâu. Hình như, chỉ cần một cái rung nhẹ, một hòn đá, mảnh đất vỡ bất ngờ, không chừng cả cái xe lao xuống vực, tan tành. Vậy mà nó vẫn ịch chở bao nhiêu là sinh mạng, đùa với rủi may. Còn lâu nó mới tới được bến.

416 | Nhã Ca

Chẳng ai còn hơi sức thắc mắc tới điều này. Cúc cù ru. Cúc cù ru. Cái con vẹt khỉ gió, cứ bắt chước tiếng kêu của loài chim câu. Ông già râu ngắn trao cái lông chim cho ông bạn râu ba chòm:

– Bác giữ nó giùm chút. Giờ tới phiên tui vô bụi.

BÀ BẮC VÀO NAM KIẾM CHỒNG

Đó là một bà vợ Bắc Kỳ, có chồng tập kết, từng một thời quen biết với khu phố các đường Tự Do – Lê Thánh Tôn. Không ai biết tên thật của bà ta, nghe giọng Bắc thì gọi bà là bà Bắc. Người nhỏ thó, gầy gò, hai gò má nhô cao nên mặt dài và nhọn. Lúc nào cũng thấy bà ta há miệng vì hàm răng hô, miệng như cười mà không phải cười.

Thời đánh Mỹ cứu nước, ông chồng của bà phải vào Nam, sống trong bưng biển, trong công tác giao liên, ông quen biết một bà ở quê. Đại thắng mùa Xuân, ông về thành phố, gặp lại người cũ, vậy là cặp lại, bà vợ Bắc Kỳ ra rìa. Ông ở luôn trong Nam.

Với nghề mới là ký giả, ông được cấp hai phòng lớn trên một bin-đỉnh ở ngay góc đường Tự Do – Lê Thánh Tôn. Có công với cách mạng, được hưởng bổng lộc, hai vợ chồng cũng chỉ sắm chiếc xe Honda nữ để chứng minh cuộc sống khiêm nhường, đơn giản của một cán bộ mẫu mực, liêm chính.

Còn bà Bắc, khi biết được tin chồng đã có vợ mới, bà đã không quản ngại đường xa, túng thiếu, mà tìm đủ cách để vào Nam. Người ta “ngậm ngải tìm trầm”, còn bà thì “ngậm nước bọt tìm chồng”. Quá giang xe, đi bộ, đi tàu hỏa, cuối cùng bà ta cũng tới được thành phố mang tên Bác mà mới đây tên cũ là Sài Gòn. Sài Gòn cái gì, phải là tên bác vĩ đại mới đúng, không có bác thì còn lâu bà mới được nhìn thấy thành phố đẹp với những tòa nhà cao ngất, xe hơi, xe máy chạy giữa đường như mắc cửi. Nhưng vào tới nơi, tìm được chỗ ông ở thì túi tiền dành dụm bao lâu đã vơi nhiều. Mặc kệ, bà phải cố thủ nơi đây để làm cho ra nhẽ. Dân Sài gòn cũ tử tế, nghe bà Bắc kể hoàn cảnh, ai cũng thương xót, giúp đỡ.

Tòa nhà bin-đỉnh cao năm sáu tầng, phía sau là một con hẻm sâu, nhiều dân bụi đời, chích choác ở. Khi họ đi vắng, bà cũng có thể trải tấm ni lông ra nằm ngủ. Người đàn bà trông coi quét dọn, mở cửa đóng cửa cho khu bin-đỉnh là bà Ba, người Nam, tính tình dễ dãi, tử tế. Đôi khi chia sẻ cho bà Bắc chút thức ăn, hay những đêm mưa, còn cho bà ngủ ké cùng một chiếc ghế bố kê dưới gầm cầu thang của căn bin-đỉnh. Mọi người gọi bà Ba là dì Ba, công việc trông coi đóng cửa, mở cửa, coi chừng người lạ, báo cáo hằng ngày ai ra ai vô, ai nói lời phản động, dì Ba còn dư nhiều giờ lắm. Vậy là dì Ba bày thùng thuốc lá ra bán, đặt ngay trước cửa tòa nhà. Khi dì Ba bán hàng thì bà Bắc kê cái ghế đẩu ngồi bên cạnh, còn dì Ba ngồi trên chiếc ghế cao, nên ít ai thấy, hay để ý đến bà Bắc.

Lần đầu gặp mặt ông, bề bàng làm sao. Bà nhớ đời. Hôm đó chờ cả một buổi sáng, gần trưa, bà mới thấy ông dắt chiếc xe từ trong phòng để xe của bin-đỉnh ra. Tóc ông đã bạc hết đầu, nhưng ông ăn mặc áo quần tươm tất, người đầy đà, đeo xách đen bộ đội, trông khác tướng ông hồi còn ở

ngoài Bắc, ốm o, quần áo lôi thôi lệch thếch. Phải một lúc bà mới nhìn ra. Còn ông, ông có thấy bà không? Có thấy chắc ông cũng chẳng nhận ra. Bà e dè từng bước đến gần:

– Ông ơi, tôi đây... Tôi vào tìm ông.

Ông nhướng mắt nhìn bà, làm ra vẻ như không biết là ai.

Chưa kịp nói thêm lời nào thì một người đàn bà tất tưởi từ tòa nhà đi ra, nhảy vội ngồi sau yên xe, miệng giục rồi rít:

– Đi lẹ anh, trễ quá rồi.

– Ông ơi, ông hượm một tí.

Bà Bắc lại kêu lên. Nhưng chiếc xe đã vọt, quẹo vào một ngã đường khác. Ngay buổi tối hôm đó, bà Ba báo cho ông biết, bà vợ từ ngoài Bắc đã vào Nam tìm ông. Ông thản nhiên:

– Vào đây thì làm gì chứ! Tôi đã có gia đình mới rồi. Bà bảo giùm là đi về Bắc thôi. Tôi không nhận.

12. Bà Bắc vào Nam kiếm chồng | 421

Bà Bắc nghe dì Ba kể lại, khóc, nhưng vẫn ở lì. Bà đã làm đủ kiểu, ăn vạ, nín kéo, chửi bới xiên xỏ, nhưng cả hai vẫn trơ trơ. Rồi chính bà Bắc phải bỏ đi, rồi không ai thấy bà ta nữa.

Bẵng đi một thời gian, bà Bắc lại xuất hiện lại trên đường Tự Do. Vẫn chiếc quần đen, cũ hơn và chiếc áo nâu thêm nhiều miếng vá, vải có phần co rút mà người mặc thấy rộng, chỉ là vì bà đã gây đến mức không thể gây ốm hơn. Khuôn mặt bà hóp, hàm răng càng chìa ra tới trước nhiều hơn, miệng há hốc không còn y như cười mà giống mếu máo.

Một buổi sáng, chị Mùi, người làm cho một căn phố sát tòa bin-đỉnh của một gia đình cán bộ khác vừa mở cửa, đã thấy bà Bắc ngồi thù lù ở trước. Một lúc chị mới nhận ra:

- Mèn ơi, dì Bắc phải hôn? Vô hồi nào vậy?
- Mới vô. Bà Muội dậy chưa?

Bà Muội, mẹ chồng sau của chủ chị Mùi. Chồng trước nghe nói là một ông lớn, nhưng bị dính tù vì vụ làm ăn, vợ ở nhà lấy ngay tài xế của

chống cho tiện việc, công khai, chẳng có gì cần giấu diếm. Lần vô Nam trước, hai bà làm quen nhau, bà Muội thông cảm hoàn cảnh của đồng hương, có khi giúp đỡ. Chị Mùi liền kể:

– Chắc dì mới vô, hông biết. Bà cháu đã ra ở riêng với cô Hợp rồi.

– Hợp nào?

– Cô Hợp là em gái của ông chủ mới đó, hông nhớ à? Cái cô cao cao, duyên duyên, có cái nốt ruồi...

– À, nhớ ra rồi. Cái Hợp ấy mà. “Nấy” chồng rồi à?

– Chồng. Chưa. Nhưng cô Hợp nhà cháu lóng rày ăn nên làm ra. Cô là ca sĩ nổi tiếng có hình đăng trên nhật trình, báo gì giải phóng đó, dì.

Bà Bắc nghe quen tiếng dì gọi mình rồi. Trong Nam, đàn bà người ta hay gọi dì cho thân mật.

Chưa xong chuyện đã nghe tiếng gọi của bà

12. Bà Bắc vào Nam kiểm chồng | 423
chủ từ trong nhà vọng ra. Cửa mở rộng, bà Bắc
thoáng nhìn vào, mấy đứa con gái chủ nhà lớn
như thổi, cũng phụ gọi theo mẹ. Chị Mùi thở ra:

– Hở một chút là kêu réo om sòm. Ở cái nhà
này riết thiệt tình...

Chị Mùi lật đật chạy vô. Cánh cửa sắt kéo lại.
Đường phố đã có dòng xe qua lại, nhưng cũng
còn lâu dì Ba mới khệ nệ bưng thùng thuốc lá ra
đặt trước cửa bin-đinh, giờ này thì chỉ có nước
ngồi đuổi ruồi. Bà Bắc nhớ ông chồng cũ của bà
nay làm lớn, thường đi trễ. Ông vẫn mặc áo sơ
mi trắng, quần màu xanh, đôi khi mầu xanh cứt
ngựa, trông sáng sủa, oai vệ. Chứ đâu như trước
đây, khi còn ở với bà, ông ốm o, thiếu ăn thiếu
mặc, còn mang chứng bệnh sốt rét rừng trong
thời kháng chiến gian khổ. Bây giờ thì khác rồi,
vô Nam, gạo trắng nước trong, thay da đổi thịt,
mặt đã có sắc hồng hào. Ông đã sắm được chiếc
xe Honda nữ, thêm con đi giặt chồng bà biết cách
ăn mặc, ngồi sau xe ông, coi thật đẹp đôi. Còn bà,
soi gương coi, ghen tuông oán hận, thấy giống
ma hơn giống người.

Ông ra sao rồi! Tóc có bạc nhiều hơn? Đã thay xe mới chưa? Có ô tô chưa? Bà băn khoăn muốn biết. Bà nhớ, đã thấy ông dắt chiếc Honda nữ, trên môi gắn điều thuốc, khói bay vu vơ, bà cay đắng tiếc đã mất ông, rồi càng trút oán hận lên đầu con đàn bà kia.

Còn sớm mà, bà Bắc bước tới góc đường, qua bên kia là công viên, nơi hang ổ của dân bụi đời ban đêm. Ai đó gọi:

– Ý cha. Thím Bắc phải hôn? Vô hồi nào dzậy?

Quay lại, nhận ra ngay là chị Bảy Cà Tong. Dân bụi ở đây ai mà không nhận mặt chị. Chưa kịp trả lời thì Bảy cà tong tiếp nữa:

– Tính vô để dàn trận đánh ghen tiếp sao đây, bà?

Bà Bắc lắc đầu. Thua lâu rồi. Chẳng qua còn lết vô đây là vì còn ức, còn hận và cũng vì ở ngoài không kiếm ra công việc để sống. Ở ngoài, bà được chia cho căn hộ, nói là hộ nhưng chỉ là một phòng nhỏ như cái chuồng chim. Khi đứa con dâu đẻ thêm một đứa nữa thì bà không còn chỗ

12. Bà Bắc vào Nam kiểm chồng | 425
đặt chân. Hận quá chứ! Thằng cha thì nhà cao
cửa rộng, xe pháo rộn ràng, mà thằng con làm
công nhân, gia tài vền vền một chiếc xe đạp cà
tàng cũ mèm. Bà Bắc hỏi cho có chuyện:

- Đi đâu sớm thế chị Bảy?
- Đi công chiến. Thôi tui tới trạm xe buýt, trễ
rồi.

Bảy cà tong tất tưởi bước đi. Bà Bắc nhìn theo,
cái miệng há hốc thèm thuồng. Cui, nghèo rớt
mồng tơi, không nhà không cửa, chị cũng làm
chủ được khu đất công viên. Áo quần cũng xí
xọn, bông hoa, quần lĩnh đen, đi đứng còn khỏe
mạnh. Còn bà, lần này vào Nam, chưa biết tính
toán ra sao, bà đã phải ăn xin ngay trên tàu hỏa.

Bà Bắc tiếp tục thả bộ qua công viên. Dân
bụi đã tản mát đi kiếm sống, chỉ còn con Quê
đang cho con bú bình sữa. Con bé cụt tay sống lê
lắt vĩa hè đã rã mòn con đường Tự Do này rồi. Bà
hỏi:

- Mà ỷ đẻ rồi đấy à?

Con Quê nhìn lên. Bà này đâu xa lạ gì. Cái bà ở đâu ngoài Bắc, vào Nam tìm chồng ghen tuông. Bà thường ngồi bệt dưới đất, trước cửa cái tòa nhà cao bên kia đường, miệng chửi bới ai đó suốt ngày, điếc tai nhức óc.

Nó không mấy ưa bà ta. Đã một thời gian biến đi đâu mất, bây giờ thấy lại, coi bà ta xơ xác, tiêu tụy, xuống dốc nhanh quá.

– Giai hay con hĩm vậy? Thằng cu hay cái dĩ?

Nghe hỏi tới con, mặt con Quê sáng lên liền:

– Con trai, thím. Nè thím coi...

– Ôi giỏi! Thằng cu kháu thế. Mà lày tớ hỏi, không phải đừng rận, ló nai Tây gì thế?

– Biết Tây gì đâu thím. Nó lai nên đặt tên là Bò Lai. Giọng bà Bắc có chút ghen thâm:

– Mà mà cũng nấy được Tây cơ à?

Con Quê suýt cười lớn. Ôi giỏi, chỉ mong đừng dính bầu, đừng đẻ để rảnh tay rảnh chân mà kiếm sống. Chớ dính rồi đẻ, dân bụi ở đường

Tự Do này dính thiếu cha gì! Nhưng khác nó, đẻ ra là cho hoặc nuôi không nổi, èo uột chết. Thằng con lai này, nó giữ được là vì nó có cha là thằng Bò. Thằng Bò đâu biết ai sanh ra nó, nên con Quê đẻ là con nó. Bởi vậy, thằng bé mới tên là Bò Lai. Nó hỏi:

– Thím có muốn một đứa không? Phố này Tây nhiều lắm.

– Mà y lói cái rì thế. Tao già rồi.

– Đúng rồi. Già dzách. Còn thím muốn Tây thì... ha ha... Ở trong bụi tối thui, nó hổng biết thím già hay trẻ...

– Mà y lói vậy mà nghe được. Ranh con.

– Chú Bảy cà tong có già hôn? Bả cũng đi với Tây đó thôi. Thấy con Quê nói chuyện hay hay, mà thằng bé kháu quá, nhìn mặt rồi ưa, bà Bắc ngồi xuống:

– Mà y cho tao bế nó một chút. Kháu ời nà kháu. Xinh quá nà xinh chứ nì. Cho bà bế tí lào.

Làm như đứa con lai Tây nó khác con người mình, bà phủi phủi quần áo, xoa hai tay vào nhau, rồi mới đưa tay ra đón thằng bé. Bà bế nhẹ nhàng, nâng niu, không dám đung đưa, dù thằng bé không được mũm mĩm lắm. Da trắng, mắt xanh, tóc vàng, lông mi cong mà thưa, thằng bé nhẹ hều trên tay bà Bắc, thấy rõ là nó thiếu sữa. Bà nghĩ, ở ngoài Bắc, nhà nước nhồi nhét bằng được bắt nhân dân phải căm thù thằng giặc Mỹ, thấy là phải giết, phải bắt trói lại giao cho nhà nước. Lần trước vào Nam, ở thành phố này, bà thấy nhiều Tây lắm, nhưng không phải là Tây Mỹ, mà là Tây Liên Xô, với Cu Ba, mấy nước bạn của nhà nước. Bà không biết Tây Mỹ da nó có trắng hơn da đồng chí Liên Xô và các đồng chí bạn không. Nghĩ cũng hời, nếu con gái bà mà đẻ một đứa trắng bóc như thế này, ngày trước ở Bắc thì có sống yên được không? Nghĩ thôi, chứ chuyện đó thì không thể xảy ra được.

Nhưng thằng bé đẹp quá. Bà hít cái mùi trên bàn tay tí hon của thằng bé.

– Cho bà hít cái nữa lão. Bối dĩ nhà mày. Biết

12. Bà Bắc vào Nam kiểm chồng | 429
cười chưa đầy. Cười cho bà ngấm. Thơm quá, nó
thơm quá nà thơm.

Bà Bắc say sưa với thằng bé. Con Quê thấy bà
nặng nịu con mình cũng dần bớt ác cảm với bà.

– Thím lại vào đây sao?

– Ủ, Ở ngoài đó khổ lắm, mà buồn, buồn
nà...

– Khổ, nhưng tiền đâu mà thím ra vô hoài
vậy?

Đang vui vẻ nặng nịu thằng bé, bà Bắc sầm
xuống:

– Ở ngoài đó không biết nấy rì mà ăn.

– Vô đây cũng vậy. Thím không nhà, không
cửa, không tiền bạc, khổ lắm lắm luôn. Thím biết
mà.

Bà Bắc thở một hơi dài, kể lể:

– Ở ngoài đó tao cũng khó khăn lắm. Có
thằng con, đi bộ đội, hết giặc, về, đầy bằng khen,

nhưng làm quân quật mà không đủ sống. Có căn hộ ở quê, phòng không ra phòng, con trai, con gái, con dâu, bà, cháu, không có chỗ để quay trở... Mà may xem, cha chúng nó bây giờ giàu có như thế. Cũng cấp nănch đạo chứ, mà mê con cướp chồng, có ngó ngang rì đến vợ với con cháu dâu.

– Hồi lấy bà, có làm giấy tờ không? Sao bà không thưa lên ủy ban ho xử?

– Ồi giời! Hồi đó đánh nhau găng lắm cơ. Tao nấy ông ấy làm đám cưới tập thể, có cơ quan chứng nhận đảng hoàng. Tao có hỏi cấp trên, họ trả lời, ông ấy cũng có hôn thú với bà vợ trong Nam. Tập kết ra Bắc lấy vợ là do hoàn cảnh chiến tranh, nà do đảng chỉ đạo. Nhưng nếu muốn thưa, muốn kiện thì phải nà đơn gửi lên các cấp. Tao nà không biết chữ, tao thuê viết đơn, nàp lên rồi mà tao có thấy ai gọi, ai trả nhời đâu. Còn ông ấy, ông nà cán bộ nhớn, có tiền, có thế, ai nà không biết.

Nghe chuyện, con Quê cảm thấy thương xót bà Bắc. Tưởng chỉ có dân trong Nam khổ, dân

12. Bà Bắc vào Nam kiếm chồng | 431
bụi đời khổ, ngoài Bắc kia cũng vẫn còn có kẻ
khổ còn hơn mình.

– Vô đây, thím làm sao sống?

– Tao mới vào nại, chưa biết nằm rì để có tiền.
Nghe người ta mách, tao cũng đã nằm đủ các thứ
đơn, gửi tới các nơi, nhưng không thấy đâu xủ.
Khổ quá, tao lại mò vào đây, nhà lược không xủ
thì tao niều mạng với thằng cha, đến đâu thì đến.
Tao còn đếch gì mà sợ lửa.

– Rồi thím ăn ngủ ở đâu?

– Thật ông giỏi có mắt mày ạ. Cái bà Ba bán
thuốc ná bên kia đường kia, lói chuyện thì ra nà
người cùng nạng với tao lúc trước. Không có bà
ấy sao tao dám vào đây nần lầy. Thằng cha biết
cái bà... gọi bằng rì Ba đó ngấm ngấm giúp tao
mà không nằm rì được, vì rì Ba đóng vai nghèo,
nhưng rì Ba làm việc cho hậu cần kia.

Con Quê giựt mình. Thì ra là vậy? Nhưng dì
Ba tử tế với tất cả mọi người mà!

– Rồi cái bà Muội lửa, mầy biết mà. Bà cũng

đứng cùng phe với tao, bà ghét thằng cha, nói nà phách nổi. Ôi, lày, nó bình ra rồi đây, mà có người thấy mùi rì không?

Con Quê đón lấy con. Cái áo cũ quần ngoài thằng nhỏ đã thấm ướt. Nó tìm miếng vải cũ thay cho con. Coi kìa, bà ngồi chồm hồm, mắt nhìn chăm chú thằng bé, còn phồng mũi hít hít. Bộ cắt con Tây cũng khác với cắt con người mình sao mà ngó dữ thần vậy, thiếu điều đưa ngón tay quệt cho vào miệng thử. Con Quê buồn cười cho sự thật thà của người đàn bà Bắc. Lo sạch sẽ cho thằng nhỏ xong, con Quê cúi xuống cái găm ghế đá, lôi ổ bánh mì thịt từ ngày hôm trước đã nguội ngắt. Nó bẻ bánh ra làm đôi, nói:

– Thím ăn một miếng đi. Đói bụng rồi phải hôn?

Bà Bắc cười, có chút ngượng ngập:

– Không, không thấy đói.

– Nhìn thím là biết, coi kìa, cái bụng xẹp lép. Cầm lấy đi. Tui mời là mời thiệt tình...

12. Bà Bắc vào Nam kiểm chồng | 433

Vẫn còn cái thói giữ kẽ của người miền Bắc, chứ thật ra từ hôm qua tới giờ, bà chưa có gì vào bụng.

– Không dám đâu.

Con Quê xởi lởi kiểu miền Nam “ruột để ngoài da”.

– Ăn giùm đi. Bắt người ta mời hoài, mệt quá.

Thì ra người Nam vậy. Không nề hà. Không kiểu cách. Bà Bắc nhìn con bé cụt một tay. Tay còn lại bế đứa con, mặt còn non mà đã đầy dấu vết khắc khổ, nụ cười đã hết hồn nhiên, nhưng vẫn có một vẻ gì nhẫn nhịn, chịu đựng và tử tế. Thương con bé, bà cầm tay đứa nhỏ, hít hít:

– Con mẹ mày tốt quá!

Con Quê nhìn bà Bắc ăn. Nó mỉm cười:

– Bữa nào không có chỗ ngủ, qua bên này với tui, tui xếp chỗ cho ngủ.

– Tao sợ...

– Sợ gì? Tui nè, cũng đâu có nhà cửa, tui ở đây ai làm gì tui. Sợ ai? Bẫy cà tong hả? Khỏi đi, tui chỉ nói với bà một tiếng là được. Thím đừng sợ.

Nói thì nghe vậy, nhưng sự thật có dễ vậy không? Bà Bắc chưa biết, nhưng lòng tốt của con Quê thì bà Bắc đã biết.

Bà Bắc nhớ lần trước vào Nam, bà có nhìn thấy con Quê ăn ở với một thằng nào đó. Con Quê cụt tay, đi bằng hai chân, còn thằng thì bò theo, bằng hai tay, còn hai chân nó không khoeo, teo tóp.

– Thằng ấy đâu, sao tao không thấy?

– Thằng nào thím?

– Cái thằng không có chân, bò dưới đất ấy.

– À, thằng Bò. Cặp với nhau thôi. Ủa, mà cũng như chồng, bố thằng chó nầy đấy.

– Bố nó? Mà y lói rì tao không hiểu.

12. Bà Bắc vào Nam kiểm chồng | 435
Con Quê thở dài:

– Thím lại nhắc. Nó ở đâu, chỉ có ông trời biết. Thiệt đó, bữa công an bắt nó đi rồi nó không về nữa.

– Nó nằm rì mà bị bắt? Bắt nó thì cũng phải thả ra, nuôi thêm tổn cơm.

– Tui cũng nghĩ vậy, nhưng khi nó bị bắt ai cũng thấy, mà về thì đâu có ai thấy. Người ta đồn tùm lum lắm, thím. Nói nó được đưa đi Mỹ chữa bệnh. Nó bệnh gì chớ. Mà ai mất công đưa nó đi chữa chi vậy, bộ điên sao?

– Vậy nà mày tin nó bị bắt?

– Thì đó, có bị bắt. Rồi tin đồn. Nghe nói nó được hội gì đó đưa qua Mỹ chữa bệnh. Mà cũng không biết chừng đâu thím ơi. Đêm nó cứ ngửa mặt lên trời mà khấn vái. Biết đâu ông trời thương... Nói vậy thôi chớ hồi đó đến giờ ai biết nó sống chết ra sao đâu, thím.

Bà Bắc buột miệng:

– Mình mong nà mong chuyện tốt, tao cũng cầu giời cho nó được thế...

Nói xong, cái miệng hô của bà Bắc cố gắng khép lại mà không được. Con Quê cũng làm thỉnh luôn. Nhưng nó cứ thở ra, thở ra, rồi dụi đầu vào thằng bé, hít lấy hít để.

Khi bà Bắc trở lại góc đường Tự Do – Lê Thánh Tôn thì dì Ba đã kê xong thùng bán thuốc lá sát lề đường. Dì Ba ngồi trên cái ghế cao kê đằng sau. Phải ngồi cao hơn thùng thuốc mới canh được cả bốn phía. Hở cái là mấy cái thằng quỷ con chỉ đi qua, nghĩa một cái là biến mất một gói thuốc. Dì thả lỏng một chân, một chân đưa lên ghế, cái kiểu ngồi đó nó quen rồi. Đang sửa lại mấy gói thuốc cho ngay hàng thẳng lối, vừa dợm mắt ngó quanh thì thấy bà Bắc đã tới gần. Dì Ba hất mặt hỏi:

– Lại vào.

– Vâng, thì cũng phải nài vào thôi.

12. Bà Bắc vào Nam kiếm chồng | 437

– Vào làm gì nữa. Người ta đã không đoái hoài. Bà có chết người ta cũng không ngó. Sao hồng ở ngoài cho yên.

– Yên rì mà yên. Cũng không sống lỗi mới phải mò vào đây đấy bà ạ.

– Vô đây rồi sống nổi hông? Lần này tui hồng giúp nữa đâu, đừng mong. Tui nè, cũng vì bà mà bị cảnh cáo lên xuống mấy lần. Bà tưởng rồi bà cũng yên sao đây?

Bà Bắc cúi đầu. Mấy sợi tóc bạc không ăn nếp trong vành khăn rung rung. Dì Ba thương cảm, lắc đầu:

– Đã biết rồi, đơn thưa, kiện tụng cũng đã rồi mà còn chưa đi tới đâu. Người ta càng ngày càng làm lớn, thế lực họ càng nhiều... Nhà báo lớn đó bà ơi. Nội từng chồng báo “Sài Gòn Giải Phóng” con vợ cân bán ve chai hàng tuần cũng đủ mua vàng cất kỹ rồi, nói chi nhiều thứ khác, sách vở, tranh ảnh phản động nữa chi...

– Sao lúc tôi còn ở ngoài ta, tôi nghe lói trong

lam sách truyện phản động đã bị đốt hết...

– Ở đó mà tin. Trò mèò cả. Thì có đốt, mà đốt khi nào mới hết. Bán đấy, bà ơi. Bán cho tui buôn sách cũ, rồi họ bán chui bán nhủi, bán cả ra ngoài Bắc luôn.

– Sao bà biết.

– Sao không biết. Thì chồng cũ của bà đó, cả vợ cả chồng, giấm giúi bán sách cũ, luôn sách Ngụy tịch thu của người ta nữa kìa, cả núi sách. Tui ở đây làm bà thần giữ cửa, có thấy cũng làm như đui con mắt mới yên. Chớ hổng biết điều tui cũng bị búng gốc lâu rồi.

– Chuyện đó ở đâu cũng vậy. Tui còn nạ rì, nó nung tung năm bà ạ.

– Thì vậy, già rồi, ở ngoài đó cho yên thân. Vô đây rồi làm gì được nữa. Nhìn thấy bọn nó đi ra đi vô, có ngày tức bể tim mà chết, oan không? Có chết họ còn vui mừng chớ xót thương chút nào hông. Đã hổng có tiền, hổng có hộ khẩu, ai dám chứa. Vậy mà cứ thấy thẳng chả đèo con vợ là sẵn tới. Chúng có thèm ngó đâu, con vợ còn cười

12. Bà Bắc vào Nam kiếm chồng | 439
cười, nói nói xỏ xỏ xiên xiên, còn chồng thì mặt
mày khinh khỉnh. Ai thấy cũng bất bình, nhưng
ai dám xía vô bênh bà chớ hả.

Dì Ba bực bội, cầm cái quạt xua xua trên
thùng thuốc mà chẳng thấy con ruồi nào. Thương
người đồng hương mà đâu có cách giúp được gì,
mà thấy đồng hương lại càng nhớ quê.

– Ở ngoài quê mình có khá hơn hôn?

Quê ở Bắc, nhưng vào Nam đã lâu, giọng Bắc
pha Nam của dì Ba vẫn dễ nghe.

– Ổi giờ, khá cái rì mà khá. Chúng ló giàu
nên, dân mới nà khổ nhiều chứ nị.

– Ruộng nương ngoài có máy cày chưa?

– Hả, nằm rì có. Ở thành phố nhơn có xe hơi
trong Nam mang ra. Ở quê thì người cày, nằm rì
con nhiều trâu.

– Nói điêu, ở ngoài đó người ta nuôi trâu
thiếu giống gì, cái bà này... nói phản động.

– Ai nại không biết. Mới đây bên Tàu mua

móng trâu giá cao năm. Bốn cái móng trâu đắt hơn giá một con trâu. Người ta chặt móng trâu bán, đã nời, còn nời thêm thịt cả con trâu đấy bà. Ruộng núa nhà nước thu mua, còn bán trâu nà nấy tiền bỏ túi, ai chẳng ham, bà. Vậy nà bán tất, tuốt tuốt.

– Tàu nó mua làm gì vậy?

– Tui nằm sao biết được. Chỉ biết giá cao năm. Móng thì giá cao, thịt trâu nhiều lên giá rẻ. Thế nà dân nghèo cũng lém được thịt trâu chứ nì, trước, còn nâu mới mua được thịt mà ăn.

Cả hai người đàn bà đều không hiểu bên Tàu mua móng trâu làm gì nên nói qua chuyện khác. Dì Ba lấy cho bà Bắc một cái đôn. Bà Bắc ngồi thấp lúm, đầu chỉ cao ngang chiếc ghế dì Ba ngồi. Thời gian bà Bắc vắng mặt ở khu phố này, biết bao nhiêu chuyện để hỏi, để nghe dì Ba kể.

Cả buổi sáng, dì Ba bán được chừng ba gói thuốc Vàm Cỏ và trên chục điều thuốc lẻ. Ngồi bán để cho qua giờ và canh chừng người này, người kia, biết ai ở thành phần nào, nhưng việc

12. Bà Bắc vào Nam kiểm chồng | 441
của dì Ba là vài ba ngày phải có báo cáo. Hồi đầu
kia, dì Ba còn hăng hái, nhưng nhờ đôi mắt biết
nhìn, và cái lòng còn biết phải trái, nên về sau,
dì chỉ làm cho có lệ. Tưởng dì ác? Không đâu,
lâu lâu dì cũng giúp người này, người kia. Khu
phố còn mấy căn nhà chưa tịch thu được, vẫn còn
thành phần Ngụy. Dì Ba cũng âm thầm cho biết
coi chừng người này, người kia, công an chìm cả
đấy.

Đến trưa, mua ổ bánh mì thịt ăn. Bà Bắc ngồi
chực một bên, làm lơ sao đành. Dì Ba bẻ đôi ổ
bánh, chia cho bà Bắc một nửa.

– Bà Ba à, bà tốt quá, tôi... Cho tôi gom với
bà tí đỉnh.

– Giữ lấy mà tiêu. Không ai lo cho bà mãi
được đâu.

Bà Bắc kéo áo, hé cho dì Ba thấy cái ruột
tượng thất bên trong:

– Nhờ giời, mấy đứa cháu ở ngoài cũng gom
góp cho tôi tí đỉnh để vào lam. Tôi giữ cũng hãi
lắm, bà giữ giúp tôi.

– Giữ thì giữ. Mèn ơi, có nhiều đây thì sống được nhiều ngày? Này, cầm một ít mà lận trong người. Mà này, đi chỗ khác cho người ta buôn bán, ngồi ám mãi.

Cả buổi chiều, bà Bắc đi xuống hết con đường Đồng Khởi, mà người ta vẫn gọi tên cũ là đường Tự Do, đặng bờ sông rồi lại đi lên, ngắm nhìn dãy phố quen thuộc, bà nhìn vào những tiệm buôn. Đã thay đổi nhiều, năm rồi, còn thấy tiệm bán đồ cổ, tiệm bán tranh sơn mài, tiệm bán hàng thêu, tiệm quần áo, giày dép. Nhiều tiệm đóng cửa, có tiệm đã thay đổi mặt hàng khác cho phù hợp với hoàn cảnh. Đường này vẫn còn nhiều khách sạn. Phần nhiều dành cho người ngoại quốc. Không phải chờ đợi lâu, qua giấc trưa, thấy Tây từ những khách sạn đi ra, lên xuống đây trên đường. Tây này là Tây gì nhỉ? Mắt xanh, da trắng bóc, tóc vàng, có người còn trẻ mà tóc đã nhiều phân bạc. Bà thấy sao mà giống thằng Mỹ thế. Lúc ở quê, bà cũng đã thấy thằng Mỹ. Bộ đội anh hùng, bắn rớt máy bay, ở quê bà cũng hai ba lần chứ ít. Thằng Mỹ giặc lái bị trói gô hai tay quặt ra đằng sau, dẫn đi trên đường cho nhân dân ném đá. Nhân dân

thiệt ra la hét, chửi rửa, nhưng khi ném đá tay cũng chùng lại, hòn đá thường ném lạc hướng. Còn bà, cầm hòn đá mà để rớt xuống chân mình, bởi vì bà cứ nghĩ, thằng con của bà đi bộ đội, nếu bị phía bên kia bắt mà người ta ném đá như vậy thì còn gì là con người. Mà ngược đời, người hào hào, cổ động chính là ông chồng cũ của bà. Ở hay, sao vẫn lại chồng cũ. Thì vậy, đối với bà, ông có lấy mười người đàn bà nữa, ông vẫn là chồng của bà.

Thiệt như là một tấm hình không ở đâu có. Sau lưng, bên cạnh, đằng trước, đằng sau, người Tây đi trên đường đều bị bao vây bởi trẻ con bụi đời, mấy bà ăn mày. Lạ, mấy bà ăn mày, con đâu mà nhiều thế, nhỏ thì bế trên tay, còn lúp xúp vài ba đứa biết đi, biết chạy. Có lần bà nghe mấy bà kể chuyện, chửi:

– Tụi Tây Liên Xô cũng nghèo mạt rệp, còn bẩn tiện, keo bẩn. Tụi nó còn chơi gạt mấy bà bên xóm bụi kia, chỉ xách quần chạy là giỏi.

Nói sao vậy. Ở ngoài Bắc, nói tới đồng chí Liên Xô là phải kính cẩn “đồng chí Liên Xô vĩ đại”.

Đụng đến các đồng chí ấy là đi tù mục xương.

Ở đây khác, dân bụi đời tinh mắt lắm, đã phân biệt được các đồng chí Liên Xô và các phái đoàn Tây khác, như người Thụy Điển, người Anh, người Hòa Lan, người Mỹ. Đừng nói con Quê ngu, nó biết phân biệt Tây nào là Tây Mỹ nữa kìa, nó nói lóng rày vẫn còn cái phái đoàn Hát Chê Ai (HCR) của Mỹ còn ở lại, và còn có sứ quán gì đó của Pháp, còn nhiều Tây Pháp. Gặp Tây này mới hên. Bà Bắc vẫn chẳng thể nào phân biệt được. Tây là Tây, chỉ phân biệt được có đứa cao, đứa thấp.

Đi lên đi xuống, con đường này lần trước đã đi mòn dép, bà Bắc vẫn thấy lạ, vẫn giương đôi mắt bèm nhèm nhìn, như mán lặc chợ.

Bà Bắc nhìn ánh nắng mặt trời, đo chừng giờ để trở lại chỗ dì Ba bán thuốc lá. Canh làm sao đến đó trước giờ công nhân đi làm về. Phải nhìn cho rõ con đàn bà giựt chồng, thằng đàn ông bội bạc mặt mũi làm sao rồi. Đến nơi bà Ba, bà Bắc giả lả:

– Ui giời, mới có gần lắm mà sao cái rì cũng thay đổi, nhìn không ra. Đường phố cả Tây nà Tây. Bà còn bán à? Tưởng đã dẹp nghỉ rồi.

– Dạo này tôi bán đến tối. Ngồi coi đường phố cũng vui mà bán được thuốc lá lẻ.

Bà Bắc hỏi dò:

– Giờ lày tan sở chưa chị?

– Hỏi làm gì? Thằng chả chưa về đâu, tan sở còn đi rước vợ, đi chợ búa, lung tung lắm, ai biết giờ nào mới về. Ngóng thằng chả phải hôn? Còn ghen gì nữa mà ghen cho khổ thân. Già hai thứ tóc rồi. Thằng chả cũng chẳng còn ngô khoai gì. Thôi bà ơi. Về ngoài đi cho yên.

– Yên rì được mà yên. Ngoài đó cũng đói năm lên tôi mới vào đây. Chứ tôi còn thiết rì ông ấy nữa.

– Nói thì hay lắm. Vậy mà thấy mặt là lại nổi cơn tam bành, ghen chết ghen sống. Để làm gì vậy? Được gì không?

– Thì tui chỉ cần hỏi thằng cha cho ra nhẽ. Chứ nó đau trong nòng nắm bà ơi.

– Thì đúng đó mà chờ. Hết nói nổi.

Dì Ba bực bội gắt. Bà Bắc cũng biết điều, không đứng mà ngồi chỗ hỏ xuống đất, bên lề đường. Không lâu, bà đã nhìn thấy ông trên chiếc Honda từ ngã tư Lê Thánh Tôn queo lại, tắt ngay vô lề. Ông đó. Bà run lên. Làm sao bà có thể quên được người đàn ông đã sống với bà bao nhiêu năm, trong thời chiến tranh cơ cực, có bữa bà đã đói meo, nhường cơm cho chồng. Những lời hứa hẹn của ông trước khi đi Nam công tác bà còn nhớ rõ như in. Vậy mà, cái con đàn bà giựt chồng đang ngồi sau, ôm eo ông, ôm chặt như sợ ai giựt. Bà vụt đứng lên, tắt tả đi về phía ông.

– Ông ơi, ông cho tôi lói một nhời.

Người đàn ông tắt máy xe, chắc chắn nhận ra bà rồi mà vẫn làm như không nhìn thấy, quay lại nói với bà vợ đang thả eo chồng, xuống xe:

– Cẩn thận, em. Mình vô nhà.

12. Bà Bắc vào Nam kiểm chồng | 447
Ông dắt xe lên lễ. Bà Bắc bước lại gần ông:

– Ông ơi, tui khổ sở nặn nội vào đây tìm ông.

Ông quắc mắt:

– Vào đây làm cái gì? Đã thấy rồi đó, sao dai thế?

Bà dợm theo một bước. Ông nói lớn:

– Lùi ra, con mẹ điên. Lải nhải gì thế?

Lạnh lẽo, tàn nhẫn, ông dẫn xe đi vào tòa nhà lớn, con đàn bà giựt chồng vẫn sát bên cạnh, từ hồi tới giờ, không thềm nhìn người vợ cũ của chồng, dù bằng nửa con mắt.

– Thấy rõ chưa. Biết thân đi bà ơi.

Dì Ba mắng bà Bắc, vừa tức bực vừa thương cảm. Bà Bắc lại ngồi xuống, lết tới bên thùng thuốc của dì Ba, lặng lẽ kéo vạt áo lên chùi nước mắt.

– Đã nói thôi đi, đừng nghĩ tới nữa. Thì vô đây sống cũng được, dù sao cũng dễ sống hơn ở

ngoải, còn ghen tuông cái đánh gì mà ghen. Bà ngu vừa vừa... Thôi đứng lên đi cho tui dẹp hàng. Già rồi, ngồi riết đau cái lưng...

Bà Bắc mãi khóc, chứ lưng của bà cũng đau. Bà phải đứng dậy, nếu không, chắc bà ngã xuống nằm vạ với lề đường mất.

Tối hôm đó, lòng dạ bà Bắc không yên, nó cồn cào như lộn ruột, nứt gan, bà lang thang cả buổi tối, buồn bã, thất thần. Bà giận luôn cả bà, sao khi gặp ông, miệng mở không ra một câu cho ra hồn. Mà được gì cơ chứ. Lần trước bà đã van xin, năn nỉ, thiếu điều lay ông, chửi bới, ăn vạ, nằm lăn ra đường. Đã tới được nơi ông làm việc, kể lể, khóc lóc, rồi bị ông sai bảo vệ lôi ra đường, xây xát cả người. Thì bà cũng đã về Bắc sống với con. Con trai trăm bề vật lộn với sinh kế, con dâu phàn nàn về mẹ chồng, con cái, toàn là những chiếc tàu há mồm. Thằng cháu nội có lần cãi nhau với bà, chửi tục:

– Đéo mẹ, bà nội cái đéo gì.

Phân bua thì con trai dấm ngực kêu trời, con dâu day nghiêng.

– Bà không ra bà, cháu nó mới hôn. Sao bà nói ở trong Nam sướng lắm, ông làm lớn lắm, không vào đó mà ở, mà hưởng.

Thì hẳn vậy, ở đây, ngoài bà, người ta chẳng sung sướng hơn sao. Đường phố buổi tối nhộn nhịp, người đi lên, kẻ đi xuống, ăn mặc tươm tất, sang trọng. Nhiều tiệm ăn, khách sạn mở đèn sáng trưng. Qua một vài nơi, tiếng kèn, tiếng nhạc vang ra đình tai nhức óc. Xuống dọc phố Lê Lợi, phía góc đường kia, quán nước mía, sạp bán các thứ thức ăn, người lớn, con gái con trai, ăn uống, nói cười, sao mà vui quá. Còn bà thì lạc lõng, như mất hồn mất vía. Hôm nay, được nhìn thấy mặt ông, tưởng vui được nhớ thương, ngùi bết hờn tủi, nào ngờ chỉ thêm bẽ bàng, tủi hổ. Bà biết, ông đã coi bà còn hơn người dưng.

Có lúc bà muốn hét lên, la khóc như con mẹ đại, nhưng rồi bà dần lại được. Làm vậy, công an sẽ bắt nhốt bà, đưa bà đi đến một vùng kinh tế nào đó, ở đó thành mán, thành mọi, ôi kinh hãi lắm.

Trở ngược lại thôi, hai chân đã đau nhức. Lúc băng qua đường, đoạn ở nhà hát thành phố, chút xíu nữa là bà bị cả một đoàn xe đạp đang đua trên đường tông phải. Bà nhảy được lên lề. Hú hồn, mặt bà tái xanh và tim trong ngực bà đập liên hồi.

Đứng một lúc cho cơn sợ giảm đi, bà mới lo tính tới chỗ ngủ. Đã khuya, chắc dì Ba ngon giấc lâu rồi. Phần phía sau hẻm của tòa bin-đinh không chắc đã có chỗ nằm. Bà ngó lên lầu cao, lúc này ông cũng đang ôm con đàn bà cướp chồng mà ngủ. Bà Bắc nghĩ tới con Quê, đứa con gái tội nghiệp cụt một cánh tay vì chiến tranh, đã lên thành phố từ lúc còn nhỏ, làm đủ thứ nghề, cả trộm cắp để sống, lớn lên chỉ biết có nghề làm gái, rồi đẻ con lai Tây. Con Quê đã ngỏ lời tử tế với bà. Bà đi về phía công viên.

Cả khu công viên tối thui, không có một ngọn đèn. Bà Bắc cẩn thận dò đường, bước lên từng bậc cấp. Bà biết, trong bóng tối, vẫn còn nhiều sinh hoạt, những cặp tình nhân, những cô làm gái đi khách, những người không hộ khẩu tá túc

12. Bà Bắc vào Nam kiểm chồng | 451
vào đêm. Đã cẩn thận vậy mà cũng có lúc bà vấp
vào những thân người, rồi nghe tiếng chửi. Một
lát sau, bóng tối nhạt hơn, nhờ ánh đèn đường ở
xa và bà cũng quen mắt. Rồi bà va vào một bóng
người trước mặt. Không phải một bóng mà là hai
bóng. Một que diêm bật lên rồi tắt nhanh. Giọng
đàn ông:

– Con mẹ điên nào đây? Xéo.

Trong bóng tối mà, sợ gì. Đang buồn, đang
tức, bà trả lại:

– Đường người ta đi chứ của ông bà ông vãi
mày à...

Giọng con gái:

– Động cho cái giờ.

– Lày, cái dĩ, đụng người ta còn nớn họng na
ai?

– Con mẹ điên, nói ai dĩ. Đánh bể mặt, ở đó
sủa...

Trong bóng tối, cất lên một giọng ngai ngái như từ đâu dưới cỏ:

– Nè, mấy người, Việc ai nấy làm. Nửa đêm nửa hôm còn ồn ào. Đ.M. cắt, xéo.

Hai cái bóng biến lẹ. Bà Bắc cũng nín khe. Một sự nhin chín sự lành mà. Mấy chục năm ngoài Bắc, không nhin thì sao sống nổi tới ngày nay, sao hôm nay cái miệng cứ nói, cứ muốn gây chuyện.

Rồi bà Bắc cũng lẩn tới được gang san của con Quê. May chưa kìa, cái ghế đá trống không mà hai chân bà thì muốn xuôi. Ngồi xuống thấy đã gì đâu. Nằm xuống còn đã hơn, lim dim mắt một tí là bà Bắc chìm vào giấc ngủ.

Nằm mơ không? Ai kéo chân bà, ai đá vào bà bình bịch vậy. Thấy đau mà, bà tỉnh cả ngủ.

– Ai cho nằm đây. Ngon quá há. Ở đâu tới dành ghế. Vô diên.

– Tôi...

– Kinh tế mới phải hôn? Ở đây hết chỗ rồi. Đi chỗ khác.

Bà Bắc dụi mắt mấy cái, rồi nhờ có một chiếc xe hơi queo ngã tư chiếu đèn, bà nhận ra một chị đàn bà trên tay bế một đứa bé.

– Tôi... tôi nà... chị ơi, không phải trốn kinh tế mới về đâu.

– Không phải? Vừa ra tù hả? Tội gì? Ăn cắp? Lừa gạt? Vô gia cư?

Tất cả các tội này bà đều không có. Nói là “vô gia cư”, bà càng không phải, bà có hộ khẩu ở Bắc, trong Nam này, chồng bà là cán bộ, lại là cán bộ văn hóa cấp cao, bà là vợ, sao không liên can? Nhưng rõ là tình ngay lý gian.

– Hả, sao hổng trả lời. Muốn gì nữa đây? Tính chôm chĩa, trộm cắp... Đi chỗ khác, chỗ này hổng có gì đâu.

Khó khăn lắm bà mới lên tiếng được:

– Tôi không phải thế... Tôi tìm con cụt...

Bà định nói “con cụt tay” ... nhưng lại sợ chị đàn bà giận, nên sửa lại:

– ...Tìm con Quê.

– Ở đây không có ai là que, là củi gì hết trơn. Đi chỗ khác, nhanh.

Bà Bắc nhận ra chị đàn bà này rồi. Bà còn nhớ tên nữa kìa. Chị Thìn này có mặt ở xóm bụi dâu từ thời mới thống nhất. Nhưng chị Thìn không nhớ cái bà từ Bắc vô Nam tìm chồng này. Có gặp, có thấy, nhưng chuyện bên kia, cách một con đường đã chia ra làm hai phường, mạnh ai nấy sống. Có rảnh đâu mà chực chuyện thiên hạ.

Nhận ra thằng nhỏ con của con Quê bà mới gặp hồi trưa, bà nói:

– Chị ơi, tui tìm mẹ của thằng bé này, là cái Que hay Quê...

– Chị biết má nó?

– Vâng, mẹ nó là... cụt một cánh tay.

– Rồi sao? Cụt tay thì ăn nhằm gì chứ. Bà mới là què miệng.

– Vàng, vàng.

Thấy cái bà này lớn tuổi, chịu thua mình quá, chị Thìn cũng thấy hả hê trong lòng. Rồi lại thấy giận con Quê. Khuya lác rồi, chưa thấy về. Làm ăn gì thì cũng có chừng có mực chớ. Chết ghen con! Nhưng rồi chị đổi giọng:

– Ai như nó dzìà kia. Con Quê phải hôn mậy?

– Ủa, chị Thìn, thằng chó ngủ chưa dzậy?

– Rồi mày. Mà nè, cái bà này ở đâu đến tìm mày kia. Mày biết bả hông?

Con Quê khom nhìn:

– Biết. Thím Bắc đây mà. Bộ chị hông biết thím sao?

– Tao hông biết, mày mà chưa về là tao đã đuổi bả đi cho khuất mắt rồi.

– Hiểu lắm hết. Nè, thím, đây là chị Thìn. Nói cho chị nghe, thím mới ở ngoài Bắc vô.

Chuyện gì lạ vậy? Con Quê sanh đẻ trong

456 | Nhã Ca

Nam, sao có một bà thím ở ngoài Bắc? Bà con ở trên trời mới rớt xuống? Con Quê tía lia cái miệng:

– Thím ơi, chị này độc cái miệng nhưng cái bụng tốt lắm. Hồng có bả giữ thằng bé là tui hết làm ăn được. Bữa nay cũng mệt đừ. Làm việc suốt, suốt, nhưng thấy thím là tui vui.

– Mà năm rì nửa đêm nửa hôm?

Chị Thìn xía vô:

– Làm gì hả? Xời, đêm khuya, chỉ đi bắt mối, bắt chim, trong mấy lùm cây kia kia...

Có vậy mà chị Thìn với con Quê bịt miệng mà cười. Bà Bắc nghểnh ngãng, nghe không rõ lắm, đoán con Quê đi bắt thần lẩn, rần mối gì đấy. Việc này cũng dễ, bà cũng làm được, khó khăn gì!

– Mấy con đó ở đây nhiều không? Mà cho tao đi bắt cùng nhé?

Con Quê lại bịt miệng cười. Chị Thìn lắc đầu,

12. Bà Bắc vào Nam kiếm chồng | 457
sao con Quê lại có một bà thím quê mùa, ngu
ngốc đến vậy.

– Bà có bà con với mày thiệt hôn?

– Tui có nói với chị, bà bà con với tui hôn?
Thấy bà lặn lội từ Bắc dò Nam tìm chồng, mà lần
nào cũng bị hất hủi, tội lắm, mới thương. Gặp bà
buổi trưa nay thôi. Tui nói thím không có chỗ
ngủ thì qua đây với tui... Chỗ còn thiếu cha gì.

– Mới gặp trưa nay thôi... Sao mày khủng
quá vậy? Khi khổng khi không...

– Thì cũng hơi khủng khủng như thằng Hôi
vậy. Bà à nghen, nếu hồi trước thằng Hôi không
giúp cho, còn lâu chị mới nhập hộ được ở đây.
Sao mau quên dzậy bà?

– Trả con cho mày nè. Tao về ngủ. Mày lo
cho bà thím của mày đi.

Thím Bắc đưa tay, chị Thìn vui vẻ trao thằng
bé đang ngủ say cho thím. Chị còn biết nói gì
nữa. Không phải hồi nãy chị đã ru thằng bé: *Bầu
ơ thương lấy bí cùng. Tuy rằng khác giống nhưng*

chung một giàn. Làm gì được là bầu bí, chỉ là một thứ cây leo dại, bám vào bờ bụi, cây cối ở khu bụi này mà sống với nhau. Chị Thìn thấy thương con Quê, tự nhủ có khi nào rảnh, sẽ giúp bế con cho nó, dù đồng tiền con Quê chia cho chị không đáng là bao.

Buổi tối hôm đó con Quê thu xếp cho bà Bắc ngủ chung với nó cùng một chiếc chiếu trải trên cỏ, bên cạnh chiếc ghế đá mà mọi người đã xem như là vật sở hữu của con Quê buổi tối khuya. Con Quê đặt con bên cạnh, mới nằm xuống đã ngủ như chết. Lần vào Nam trước, bà Bắc thỉnh thoảng được vào ngủ chung với bà Ba trong tòa nhà, dưới gầm cầu thang. Bà Ba nằm trên ghế bố, còn bà nằm dưới sàn gạch. Vừa sạch vừa mát. Có hôm nằm ngủ trước hiên nhà bà Muội, hoặc khi nào cùng lắm thì ra hẻm sau, chỗ của dân chích choác. Lần này, chưa thấy dì Ba nói gì về chỗ ngủ, cũng chưa gặp bà Muội. Gặp con Quê giúp đỡ nơi màn trời chiếu đất này, bà chưa quen nên khó ngủ, đến gần sáng mới ngủ thiếp đi một lúc.

Chờ sáng, bà trở dậy. Bà biết chỗ máy nước của công viên, nhưng phải chi tiền để được một lon nước rửa mặt, súc miệng. Ăn bánh mì vẫn chưa thấy ngán, bánh mì ở đây ngon gì đâu! Chờ xe bán bánh mì ở bên kia góc đường bày ra, bà mua một ổ bánh mì thịt để đãi con Quê, tỏ lòng biết ơn. Con Quê nhìn thấy ổ bánh mì, kêu lên:

– Mèn ơi! Ai biểu thím mua. Tui cũng có tiền. Thím có nhiều giữ mà mua thức ăn. Kiếm tiền không dễ đâu. Thím thì hết đi bắt chim, bắt rắn mới được rùi.

Riết rồi bà cũng hiểu ra, đi “bắt mồi” không phải là đi bắt thằn lằn hay rắn mồi. Bà cũng không thể đi “bắt mồi” được. Hai thím cháu vừa ăn vừa nói cười vui vẻ. Công viên ban ngày thấy vắng tanh, dân bụi đã tản mát các ngã đường kiếm ăn. Con Quê tính trong ngày, khi gặp Bảy Cà Tong sẽ nói Bảy giúp cho thím Bắc nhập cư luôn, chỉ có công viên này là có thể ở mà không cần hộ khẩu. Nhưng cũng chìm nổi lắm. Vẫn có những cuộc bố ráp bất thành linh, và lúc nào cũng được báo động trước, để khi phường này bố ráp, chỉ chạy

qua đường là phường kia, ranh giới rõ ràng, nước sông không đục nước giếng. Được vậy dân bụi cũng biết gom góp nhau để đóng hụi chết hàng tháng cho ai đó, gọi là thủ tục “đầu tiên”, tiền đầu!

Khi con Quê đã bế con đi dọc đường Tự Do để xin ăn, chạy theo những người Tây đi trên hè phố, thím Bắc không còn biết làm gì. Chờ dì Ba bày thùng thuốc bán, thím lại đi qua, tán chuyện. Dì Ba hỏi đêm qua ngủ ở đâu? Dì có lòng chờ, thu xếp cho thím Bắc ngủ nhờ, nhưng chỉ một bữa thôi. Gầm cầu thang nay đã chất đầy sách, báo giấy, chai, lọ của của cả bốn năm hộ trên lầu, tuy dân ve chai ghé đến đều đều, nhưng vừa trống là lại đầy ngay, chỗ kê ghế bố ngủ của dì Ba, đã bị vây bốn phía. Con Quê tự nhiên thấy thương thím Bắc quá. Nó đã điều đình với Bảy Cà Tong, chủ công viên Ngàn Sao này. Nó nói khéo, nói hay làm sao mà mọi người khi nghe chuyện thím Bắc cũng đều động lòng trắc ẩn với dì, và ghét thẳng cha cán bộ văn hóa như đào đất đổ đi. Ghét thì ghét, ai cũng biết, đổ làm gì được thẳng chả. Đã nghèo rớt mùng tơi, cái thân còn chưa lo được, đục đến thẳng chả, đi tù như

12. Bà Bắc vào Nam kiếm chồng | 461
chơi. Còn con cướp chồng, mặt dương dương tự
đắc, nhìn người khi dễ có nửa con mắt, mấy bả
chỉ chửi đằng xa, sau lưng, còn đến gần thì cố sửa
cái mặt tỉnh như ruồi, đi qua cho nhanh để được
yên chuyện.

Thím Bắc vậy mà được lòng cả xóm bụi. Ai
cũng nói vào cho thím Bắc:

– Thìn à, nhớ canh chừng bả, chớ cứ thấy
thằng cha với con mẹ là nổi điên nổi khùng, có
bữa công an nó hốt đưa đi mất tiêu luôn đó.

– Thì tui cũng thương, hoàn cảnh bả tội quá
chùng. Nhưng tui cũng bận giữ mấy đứa nhỏ cho
mấy người làm ăn. Tui ba đầu sáu tay gì hơn mấy
bà.

Thật ra có ba đầu sáu tay cũng không canh
giữ được thím Bắc. Vô công rồi nghề, lại được
ngủ “khách sạn Ngàn Sao”, thím Bắc đã quen mặt
gần hết, vui vẻ chào hỏi, khi rỗi rảnh cũng nghe
thím Bắc kể chuyện lòng... Hai nhân vật cán bộ
lớn và con cướp chồng được mắt dân bụi chiếu
cổ. Tuy vậy, ai cũng khuyên thím Bắc đừng nên

dây dưa, ghen tuông làm gì nữa. Nghe thì có lý vậy, nhưng thím Bắc vẫn không cam lòng. Chẳng thà khuất mặt, còn đây, hằng ngày, cái cảnh đèo nhau đi, đèo nhau về, cứ như cái đinh đâm vào mắt thím. Vậy là bùng nổ.

Một buổi sáng, bà Bắc ngồi với bà Ba ở thùng thuốc lá. Dì Ba ngồi trên ghế cao, bà Bắc ngồi bệt dưới đôn thấp. Họ cùng chia nhau mấy củ khoai lang luộc. Sáng nào cũng có bà già lưng còng, mặt ngó mặt đất cắp thúng rao bán khoai, dắt hàng lắm.

Đúng lúc đó, ông nhà báo xuất hiện, dắt cái xe ra. Ông đã đổi khác nhiều quá, người có da có thịt, mặt hồng hào. Có bóng lộ, gạo trắng nước trong, ông đổi tướng thấy rõ. Cái đuôi đằng sau vẫn là con đàn bà cướp chồng. Coi ngựa mắt quá đi! Con cướp chồng diện áo xoa thêu, quần lãnh đen bóng, kẹp cái giỏ ni lông màu đỏ chói, loại mới của một công ty quốc doanh sản xuất từ mù nhựa cũ tái chế. Thím Bắc nhớ lời khuyên của dân bụi, đã nuốt cơn “tam bành lục tặc” xuống. Nhưng con cướp chồng nhìn thấy bà, cười cười

12. Bà Bắc vào Nam kiểm chồng | 463
bước tới, ngồi sau xe, ôm ông khít rịt. Và không
hiếu vô tình hay cố ý, còn chu mỏ nhỏ toẹt nước
bọt xuống lề đường. Thím Bắc ngừng nhai, củ
khoai nắm trên tay.

– Tiên sư ló, con cướp chồng.

Người đàn bà quê mùa tội nghiệp đứng bật
dậy. Miếng khoai lang đang ăn dở rớt xuống đất.
Hàm răng hô chìa ra như muốn cắn, ánh mắt
căm hờn. Dì Ba nắm tay bà Bắc giữ lại:

– Thôi, đừng sinh chuyện nữa.

– Tôi... tôi... Ồi giờ ời...

Tiếng kêu của bà Bắc ghen ngào, mắc ở cổ.
Ông đang rướn người đạp nổ máy xe. Thành linh,
lấy hết sức lực, bà Bắc như mũi tên bắn tới trước,
nhanh nhẹn một tay nắm cục tóc bới to của con
giặt chồng, một tay xô đẩy người đàn ông. Ông
nhảy xuống xe, giành lại vợ. Chiếc xe ngã, nằm vắt
nửa trên nửa dưới lề đường, máy vẫn nổ.

– Con khốn nạn, mày làm gì thế?

- Nằm rì à? Tôi sống chết với con giựt chồng.
- Bỏ ra. Mà muốn chết tao cho chết.

Với người đàn ông đã cầm súng, từng vượt Trường Sơn, từng giết người, với một người yếu đuối như bà Bắc có nghĩa lý gì.

Xô mạnh một cái, bà Bắc đã ngã xuống đất, đầu đập vào lề đường:

- Ối giời ơi... “Ló” giết tôi. Bớ nàng lược ỏi, đảng ơi...

Bà dấy đành đập, kêu ông phường, kêu sở công an, kêu nhà nước, kêu luôn cả bác Hồ. Người đàn ông đỡ bà vợ miền Nam lên lễ. Con giận làm mặt ông tím tái, trán kéo đầy nếp nhăn. Tiện chân, ông đá mạnh bà vợ miền Bắc, rồi dẫm một chân lên người bà:

- Con đàn bà khốn nạn.

Ông đá liên tiếp vào người bà Bắc. Thằng Phu sửa xe đầu đường bất bình chạy lại. Nó kéo ông ta ra rồi đỡ bà Bắc dậy. Chị Mùi cũng le te chạy ra đỡ một tay. Thằng Phu sừng sộ:

– Ông làm gì đánh người ta. Trời đất, coi nè.

Máu nhỏ giọt từ một bên đầu bà, dính vào tóc bê bết, chảy cả xuống một bên mặt. Đau quá, bà Bắc không kêu được nữa, rơi vào mê sảng. Dì Ba ngồi yên lặng, không can thiệp, nhưng trong mắt dì, thấy ghét giận gì đâu.

Ông vẫn chưa ngưng, nhào tới tát, thụi bà thêm mấy cái.

Thằng Phu vừa xô ông ra, vừa kêu:

– Đánh chết người ta sao đây. Đàn ông gì mà tồi...

– Chết gì? Nó làm bộ giả chết. MÀN này diễn hoài rồi, lâu rồi. Con dĩ già.

Một vài người đi đường bu tới coi. Cả vài người đi xe đạp cũng dừng lại. Ông hăm hè dựng chiếc xe Honda lên, nổ máy. Bà vợ mới leo lên phía sau, mặt mũi lạnh tanh, như chuyện đó của ai, chứ không liên can đến mình. Ông rồ ga, chiếc xe vọt chạy, mất hút ở khúc quẹo.

Dì Ba bây giờ mới thở ra.

– Ôi dào... Đã vậy mà còn ghen tuông gì nữa, con người mà đối xử với vợ con như vậy đó...

Dì Ba còn định nói khác kia, nhưng dì sửa lại lời. Cái thằng cha này làm lớn, lời qua tiếng lại, tới tai nó, thế nào cũng mang thêm họa.

Bà Bắc đã kiệt lực, vì đau, vì nhọc, vì hận, bà là người trên tay thằng Phu và chị Mùi.

– Để bà ngồi xuống. Con Mùi đỡ cho bà đừng té... để tao... Dì Ba lấy thuốc lào dèm vô chỗ đầu bị thương để cầm máu.

Thằng Phu lo lắng:

– Tội bà quá. Hay đưa bà vô nhà thương?

– Nhà thương gì vậy, vô cái nhà ghét đó nội ngồi đợi tới phiên chắc cũng ngày mai. Mà bà có hộ khẩu gì đâu mà mang vô đó!

Bà Bắc được vực vào trước cửa tòa bin-đình dành riêng cho cán bộ cao cấp, họ cũng đi làm, đâu còn ai ở nhà. Nghỉ một lát, thấy máu trên đầu

bà Bắc đã ngưng chảy, bà đã mở mắt được. Bà được đỡ vào nằm trên cái ghế bố của dì Ba ở gầm cầu thang. Chị Thìn nghe tin cũng chạy qua cầm tay bà Bắc:

– Khổ hết biết. Đã khuyên hết lời, không nghe. Tội nghiệp hôn.

Chỉ có chị mới biết cách ngoại giao, biết nói sao cho chú bán trong nhà thuốc quốc doanh cảm động mà đưa cho chị một ít bông băng với chai thuốc đỏ. Bà Bắc được xúc thuốc, băng lại. Băng trắng trên đầu thắm thuốc đỏ lòm, trông bà Bắc càng thảm thương. Bà Bắc tỉnh dần, nhưng khi nói được thì bà như một bà Bắc khác, những câu nói toàn là ghen tuông:

– Mấy bà thấy không? Ối giời ơi, con dĩ...

– Thôi bỏ đi. Ghen rồi chết thiệt thân, thằng cha có coi bà ra gì nữa đâu. Mèn ơi, còn khóc nữa, khóc có làm gì được.

Dì Ba ngáp ngừng:

– Chút xíu nữa đưa bả về bến đi. Bả nằm đây,

chiều thẳng chả về là không yên. Mà tao cũng không yên.

– Được rồi. Tui một mình cũng không dìu bả được. Mùi ơi, mầy phụ tao một tay nha.

– Thì có tui. Bữa nay bà chủ nói trời nắng nực quá. Chiều nấu cháo bào ngư cho bả ăn. Tui sẽ...

Chị Mùi cười, nói tiếp:

– Tôi tối, tui đem một tô cháo cho bà. Cháo trắng thôi, chớ bào ngư bà chủ đếm bao nhiêu miếng rồi. Tui còn không được ăn...

Qua công viên, bà Bắc được nằm trên ghế đá, được đắp một tấm chăn mỏng lên ngực, bà ngủ ngon lành. Nắng nghiêng nghiêng tránh nóng cho thím Bắc. Ngay đường, hàng cây me lá phe phẩy quạt tới cho bà ít gió.

Buổi chiều, con Quê bế thẳng bé về giao cho chị Thìn giữ để đi làm việc khác. Ngạc nhiên thấy dì Ba đang đứng bên cạnh thím Bắc nằm trên ghế đá. Dì Ba, tuy ở gần xít, có khi nào bước chân vô cái xóm bụi này, dù dân bụi ở đây dì đã lờn mặt.

Bị bố ráp, ngặt quá, dì cũng cho vào trốn trong chân cầu thang, hay mở cửa sau cho chạy ra phía đường khác. Dì Ba, miệng thì càu nhàu, càu nhàu khó chịu, nhưng cái bụng không ác, dì vẫn ngầm giúp đỡ kẻ thế cô. Cái cột đèn còn muốn có chân mà đi, hưởng hồ dì là con người. Trước có nghe theo, làm việc cho họ, nhưng cũng sáng mắt ra nhiều rồi.

– Ủa, dì Ba... Mèn ơi, bữa nay giông bão dữ lắm nha, mới thấy dì Ba qua đây. Mà thím Bắc, sao nằm cứng đờ vậy, thấy mà ghê.

– Bả bị thằng chả xô té, đánh, đá. Cái đầu chảy máu tùm lum.

– Dữ hôn. Thằng ác nhen.

– Thì tình đời là vậy. Khi lấy người ta, vợ vợ chồng chồng. Một ngày cũng là tình nghĩa, đối với nhau, khi trở mặt thì y như...

– Như con chó há dì. Không, con chó cũng hồng vậy...

– Mà nói đó nghe. Tao không nói.

– Xì, lúc đó có tui, tui chửi vào mặt, sợ gì chớ. Đã cùi còn sợ hủi sao.

– Vậy đó. Tàn nhẫn thiệt. Đánh bả bể đầu, thằng chả bỏ đi không thèm lý đến...

– Sao bả không đi thưa cho cái ủy ban nhân dân gì đó xử cho chết cha thằng chả luôn.

– Thôi mày, ở đó xúi. Chuyện gì bả cũng đã làm hết rồi, mà không đi đến đâu. Tao về đây, mày nhờ con Thìn coi chừng bả. Nếu bả dậy đừng cho bả đi đâu.

Qua ngày hôm sau, mọi người biết bà Bắc không chết chóc gì. Bà đã biết đói, đòi ăn, biết khát, đòi nước. Nhưng giọng của bà đổi khác hẳn đi, không the thé mà nhỏ xuống, trầm hơn:

– Tồi sao vậy mấy bà. Tồi ngủ mấy ngày rồi!

– Mới ngủ có hơn một ngày thôi, mà làm sao?

– Tồi thấy nạ nảm, ló vui vui, buồn buồn...

Tay bà yếu đi nhiều, cầm vật gì cũng hay rơi, ly nước trên tay cũng sóng sánh, mắt cứ nhìn đâu

12. Bà Bắc vào Nam kiểm chồng | 471
đầu, xa xôi. Cái miệng hô mở ra nhưng hôn hờ
như đứa con nít được quà.

Chị Thìn méc với dì Ba:

– Bả lẹ lắm nghe dì. Cứ cười hoài, bị cái miệng
hô quá nên cũng khó thấy.

Dì Ba thử:

– Bữa nay tui cho thím cái kẹo. Kẹo ngon
lắm, của ông Tây cho con Quê đó, rồi nó cho tui
mấy cái. Vui không?

– Vui. Ăn cái kẹo như con nít ấy, ló nạ nạ
nằm sao. Mà thím ơi, cái đầu tôi ló biết quay,
quay vòng vòng. Hi hi, có khi tui không thấy có
cái đầu luôn.

– Thím già rồi như con nít.

– Thì tôi vui. Vui chứ nì. Dì Ba có kẹo không
vui hả?

– Đây, thím có bị sao hôn vậy?

Bà Bắc đưa tay lên xoa xoa chỗ đau, lại cười
hi hi:

– Giỏi! Cái đầu tôi đây rồi, đầu có mất. Ồi, cái mã bố nó. Tui nói tui còn thương, không thương chồng thì thương ai!

Dì Ba mở to mắt ngạc nhiên. Buổi chiều tắt từ lâu mà dì Ba quên dọn cả thùng thuốc vào. Cũng không sao, hôm nay là ngày lễ, bán thêm được đồng nào hay đồng đó. Dưới ánh sáng của ngọn đèn từ trong các nhà hắt ra, khuôn mặt bà Bắc như một người nào khác lạ. Băng quần trên đầu vẫn chưa gỡ ra, trông bà không còn là một người sống, nhưng vẻ khắc khổ, oán hận cũng rã ra khỏi khuôn mặt bà rồi. Coi kìa, cái miệng có nụ cười đầy chữ, nói là nụ cười hay cái mếu cũng được, nhưng hiền lành, tội nghiệp.

– Thím vừa chửi ai vậy?

– Hi hi, tui chửi ai? Ai cũng tốt hết. Ở đây đẹp quá, vui quá nằm sao nài chửi?

– Thím điên rồi.

– Ai điên?

Bà Bắc mở đôi mắt hấp hèm nhìn dì Ba, rồi chột ôm đầu:

12. Bà Bắc vào Nam kiếm chồng | 473
– Ôi, cái đầu tui, nó bể, đau nà đau...

Bà Bắc như muốn té nhủi. Dì Ba đưa bà Bắc vào cầu thang tòa nhà. Giờ này ít ai lên xuống, ra ngoài, mà chỉ sinh hoạt trong từng mỗi hộ trên các tầng lầu. Dì Ba mở cái ghế bố ra, đỡ bà Bắc nằm xuống. Bà Bắc quay mặt vô chân cột cầu thang, im lìm như xác con ve khô. Dì Ba lắc đầu thở dài “tội nghiệp”. Lôi cái chăn cũ, bà trải ngay dưới chân ghế bố, nằm xuống. Ngồi cả ngày, có được đồng ra đồng vào, nhưng cái lưng nó rêm quá, không chắc đủ tiền đau nhức. Nhắm mắt ngủ thôi, kệ chuyện gì ngày mai mệt nhọc. Số phận người nghèo, người sa cơ, hễ mở mắt là thấy khổ.

Ở bên công viên, khách sạn “Ngàn Sao” tối nay dư một chỗ. Không ai thắc mắc, họ đoán biết bà Bắc đã được một chỗ ngủ nào đó, và mai một lại trở về ngủ với họ, dưới ngàn sao.

Ngày tháng trôi qua, bà Bắc đã hiền hơn xưa. Không hiểu sao bà quên chuyện này thì nhớ chuyện khác, mơ mơ hồ hồ trong ký ức, thím tuy là gái quê mà được ở trong phong trào phụ nữ,

được tập tành ca hát. Bà có giọng nên được tập luyện hát ả đào, tuy giọng nói ngọt, nhưng khi hát lên nghe cũng khá lắm, rồi nhờ thế mà gặp ông. Rồi chiến tranh khốc liệt, bà nuôi chồng, nuôi con, cuộc sống lắm than khổ sở, bà quên luôn giọng hát của mình, mà đâu có dịp nào để hát. Vậy là tự nó trào ra trong miệng, bà ư ử hát: Hồng hồng tuyết tuyết... Rồi bà nhớ ra nhiều bài hát... Ban đêm, dân bụi đã yên giấc, bà cất giọng lên, nhưng không ai chửi bới nguyên rủa, mà thỉnh thoảng yêu cầu bà hát, còn cho tiền. Bà Bắc trở thành “thím Bắc” của xóm bụi. Chị Thìn có việc làm khác, bà Bắc giữ thẳng Bò Lai cho con Quê, thằng bé ngủ ngon nhờ nghiện cái giọng hát ru của bà.

Có người gọi thím là “bà Bắc khùng”. Khùng gì đâu. Chị Thìn cãi. Khùng gì mà khôn quá vậy, qua đường biết tránh xe cộ, biết giữ trẻ cho con Quê, biết tắm rửa, lau cứt đái cho thằng nhỏ gọn ơ. Và cũng từ đó, con Quê phải làm việc nhiều hơn, phần nuôi con, phần thêm một miệng ăn cho người trông con.

12. Bà Bắc vào Nam kiếm chồng | 475

Dân xóm bụi vẫn nghèo, nhưng vui. Chiều ba mươi Tết năm ấy, Bảy Cà Tong nấu một nồi xôi nếp lớn. Con Nết gắp mỗi sộp, ra chợ Cũ mua hai con vịt quay, bánh mì. Nước do mụ Cùi, người coi máy nước của công viên cung cấp, nước máy thôi, nhưng nấu chín đảm bảo. Thằng Hôi bấy được một con mèo, đặt trên giàn lửa nướng chín. Chị Thìn, con Kiếm góp rổ khoai lang và mấy gói đậu phộng. Còn nhiều nữa, mỗi người góp thêm một vài món, bày cũng đầy một chiếc trái trên cỏ. Thím Bắc lại được yêu cầu hát ả đào, chèo cổ...

Ăn Tết xóm tụ, dân bụi chọch thím Bắc:

– Nó nấy chồng của thím, thím không đánh chết cha con đã đi.

Thím Bắc lắc đầu:

– Mình khôn rồi. Không ngu tranh thủ nữa.

Rồi thím nói tiếp:

– Ha, ló hầu thấy mẹ ló. Còn chồng tôi thì... Hi hi càng ngày càng mập ra, đẹp.

Đầu năm, thấy chồng cũ và con mẹ giựt chồng chở nhau đi xuất hành du Xuân, thím Bắc đứng nhìn theo, ánh mắt hiền lành với cái miệng cười quá khổ, không khép lại được.

O XƯA

Năm tôi lên mười, O Xưa đã trên ba mươi. Ở con đường Nam Giao, từ đầu dốc tới cuối dốc, O Xưa đi lên đi xuống giống như một cái bóng, vì hình như O không sống với người. O Xưa sống với ma, người chồng ma của O vô hình, ở đâu đó, trên cây, trong cỏ, đậu trên lá, trong vòm trời. O kể lể vậy. Có thể nhìn thấy O Xưa vào buổi sáng, vào giờ công chức đi làm, học sinh đi học và các bà nội trợ Huế ngồi xúm xít bên gánh bún bò ngon nổi tiếng của mẹ Dục, bên gánh cơm hến của mẹ Khế, gánh bánh canh từ Nam Phổ của mẹ Cau. Buổi trưa, lúc O Xưa đi từ trên con dốc xuống, đầu có đội nón thì mấy bà nội trợ đang ngồi lê đôi mách với nhau ở cái quán tre đầu một con hẻm. Cũng có người ngó O Xưa một cái:

– Mấy người coi, con mụ Diên.

– Quá thường, bữa mô cũng chộ, có chi là lạ nà...

Mấy người đàn bà vô công rồi nghề này thấy O Xưa quá thường là phải rồi. Lúc này họ đang có mục vui đùa mới. Ở đâu lạc tới một thằng cha bán cốm, gánh hai cái lu đi lên dốc là niềm vui của họ. Ăn hàng, nói dóc, kể chuyện thiên hạ cũng nhàm, vậy là quay sang người đàn ông bán cốm. Một bà cao giọng hò:

– *Ơi anh gánh cốm hai lu*

Anh cho tui gửi chim cu về cùng

Cu tôi cu ấp cu bông

Chớ bỏ vô... lông mà ốm cu tui...

Có vậy thôi họ cười nghiêng ngả, cười tới chảy nước mắt. Ông bán cốm cúi gằm mặt, lẹ bước đi. Biết, hơn thua không nổi với bọn giặc đàn bà.

– Nì, anh nớ, đem “lu” đi mô rửa anh!

Cười nữa.

O Xưa dừng lại nhìn, con mắt đờ đẫn, khuôn mặt đờ đẫn, hình dạng, tâm trí không còn ở với cõi người ta.

Buổi chiều, O Xưa lại đi lên đi xuống con dốc nhiều lần hơn, nhất là lúc chạng vạng tối. Bao ngày tháng rồi, chiếc áo tứ thân màu nâu phai lạt và sờn rách, tóc vấn khăn xô lệch và tay luôn luôn ôm một cái bọc vải, không biết bên trong có gì. Nhưng nhìn có vẻ như O đang bế đứa con mới sinh. Đi một đoạn, O cúi xuống, nựng nịu, ru hời hởi, không ra một câu quéo gì. Đứa con trong bọc cũng không bao giờ lớn, cứ nằm trong cái bọc vải từ năm này tới năm khác. Chỉ mình O nghe nó khóc và dỗ dành. Có lần, mấy đứa con nít chọc O, xô đẩy, giằng kéo, cái bọc trên tay O rớt xuống bung ra, chỉ toàn là áo quần cũ và giẻ rách. O hốt hoảng, khóc lóc, lượm lại từng cái, ghém lại thành cái gói như cũ.

Đi thất thểu như thế, thỉnh thoảng dừng lại dưới những gốc cây, ngược mặt lên nói chuyện. Những lúc này khuôn mặt O Xưa biến đổi một

cách kỳ lạ. Khuôn mặt xán lạn, trẻ trung, mắt mơ màng, giọng nói tiếng cười nũng nịu. O đã gặp người của thế giới vô hình, người yêu, người chồng của O.

Người ta đồn riết rồi cũng mỏi miệng. O Xưa nói chồng O là chàng Ba. Chàng Ba đẹp trai lắm, nói chuyện rất có duyên. Tuy là ma nhưng chàng Ba ăn ở rất tình nghĩa. Họ đã có với nhau ba mặt con rồi. Không biết có độn bụng không mà lâu lâu thấy bụng của O Xưa phình lên, rồi một thời gian, đúng tháng ngày của một người đàn bà chứa tới lúc sinh, cái bụng lại xẹp xuống. Đứa con sơ sinh nằm trong bọc vải O Xưa bế bổng trên tay, biết khóc biết cười bằng chính miệng của O Xưa.

Không ai biết gốc gác của người đàn bà này. Lúc đầu, họ là một gia đình từ trong Quảng tìm ra Huế sinh sống. Gia đình gồm có ba người, cha mẹ và O Xưa. Họ không được may mắn, bị gạt ra ngoài lề xã hội, nên họ phải dựng một cái chòi nhỏ trong một vùng đất trống toàn sỏi đá và bụi cây dại, chạy xa tới chân núi. Dân gọi vùng này là đất “độn”. Đi hoài không thấy nhà cửa, chỉ có mồ mả và một cái miếu hoang. Nhiều gia đình

không có “nhà vệ sinh”, thường lên “độn” để làm công việc “ỉa đồng”, vừa sạch vừa mát, còn nhìn trời mây, cảnh đẹp. Mỗi lần, người ta đi lên “độn” đều phải qua nhà O Xưa.

Hai ông bà già và O Xưa sinh sống nhờ cái máy xay bột bằng đá. Họ nhận xay gạo, xay nếp, và khi xay, họ phải làm bằng tay, bằng sức lực của họ. Vậy mà gia đình ba người không đủ sống, bữa đói bữa no. Kể đó, ông bà già tiếp tục theo nhau về trời, cô gái mồ côi, sống một mình trong căn nhà xiêu vẹo. Không ai biết tên thật của cô là gì. Thấy cô ăn mặc tồi tàn, tóc vấn khăn vẻ xưa cũ quá, bèn gọi cô là con Xưa. Cũng có người nói cô gái có trải qua mấy cuộc tình. Nhưng nhà nghèo, nhan sắc bình thường thôi, chẳng ai cưới hỏi. Mấy cậu trai thường kháo nhau:

– Con Xưa nó đại lắm, nói gì nó cũng tin.

Căn nhà tồi tàn đã một thời là chỗ tới lui của bọn con trai hoang đàng.

Một ngày nọ, cậu trai nào tới kiếm cô cũng bị cự tuyệt, xua đuổi ra cửa:

– Từ bữa ni tui có dôn (chồng) rồi, đừng ai chọc tui nữa.

O Xưa nói một cách nghiêm trang.

Chuyện về O Xưa mỗi người kể một cách, tha hồ thêm dệt, vẽ rắn thêm chân. Theo họ, câu chuyện bắt đầu từ một buổi trưa sau ngày cha mẹ chết một năm, lúc đó O Xưa vừa mười chín tuổi. Cô bị sỉ nhục, khi hỏi một chàng trai vừa ăn nằm với cô xong:

– Khi mô anh cưới tui?

Anh con trai trố mắt nhìn cô:

– Cưới? Điền chưa rứa? Nì, đừng mơ tưởng hảo huyền hí. Cần tiền đi mua cơm mà ăn.

Miệng nói, hấn nhét vào tay O Xưa mấy đồng bạc. Mở lớn mắt. Không phải ngạc nhiên, cũng không phải giận dữ hay căm hờn, O Xưa chỉ thấy buồn, thấy tủi. O Xưa đi lang thang vào trong độn cát rồi tới cái miếu hoang, cô vào bên trong. Không biết ai đã trải sẵn ở đó chiếc chiếu rách. Chỉ có thể là bọn chăn trâu thường tụ tập ở đây.

Sẵn có chiếu, cô nằm xuống, và cơn buồn trôi dần vào cơn buồn ngủ, cô ngủ luôn.

Giấc ngủ dường như lâu lắm, vì khi cô mở mắt, trời tối đen như mực. Trên bệ thờ ai thắp ngọn đèn leo lét, ánh sáng lung linh, mờ tỏ, như lúc nào cũng chực tắt chiếu những cái bóng cứ phồng lên, rồi thoi thóp trông kinh dị như hồn ma đáng quỷ. O thấy lạnh. Đưa tay sờ thấy quần áo trên người đâu mất hết. Có tiếng cửa kêu cọt két. Đâu có ai đến miếu hoang giữa đêm khuya khoắt này? Chỉ có thể là gió. Không phải. Một cái bóng sừng sững bên cô, rồi cái bóng cử động. Sợ đến cứng họng, không la được, cô nhắm mắt lại. Cô rùng mình, không mở mắt ra nữa. Có một bàn tay đang ve vuốt trên người cô.

– Anh là ai rứa?

Chỉ có tiếng phì phò hay tiếng gió. Không có tiếng người.

– Anh ở mô rứa? Gần đây không?

– Phì phì...

Tiếng thở. O Xưa thét lên một tiếng, ngắt xủ.

Không biết bao lâu, lúc O Xưa tỉnh dậy thì ngọn đèn trên bệ thờ đã tắt. Bóng trắng rọi vào những vệt trắng sữa và bên ngoài giun dế run rẩy điệu thê lương. O Xưa ngồi bật dậy, mớ tóc dài xõa xuống đất, O Xưa đưa tay bới mớ tóc lên. Vừa lúc đó như có ai đè cô nằm xuống. Có điều lạ lùng là O Xưa không còn thấy sợ hãi nữa, cô đưa cả hai tay lên ôm siết khoảng không. Đôi mắt O khờ khạo và miệng mỉm cười ngây ngô hạnh phúc. Hơi thở tấp vào mặt cô, rồi những nụ hôn, cái bóng cô ôm trong tay không có thật. O Xưa nghe một thứ tiếng kỳ dị chỉ có mình O hiểu. Tiếng nói xa xăm, từ một thế giới nào. Và O Xưa nghe, O Xưa nói:

– Anh ở mô mà tới kiếm em rứa?....

– Ở cỗi nớ? Cỗi mô? Hỏi nhà anh a tề?

O Xưa vểnh tai:

– Hí? Nhà anh cỗi cây? Ba trợn chưa tề. Cỗi mô? Cây? Cây mô rứa? Há, rằng cây mô cũng nhà anh hết rứa. Rằng anh có nhiều nhà rứa?

O cười, tiếng cười giòn, vui vang ra bên ngoài, vút lên cao, quất võ mấy vì sao.

– Thiệt hí? Anh thiệt thương tui?

Gió cố đẩy cánh cửa, cột rui trên mái miếu kêu răng rắc.

– Anh đừng làm tui nhột. Nhột quá... Hi hi, anh đừng nói chơi. Anh thương tui khi mô?

Đến lúc này, mấy con tắc kè trên mái mới thức giấc, chếp lưỡi, kêu “tặc tặc tặc... kè.”

– Đừng làm ồn. Tui sợ...

–

– Phải biết chớ rằng không biết. Thôi đi. Cưới tui? Cưới, vợ... Nói chơi nữa tề...

–

O nhúu mày, bộ tịch hờn dỗi...

– Anh đừng giỡn với tui. Chắc? Ờ thì tin... Tui? Răng không chắc. Chắc chơi. Hứa mà. Bữa ni trở lên tui thề, không cho đứa mô ngủ với tui

nữa... Thế rồi, rằng không tin?

– Phì phì...

O Xưa nghe tiếng thở. O co người lại. Cả người O bị siết chặt, siết chặt đến nghẹt thở và cả người O mê mên, gờn gợn bởi sự vuốt ve. O kêu lên:

– Anh thương tui đi... Thương như rửa đó. Rửa đó...

O Xưa, như một người khác rồi. O quần quai, lăn tròn trên chiếc chiếu, run lên và khóc cười. Chuyện gì trước kia, O không hề nhớ ra nữa. Hình như không phải một con tắc kè mà hai ba con, cả chục con, tắc lười ghê quá.

– Lạnh. Tui lạnh lắm. Anh ôm chặt tui đi. Ôm chặt nữa. Đó, như rửa đó. Hì hì, anh thiệt ba xàm ba láp... Cỡ mấy ngày mình gặp nhau? Đừng, đừng đi. Anh đi mô chừ...

Bàn tay O Xưa đưa ra níu kéo trong khoảng không, như nắm vạt áo ai kéo lại.

– Hượm một chút, chưa rợn sáng mô anh...
Hơ, anh đi thiệt rồi tề...

Cánh cửa bị gió rung một hồi đập lập cập rồi bật ra, y hệt như có tay ai đẩy ra đóng vào. Tiếng dế ran nhẹ dần. Gà gáy và trời rợn sáng. Mồ mả và cây cối bên ngoài lằng đằng trong sương mù. Trên bệ thờ có tiếng đồ vật bị đụng chạm. O Xưa ngoái cổ nhìn lên:

– Anh chưa đi hỉ? Răng anh noái láo với em?

Một con chuột thò cái mõm với đôi mắt tí hí nhìn O Xưa. Nó loay hoay thụt lui thụt tới, rồi leo thoăn thoắt lên mép bệ thờ, chui xuống gầm mất dạng. Không biết vì gió hay vì con chuột chạy đụng mà xô ngã chiếc độc bình gây một tiếng động lớn làm O Xưa giật nảy cả người. O vớ vội mở quần áo mặc vào người, lúi vào một mép chiếu sát góc miếu. Đằng sau bệ thờ, vi vu trong tai O tiếng lao xao như người ta nói chuyện.., như nhiều người nói chuyện. Không được đâu, họ sẽ... Đã hứa với chàng Ba rồi, O Xưa đứng bật dậy, vụt chạy ra ngoài. Lúc cô ra khỏi cái miếu con thì trời đã sáng tỏ. O Xưa cảm thấy bụng

cứng nhắc, bèn vén ống quần, ngồi xuống bên bụi dứa dại. Không hiểu nghĩ gì mà O Xưa ngửa mặt lên trời, cười.

Lúc đầu, chỉ vài cái cười mỉm, ánh mắt khờ dại, rồi cười rữ y hệt như con đười ươi.

Từ hôm đó, thỉnh thoảng O Xưa lại cười rú lên, rữ rươi như vậy, dù không có một lý do gì hết. O Xưa không cười với người, vì hễ người nào nhìn O, cười hay hỏi, thì mặt O nghiêm lại, hay ánh mắt như không hề trông thấy.

Không còn một người đàn ông nào tìm tới nhà O Xưa nữa. Căn nhà lạnh tanh, hoang vắng. Chiếc cối đá xay bột không chùi rửa, quáng lợp bụi dày. O Xưa nói là O đã có chồng. Thời gian đầu, O Xưa thường đến ngủ với chồng ở miếu hoang vào ban đêm. Về sau, O tới cả ban ngày để trò chuyện cho đỡ nhớ nhung. Nhưng bọn chằn trâu tới chiếm chỗ, nên ban ngày O Xưa không có dịp gần gũi với người tình. O buồn hiu hãm mình trong căn nhà càng ngày càng rách nát, đợi đến đêm đi tới miếu hoang... Ở đó, thường O cũng ăn các thức ăn những người đi

thăm mộ, đem vô cúng ở miếu... Khu đất sau căn nhà chòi cha mẹ cô để lại là một vườn trồng sắn. O Xưa đã đào xới ăn dần hết, khi nấu chín, khi ăn sống. Thời gian ngắn sau, O cũng được gặp chồng ở các nơi chốn khác, vào ban ngày, ngoài căn miếu hoang. O thường đi tới dưới các gốc cây, ngẩng mặt lên nhìn, cười, nói, tâm tình. Bỗng nhiên, cái bụng O Xưa lớn dần lên. Bọn thanh niên lang chạ trước đây đã ăn nằm với O đều lo lắng, không biết mình có phần với đứa bé trong bụng O không? Có người hỏi thì O Xưa cười:

– Tui có chồng. Tui có mang với chồng tui chơ ai, hỏi chi mà lạ đời rứa!

Hỏi chồng O Xưa là ai, ở đâu? O chỉ lên cây cối, nụ cười hoang dại, xa xăm:

– Đó, chồng tui là Ông Hoàng Ba lặn nghe. Chồng tui ở cõi cây. Chồng tui đi trên lá, cười trên gió, còn tui thì tui đi dưới đất.

Ông Hoàng Ba. Giới đi đến, lên đồng nghe mà chơi với. Ông Hoàng Bà Chúa là của điện Hòn

Chén, mấy bà ngồi đồng đã tốn bao nhiêu tiền bạc, lễ vật. Được ngồi đồng, được Ông Hoàng Ba Nhập, họ phải ăn chay một tuần lễ, tắm gội sạch sẽ. Ở điện Hòn Chén, các bà phải ngồi lúp khấn hàng giờ. Khi Ông Hoàng Bà Chúa nhập, lúc đầu họ chỉ lắc lư đầu thôi. Tới lúc đó là châu văn lên giọng, trống phách phụ họa lâm ly, âm ỉ, đầu người ngồi đồng đảo nhanh, cái đầu lắc, cả người lắc. Ông Hoàng Ba, đẹp trai, giọng nói thanh như ngọc, hay cột nhả, nũng nịu. Khi “ông lên” ông hay tặng quà cho các bà, khi thì trái chín, khi thì bông hoa. Hoàng Ba còn hay “lấy” nữa, có khi mới nhập, chê “con nữ” không tâm thành, hay quần áo bữa nay xấu xí, ông Hoàng không thích, vậy là ông “thăng”.

Khác với Ông Hoàng Ba, cái giọng nói, điệu bộ làm cho mấy bà chết mê chết mệt, là ông Chín Thượng Ngàn khi “nhập đồng” la hét, vật vã, còn xiên lình coi khủng khiếp lắm. Ông Chín cầm thanh sắt nung đỏ, đâm ngọt xót từ mép miệng bên này qua bên kia, rồi rút thang sắt ra, nhổ một bãi nước miếng trên tay, thoa vào hai lỗ hổng rỉ máu. Da khép lại, lành lặn như bình thường. Khi

ông nói tiếng Mường, tiếng Mọi ngọng nghịu khó nghe. Được cái tấm lòng ông tốt, hay đốt tào nhang, giấy bạc làm thuốc cứu độ chúng sanh. Những buổi ngồi đồng lớn trong các đền, hay xa xôi như ở điện Hòn Chén, bọn con nít ranh cũng đi coi cho được. Chúng hát chọc ghẹo:

– Ông lên ông nhảy lon xon.

Bà lên bà nhảy văng om nước chè.

Ông và cô Chín Thượng Ngàn lúc đó bận biểu diễn đi mây về gió. Đối với giới “đồng cô bóng cậu” chỉ có ông Hoàng Ba, Hoàng Bảy, cậu Chín Mường mới là mẫu người “lý tưởng” làm mấy bà mê mết. Cho nên, khi thấy một con đàn bà nghèo khổ, điên khùng làm mất danh ông Hoàng Ba, mấy bà “lên đồng” cảm lắm. Coi như một sự xúc phạm nặng nề không thể tha thứ được.

Lúc đầu họ dùng bạo lực ngăn cấm, đe dọa. Họ sùng sộ chửi rủa, xua đuổi O Xưa. O Xưa chẳng chút phản kháng nào. Đánh O té xuống, O nằm xẹp luôn. Kéo O đứng dậy, mắt O vẫn trong cõi xưa nào. Riết đụng vào O Xưa cũng thấy nhẹn

tay, họ đành coi O Xưa như kẻ cùi hủi, khùng dại.

– Con mụ điên nói ba xàm ba láp, ai tin.

O Xưa không cần biết có ai tin hay không. O cũng không còn thiết đến việc ăn uống. Ngày mưa, ngày nắng, vẫn là ngày hẹn hò của O Xưa. Người “chồng ma” của O đâu ở trong mấy đèn ồn ào chiêng trống với giọng châu văn rền rĩ, nên O cũng không bén mảng tới đó để chịu đánh đập mắng chửi. O cứ nhìn lên cây, cười vui, nói chuyện, tâm tình. chờ tới đêm khuya, là lúc O được một mình với chàng Ba.

Lúc đầu O đi đến đâu là bọn con nít theo chân, đông nghịt. Chúng chọc ghẹo, phá phách, nói ba xàm ba láp, tục tĩu, nhưng sau đó, chúng cảm thấy trong dáng đi, nét mặt, nụ cười, cách nói năng của O Xưa có một vẻ huyền bí, ma quái làm chúng sợ. Chúng chỉ lảng lạng theo xa xa, bàn tán với nhau, đôi khi đưa này binh, đưa kia phá, mà cãi vã nhau om sòm. Có đứa làm gan, lân la tới bên O Xưa, lắng nghe O đi “trao gái” với ma. Trên cây đâu có ai mà O Xưa cười nói, giận lẫy, bẽn lẽn coi “dị dạng” quá.

Mấy bà lớn tuổi trẻ môi:

– Ma quỷ chi, ngủ lang chạ cả mấy chục
thằng, chỉ phình một cái bụng. Còn giả điên giả
khùng nữa... Thứ đó, hồi xưa là trói thả xuống
sông cho cá sấu ăn, hồi còn vua thì cho “voi dày
ngựa xéo” chơ mô dễ dàng như thời nay...

Bọn chăn trâu thì quả quyết O Xưa không giả
khùng điên gì hết. Điên thiệt. Chúng nó đã rình
coi nhiều lần. Đêm, O Xưa rời căn chòi rách nát,
đi lên độn, tới căn miếu hoang. O bỏ đồ, nằm co
quắp trong một góc chờ đợi... người yêu. Miệng
lảm nhảm những lời nhớ nhung tình tự. Lúc bên
ngoài nghĩa địa những đốm lửa ma trời chập
chờn trên mồ hoang, giun dế tấu lên điệu nhạc
như quỷ khóc yêu hồn, là lúc mắt O Xưa khờ đi
và môi cười hoang dại, giọng nói cốt nhả như
con nít:

– Anh, em lạnh quá, em chờ lâu bắt chết...

Rồi cũng chỉ mình O lăn lộn, phành bụng,
kêu rên, sung sướng, khoái lạc:

– Chao ui, nhẹ thôi chàng Ba của em. Khéo chàng Ba đụng con của tội mình chứ...

Không biết ai đêm nào cũng thắp ngọn đèn dầu lạc trên bệ thờ để rọi những chiếc bóng đầy hình thù kỳ dị, chờn vờn như sắp tới, cho người đàn bà một cảm giác ôm ấp bằng hơi hướm của một kẻ khuất mặt, hằng đêm yêu thương và ân ái với O.

Không bao lâu, O Xưa mặt mày chao vao, xanh rớt, vô hồn chỉ còn như một cái xác chết biết đi. Ai cho bất cứ gì cũng ăn. Không ai cho gì thì ăn lá cây, đôi khi ăn cả nắm đất. Chân bước nhẹ nhàng như hồng trên mặt đất rồi, O Xưa cứ chậm rãi đi trên lề đường, mắt ngược lên nhìn tàng cây, giọng tha thiết:

– Chàng Ba của em ơi, chàng mau tới với em! Không gặp chàng em nhớ lắm chàng ơi, tội cho em...

Đó là những hôm O Xưa đi dưới những gốc cây, ngược mắt tìm hoài mà không gặp được chàng Ba. O Xưa khóc lóc, van nài, oán trách, đập đầu, vật vã với những gốc cây vô tri giác.

O Xưa để đứa con so ở trong căn miếu hoang trên độn vào một buổi trưa. Thường ngày, bọn chăn trâu hay vô miếu núp nắng và ăn cơm trưa.

Bữa đó, mấy đứa tới thì đã thấy O Xưa ngồi trước chấn ngang. O Xưa không giống O Xưa hàng ngày nữa, mắt đỏ lòm long lên sòng sọc, tóc tai rũ rượi. Hai tay O cầm hai hòn đá sẵn sàng liệng tới phía trước. Bên cạnh chỗ O ngồi là một đồng đá lớn nhỏ sắp sẵn.

– Ê mù điên, mần chi chắn cửa lại rứa. Cho người ta vô. Chỗ ni không phải cửa mù mô.

O Xưa đưa hai tay cầm đá lên, sẵn sàng.

– Ê, mù điên. Không được đòi. Chỗ ni của tui tui lâu rồi. Đi ra, giành chỗ không được mô nghe.

Một hòn đá ném tới. Bọn trẻ chăn trâu lùi xuống.

– Làm thiệt hả. Đòi thiệt hả. Ê, tui bây xông vô...

Một thằng la lên. Nhưng không đứa nào xông tới. O Xưa đứng bật dậy. O không nói tiếng người nữa, ú ớ rồi rú lên như quỷ nhập tràng.

– Coi mụ dễ sợ quá tụi bây nờ... Coi tề, coi chừng mụ đôi đá trúng...

Bọn con nít đang xa dần, nhưng vẫn trở mắt ngó. Mấy cục đá rơi xuống lưng chừng vì sức O Xưa không ném xa. Đồng đá chất xung quanh O Xưa khó ném hết được.

Bọn trẻ chăn trâu đâu có lạ lòng gì mụ điên này. Bình thường, chỉ nạt một tiếng là mụ riu riu đi ra. Bữa nay, mắc chúng gì mụ lên cơn dữ dằn quá...

Coi mãi cái trò này chẳng có gì hấp dẫn. Một lát, bọn trẻ chăn trâu bỏ đi, ra ngoài độn, tìm mấy bóng mát ngồi mở mo cau ăn cơm vắt. Nhưng có mấy đứa tò mò nán lại rình coi cho được chuyện gì. Về sau kể lại:

... O Xưa sau khi hung hăng đuổi được bọn trẻ chăn trâu, ngồi thở dốc một hồi. Mặt O bắt đầu nhăn nhó khó coi, trán rịn đầy mồ hôi. O

khó nhọc lết vào bên trong miếu, cạnh bệ thờ, ôm bụng quằn quại, miệng kêu rên:

– Chàng Ba ơi, em tới giờ sanh, đau bụng quá. Chàng Ba ơi, chàng ở mô rồi...

O Xưa khóc rưng rức như một đứa trẻ. O quằn quại lăn vòng dưới nền đất, kêu ca, rên rĩ y hệt một người đàn bà trong giờ sanh con. Hơn một tiếng đồng hồ khốn khổ như vậy, O rú lên một tiếng như con heo bị thọc huyết, rồi vật ra, bất tỉnh.

Mấy đứa chăn trâu tưởng O Xưa chết rồi, sợ quá, có đứa ba chân bốn cẳng đâm đầu chạy. Chỉ con hai thằng gan lì nhất, núp phía sau miếu chờ coi.

Lâu lắm, O Xưa tỉnh dậy, ngơ ngác trong căn miếu hoang, O Xưa có vẻ không còn đau đớn gì nữa. Một ánh nắng chiếu nháy qua nháy lại như bước chân ai. Một làn gió, một làn hơi. O Xưa hít hít, nhận ra, nụ cười khờ khạo nở trên môi:

– Răng chừ chàng mới tới?

Nét đau đớn, khổ khổ đã biến hết trên khuôn mặt. Cởi chiếc áo ngoài ra, bọc thành một bọc, O Xưa nói, giọng nhót nhả trẻ con:

– Đây, con chàng. Nó là con trai...

O Xưa hát hò ru con, âu yếm đung đưa bọc vải:

– Ngoan ngoan, đừng khóc. Cha mi, la dữ rứa? Cha con nì... Chàng ơi, nhìn con coi nó giống chàng như đúc nì...

Bọn trẻ chăn trâu, lũ con nít quý còn thêm thất kể về ca sinh đẻ đứa con ma của O Xưa bằng sự tưởng tượng thêm thất của chúng cho có vẻ ly kỳ hơn. Bọn đàn bà lúc đầu ngạc nhiên, tò mò, cũng có chút ganh tị nữa. Câu chuyện, mỗi người thêm thất một câu, bớt đi một chữ, càng trở nên huyền bí. Người ta càng ghét O Xưa lại càng sợ O Xưa. Chuyện rồi cũng nhạt dần đi, thường đi, và sự sợ hãi cũng phai dần, người ta đem chuyện O Xưa ra diễu cợt.

O Xưa mặc kệ. Nét mặt của O càng khờ khạo hơn, mắt nhìn, môi cười, càng đi lạc vào cõi xa

xăm, vô hình. Tình yêu với chàng Ba càng thêm thiết... O Xưa có thêm đứa con thứ hai, rồi đứa thứ ba, thứ tư. Cứ kể như năm một, đẻ xong là lại có mang liên tục... Bỗng một đứa con trong bọc vải, dắt theo một bầy con ma không hình bóng, lúc O ru đứa nhỏ, lúc chửi mắng la rầy mấy đứa lớn. Trời nắng, trên trán mồ hôi chảy ròng ròng, O Xưa quệt mồ hôi, than thở với chồng trên cây:

– Anh không coi mấy đứa nhỏ với em, chúng nó hư, phá như ma. Em mệt quá, mệt lắm. Anh phải dạy con...

O Xưa thở dốc. Trông O già đi nhiều, đẻ nhiều con, gầy như que củi khô, xanh xao, vồ vàng. Nhưng không biết sức lực ở đâu mà O Xưa tay bế tay bồng, dẫn đàn con đi lên đi xuống con dốc Nam Giao, hẹn hò, nói chuyện với “chàng Ba” không biết mệt.

o O o

Nhiều năm cũng đã qua với tôi, với nhiều người Huế sống trên con dốc Nam Giao. Bỏ Huế.

Tứ tán. Mất nước. Lưu lạc xứ người. Người Huế, nhớ Huế. Nhớ nhau. Và những người cùng một thời ở Nam Giao, chắc cũng có lúc nhớ O Xưa!

Với tôi, O Xưa là một hình ảnh khó quên trong tuổi mới lớn. O Xưa còn nhắc nhở tôi một giai đoạn lịch sử kinh hoàng. Đó là những năm trước, thời kháng chiến mùa Thu của Việt Minh. Nhiều buổi sáng, mấy đứa trong xóm rủ nhau đi học ra khỏi con hẻm đầu dốc, chúng tôi gặp nhiều xác chết. Có xác bị mất tứ chi, có xác bị cắt đầu, hoặc cái đầu máu me đặt trong chiếc nón rách ghim một bản án của Việt Minh. Không theo Việt Minh là Việt gian, giết đến bao giờ cho hết. Như người bạn nhỏ của tôi, một buổi sáng dậy, xách cặp đi học, thấy cha bị giết, xác và bản án đặt trước ngõ nhà...

Con nít không dám ra đường sáng sớm, những lúc xác người chưa được dọn đi. Nhưng O Xưa ra đường sớm lắm. Vẫn bê bọc vải trên tay, O đi đến bên xác chết. Có người chết nào, hay đầu lâu nào chưa chịu nhắm mắt, O Xưa vuốt mắt cho họ và thủ thi:

– Đừng buồn. Đừng sợ. Để tui nhờ chàng Ba chỉ đường tránh cửa ngục...

Rồi O Xưa ngược mặt lên, kêu chàng Ba, xin nhờ chàng Ba giúp đỡ. Bà con xanh mặt, nửa tin nửa ngờ, nhưng trước cảnh kinh hoàng, ai cũng cúi đầu trân trọng im lặng...

Câu chuyện đã vùi sâu trong ký ức. Mới đây, khi gặp một số bạn cũ trước cùng ở Nam Giao, cùng ngồi nhắc lại chuyện cũ. Tôi hỏi các anh còn nhớ Huế, nhớ xóm Nam Giao, nhớ O Xưa không?

– Mụ Xưa há. Nhớ chớ rằng không nhớ!

– Tôi bỏ Huế rất sớm, không biết O Xưa sau này ra sao? Sống? Chết?

– Nghe nói sau 75, có người còn gặp mụ Xưa...

– Ở mô?

– Nghe nói vẫn ôm cái bọc đi lên đi xuống dốc Nam Giao. Bộ dạng gia đình đề huề lắm. Mụ đã có cháu nội cháu ngoại...

Tôi ngẩn người. O Xưa. Huế đã qua biến cố Mậu Thân, thành phố đầy xác chết, đầy khăn tang. Qua cuộc đổi đời 75 máu nhuộm biển đông, O Xưa vẫn còn và không biết O đã có thêm bao nhiêu con, bao nhiêu cháu với ma nữa! Nhưng vẫn chỉ là nghe nói. Có ai nhìn thấy không? Tôi im lặng, ngẫm nghĩ một mình. Câu chuyện đã cũ, cũng như O Xưa, xưa rồi. Thời buổi này, kể ra không còn ai có thể tin. Nhưng tôi biết, những người đã sống thời đó, thì câu chuyện O Xưa, tin hay không tin, hình ảnh O Xưa, chắc chắn vẫn còn vằng vặc trong trí nhớ.

Tôi viết truyện này để tặng bạn bè cũ, đã có cùng một thời thơ ấu ở xóm Chùa, cùng trên “*con đường Nam Giao thẳng mà không bằng*”, như lời nhà thơ Xuân Diệu đã viết.

